

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KIỀU ANH VŨ

DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KIỀU ANH VŨ

**DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

Mã số: 9.31.01.02

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN MINH QUANG**

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo đúng quy định.

Nghiên cứu sinh



Kiều Anh Vũ

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ	7
1.1. Các công trình nghiên cứu về phát triển nông nghiệp ở thành phố	7
1.2. Các công trình nghiên cứu về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố.....	15
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu của luận án.....	33
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ	38
2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố.....	38
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố.....	56
2.3. Kinh nghiệm quốc tế và trong nước về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp thành phố	70
Chương 3. THỰC TRẠNG DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	86
3.1. Khái quát tình hình phát triển nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2023	86
3.2. Thực trạng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 - 2023	92
3.3. Đánh giá chung về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh	115
Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	126
4.1. Bối cảnh ảnh hưởng và quan điểm thúc đẩy dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030	126
4.2. Một số giải pháp thúc đẩy dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.....	138
KẾT LUẬN	157
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ	159
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	160

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

*

CNH:	Công nghiệp hóa
DVNN:	Dịch vụ nông nghiệp
GAP:	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt
GAHP:	Thực hành sản xuất chăn nuôi tốt
HĐH:	Hiện đại hóa
HTX:	Hợp tác xã
KHCN:	Khoa học – công nghệ
MTV:	Một thành viên
NN&PTNT:	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
OCOP:	Mỗi xã một sản phẩm
PTNN:	Phát triển nông nghiệp
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TPHCM:	Thành phố Hồ Chí Minh
UBND:	Ủy ban Nhân dân
UNESCO:	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc
VietGAP:	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam
VietGAHP:	Thực hành sản xuất chăn nuôi tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Số lượng các cơ sở cung ứng giống chất lượng cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	95
Bảng 3.2. Số lượng sản xuất, xuất khẩu và giá trị xuất khẩu cá kiểng của Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm	96
Bảng 3.3. Doanh nghiệp tham gia ươm tạo tại Khu Nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm.....	99
Bảng 3.4. Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến lương thực; sản xuất đồ uống và sản phẩm thuốc lá tại Thành phố Hồ Chí Minh	101
Bảng 3.5. Một số hội chợ, triển lãm tiêu biểu về nông nghiệp được Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức	104
Bảng 3.6. Một số mặt hàng nông sản xuất khẩu qua các cảng tại	105
Bảng 3.7. Tổng số đơn vị được hỗ trợ xây dựng xây dựng thương hiệu	106
Bảng 3.8. Số lượt khách và tổng thu từ du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.....	109
Bảng 3.9. Mức độ hài lòng về các loại hình dịch vụ cho PTNN	110
Bảng 3.10. Mức độ đồng ý các nhận định về các loại hình dịch vụ cho PTNN ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	111
Bảng 3.11. Mức độ hiệu quả sau khi sử dụng các loại dịch vụ cho PTNN	112
Bảng 3.12. Tăng trưởng ngành nông nghiệp và kinh tế.....	120
Bảng 3.13. Giá trị trung bình về mức độ hài lòng và hiệu quả của các loại hình dịch vụ cho PTNN ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	121

DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 3.1. Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.....	89
Hình 3.2. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh..	90
Hình 3.3. Số lượng chợ, siêu thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.....	103

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp đang ngày càng được nhiều thành phố lớn ở Việt Nam quan tâm, tạo điều kiện cho phát triển. Với lợi thế là sản xuất ngay trong nội thành và khu vực ngoại ô, nông nghiệp ở thành phố có thể sản xuất, chế biến và cung ứng một lượng lớn thực phẩm tươi sống, các loại hoa, sinh vật cảnh và một phần lương thực phục vụ cho cư dân thành phố. Nông nghiệp ở thành phố diễn ra trong điều kiện hạn chế về diện tích, nên thường gắn với kỹ thuật, công nghệ cho năng suất cao, phương pháp canh tác hữu cơ, do đó mang lại nhiều lợi ích cho các đô thị hiện đại ngày nay. Cùng với sự phát triển của nông nghiệp ở thành phố là sự xuất hiện của các lĩnh vực dịch vụ cho phát triển nông nghiệp (PTNN). Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp ở các thành phố trên thế giới cho thấy, nếu được tạo điều kiện thuận lợi từ phía chính quyền, được cung cấp đầy đủ các dịch vụ từ khâu khởi nghiệp, sản xuất đến khâu chế biến, bảo quản, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và bán hàng, thì nông nghiệp ở thành phố sẽ phát triển rất mạnh, có vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của đô thị, đặc biệt là các thành phố lớn, có dân số đông. Như vậy, đối với ngành dịch vụ nông nghiệp (DVNN), không chỉ cần tổ chức thật tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh của chính ngành đó, mà quan trọng hơn, cần có sự gắn kết để góp phần nâng cao hiệu quả, phát triển bền vững nền nông nghiệp ở thành phố theo hướng hiện đại. Đây là vấn đề cần thiết được nghiên cứu về mặt lý luận, để xác định nội hàm khái niệm dịch vụ cho PTNN ở thành phố, đặc điểm, vai trò và nhân tố ảnh hưởng. Trên cơ sở đó, đưa ra những phương thức, những mô hình thúc đẩy dịch vụ phục vụ cho PTNN ở thành phố mà thực tiễn đang đặt ra đối với nhiều quốc gia trên thế giới.

Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) là nơi quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ. Là trung tâm kinh tế lớn và năng động nhất Việt Nam, với hơn 10 triệu người sinh sống, làm việc và học tập tại đây. Thành phố có nhu cầu rất lớn về lương thực, thực phẩm tươi sống hàng ngày, cũng như nhu cầu về hoa, sinh vật cảnh cho các sự kiện hay để trang trí nhà cửa, công sở, những nơi công cộng. Chính vì vậy, chủ

trương hình thành và phát triển một nền nông nghiệp đô thị hiện đại, và đặc biệt là thúc đẩy các loại hình dịch vụ cho PTNN gắn với ứng dụng công nghệ cao đã được Đảng bộ và chính quyền Thành phố đặt ra từ nhiều năm nay. Tại Đại hội lần thứ X năm 2015, Đảng bộ TPHCM xác định: “Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học” [32, tr.126]. Trong định hướng sản xuất nông nghiệp, TPHCM xác định: Thành phố “là trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao, an toàn của khu vực, bảo vệ môi trường và đáp ứng tốt hơn nhu cầu về rau sạch, hoa tươi, cá kiểng, sữa của thị trường và gắn với phát triển du lịch mang đặc trưng Thành phố” [32, tr.127].

Để phát triển nền nông nghiệp đô thị hiện đại, Thành phố cũng xác định cần bổ sung nhiều chính sách, xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp đồng bộ, đồng thời xây dựng các chuỗi liên kết và chuỗi cung ứng trong nông nghiệp. Với chủ trương đúng, ngành nông nghiệp Thành phố đang từng bước phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, có năng suất lao động cao, giá trị sản xuất bình quân trên 01ha lớn (năm 2020 đạt 583 triệu đồng/1ha/năm), tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4,72%/năm [33, tr.97]. Đã hình thành Khu Nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Củ Chi, Trung tâm Công nghệ sinh học tại Quận 12 và Trại Trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao tại huyện Bình Chánh, hoạt động bước đầu có hiệu quả. Việc thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM không chỉ có ý nghĩa đối với ngành nông nghiệp Thành phố, mà còn tạo điều kiện PTNN của cả vùng Nam bộ theo hướng hiện đại, bền vững.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu bước đầu, song PTNN tại TPHCM vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là các dịch vụ cho PTNN chưa thực sự phát triển mạnh, chưa hỗ trợ tốt nhất cho các chủ thể sản xuất, kinh doanh. Dịch vụ về giống vật nuôi, cây trồng chất lượng cao phát triển chưa như mong đợi, nhiều loại giống còn phải nhập ngoại. Dịch vụ tư vấn, thiết kế, lắp đặt về kỹ thuật, công nghệ cho sản xuất nông nghiệp ở thành phố chưa nhiều, giá thành còn cao. Việc hỗ trợ kết nối hình thành chuỗi liên kết sản xuất - phân phối còn gặp nhiều khó khăn, nhiều sản

phẩm khó tìm được chỗ đứng trong hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại. Nhiều đơn vị sản xuất cũng rất khó khăn trong việc xây dựng và quảng bá thương hiệu, sản phẩm an toàn. Các hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp làm dịch vụ cho PTNN đô thị còn hạn chế. Chưa gắn kết mạnh mẽ các hoạt động du lịch với thúc đẩy sản xuất và quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Do vậy, việc xây dựng hệ thống dịch vụ đồng bộ, thông suốt và có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu PTNN ở TPHCM, theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, vừa góp phần cung cấp nông phẩm cho Thành phố, vừa góp phần tạo không gian xanh, cải thiện môi trường sống cho cư dân đô thị, là vấn đề cấp thiết cần được nghiên cứu. Với ý nghĩa đó, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài “***Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh***” để làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là xây dựng khung lý thuyết về dịch vụ cho PTNN ở thành phố, trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng và xây dựng một số quan điểm, giải pháp khả thi, nhằm thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM. Qua đó góp phần PTNN ở TPHCM theo hướng nông nghiệp đô thị, hiện đại và bền vững.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, đề tài cần thực hiện các nhiệm vụ:

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ cho PTNN ở một thành phố.

Thứ hai, phân tích thực trạng việc cung cấp dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân.

Thứ ba, đề xuất các quan điểm và giải pháp cụ thể góp phần giải quyết những khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy hình thành đồng bộ các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung nghiên cứu:

Luận án tập trung vào nghiên cứu các loại dịch vụ đang có tác động trực tiếp tới định hướng PTNN của TPHCM như: khuyến nông; cung ứng giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao; khoa học - công nghệ (KH-CN); ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; chế biến, bảo quản sau thu hoạch; quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm; xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền; du lịch nông nghiệp. Để thuận lợi trong việc mô tả các loại hình dịch vụ cho PTNN ở thành phố khi phân tích, đánh giá, luận án phân chia các dịch vụ kể trên vào hai nhóm, đó là dịch vụ đầu vào và đầu ra. Những dịch vụ phục vụ cho các hoạt động sản xuất (trước và trong quá trình sản xuất) được xếp vào nhóm dịch vụ đầu vào, như: khuyến nông; giống vật nuôi, cây trồng; KH-CN; ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp. Những dịch vụ phục vụ cho các hoạt động lưu thông (gồm cả hoạt động tiếp tục sản xuất trong quá trình lưu thông) được xếp vào nhóm dịch vụ đầu ra, như: chế biến, bảo quản sau thu hoạch; quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm; xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền; du lịch nông nghiệp.

- Phạm vi về không gian: nghiên cứu của luận án được thực hiện tập trung trên địa bàn TPHCM.

- Phạm vi về thời gian: số liệu nghiên cứu trong luận án cơ bản được thu thập từ các tài liệu chính thức của TPHCM trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023. Các giải pháp được đề xuất thực hiện đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về các khâu của quá trình tái sản xuất; quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với việc hình thành đồng bộ các dịch vụ nhằm khuyến khích PTNN hiện đại.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án dựa trên kinh nghiệm của thành phố Thượng Hải (Trung Quốc) và Băng-cốc (Thái Lan) về xây dựng và thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN, và của hai thành phố lớn trong nước là Hà Nội và Cần Thơ, đặc biệt là thực trạng dịch vụ cho PTNN tại TPHCM.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin (duy vật biện chứng và duy vật lịch sử).

Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Luận án sử dụng phương pháp trừu tượng hoá khoa học, phương pháp logic kết hợp với lịch sử (phương pháp nghiên cứu đặc trưng của Kinh tế chính trị); ngoài ra luận án cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác như: thống kê, điều tra xã hội học, tổng kết thực tiễn, phân tích, so sánh. Đồng thời, luận án trình bày kết quả khảo sát thực tiễn thông qua một số biểu đồ, bảng số liệu để minh họa nhằm giải quyết sáng tỏ các vấn đề đặt ra trong nghiên cứu.

Nguồn dữ liệu được thu thập và tổng hợp từ: các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh; các sách, luận án, tạp chí khoa học, công trình khoa học công bố tại các hội thảo, báo in, báo mạng; các chương trình, đề án, chính sách, kế hoạch của Ủy ban nhân dân (UBND) TPHCM; các báo cáo tổng kết hoạt động của các sở, ban, ngành; các số liệu thống kê của Cục Thống kê TPHCM. Để làm rõ thêm về thực trạng các loại dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, luận án đã xây dựng phiếu khảo sát dành cho đối tượng (khách thể nghiên cứu) là hộ sản xuất nông nghiệp, trang trại, HTX, doanh nghiệp nông nghiệp. Số liệu thu được từ bảng hỏi sẽ được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) [xem thêm Phụ lục 2. Phương pháp chọn mẫu và xử lý số liệu khảo sát].

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng linh hoạt phù hợp với nhiệm vụ cụ thể ở các chương của luận án như sau:

- Chương 1: các phương pháp cơ bản được sử dụng như: trừu tượng hóa khoa học, logic kết hợp với lịch sử, phân tích, so sánh, qua đó nhằm tổng hợp, đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả trong nước và thế giới, đã tổng kết lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn về dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

- Chương 2: trong chương này, tác giả sử dụng các phương pháp như: logic kết hợp với lịch sử, tổng hợp, phân tích, hệ thống hóa và kết hợp với kết quả nghiên cứu tổng quan từ Chương 1 để xây dựng khung lý luận về dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Đồng thời, sử dụng phương pháp trình bày theo quy nạp rồi diễn dịch để

làm rõ nội dung nghiên cứu.

- Chương 3: luận án tiếp tục sử dụng các phương pháp như tổng hợp, thống kê, so sánh và phân tích, kết hợp với điều tra bằng bảng hỏi để làm rõ thực trạng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM. Đối tượng điều tra gồm hộ nông dân, trang trại, HTX, doanh nghiệp thụ hưởng dịch vụ cho PTNN [*phương pháp chọn mẫu và xử lý số liệu xem phụ lục*]. Qua đó, chỉ rõ những mặt đạt được, những hạn chế của dịch vụ đầu vào cũng như đầu ra cho PTNN tại TPHCM; làm rõ nguyên nhân của những hạn chế, làm cơ sở cho việc thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN Thành phố.

- Chương 4: tác giả tiếp tục sử dụng các phương pháp như phân tích, tổng hợp và dự báo về xu hướng của nông nghiệp ở thành phố cũng như xu hướng của dịch vụ cho PTNN ở một đô thị hiện đại, trong điều kiện KHCN phát triển vô cùng mạnh mẽ. Từ đó, đề xuất quan điểm và phân tích các giải pháp để thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, góp phần hình thành nền nông nghiệp đô thị, hiện đại, bền vững.

5. Những đóng góp mới của đề tài

- *Thứ nhất*, trên cơ sở hệ thống hóa những cách tiếp cận khác nhau, dưới góc độ kinh tế chính trị, luận án đã xây dựng khung lý luận về dịch vụ cho PTNN ở thành phố trong bối cảnh mới, với những nội dung cơ bản như: khái niệm nông nghiệp ở thành phố, dịch vụ cho PTNN ở thành phố; đặc điểm, vai trò, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng tới dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

- *Thứ hai*, tổng kết, so sánh, phân tích, đánh giá thực trạng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM giai đoạn 2018 - 2023, qua đó làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn và chỉ rõ nguyên nhân.

- *Thứ ba*, xuất phát từ thực trạng và bối cảnh tác động, luận án đề xuất những quan điểm, giải pháp để thúc đẩy các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững.

6. Kết cấu của luận án

Nội dung chính của luận án được kết cấu thành 04 chương với 11 tiết, ngoài ra còn có phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

*

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

1.1.1. Các công trình nghiên cứu ngoài nước về phát triển nông nghiệp ở thành phố

Leonie J. Pearson, Linda Pearson and Craig J. Pearson (2010): “*Sustainable urban agriculture: stocktake and opportunities*” (Nông nghiệp đô thị bền vững: tích trữ và những cơ hội) [132].

Nghiên cứu của các tác giả đã đánh giá nông nghiệp đô thị bền vững ở cả tiêu chí về kinh tế, xã hội và môi trường. Với ba yếu tố của nông nghiệp đô thị: nông nghiệp đô thị biệt lập; giao diện của nó với mọi người và môi trường mà nó nằm trong đó; và đóng góp của nó vào việc thiết kế xây dựng thành phố. Từ đó nghiên cứu cho rằng những nghiên cứu trong tương lai cần hướng tới thực hiện các nhiệm vụ: (1) Xác định một cách chiến lược nội ngành nông nghiệp đô thị bền vững giúp các nhà hoạch định chính sách thiết kế các thành phố có khả năng chống chịu (ví dụ như sử dụng các khu vực dễ bị ngập lụt để sản xuất lương thực và tạo việc làm); (2) Vận hành thử nghiệm các cơ chế thể chế đổi mới (ví dụ thuế đất hỗ trợ nông nghiệp đô thị bền vững); (3) Các khoản chi trả cho các dịch vụ môi trường do nông nghiệp đô thị cung cấp, chẳng hạn như hấp thụ cacbon.

Orsini, F. and partners (2013), “*Urban agriculture in the developing world: a review*” (Nông nghiệp đô thị ở các nước đang phát triển) [138].

Trong nghiên cứu này đã chỉ ra, năm 2007 lần đầu tiên cư dân đô thị đã chiếm hơn nửa dân số thế giới. Ở nhiều nước đang phát triển, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, đi cùng với tình trạng nghèo đói, ô nhiễm môi trường và tình trạng an ninh lương thực không được đảm bảo. Các tác giả cho rằng, nông nghiệp đô thị chính là cơ hội để cải thiện nguồn cung cấp lương thực, điều kiện sức khỏe, kinh tế địa phương, hội nhập xã hội và tính bền vững môi trường. Nông nghiệp đô thị ngày

càng phát triển trên khắp thế giới với sự đa dạng của các hệ thống canh tác, có tới 25 - 30% cư dân đô thị tham gia vào lĩnh vực nông sản trên toàn thế giới. Nghiên cứu cũng chỉ ra, nông nghiệp đô thị mang lại nhiều lợi ích như: cung cấp cho thị trường thành phố những mặt hàng nông sản tươi sống; hỗ trợ cải thiện đời sống cho người nghèo ở thành thị vì 85% thu nhập của họ để mua thực phẩm; nông nghiệp đô thị cũng góp phần giảm bất bình đẳng giới, vì theo các tác giả 65% nông dân thành thị là phụ nữ; mang lại lợi ích về mặt sinh thái bằng cách giảm thiểu chất thải thành phố, cải thiện đa dạng sinh học đô thị và chất lượng không khí, giảm thiểu tác động môi trường do giảm việc vận chuyển và lưu trữ thực phẩm.

Fred T. Davies and Banning Garrett (2018), “*Technology for Sustainable Urban Food Ecosystems in the Developing World: Strengthening the Nexus of Food-Water-Energy-Nutrition*” (Công nghệ cho hệ sinh thái thực phẩm đô thị bền vững ở các nước đang phát triển: Tăng cường mối quan hệ giữa thực phẩm, nước, năng lượng và dinh dưỡng) [123].

Nghiên cứu cho rằng, tốc độ đô thị hóa trên thế giới đang diễn ra rất nhanh, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Do đó, tích hợp công nghệ thông minh có thể giúp tạo ra các Hệ sinh thái thực phẩm đô thị bền vững (UFES) cho dân số đô thị đang gia tăng nhanh chóng ở các nước đang phát triển. Các tác giả đã tổng hợp từ các nghiên cứu trên thế giới để chỉ ra 12 nền tảng công nghệ sáng tạo, thúc đẩy các Hệ sinh thái thực phẩm đô thị ở các nước đang phát triển, như: (1) các nền tảng công nghệ kỹ thuật số kết nối, cung cấp thông tin; (2) dịch vụ uberized (uberized service cung cấp dịch vụ nền tảng cho các doanh nghiệp nhỏ/thay đổi thị trường nhờ sử dụng công nghệ di động); (3) nông nghiệp chính xác (GPS, IoT, AI); (4) nông nghiệp môi trường được kiểm soát; (5) công nghệ chuỗi khối (Blockchain) để tăng tính minh bạch và an toàn thực phẩm; (6) công nghệ năng lượng mặt trời và năng lượng gió; (7) công nghệ lai tạo giống năng suất, chất lượng cao; (8) di truyền học nâng cao, bao gồm chỉnh sửa gen, sinh học tổng hợp và sinh học đám mây; (9) công nghệ sinh học, bao gồm chỉnh sửa hệ vi sinh vật, sinh học đất; (10) công nghệ nano và vật liệu tiên tiến; (11) Sản xuất phụ gia/in 3-D; (12) tích hợp công nghệ mới để mở rộng quy mô các công nghệ hiện có, chưa được sử dụng.

O’Sullivan, C. A and partners (2019), “*Strategies to improve the productivity, product diversity and profitability of urban agriculture*” (Các chiến lược nâng cao năng suất, đa dạng sản phẩm và lợi nhuận của nông nghiệp đô thị) [139].

Nghiên cứu của tác giả O’Sullivan và các cộng sự chỉ ra rằng, nông nghiệp đô thị hiện đang được nhiều thành phố giàu có quan tâm và phát triển với công nghệ và kiến trúc nông nghiệp mới, hướng tới việc cung cấp lương thực, thực phẩm với quy mô thương mại. Các tác giả dẫn theo số liệu của FAO cho thấy trên thế giới hiện có hơn 800 triệu người tham gia vào nông nghiệp đô thị, sản xuất hơn 15% lương thực trên thế giới. Nông nghiệp đô thị có thể giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, các trang trại ‘chống chọi với khí hậu’, giúp giải quyết vấn đề an ninh lương thực cho dân số đô thị ngày càng tăng và cung cấp thực phẩm không hóa chất, không có nguy cơ sâu bệnh. Các trang trại đô thị được phát triển để tận dụng năng lượng, nước và chất dinh dưỡng từ chất thải đô thị nhưng cần có những đổi mới để sử dụng các nguồn tài nguyên này một cách an toàn và tiết kiệm. Các tác giả cũng cho rằng, nông nghiệp đô thị cũng có cơ hội để cải thiện năng suất và chất lượng cây trồng bằng cách kết hợp những tiến bộ trong kiểm soát môi trường (ít chịu tác động bởi những thay đổi thời tiết, khí hậu), hiện tượng học và tự động hóa với những nỗ lực lai tạo để thích nghi với các đặc điểm về kiến trúc, và nâng cao chất lượng (hương vị và dinh dưỡng) cho phép nhiều loại cây trồng đa dạng hơn được trồng trong môi trường được kiểm soát tại các trang trại đô thị. Theo tác giả Cathryn O’Sullivan, các thành phố nên bắt đầu suy nghĩ về cách các trang trại này có thể phù hợp với quy hoạch đô thị của họ và hiểu những ưu và nhược điểm. Họ cũng nên làm việc với các nhà nghiên cứu để hiểu hệ thống nào sẽ hoạt động tốt nhất trong môi trường của họ.

Sriram Natrajan (2021): “*Urban Agriculture, Food Security and Sustainable Urban Food Systems in China*” (Nông nghiệp đô thị, an ninh lương thực và hệ thống lương thực đô thị bền vững ở Trung Quốc) [136].

Nghiên cứu của tác giả Sriram Natrajan tìm hiểu về sự tái xuất hiện (theo tác giả) của nông nghiệp đô thị tại các thành phố lớn của Trung Quốc. Tác giả cho rằng trước những năm 1990 các thành phố lớn của Trung Quốc có khả năng đáp ứng khá

tốt nhu cầu về lương thực, thực phẩm, tuy nhiên, sau đó với quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, sự bùng nổ dân số cùng với đó là diện tích sản xuất nông nghiệp giảm đáng kể, đã khiến cho nhu cầu lương thực, thực phẩm chủ yếu phải nhập về từ nơi khác. Trong khoảng mười năm trở lại đây, nghiên cứu chỉ ra rằng với sự tiến bộ của KHCN trong canh tác, nông nghiệp đô thị đã trở thành một ưu tiên trong nông nghiệp và chính sách lương thực của Trung Quốc. Tác giả đã trình bày sự phát triển của nông nghiệp ở các thành phố lớn của Trung Quốc như Bắc Kinh, Nam Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán. Với những công viên nông nghiệp đô thị hiện đại (Modern Urban Agricultural Park) ở Bắc Kinh hay Thượng Hải. Những hộ gia đình ở Nam Kinh, Vũ Hán tận dụng những diện tích chật hẹp của đô thị để canh tác như ban công, mái nhà, vỉa hè, đất dưới cầu và đường dây điện,... Mục đích của nông nghiệp đô thị theo nghiên cứu của Sriram Natrajan là để cung cấp thực phẩm tươi và an toàn, tạo ra môi trường sống trong lành, hay cũng có thể phục vụ du lịch nông nghiệp và giáo dục học sinh trong các trường học ở thành phố. Kết luận của nghiên cứu, tác giả cho rằng nông nghiệp đô thị và ven đô đang là một ngành quan trọng và phát triển ở Trung Quốc. Và trong số các các hình thức nông nghiệp đô thị, thì nông nghiệp vùng ven đô và nông nghiệp công nghệ cao là trọng tâm trong chính sách phát triển của chính phủ Trung Quốc, do có tiềm năng lớn hơn về quy mô, năng suất và giá trị gia tăng.

Fa Likitswat (2021), “*Urban Farming: Opportunities and Challenges of Developing Greenhouse Business in Băng-cốc Metropolitan Region*” (Nông nghiệp đô thị: Cơ hội và thách thức cho phát triển kinh doanh nhà kính ở vùng đô thị Băng-cốc) [122].

Tác giả đã tập trung phân tích những cơ hội và thách thức trong PTNN đô thị ở Băng-cốc - Thái Lan, đặc biệt là mô hình trang trại nông nghiệp nhà kính. Nghiên cứu đã phân tích về vị trí nông nghiệp trong nhà kính ở đô thị, vận hành, thiết kế nhà kính và phân tích tiếp thị sản phẩm nông nghiệp. Trên cơ sở khảo sát 54 trang trại nhà kính thuộc vùng đô thị Băng-cốc, tác giả khẳng định, vị trí của các trang trại không còn là hạn chế của nông nghiệp đô thị, vì những chủ trang trại nhà kính có thể sử dụng phương tiện truyền thông xã hội để quảng bá trang trại và sản phẩm của

họ. Nghiên cứu này có thể được sử dụng làm cơ sở dữ liệu cho các nhà nghiên cứu, nông dân thành thị và người dân địa phương muốn đầu tư vào kinh doanh nông nghiệp đô thị nhà kính.

Yiming Shao and partners (2022), “*The potential of urban family vertical farming: A pilot study of Shanghai*” (Tiềm năng của nông trại gia đình thẳng đứng ở đô thị: Một nghiên cứu thí điểm tại Thượng Hải) [144].

Công trình nghiên cứu đánh giá tính khả thi về kinh tế của nông trại gia đình thẳng đứng ở một khu dân cư mới xây dựng tại Thượng Hải - Trung Quốc. Kết quả nghiên cứu chứng minh, nông trại gia đình thẳng đứng góp phần vào việc tăng khả năng tự cung cấp rau xanh lên tới 20,68% và trái cây là 2,54%. Các tác giả cho rằng, nông trại gia đình thẳng đứng ở đô thị có thể rất quan trọng để tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống thực phẩm địa phương. Bên cạnh đó, lợi nhuận đầu tư của nông trại gia đình thẳng đứng ở đô thị có thể lên tới 30%. Mô hình kinh tế - kỹ thuật được đề xuất có thể hỗ trợ để dự đoán tốt hơn nông trại thẳng đứng quy mô nhỏ ở thành phố, cung cấp cơ sở để ra quyết định về PTNN đô thị bền vững.

Nông trại gia đình thẳng đứng ở đô thị có thể mang lại sản lượng rau và trái cây đáng kể. Bằng cách sắp xếp một cấu trúc canh tác thẳng đứng đơn giản ở ban công và cửa sổ hướng Nam dựa vào ánh sáng tự nhiên, năng suất rau quả hàng năm có thể đạt 112,6 kg-147,4 kg. Cùng với đó, việc lựa chọn cây trồng đóng một vai trò quan trọng đối với lợi ích kinh tế. Nông trại gia đình thẳng đứng được khuyến khích để trồng các loại rau ăn lá với lượng tiêu thụ lớn trên đầu người hoặc giá trị thị trường cao, chẳng hạn như rau diếp bơ hoặc dâu tây, để đạt được tối ưu hóa lợi ích kinh tế.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước về phát triển nông nghiệp ở thành phố

Vũ Minh Nhật (2011), “*Havana - cảm hứng về một nền nông nghiệp đô thị đích thực*” [61]. Tác giả giới thiệu những thành công trong PTNN đô thị ở Havana (Cuba), từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX do mất nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm từ Liên Xô. Từ những khó khăn đó, Bộ Nông nghiệp Cuba và chính quyền thành phố Havana đã thành lập Sở Nông nghiệp đô thị. Sở này tiến hành giao

đất không thu phí cho cư dân muốn trồng trọt trong thành phố, tuy nhiên đất sẽ bị thu hồi nếu sử dụng không hiệu quả. Ngoài ra Sở còn có chức năng khuyến nông: cung cấp và phổ biến kiến thức nông nghiệp, lập các trung tâm hướng dẫn, các câu lạc bộ nông nghiệp và cung cấp cây giống. Có tới 12 trung tâm phân phối giống và thiết bị sản xuất nông nghiệp được lập ra ở Havana: cung cấp giống cây trồng, phân bón, nông cụ... Tổng kết các nghiên cứu về nông nghiệp đô thị ở Havana, bài viết cho rằng: giới học giả cũng đã rút ra những nhận định chung về sự thành công của Havana. Trong đó cơ sở hạ tầng và chính sách hỗ trợ là hết sức thiết yếu cho sự thành công của hệ thống sản xuất lương thực đô thị. Việc phổ biến kiến thức cũng đóng vai trò then chốt cho sự PTNN đô thị ở đây. Sau cùng, việc trao cho người dân vai trò kiểm soát chuỗi cung lương thực có thể thay đổi sâu sắc cộng đồng theo hướng tích cực, nâng cao chất lượng cuộc sống một cách rõ nét.

Nghiên cứu của tác giả Phương Lan về “*Nông nghiệp trong đô thị*” đăng trên Tạp chí Thông tin Khoa học công nghệ, số 3 năm 2016 [50]. Tác giả đã cho rằng, nông nghiệp trong đô thị là xu hướng tất yếu trong quá trình đô thị hóa trên thế giới. Với những vai trò to lớn, như cung cấp lương thực, thực phẩm cho người dân thành thị, tạo mảng xanh, cảnh quan đô thị và đồng thời cũng tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, nông nghiệp trong đô thị đang được nhiều thành phố trên thế giới quan tâm phát triển. Về công nghệ cho PTNN ở đô thị, tác giả chỉ ra một số công nghệ tiêu biểu như thủy canh (hydroponic), trồng theo tầng (vertical farming) hoặc kết hợp thủy canh và nuôi thủy sản (aquaponic). Tác giả khẳng định, nông nghiệp đô thị đang có những đóng góp không nhỏ cho nhu cầu lương thực, thực phẩm tại các thành phố lớn trên thế giới hiện nay, ở Việt Nam, nông nghiệp đô thị cũng đang được quan tâm phát triển. Nghiên cứu lấy dẫn chứng tại TPHCM, với nhiều trung tâm nông nghiệp công nghệ cao được hình thành cũng như những mô hình nông nghiệp trong các trường học.

Hoàng Thị Ngọc Ánh (2016), “*Bàn về hiệu quả kinh tế phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng bền vững*” [4]. Trong nghiên cứu này, tác giả đã dẫn một số thông tin cho thấy, nông nghiệp đô thị đang cung cấp một nguồn thực phẩm tươi sống khá lớn cho các đô thị hiện đại trên thế giới như ở Mátxcova, Béclin, Bắc

Kinh, Thượng Hải. Từ đó, bài viết phân tích làm rõ hiệu quả kinh tế của PTNN đô thị theo hướng bền vững, như: góp phần cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm tươi sống, tại chỗ cho các đô thị; tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho một bộ phận người dân sống ở thành phố; bên cạnh những lợi ích kinh tế, xã hội, nông nghiệp đô thị góp phần giảm ô nhiễm môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững. Liên hệ Việt Nam, tác giả đã lấy những thành quả trong PTNN đô thị tại TPHCM làm dẫn chứng. Đặc biệt là “Chương trình phát triển hoa, cây cảnh, chim, cá cảnh” ở thành phố mang tên Bác đã cho hiệu quả kinh tế rất cao. Từ đó tác giả cho rằng, nông nghiệp đô thị sẽ là giải pháp và là hướng đi chiến lược cho sự phát triển nhanh, bền vững của các đô thị Việt Nam trong tiến trình đô thị hóa hiện nay.

Nghiên cứu của tác giả Phan Tuấn Anh (2018) về “*Vai trò và một số mô hình phát triển nông nghiệp đô thị trên thế giới*” [2]. Tác giả đã trình bày một số quan niệm khác nhau về nông nghiệp đô thị, và đã chỉ ra một số vai trò nói chung của nông nghiệp đô thị như: cung cấp nguồn thực phẩm tươi sống, tại chỗ cho các đô thị; giải quyết vấn đề việc làm và nâng cao thu nhập cho bộ phận người lao động ở thành phố, đặc biệt là lao động phổ thông; góp phần tạo mỹ quan đô thị theo hướng xanh, sạch, đẹp và cải thiện sức khỏe cộng đồng. Nghiên cứu cũng trình bày một số mô hình nông nghiệp đô thị trên thế giới như tại Cuba, Đài Loan, Trung Quốc rồi đưa ra các bài học cho PTNN đô thị tại TPHCM. Đó là: chính quyền cần coi trọng PTNN đô thị; cần thành lập các hiệp hội để nông dân liên kết với nhau trong sản xuất và khuyến khích sự tham gia đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, phát triển các mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp; lựa chọn những sản phẩm nông nghiệp thế mạnh cho TPHCM, như rau an toàn, hoa, cây cảnh.

Luận án tiến sĩ của Bùi Thanh Tuấn (2018) về “*Phát triển nông nghiệp ở các huyện ngoại thành Hà Nội*” [94], Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành Kinh tế phát triển, tác giả đã xây dựng khung lý thuyết về PTNN ở các huyện ngoại thành (hay nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ven đô), từ đó đi vào đánh giá thực trạng PTNN ở các huyện ngoại thành của thành phố Hà Nội. Tác giả cho rằng, nông nghiệp ngoại thành Hà Nội thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, như đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của

thành phố, chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực, nhiều mô hình liên kết được hình thành, giảm chênh lệch giàu nghèo, đặc biệt giữa khu vực nội thành và ngoại thành. Tuy nhiên, nông nghiệp ngoại thành Hà Nội chưa tương xứng với tiềm năng, thiếu bền vững, còn manh mún nhỏ lẻ... Trên cơ sở chỉ rõ các nguyên nhân, tác giả đã đưa ra hệ thống 6 nhóm giải pháp để PTNN ở các huyện vùng ngoại ô của Thành phố Hà Nội, đó là: 1) Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt các quy hoạch PTNN ngoại thành; 2) Đẩy mạnh phát triển các hình thức liên kết chuỗi trong sản xuất và tiêu thụ, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp hiện đại; 3) Nâng cao chất lượng nguồn lực lao động; 4) Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn vốn; 5) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các mô hình sản xuất, chế biến, kinh doanh nông nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại; 6) Đẩy mạnh phát triển thị trường nông phẩm và các hình thức tiêu thụ đa dạng.

Đoàn Thị Thu Hương (2020), “*Một số chính sách và giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Thành phố Hà Nội*” [44]. Tác giả đã dẫn chứng nhiều chính sách của Nhà nước và của Thành phố Hà Nội nhằm góp phần thúc đẩy PTNN công nghệ cao. Cùng với đó, nghiên cứu đã trình bày và phân tích thực trạng PTNN công nghệ cao ở Hà Nội. Tuy chưa có những khu nông nghiệp công nghệ cao được quy hoạch bài bản, nhưng nhiều mô hình nông nghiệp công nghệ cao đã hình thành và có hiệu quả kinh tế cao. Như mô hình nuôi cá ứng dụng công nghệ cao ở huyện Ứng Hòa, Chương Mỹ; mô hình trồng rau trong nhà lưới; mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao,... Tác giả cũng nhận định, các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Hà Nội mới chỉ ở từng khâu chứ chưa đồng bộ, nên phát triển thiếu ổn định. Nói cách khác, Hà Nội đã có nhiều chính sách hỗ trợ PTNN công nghệ cao, và đã đạt được những thành công bước đầu, tuy nhiên thành tựu đó chưa tương xứng với tiềm năng. Về giải pháp, tác giả nhấn mạnh giải quyết các vấn đề về hỗ trợ vốn vay; hoàn thiện các chính sách về đất đai, quy hoạch PTNN công nghệ cao; có những chính sách khuyến khích nông hộ phát triển thay vì chỉ khuyến khích doanh nghiệp; đẩy mạnh tiêu thụ bằng các chính sách khuyến khích HTX, liên kết kinh tế phát triển.

Hoàng Triều Hoa (2022), “*Phát triển nông nghiệp đô thị ở một số quốc gia*

trên thế giới và gợi ý cho Việt Nam” [40]. Tác giả đã trình bày và phân tích một số thành công trong PTNN đô thị ở hai quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, Singapore và Malaysia, để từ đó đưa ra những gợi ý cho quá trình PTNN đô thị ở Việt Nam những năm sắp tới. Với Singapore, một quốc đảo nhỏ bé phải nhập khẩu phần lớn lương thực, thực phẩm từ nước ngoài, đang phải đối mặt với nhiều thách thức về an ninh lương thực. Chiến lược PTNN đô thị được coi là giải pháp đảm bảo an ninh lương thực mà Chính phủ Singapore đưa ra. Theo trình bày của tác giả Hoàng Triều Hoa, Chính phủ đã có nhiều chính sách tạo điều kiện thuận lợi để người dân PTNN đô thị, đặc biệt là về tài chính (với Quỹ năng suất nông nghiệp lên tới 47 triệu USD). Điều này đang làm cho nông nghiệp đô thị của Singapore có nhiều khởi sắc. Mặc dù khó khăn về mặt diện tích canh tác, nhưng do tận dụng được các bãi đất trống, sân thượng các tòa nhà và kết hợp với công nghệ, kỹ thuật hiện đại, nông nghiệp đô thị đã cung cấp được phần nào đó nhu cầu thực phẩm tươi sống, tại chỗ cho người dân Singapore. Còn Malaysia, PTNN đô thị cũng được chính phủ nước này rất quan tâm. Với tỷ lệ đô thị hóa lên tới 58%, nhu cầu lương thực, thực phẩm đối với cư dân thành thị của Malaysia là rất lớn. PTNN đô thị ở đây được triển khai từ việc thành lập các cộng đồng nông dân đô thị, rồi sự hỗ trợ của chính phủ trong triển khai các công nghệ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hiện đại. Từ việc nghiên cứu những thành công của mô hình nông nghiệp đô thị tại Singapore và Malaysia, tác giả Hoàng Triều Hoa đưa ra các gợi ý cho Việt Nam như: (1) xây dựng chiến lược PTNN đô thị dài hạn; (2) có các chính sách để đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, công nghệ; (3) kết hợp chặt chẽ khu vực tư nhân và nhà nước.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

1.2.1. Các công trình nghiên cứu ngoài nước về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

1.2.1.1. Dịch vụ đầu vào cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Ghany and Salam (2012): “*Measuring service quality of agricultural extension centers in Assiut governorate using SERVPERF Scale*” (Đo lường chất lượng DVNN các trung tâm khuyến nông ở Assiut bằng cách sử dụng thang đo

SERVPERF) [124].

Mục đích của nghiên cứu này là đo lường và đánh giá chất lượng dịch vụ của các trung tâm khuyến nông ở tỉnh Assiut (Ai Cập), sử dụng thang đo SERVPERF (Service Performance - Hiệu suất dịch vụ) phiên bản có trọng số. Các tác giả đã thực hiện nghiên cứu với 119 nông dân được phân bổ đều trên 17 trung tâm khuyến nông của tỉnh Assiut (mỗi trung tâm khảo sát 7 nông dân). Chất lượng dịch vụ khuyến nông được đánh giá trên 5 cấu trúc là tính hữu hình/tangible, độ tin cậy/reliability, khả năng đáp ứng/responsiveness, sự đảm bảo/Assurance và sự thấu hiểu/empathy. Kết quả tổng thể của nghiên cứu cho thấy người dân mong muốn nhiều hơn nữa về chất lượng dịch vụ mà các trung tâm khuyến nông đang cung cấp, nói cách khác họ chưa thực sự hài lòng với bất cứ dịch vụ nào của các trung tâm khuyến nông. Từ đó các tác giả đưa ra khuyến nghị với các trung tâm khuyến nông, họ cần cải thiện tất cả các khía cạnh về chất lượng dịch vụ mà họ cung cấp để có được sự hài lòng nhiều hơn của người dân sử dụng dịch vụ. Nghiên cứu này có thể tham khảo trong việc đánh giá chất lượng các loại dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ở TPHCM.

Bommarco Riccardo (2018), *Exploiting ecosystem services in agriculture for increased food security* (Khai thác các dịch vụ hệ sinh thái trong nông nghiệp để tăng cường an ninh lương thực) [117].

Nghiên cứu cho rằng, dịch vụ hệ sinh thái mặc dù đã có những đóng góp cho kinh tế và an ninh lương thực, song vẫn chưa được khai thác triệt để trong nông nghiệp. Tác giả xác định, cải thiện việc sử dụng dịch vụ hệ sinh thái do đa dạng sinh học cung cấp cho thấy sẽ tăng cường an ninh lương thực bằng cách tăng lượng lương thực sẵn có và ổn định năng suất cây trồng. Điều này đặc biệt đúng đối với các vùng hiện đang có khoảng cách năng suất lớn, nghèo đói và an ninh lương thực kém. Đa dạng hóa các hệ thống sản xuất cây trồng dường như là một cách cơ bản để nâng cao dịch vụ hệ sinh thái, hiệu quả sử dụng tài nguyên và sản lượng. Kiến thức và công nghệ mới sẽ chỉ tăng cường an ninh lương thực một cách hiệu quả nếu được tạo ra để hỗ trợ các hệ thống cây trồng thích ứng với khu vực khai thác dịch vụ hệ sinh thái. Riccardo Bommarco khẳng định, dấu hiệu cho các nhà nghiên cứu,

nhà thực hành trong việc hợp tác phát triển các hệ thống thâm canh sinh thái là: tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, tác động tới môi trường tối thiểu, khả năng ngăn chặn các hiện tượng cực đoan và thích ứng với các điều kiện khí hậu, phù sa, sinh vật, kinh tế - xã hội của địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc PTNN đô thị tại TPHCM theo hướng hiện đại, bền vững hoàn toàn phù hợp với xu hướng hiện nay trên thế giới.

Mamun Gao and Alam (2018): “*Service quality of public and private agricultural extension service providers in Bangladesh*” (Chất lượng dịch vụ khuyến nông của khu vực công và khu vực tư ở Bangladesh) [133].

Trong công trình này, các tác giả đã thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ khuyến nông của cả khu vực nhà nước và khu vực tư nhân ở Bangladesh. Chất lượng dịch vụ khuyến nông được đánh giá trên 5 cấu trúc là độ hữu hình, độ tin cậy, khả năng đáp ứng, sự đảm bảo và sự thấu hiểu/đồng cảm. Kết quả nghiên cứu được rút ra từ 318 phiếu trả lời của 9 tổ chức được lựa chọn từ 3 nhóm để phỏng vấn (nhóm nhà nước - Public, nhóm tư nhân vì lợi nhuận - Private profit và nhóm tư nhân phi lợi nhuận - Private non-profit). Nghiên cứu chỉ ra các vấn đề chính cản trở chất lượng dịch vụ là hỗ trợ hậu cần kém, khan hiếm kinh phí để thực hiện công việc khuyến nông thực sự, ít sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu và các nhà cung cấp dịch vụ khuyến nông, và sự can thiệp chính trị (nhóm nghiên cứu cho rằng chính quyền địa phương can thiệp khá nhiều vào cả bộ máy tổ chức và hoạt động của các nhà cung cấp dịch vụ khuyến nông). Các tác giả cũng khẳng định chất lượng dịch vụ khuyến nông cả khu vực nhà nước và tư nhân nhìn chung đều thấp. Trong đó khu vực tư nhân phi lợi nhuận cho chất lượng thấp nhất (kết quả nghiên cứu chỉ ra khoảng cách lớn giữa chất lượng dịch vụ được kỳ vọng và thực tế), rồi tới khu vực nhà nước, khu vực tư nhân. Để cải thiện chất lượng dịch vụ khuyến nông, nghiên cứu cho rằng các nhà cung cấp cần xây dựng chương trình linh hoạt, cung cấp dịch vụ nhanh chóng, sẵn sàng giúp đỡ khách hàng, duy trì hồ sơ khách hàng và giữ đúng hẹn. Dịch vụ khuyến nông có vai trò quan trọng đối với PTNN ở TPHCM, qua nghiên cứu này, tác giả luận án có thêm sự tham khảo trong đánh giá chất lượng dịch vụ khuyến

nông trong PTNN Thành phố.

Sossou, C. H. and partners (2021), “*Agricultural services on the demand and supply for improving agricultural productivity in Benin*” (Các DVNN theo cung và cầu nhằm nâng cao năng suất nông nghiệp ở Benin) [143].

Nghiên cứu đánh giá mức độ hài lòng của nhà cung cấp và người sử dụng DVNN, phân tích những nhân tố quyết định mức độ hài lòng của DVNN ở Benin. Nghiên cứu tiếp cận DVNN là các hoạt động thị trường (cung cấp đầu vào và thiết bị, tín dụng, chăm sóc thú y, chứng nhận sản phẩm) và các hoạt động phi thị trường (gia hạn, lời khuyên và đào tạo) cần thiết để cải thiện hiệu quả hoạt động của các trang trại/doanh nghiệp nông nghiệp, tiếp cận thị trường và khả năng cạnh tranh của họ. Các dịch vụ được xem xét trong nghiên cứu này đó là dịch vụ cung cấp các yếu tố đầu vào, dịch vụ tư vấn nông nghiệp và dịch vụ tài chính. Kết quả cho thấy, mức độ hài lòng của nông dân Benin về các phátDVNN còn thấp. Các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự hài lòng với DVNN là giới tính, tỷ trọng thu nhập từ nông nghiệp, liên hệ với đại lý tư vấn nông nghiệp, sử dụng phân bón hóa học, sử dụng sức kéo có động cơ và tiếp cận cải tiến hạt giống, vật liệu trồng. Do đó, các nỗ lực vẫn được thực hiện để đáp ứng nhu cầu của nông dân bằng cách bao phủ tốt hơn các DVNN để cải thiện thu nhập của nông dân và đóng góp vào an ninh lương thực, dinh dưỡng, cải thiện điều kiện sống. Cuối cùng, các tác giả kết luận, DVNN là điều kiện quan trọng để tăng cường năng lực của nông dân và hiệu quả hoạt động trang trại của họ. Ở Benin, chính phủ đã quan tâm tới phát triển hệ thống dịch vụ cho PTNN từ 2016 tới nay. Với đặc điểm của nông dân Benin có độ tuổi trung bình không cao (44 tuổi) lại có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp (32 năm), các tác giả cho rằng nếu tiếp tục đầu tư nhiều hơn vào các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, năng suất ngành nông nghiệp sẽ được cải thiện để đạt được các mục tiêu đề ra. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vai trò của dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trong việc tăng năng suất, là sự tham khảo cần thiết cho TPHCM.

1.2.1.2. Dịch vụ đầu ra cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Scott M. Swinton, Stephen K. Hamilton, Frank Lupi, G. Philip Robertson (2007), “*Ecosystem services and agriculture: Cultivating agricultural ecosystems*

for diverse benefits” (Dịch vụ hệ sinh thái và nông nghiệp: Cải tạo hệ sinh thái nông nghiệp cho nhiều lợi ích) [141].

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, những dịch vụ hệ sinh thái từ lĩnh vực nông nghiệp bao gồm việc điều hòa hệ thống nguồn nước và khí hậu, dịch vụ mỹ quan đô thị và văn hóa, giáo dục cũng như việc hỗ trợ làm tăng độ phì nhiêu của đất, tuy nhiên các dịch vụ này mang tính phi thị trường. Để các chính sách công có tính đến chúng, tạo động lực cho các nhà cung cấp dịch vụ, cần có các kỹ thuật định giá phi thị trường, chẳng hạn như chi phí đi lại, định giá ngẫu nhiên, định giá theo kiểu hưởng thụ và các phương pháp tiếp cận dựa trên chi phí hoặc thu nhập theo yếu tố. Công trình nghiên cứu này cung cấp một cái nhìn khái quát về dịch vụ hệ sinh thái từ nông nghiệp và các phương pháp định giá phi thị trường đối với loại dịch vụ này. Kết quả nghiên cứu gợi mở cho TPHCM trong việc PTNN đô thị, đặc biệt trong việc phát huy vai trò dịch vụ hệ sinh thái. Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Rừng ngập mặn Cần Giờ trên địa bàn Thành phố có thể cung cấp dịch vụ hệ sinh thái cho TPHCM, cho Việt Nam và cho cả thế giới, qua đó có thể tạo nguồn thu từ việc bán tín chỉ carbon.

Brenda B. Lin, Stacy M. Philpott and Shalene Jha (2015), “*The future of urban agriculture and biodiversity-ecosystem services: Challenges and next steps*” (Dịch vụ hệ sinh thái - Tương lai của nông nghiệp đô thị và đa dạng sinh học: Thách thức và các bước tiếp theo) [118].

Trên cơ sở đánh giá rất cao vai trò của nông nghiệp đô thị trong việc cung cấp dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học cho thành phố với điều kiện hạn chế về mặt không gian và sử dụng đất. Nghiên cứu của Brenda B. Lin, Stacy M. Philpott và Shalene Jha đã trình bày khảo sát đầu tiên về các nghiên cứu hiện có về các đặc điểm của quản lý nông nghiệp đô thị và tiềm năng của chúng để hỗ trợ cung cấp dịch vụ hệ sinh thái. Từ việc kiểm tra các dạng đa dạng sinh học trong nông nghiệp đô thị, các dịch vụ hệ sinh thái do nông nghiệp đô thị cung cấp và những thách thức trong việc thúc đẩy các hệ thống nông nghiệp đô thị hỗ trợ hệ sinh thái và đa dạng sinh học, các tác giả đánh giá: cấu trúc thảm thực vật đa dạng, tăng các loại thực vật bản địa và giảm bề mặt không thấm nước của đô thị, là những đặc điểm chính của hệ thống nông nghiệp đô thị. Từ đó, nó góp phần quan trọng vào đa dạng sinh học

đô thị và cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng như thụ phấn, kiểm soát dịch hại và khả năng ứng phó với sự thay đổi của khí hậu.

Kazuaki Tsuchiya, Yuri Hara and Danai Thaitakoo (2015), “*Linking food and land systems for sustainable peri-urban agriculture in Băng-cốc Metropolitan Region*” (Liên kết hệ thống lương thực, thực phẩm và đất đai cho nông nghiệp ven đô bền vững ở Vùng đô thị Băng-cốc) [131].

Các tác giả đã áp dụng cách tiếp cận địa lý để phân tích các hành vi liên quan đến thực phẩm hiện tại ở vùng ven đô Băng-cốc của Thái Lan, để hiểu rõ hơn về tiềm năng xây dựng hệ thống thực phẩm địa phương cho nông nghiệp ven đô bền vững trong thời kỳ đô thị hóa nhanh chóng của quốc gia này. Nghiên cứu đã xác định rằng, hệ thống lương thực, thực phẩm truyền thống đóng một vai trò quan trọng vừa là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm cho các hộ gia đình vừa là nơi bán hàng cho nông dân. Chợ thực phẩm tươi sống, một trung tâm trong hệ thống ẩm thực truyền thống của Thái Lan, trải rộng khắp các khu vực ven đô và không ngừng tăng lên trong quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, có rất ít mối liên hệ giữa nông dân và các chợ tươi sống gần đó trong cùng một huyện và điều này hạn chế phản hồi tích cực giữa người sản xuất và người tiêu dùng ở các khu vực ven đô.

Như vậy, qua nghiên cứu các tác giả đánh giá rất cao vai trò của các khu chợ truyền thống ở Thái Lan, nơi hàng ngày vẫn bán các thực phẩm tươi sống. Nó không chỉ mang lại sự thuận lợi cho người dân trong việc tiêu dùng thực phẩm hàng ngày, mà còn là kênh tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân rất hiệu quả. Để quản lý tốt hơn hệ thống thực phẩm địa phương và bảo tồn lâu dài các vùng đất nông nghiệp ven đô, nghiên cứu cho rằng cần thúc đẩy giao tiếp giữa nông dân và các nhà bán lẻ lân cận. Kết quả nghiên cứu này càng củng cố thêm cơ sở thực tiễn để TPHCM xây dựng và phát triển chuỗi thực phẩm an toàn, trên cơ sở kết nối chặt chẽ giữa cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở chế biến, bảo quản, cơ sở kinh doanh và người tiêu dùng.

Kata Gocs (2016), “*Report about Innovative Distribution Network of Organic Products in Latvia: Agricultural Service Cooperative Society “Zaļais grozs”*” (Báo cáo về hệ thống phân phối các nông sản hữu cơ sáng tạo ở Latvia:

Hiệp hội HTX DVNN “Zalais grozs”) [125].

Báo cáo của Kata Gocs cho thấy hệ thống phân phối sản phẩm nông nghiệp hữu cơ tại Latvia hoạt động hiệu quả thông qua Hiệp hội HTX DVNN “Zalais grozs”. Thương hiệu “Zalais grozs” đã được cấp bằng sáng chế vào năm 2009 cho 20 nông dân canh tác theo phương pháp không sử dụng hóa chất, nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn và thân thiện với môi trường. Mục tiêu là thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho người nông dân và nâng cao giá trị nông sản. Hiệp hội này cung cấp hơn 100 sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thông qua nhiều kênh phân phối đa dạng như: bán trực tiếp tại kho của HTX; tại các chợ, hội chợ, lễ hội; qua internet, điện thoại; tại các cửa hàng hữu cơ, siêu thị; và thông qua chương trình “trái cây học đường”. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với Hiệp hội “Zalais grozs” là các chính sách thuế đang áp dụng cho nông dân, chủ trang trại và các doanh nghiệp nhỏ. Mô hình HTX trong lĩnh vực nông nghiệp hiện cũng đang nhận được nhiều sự quan tâm tại Việt Nam, đặc biệt là tại TPHCM. Việc ứng dụng mô hình HTX để tiếp thị và phân phối sản phẩm nông nghiệp an toàn, hữu cơ đến tay người tiêu dùng đô thị là hướng đi khả thi để thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ nông sản chất lượng tại Thành phố.

Dang Ding, Pingyang Liu and Neil Ravenscroft (2018), “*The new urban agricultural geography of Shanghai*” (Địa lý nông nghiệp đô thị mới ở Thượng Hải) [119].

Các tác giả đã khảo sát 45 trang trại tại Thượng Hải - Trung Quốc để minh họa cách thức và vị trí các nông trại mới và mạng lưới thực phẩm mà nó cung cấp, đang xâm chiếm thành phố. Các nông trại mới là các cơ sở kinh doanh dịch vụ kết hợp trong đó việc bán hàng và kỹ năng tiếp thị của những người nông dân mới, đã cho phép họ chuyển đổi khách hàng cá nhân thành thành viên của các mạng lưới thực phẩm. Từ đó, hình thành các mối quan hệ tin cậy, phụ thuộc lẫn nhau làm cơ sở cho sự tồn tại của các nông trại. Mặc dù thị trường có nhu cầu mạnh mẽ về thực phẩm hữu cơ, song các trang trại mới này phải đối mặt với một tồn tại nhỏ, đó là sự phát triển kinh doanh bị hạn chế nhiều bởi sức mạnh và tính liên tục của mạng lưới thực phẩm của họ, cũng như bởi chất lượng và số lượng thức ăn mà họ có thể phát triển.

Qua nghiên cứu này, các tác giả cho rằng đã tìm thấy ở Thượng Hải, các yếu

tổ của vị trí địa lý sẽ được nhìn thấy: một vị trí không gian mới cho chủ yếu là gia đình, trang trại trong thành phố và các vùng ngoại ô của nó, liên minh với sự xuất hiện của nông dân mới với động lực gắn với canh tác sinh thái và sự phát triển của mạng lưới khách hàng ‘hoạt động’. Đây có thể là kinh nghiệm để TPHCM tham khảo trong việc xây dựng các chuỗi tiêu thụ nông sản, gắn kết các cơ sở sản xuất đảm bảo chất lượng, an toàn với người tiêu dùng Thành phố.

Kanang Kantamaturapoj and Alan Marshall (2020), “*Providing organic food to urban consumers: case studies of supermarkets in Bangkok and metropolitan area*” (Cung cấp thực phẩm hữu cơ cho người tiêu dùng thành thị: nghiên cứu trường hợp các siêu thị ở Bangkok và khu vực đô thị) [130].

Nghiên cứu này dựa trên việc quan sát và phỏng vấn người làm việc tại 09 chuỗi siêu thị đặt tại Băng-cốc (Thái Lan), nhằm mục đích khám phá luồng thông tin mà các siêu thị cố gắng giao tiếp với người tiêu dùng và đánh giá sơ bộ các chiến lược được siêu thị sử dụng để quảng bá thực phẩm hữu cơ đến người tiêu dùng, đặc biệt là trong Khu vực đô thị Bangkok. Kết quả cho thấy các siêu thị ở Thái Lan cung cấp thông tin phong phú về thực phẩm hữu cơ thông qua chứng nhận tiêu chuẩn. Hệ thống đảm bảo có sự tham gia, cốt truyện và hình ảnh minh họa liên quan đến nông dân. Các nhà bán lẻ đã cố gắng cung cấp thực phẩm hữu cơ theo cách thuận tiện cho lối sống của người tiêu dùng thành thị. Tuy nhiên, các nhà bán lẻ đã không cố gắng đưa ra các chương trình giảm giá hoặc khuyến mãi tiếp thị đặc biệt vì họ tin rằng những người tiêu dùng am hiểu về thực phẩm hữu cơ, sẽ sẵn sàng trả giá cao. Từ kết quả nghiên cứu, các tác giả đưa ra 02 khuyến nghị có giá trị: thứ nhất, các nhà bán lẻ nên cung cấp thêm thông tin về hệ thống kiểm soát chính thức và tính xác thực của thực phẩm hữu cơ để củng cố niềm tin và cho phép người tiêu dùng đánh giá lợi ích của nó; thứ hai, các nhà bán lẻ nên tiếp tục cung cấp thực phẩm hữu cơ ‘ăn liền’ vì nó có thể có ý nghĩa quan trọng đối với lối sống của người tiêu dùng thành thị Thái Lan.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu trong nước về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

1.2.2.1. Các nghiên cứu trong nước về dịch vụ đầu vào cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Nghiên cứu của Mai Văn Nam và Hoàng Phương Đài (2012) về “*Giải pháp phát triển dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nông nghiệp ở thành phố Cần Thơ*” [58]. Các tác giả đã tiến hành phân tích thực trạng và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc cung cấp cũng như nhu cầu sử dụng các loại dịch vụ hỗ trợ dành cho doanh nghiệp nông nghiệp tại Cần Thơ. Dựa trên dữ liệu thu thập từ 112 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hỗ trợ và 50 doanh nghiệp nông nghiệp được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng, nghiên cứu đã xác định 4 yếu tố chính tác động đến cả phía cung và cầu của dịch vụ, gồm: (1) chi phí sử dụng dịch vụ còn cao; (2) chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu; (3) thiếu đa dạng về loại hình dịch vụ; và (4) quy mô vốn của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ còn hạn chế. Từ kết quả này, các tác giả đề xuất rằng để phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp, cần chú trọng mở rộng nhu cầu và khả năng cung ứng dịch vụ, đồng thời tăng cường hỗ trợ vốn và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Lân (2015) về “*Phát triển dịch vụ nông nghiệp ở ngoại thành Hà Nội*” [51]. Tác giả xác định: “Dịch vụ nông nghiệp là loại hình hoạt động dịch vụ trong nông nghiệp chuyên cung ứng dịch vụ đầu vào, đầu ra cho quá trình sản xuất hàng hóa nông nghiệp, nhằm mục đích nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của hộ gia đình và xã hội” [51]. Trong nghiên cứu này, tác giả đề cập tới các dịch vụ đầu vào cho PTNN như: cung cấp giống vật nuôi, cây trồng; dịch vụ thủy lợi (tưới - tiêu); dịch vụ chuyển giao kỹ thuật, công nghệ; dịch vụ tư vấn phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao. Trên cơ sở đó, tác giả trình bày sơ lược những kết quả và hạn chế của dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ở các huyện thuộc Hà Nội. Tác giả đánh giá những dịch vụ này đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn, đồng thời cũng nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của thành

phổ. Tuy nhiên, DVNN ở ngoại thành Hà Nội cũng còn nhiều hạn chế, như: nhiều chủ thể có quy mô nhỏ, vốn ít, khả năng cạnh tranh thấp, chậm đổi mới; một số đơn vị kinh doanh dịch vụ chưa bám sát nhu cầu thị trường nên phục vụ chưa tốt; nhiều loại hình dịch vụ chỉ tồn tại về mặt hình thức, hoặc chưa phát huy vai trò là “bà đỡ” cho người sản xuất nông nghiệp; cuối cùng tác giả cho rằng đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn làm công tác quản lý về dịch vụ còn hạn chế về trình độ, làm việc chủ yếu theo kinh nghiệm, tính ổn định không cao. Với rất nhiều hạn chế được chỉ ra, tác giả đề xuất 4 giải pháp: 1) Đổi mới cơ chế, chính sách bảo đảm quyền chủ động của các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh DVNN; 2) Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu KHCN, đa dạng hóa nguồn vốn cho phát triển DVNN; 3) Phát triển số lượng cùng theo hướng đa dạng loại hình dịch vụ phù hợp với đặc điểm và điều kiện của địa phương; 4) Khai thác và sử dụng các nguồn lực tại chỗ một cách có hiệu quả, gắn với các nguồn lực bên ngoài tập trung cho từng mục tiêu cụ thể trong phát triển DVNN ở các huyện ngoại thành của Thủ đô Hà Nội.

Nghiên cứu của tác giả Hoàng Vũ Quang và tác giả Vũ Trọng Bình về “*Chỉ số chất lượng dịch vụ công nông nghiệp nông thôn dựa trên phản hồi của người sử dụng dịch vụ*” [69], hai tác giả đánh giá chất lượng của dịch vụ công đối với nông nghiệp, nông thôn dựa trên 08 nội dung: “mức độ bao phủ; tính sẵn có; cơ sở vật chất kỹ thuật; cán bộ nhân viên thực hiện dịch vụ; kết quả đầu ra; tính minh bạch của dịch vụ và giải trình; sự thích ứng của hệ thống” [69]. Nghiên cứu được triển khai đối với 04 loại dịch vụ là khuyến nông, dịch vụ thú y, nước sạch và y tế cơ sở tại 03 tỉnh là Bình Định, Hà Nam và Vĩnh Long. Đây là công trình mà các tác giả nghiên cứu cả dịch vụ cho PTNN như khuyến nông, thú y và cả các dịch vụ cho phát triển nông thôn như nước sạch, y tế cơ sở. Từ kết quả nghiên cứu, các tác giả khẳng định, chất lượng dịch vụ công được đánh giá dựa trên chỉ số và phản hồi của người sử dụng dịch vụ cho phép chúng ta đánh giá, theo dõi sự thay đổi chất lượng dịch vụ qua thời gian, so sánh chất lượng dịch vụ giữa các địa phương và xác định được điểm mạnh, điểm yếu về chất lượng dịch vụ công từ đó có giải pháp khắc phục những hạn chế của các dịch vụ. Chỉ số này cũng có thể được sử dụng để đánh giá hiệu quả của hệ thống dịch vụ công trong việc cung cấp chất lượng dịch vụ.

Ngoài ra, các tác giả cũng cho rằng, có thể áp dụng cách tiếp cận trong nghiên cứu này để đánh giá các dịch vụ khác và hướng đến có thể xây dựng một chỉ số chung cho dịch vụ công nông nghiệp và nông thôn.

Lê Thanh Tùng (2018) với nghiên cứu “*Phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp*” [95]. Tác giả đã trình bày một số vấn đề lý thuyết cơ bản về nông nghiệp công nghệ cao, từ đó phân tích thực trạng PTNN công nghệ cao ở TPHCM. Qua phân tích tác giả khẳng định, nông nghiệp công nghệ cao ở TPHCM còn rất nhiều hạn chế về quy mô, trình độ công nghệ và hiệu quả kinh doanh. Tác giả đặt ra các vấn đề cần giải quyết, như: tìm ra nguyên nhân dẫn đến tình trạng ít quan tâm đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao của các doanh nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh hỗ trợ về công tác khuyến nông, khuyến ngư, hỗ trợ giống và các ứng dụng công nghệ cao cho các vùng sản xuất được lựa chọn. Như vậy, để PTNN công nghệ cao tại TPHCM, tác giả Lê Thanh Tùng đã đề cập tới việc đảm bảo các dịch vụ đầu vào cho PTNN, đó là cung ứng các dịch vụ khuyến nông, khuyến ngư, cung ứng giống, và dịch vụ về hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao.

Vũ Thị Bắc (2019), “*Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh*” [8]. Tác giả xác định, dân cư TPHCM dễ dàng tiếp cận với nhiều loại sản phẩm nông nghiệp chất lượng từ các tỉnh cũng như nhập khẩu, do đó nông nghiệp Thành phố cần có sự chuyển đổi theo hướng nông nghiệp công nghệ cao gắn liền với sự thay đổi về chất lượng, dịch vụ. Tác giả đã phân tích khá kỹ các nhân tố ảnh hưởng tới sự chuyển đổi nông nghiệp tại đây như về địa hình, khí hậu, tài nguyên, sinh vật hay những nhân tố kinh tế - xã hội như dân cư, nguồn lao động, thị trường, hạ tầng kỹ thuật - công nghệ, vấn đề liên kết chuỗi, vốn đầu tư hay cơ chế chính sách. Kết luận, nghiên cứu chỉ ra TPHCM có nhiều điều kiện thuận lợi cho PTNN đô thị, tuy nhiên, hiện nay nông nghiệp Thành phố còn gặp khó khăn khi chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp về sản lượng và chất lượng nông phẩm, chuỗi liên kết còn yếu. Để PTNN đô thị nơi đây, theo tác giả Thành phố cần có các chính sách hỗ trợ cho nông hộ để các hộ đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

Nghiên cứu của các tác giả Tô Thị Thùy Trang, Trần Văn Đức và Nguyễn Thành Công (2019), *Giải pháp PTNN công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh* [91]. Các tác giả đã phân tích thực trạng nông nghiệp công nghệ cao ở TPHCM theo các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Qua đó, chỉ ra một số hạn chế về hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, hạn chế về tiếp cận vốn, thu hút doanh nghiệp đầu tư,... Trên cơ sở những hạn chế, các tác giả đưa ra các giải pháp như: 1) Rà soát, điều chỉnh, xây dựng chính sách, quy hoạch, tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh chuyển dịch nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp; 2) Duy trì, mở rộng và hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất giống của thành phố; 3) Phát triển KH-CN và ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất nông nghiệp; 4) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ cho người dân, PTNN công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái. Như vậy, mặc dù tiếp cận dưới góc độ PTNN công nghệ cao ở TPHCM, song các giải pháp mà nhóm tác giả đưa ra tập trung nhiều vào việc cung ứng các dịch vụ đầu vào cho PTNN như: giống, kỹ thuật, công nghệ.

Tăng Thị Hằng và Vũ Tam Hòa (2020), *“Hiệu quả từ chính sách hỗ trợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số vùng chuyên canh của tỉnh Hải Dương”* [38]. Tác giả chỉ rõ những chính sách hỗ trợ của tỉnh Hải Dương nhằm PTNN ứng dụng công nghệ cao như: Hỗ trợ quá trình triển khai đề án “Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020”; Hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến với việc tiêu thụ các nông phẩm trong khu vực tỉnh Hải Dương; Hỗ trợ phát triển diện tích cấy lúa bằng máy cấy; Hỗ trợ mở rộng vùng sản xuất vải, nhãn theo tiêu chuẩn quốc tế. Với sự hỗ trợ tích cực từ chính quyền địa phương, ngành nông nghiệp tỉnh Hải Dương đã đạt được những kết quả tốt, như 700.000 tấn lúa/năm, 720.000 tấn rau/năm, 74.000 tấn thủy sản/năm; toàn tỉnh có 15 khu chăn nuôi hàng hóa có quy mô từ 3ha trở lên, 521 cơ sở chăn nuôi đáp ứng tiêu chí nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh (2020), *“Chất lượng dịch vụ công phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng”*. Từ việc xác định: “Dịch vụ nông nghiệp là nhóm các dịch vụ gồm cung cấp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, cung cấp tín dụng, tư vấn/cung cấp thông tin kiến thức nông nghiệp,

đào tạo kỹ thuật nông nghiệp, cung cấp cơ sở hạ tầng, marketing sản phẩm nông nghiệp” [81], công trình nghiên cứu đánh giá chất lượng dịch vụ công phục vụ sản xuất nông nghiệp tập trung vào 3 nhóm dịch vụ là khuyến nông, bảo vệ thực vật và cơ sở hạ tầng, với 7 tiêu chí chất lượng: 1) tính hữu hình; 2) sự tin cậy; 3) sự phản hồi; 4) sự đảm bảo; 5) sự thấu hiểu; 6) tính minh bạch và giải trình; 7) kết quả đầu ra. Tác giả chọn 3 địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng để khảo sát, đó là Hà Nội, Hà Nam và Thái Bình với 283 phiếu khảo sát thu về trên 300 phiếu phát ra. Kết quả phân tích chỉ ra, trong 7 tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ thì 3 tiêu chí có điểm số thấp nhất là: tính minh bạch và giải trình; kết quả đầu ra; tính hữu hình. Tác giả cho rằng, để nâng cao chất lượng dịch vụ công phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp cần có các giải pháp để nâng cao 3 khía cạnh còn yếu đó. Trong 3 nhóm dịch vụ khảo sát thì dịch vụ khuyến nông có điểm thấp hơn so với 2 dịch vụ còn lại. Do đó, tác giả cũng cho rằng dịch vụ khuyến nông cần cải thiện chất lượng ở tất cả các khía cạnh. Trong ba địa phương được khảo sát thì Hà Nội cũng ghi nhận điểm thấp hơn hai tỉnh còn lại, đặc biệt là ở dịch vụ cơ sở hạ tầng, Thái Bình là tỉnh có điểm số cao nhất.

Đào Anh Xuân (2021), “*Sản xuất theo chuỗi giá trị: hướng phát triển mới cho hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên*” [114]. Tác giả đã phân tích một trường hợp cụ thể, đó là chuỗi giá trị gạo Hoa Vàng tại HTX DVNN An Nghiệp thuộc tỉnh Phú Yên, để đánh giá vai trò của việc sản xuất theo chuỗi giá trị trong việc nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp. Qua công trình nghiên cứu, tác giả cho thấy nông dân khi tham gia vào chuỗi giá trị đã được cung ứng gần như đầy đủ các dịch vụ đầu vào, đầu ra và cả dịch vụ cho sản xuất. Trong đó, các dịch vụ đầu vào mà tác giả đề cập tới là các dịch vụ cung ứng giống lúa, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, dịch vụ làm đất. Từ đó, tác giả khẳng định, hộ nông dân và các thành viên HTX khi tham gia vào sản xuất theo chuỗi giá trị, với sự cung ứng của các loại DVNN sẽ góp phần làm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, an toàn và ít rủi ro hơn. Tác giả cũng cho rằng, địa phương cần quan tâm hơn nữa, hỗ trợ các HTX DVNN phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao, kết nối thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế.

Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị của tác giả Trần Thị Thanh Xuân (2021) về “*Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh ở tỉnh Bắc Ninh*” [116]. Từ việc xác định: “Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh là những hoạt động cung cấp quy trình, công nghệ, thông tin, tư vấn, thiết bị, vật tư nông nghiệp, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu, ... cho quá trình sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp xanh” [116, tr.28], luận án đã xây dựng khung lý thuyết về “dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh” trên địa bàn cấp tỉnh và tiến hành nghiên cứu thực trạng cung ứng dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN xanh ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2010 - 2018. Các dịch vụ hỗ trợ đầu vào cho PTNN xanh được luận án nghiên cứu gồm có: “cung ứng giống cây, con có khả năng thích nghi với thay đổi khí hậu; cung ứng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón thân thiện với môi trường; dịch vụ khuyến nông; dịch vụ KHCN và nghiên cứu chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp xanh”. Tác giả luận án đánh giá, các dịch vụ đầu vào cho PTNN xanh ở Bắc Ninh ngày càng tăng về số lượng, đẩy mạnh ứng dụng KHCN, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động, thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp xanh. Tuy nhiên, các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp xanh trên địa bàn tỉnh này còn khá mỏng và thiếu tính chuyên nghiệp, các loại hình dịch vụ còn hạn chế, chưa có sự tham gia nhiều của các doanh nghiệp. Từ thực tế đó, tác giả Trần Thị Thanh Xuân xây dựng các nhóm giải pháp như: hoàn thiện về cơ chế và chính sách của Nhà nước; mở rộng các loại hình và gia tăng các chủ thể kinh doanh dịch vụ; nâng cao năng lực cung ứng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; hoàn thiện về cơ sở vật chất kỹ thuật; nâng cao nhận thức và hiểu biết của người sản xuất, kinh doanh nông nghiệp về việc ứng dụng các loại hình dịch vụ phục vụ PTNN xanh theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế..

Đỗ Thị Thu Hà và Lê Thị Tuyết Nhung (2023), “*Nghiên cứu, hoàn thiện nguồn thông tin và phương pháp tính giá trị sản xuất hoạt động dịch vụ nông nghiệp*”, [35]. Trong nghiên cứu này, hai tác giả xác định: “Hoạt động dịch vụ nông nghiệp gồm các hoạt động phụ trợ cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động liên quan (như thu hoạch sản phẩm nông nghiệp), thực hiện trên cơ sở hợp đồng thu phí; các hoạt động sau thu hoạch nhằm chuẩn bị để đưa các sản phẩm nông nghiệp vào

khâu tiêu thụ trên thị trường. Như vậy hoạt động DVNN là do đơn vị sản xuất thuê ngoài để thực hiện các công đoạn của quá trình tạo ra sản phẩm” [35]. Nghiên cứu cũng khẳng định, giá trị các hoạt động DVNN ở Việt Nam cùng ngày một tăng, do nền nông nghiệp ngày càng mở rộng quy mô sản xuất, ứng dụng công nghệ hiện đại, cùng “quá trình chuyên môn hóa trong các khâu sản xuất hàng hóa nông sản làm gia tăng các hoạt động thuê ngoài trong nông nghiệp” [35]. Từ đó, các tác giả đã chỉ ra những bất cập trong thu thập và sử dụng nguồn thông tin để tính giá trị hoạt động DVNN; và đề xuất cần hoàn thiện, bổ sung các thông tin: 1) Thông tin từ điều tra về tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài trong nông nghiệp; 2) Thiết lập hệ thống chia sẻ thông tin với Sở NN&PTNT; 3) Hoàn thiện phạm vi nội dung các hoạt động dịch vụ thuê ngoài, thuê khoán trong sản xuất trồng trọt và chăn nuôi; 4) Hoàn thiện danh mục nhóm sản phẩm nông nghiệp tính chỉ số giá phù hợp với danh mục sản phẩm tính toán để tính giá trị DVNN theo giá so sánh; 5) Lồng ghép thông tin cần thu thập của lĩnh vực DVNN định kỳ 5 năm một lần trong cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm và Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ. [35]

1.2.2.2. Các nghiên cứu trong nước về dịch vụ đầu ra cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Nguyễn Duy Mậu (2016), “*Tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Tây Nguyên - Việt Nam*” [57]. Du lịch nông nghiệp là một loại hình dịch vụ đầu ra cho PTNN. Chính du lịch góp phần giới thiệu, quảng bá quy trình sản xuất và tiêu thụ những sản phẩm nông nghiệp, tăng thu nhập cho người lao động nông nghiệp. Tác giả Nguyễn Duy Mậu đã trình bày những điều kiện về tự nhiên như địa hình, đất đai, khoáng sản, thủy văn, khí hậu và cả đặc điểm về văn hóa lễ hội của Tây Nguyên, sẽ là những thuận lợi để phát triển lĩnh vực du lịch nông nghiệp tại đây. Từ đó, tác giả phân tích những điểm mạnh cũng như điểm yếu của du lịch nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Tây Nguyên. Về điểm mạnh, đó là vị trí của Tây Nguyên gần khu vực kinh tế phát triển năng động là Đông Nam bộ; cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành du lịch từng bước được đầu tư phát triển; hạ tầng giao thông được xây dựng mới và cải tạo nâng cấp; dịch vụ lữ hành không ngừng phát triển; công tác quảng bá cũng được chú trọng. Tuy nhiên,

tác giả cũng chỉ rõ một số điểm yếu của du lịch nông nghiệp công nghệ cao ở Tây Nguyên như: du lịch còn mang tính thời vụ, bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết; di tích văn hóa, cảnh quan môi trường nhiều nơi xuống cấp chưa được cải tạo; vấn đề vay vốn của doanh nghiệp gặp nhiều trở ngại, thu hút FDI đầu tư vào du lịch nông nghiệp gặp khó khăn; doanh nghiệp du lịch chủ yếu đầu tư vào việc lưu trú, chưa quan tâm tới điểm du lịch, khu du lịch; sản phẩm du lịch chưa độc đáo, đa dạng; quản lý nhà nước về du lịch chưa đồng bộ. Kết luận, tác giả cho rằng du lịch gắn với PTNN công nghệ cao là xu hướng của khu vực và thế giới, Tây Nguyên cũng là địa phương có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch gắn với nông nghiệp công nghệ cao. Một số khuyến nghị tác giả nêu lên như: phát triển du lịch phù hợp với quy hoạch của Chính phủ về PTNN công nghệ cao; xây dựng các sản phẩm du lịch nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với thế mạnh của từng địa phương; xây dựng chiến lược thị trường cho du lịch nông nghiệp công nghệ cao, có sự liên kết với Lào và Campuchia; xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị của các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, chú trọng xây dựng các dịch vụ hỗ trợ và chuyển giao công nghệ; đào tạo nhân lực cho phát triển du lịch nông nghiệp công nghệ cao; chú trọng liên kết các doanh nghiệp và địa phương.

Nghiên cứu của tác giả Châu Phương Uyên (2018) về “*Phát triển du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long*” [109]. Tác giả đánh giá tiềm năng cho phát triển du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là rất lớn, như sự đa dạng về văn hóa ẩm thực, nét đẹp từ thiên nhiên vùng sông nước, biển đảo, những vườn cây ăn trái trĩu quả, ruộng lúa bạt ngàn, thủy hải sản phong phú,... Từ đó xây dựng các sản phẩm du lịch như du lịch làng nghề, du lịch miệt vườn, du lịch gắn với thưởng thức các đặc sản địa phương theo từng mùa. Việc phát triển các sản phẩm này sẽ góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ các nông phẩm, tạo việc làm và gia tăng thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, theo tác giả đánh giá, du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long còn mang tính tự phát, chưa được đầu tư đúng mức, tổ chức thiếu đồng bộ và chuyên nghiệp. Và để phát triển du lịch gắn với PTNN, cần có sự liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư một cách chặt chẽ hơn nữa.

Nguyễn Thị Hà (2019), “*Phát triển du lịch nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay*”. Tác giả xác định: “Du lịch nông nghiệp là loại hình du lịch phục vụ du khách dựa trên nền tảng các hoạt động sản xuất nông nghiệp” [36]. Từ đó, tác giả đã thực hiện phân tích một số mô hình du lịch nông nghiệp ở Việt Nam như: du lịch trang trại Ba Vì - Hà Nội; du lịch nông nghiệp miền núi phía Bắc; du lịch nông nghiệp Tây Nguyên; du lịch miệt vườn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tác giả đánh giá, hoạt động du lịch trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam mới hình thành thời gian gần đây và đã giúp cải thiện đời sống người dân địa phương đáng kể. Tuy nhiên, du lịch nông nghiệp cũng còn tồn tại nhiều vấn đề như: mang tính tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể; sản phẩm nghèo nàn, đơn điệu, trùng lặp; hệ thống cơ sở vật chất thiếu đồng bộ, chưa đảm bảo; nguồn nhân lực còn thiếu chuyên nghiệp. Tác giả cũng đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch nông nghiệp như: xây dựng chiến lược, chính sách quản lý phát triển du lịch cho toàn vùng; chiến lược về phát triển sản phẩm; nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ du khách; đào tạo nhân lực cho du lịch nông nghiệp.

Tạ Văn Tường và Đỗ Kim Chung (2019), “*Giải pháp cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại Hà Nội*” [96], nghiên cứu này thực hiện phân tích thực trạng và xây dựng giải pháp cung cấp các dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn ở Hà Nội. Các tác giả đã tiến hành khảo sát cả hai nhóm đối tượng, người cung cấp (Nhà nước và tư nhân) và người tiếp nhận dịch vụ, bằng phương pháp điều tra bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Nghiên cứu đã phân tích, đánh giá thực trạng cung cấp dịch vụ của hai nhóm chủ thể, đó là cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp, tư nhân. Trong chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn, các tác giả chia thành các khâu như: cung cấp đầu vào; chăn nuôi; giết mổ, chế biến; tiêu thụ; tiêu dùng. Trên cơ sở đánh giá về số lượng dịch vụ được cung cấp, phí sử dụng dịch vụ, phương thức cung cấp dịch vụ và sự hài lòng của chủ thể sử dụng dịch vụ, các tác giả khẳng định: có hiện tượng chùng chéo các loại dịch vụ trong cùng một đơn vị cung cấp hay giữa các đơn vị; các dịch vụ công do cơ quan quản lý nhà nước cung cấp còn nặng về tiền kiểm; một số dịch vụ do cơ quan quản lý nhà nước cung cấp nhưng người sử dụng chưa tiếp cận được; phí cung cấp dịch vụ của

cơ quan quản lý nhà nước thấp hơn so với tư nhân, song chi phí để tiếp cận dịch vụ này lại cao; khách hàng phần lớn chưa thực sự hài lòng về các dịch vụ họ đang sử dụng; các dịch vụ do đơn vị sự nghiệp và tư nhân cung cấp đạt hiệu quả và mức độ hài lòng cao hơn so với dịch vụ do cơ quan quản lý nhà nước cung cấp. Từ việc đánh giá được thực trạng cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại Hà Nội, công trình nghiên cứu đã đề xuất một số nhóm giải pháp: thứ nhất, điều chỉnh lại các dịch vụ công theo hướng từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tăng cường sự tham gia cung cấp dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp và tư nhân; thứ hai, xác định lại nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ công; thứ ba, đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ công, đặc biệt tăng cường cung cấp dịch vụ bằng phương thức hiện đại (trực tuyến); thứ tư, đổi mới cơ chế phí và giá cung cấp dịch vụ công; thứ năm, tăng cường thực hiện việc tuyên truyền và phổ biến các dịch vụ công đến các tác nhân tham gia và cả chưa tham gia chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại Hà Nội.

Đào Anh Xuân (2021), “*Sản xuất theo chuỗi giá trị: hướng phát triển mới cho hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên*” [114]. Như đã trình bày ở phần trên, công trình nghiên cứu đã phân tích một trường hợp cụ thể, đó là chuỗi giá trị gạo Hoa Vàng tại HTX DVNN An Nghiệp thuộc tỉnh Phú Yên, để đánh giá vai trò của việc sản xuất theo chuỗi giá trị trong việc nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp. Tác giả cho thấy nông dân khi tham gia vào chuỗi giá trị ngoài việc được cung ứng gần dịch vụ đầu vào, còn được cung ứng cả các dịch vụ đầu ra. Đó là các dịch vụ thu hoạch, sơ chế, thông HTX để đưa gạo tới các đại lý, các cơ sở bán lẻ. Rõ ràng nông dân và các thành viên HTX khi tham gia vào sản xuất theo chuỗi giá trị, với sự cung ứng của các loại DVNN sẽ góp phần làm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, an toàn và ít rủi ro hơn. Tác giả cũng cho rằng, địa phương cần quan tâm hơn nữa, hỗ trợ các HTX DVNN phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao, kết nối thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế.

Luận án tiến sĩ của tác giả Trần Thị Thanh Xuân (2021) về “*Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh ở tỉnh Bắc Ninh*” [116]. Bên cạnh việc khảo sát, nghiên cứu các dịch vụ hỗ trợ đầu vào cho phát triển sản xuất nông nghiệp xanh ở Bắc

Ninh, tác giả luận án cũng nghiên cứu các dịch vụ hỗ trợ đầu ra cho nền nông nghiệp xanh nơi đây. Các dịch vụ đầu ra được nghiên cứu gồm có: dịch vụ bảo quản hậu thu hoạch và chế biến nông sản; dịch vụ phát triển thương hiệu nông sản xanh; dịch vụ hỗ trợ và phát triển thị trường tiêu thụ nông sản xanh. Tác giả của luận án đánh giá, các dịch vụ phục vụ đầu ra cho PTNN xanh ở Bắc Ninh có sự phát triển trong giai đoạn 2010 - 2018, đã đẩy mạnh ứng dụng KHCN trong dịch vụ về chế biến, bảo quản; dịch vụ xây dựng, đăng ký và bảo hộ thương hiệu cho nông sản được hình thành ngày càng nhiều; dịch vụ phát triển thị trường và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm được quan tâm, hình thành nhiều chuỗi sản xuất - tiêu thụ nông sản. Tuy nhiên, những dịch vụ này ở tỉnh Bắc Ninh cũng còn nhiều hạn chế như: nguồn cung dịch vụ còn ít, chưa có sự tham gia nhiều của các đơn vị cung ứng là doanh nghiệp; HTX chủ yếu tham gia cung ứng các dịch vụ đầu vào,... Về giải pháp, tác giả xây dựng thành các nhóm giải pháp theo vấn đề chứ không chia theo đầu vào và đầu ra, tập trung vào các nhóm như: cơ chế, chính sách; gia tăng chủ thể cung ứng; phát triển năng lực cung ứng; nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước; xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật; nâng cao hiểu biết của người sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển tư duy làm kinh tế nông nghiệp.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình

Từ nhiều cách tiếp cận phù hợp với mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của các công trình trong và ngoài nước về nông nghiệp ở thành phố và dịch vụ cho PTNN trên đây. Có thể tóm lược các nội dung vấn đề nghiên cứu đã được làm sáng tỏ như:

1.3.1.1. Về phát triển nông nghiệp ở thành phố

Quan niệm về nông nghiệp ở thành phố hay nông nghiệp đô thị

Mặc dù có nhiều quan niệm nhưng cơ bản các nhà nghiên cứu thống nhất ở chỗ: nông nghiệp đô thị là muốn nói tới nền nông nghiệp diễn ra trong không gian đô thị (nội đô, vùng ven và ngoại ô) với những điều kiện khác biệt so với vùng nông thôn.

Vai trò, tác động của nông nghiệp ở thành phố

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định sự cần thiết của việc PTNN trong đô thị,

đặc biệt trong bối cảnh quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng và lan rộng trên toàn thế giới. Trên cơ sở đó, các công trình nghiên cứu đã làm rõ vai trò quan trọng của nông nghiệp đô thị, đặc biệt là mô hình nông nghiệp đô thị bền vững, đối với sự phát triển của các thành phố hiện đại. Cụ thể, nông nghiệp đô thị góp phần cung cấp thực phẩm tươi sống tại chỗ cho dân cư đô thị đông đúc; thúc đẩy sự phát triển chung của ngành nông nghiệp; tạo việc làm và tăng thu nhập cho một bộ phận người lao động tại thành thị; đồng thời góp phần tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường đô thị.

Về cơ hội, thách thức của PTNN ở thành phố

Nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới và cả ở trong nước đã phân tích làm rõ những cơ hội của nông nghiệp ở thành phố, như thị trường tiêu thụ tại chỗ, sự phát triển của KHCN, sự tác động tới môi trường sinh thái và cảnh quan đô thị, ... Bên cạnh đó là những thách thức mà nông nghiệp ở thành phố phải đối mặt, đó là không gian sản xuất, khả năng thu lợi nhuận hay cơ chế, chính sách của chính quyền.

Một số công trình, đặc biệt là các công trình nghiên cứu ở nước ngoài cho rằng PTNN đô thị cũng là cung cấp một “dịch vụ hệ sinh thái” cho các thành phố, tuy nhiên việc lượng hóa và xác định chi phí, giá cả cho loại dịch vụ này có nhiều khó khăn; và cần có sự hỗ trợ từ phía chính quyền để phát triển.

Về giải pháp PTNN ở thành phố

Để thúc đẩy nông nghiệp ở thành phố phát triển theo hướng hiện đại, nhiều nghiên cứu đề xuất sự hỗ trợ từ phía chính quyền về mặt bằng, về tiếp cận tín dụng, về chính sách miễn giảm thuế và các hỗ trợ về giống, chuyển giao công nghệ, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường. Cùng với đó là đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt công nghệ cao, công nghệ số. Liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ nông phẩm cũng được nhiều nghiên cứu đề cập tới.

1.3.1.2. Về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN ở thành phố

Nhiều nghiên cứu cả ngoài nước và trong nước đã xác định vai trò quan trọng của dịch vụ cho PTNN, đặc biệt ở khu vực đô thị. Như dịch vụ hệ sinh thái,

nếu chính quyền các đô thị quan tâm và đánh giá đúng vai trò của dịch vụ này, sẽ góp phần phát triển bền vững các loại hình nông nghiệp tại thành phố. Hay các dịch vụ hỗ trợ các yếu tố đầu vào và phục vụ sản xuất sẽ thúc đẩy quá trình ứng dụng KHCN, tăng năng suất, nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông nghiệp ở thành phố. Cả những dịch vụ hỗ trợ đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, như kết nối người sản xuất với người tiêu dùng, xây dựng và quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường, ... sẽ góp phần nâng cao giá trị cho nông phẩm, thúc đẩy việc tiêu thụ và bảo đảm quá trình sản xuất diễn ra ổn định. Một số nghiên cứu cũng đề xuất tới hoạt động du lịch nông nghiệp, đây cũng là dịch vụ thúc đẩy PTNN đô thị, những nông trại ở đô thị hay ven đô thị có thể là điểm tham quan, nghỉ dưỡng cho cư dân thành phố sau những ngày làm việc căng thẳng, hay là nơi học sinh, sinh viên có thể đi trải nghiệm thực tế trong lĩnh vực sản xuất lương thực, thực phẩm.

Thực trạng và giải pháp thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN ở thành phố

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã trình bày, phân tích thực trạng và giải pháp đẩy mạnh cung ứng dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Có những công trình nghiên cứu đánh giá các dịch vụ công và dịch vụ tư nhân, có công trình phân tích thực trạng các dịch vụ hỗ trợ đầu vào và đầu ra. Một số nghiên cứu lại tập trung vào một số dịch vụ cơ bản nào đó, như: các chính sách của nhà nước trong hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; các dịch vụ khuyến nông được cung cấp bởi chính quyền địa phương; dịch vụ tài chính; dịch vụ hỗ trợ trong việc liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản; dịch vụ về xây dựng tiêu chuẩn, phát triển thương hiệu và quảng bá nông phẩm; và cả du lịch nông nghiệp.

Nhìn chung, các công trình đều chỉ ra sự cần thiết và vai trò quan trọng của dịch vụ đối với PTNN, và nêu lên những khó khăn, hạn chế của dịch vụ cả về số lượng và cả chất lượng đang làm cho sản xuất nông nghiệp đô thị ở nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tương xứng với điều kiện phát triển. Trên cơ sở phân tích thực trạng các dịch vụ cho PTNN ở địa bàn thành phố, các nghiên cứu đã đưa ra những khuyến nghị hay đề xuất giải pháp hướng vào các vấn đề như: cần có sự hỗ trợ của nhà nước hay chính quyền địa phương; đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao trong cả sản xuất và tiêu thụ. Một số công trình nghiên cứu về nông

ngành đô thị cũng xác định việc đẩy mạnh cung ứng các DVNN là giải pháp để PTNN hiện đại tại các thành phố.

Do cách tiếp cận, nội dung và phạm vi nghiên cứu, đặc biệt do sự phát triển nhanh của cách mạng KHCN với nhiều thành tựu nổi bật và vượt trội được ứng dụng trong PTNN, một số vấn đề và giải pháp của các công trình nghiên cứu đã xây dựng không phải phù hợp với mọi địa phương, và đang tỏ ra lạc hậu so với thực tiễn. Vì vậy, để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy dịch vụ cho PTNN trong điều kiện mới, gắn với một thành phố cụ thể ở Việt Nam đang có tốc độ đô thị hóa rất nhanh, cần tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc.

1.3.2. Khoảng trống trong các công trình đã công bố về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố và hướng nghiên cứu tiếp tục của luận án

1.3.2.1. Những khoảng trống luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Tiếp cận từ góc độ nghiên cứu kinh tế chính trị, có thể thấy những khoảng trống trong các công trình khoa học đã công bố trên các mặt như sau:

Một là, về lý luận: các công trình trong nước và quốc tế mới tiếp cận ở các góc độ khác nhau như: nông nghiệp đô thị, dịch vụ hệ sinh thái, dịch vụ công - dịch vụ tư hay đi vào phân tích một loại hình dịch vụ cụ thể nào đó mà chưa có công trình nghiên cứu nào trình bày khái quát, đầy đủ khung lý luận về dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Đó là khái niệm dịch vụ cho PTNN ở thành phố, cũng với đó là đặc điểm, vai trò, nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng.

Hai là, về thực tiễn: nhiều nghiên cứu về nông nghiệp ở TPHCM, song chủ yếu tập trung vào phân tích, đánh giá thực trạng và định hướng giải pháp PTNN đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hay tập trung vào một lĩnh vực nông nghiệp nào đó mà chưa có tác giả nào tập trung nghiên cứu về thực trạng các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho PTNN tại TPHCM, đặc biệt trong điều kiện cách mạng KHCN diễn ra nhanh mạnh như hiện nay.

Từ những khoảng trống trên, nghiên cứu sinh đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu cụ thể sau:

Câu hỏi 1: Dịch vụ cho PTNN ở thành phố là gì? Sử dụng khung lý luận nào để nghiên cứu, đánh giá dịch vụ cho PTNN ở thành phố?

Câu hỏi 2: Dịch vụ cho PTNN ở TPHCM thời gian qua đã đạt được những kết quả, và còn những hạn chế gì? Đây là nguyên nhân của những kết quả, hạn chế đó?

Câu hỏi 3: Trong bối cảnh hiện nay, xây dựng quan điểm thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM như thế nào cho phù hợp? Việc khắc phục những hạn chế, thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đến năm 2030 cần tập trung thực hiện những giải pháp nào?

1.3.2.3. Hướng nghiên cứu của đề tài luận án

Căn cứ vào những khoảng trống nêu trên và các câu hỏi nghiên cứu đã được đặt ra, tác giả luận án tập trung hướng nghiên cứu vào các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tiến hành hệ thống hóa, bổ sung để xây dựng cơ sở lý luận về dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Cụ thể, trong phạm vi nghiên cứu, luận án sẽ làm rõ nội hàm của khái niệm dịch vụ cho PTNN ở thành phố; phân tích để làm sáng tỏ về đặc điểm, vai trò của dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Xác định nội dung, tiêu chí đánh giá và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

Thứ hai, phân tích, khảo sát, đánh giá thực trạng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, tập trung vào các dịch vụ đầu vào như: khuyến nông; cung ứng giống cho năng suất cao; tư vấn, chuyển giao KHCN; ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp. Cung các dịch vụ đầu ra bao gồm: bảo quản, chế biến sau khi thu hoạch; quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm; xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền; và du lịch nông nghiệp. Từ thực trạng các loại hình dịch vụ cho PTNN, luận án chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân để làm cơ sở cho việc xây dựng giải pháp.

Thứ ba, trên cơ sở xem xét bối cảnh trong nước và thế giới có ảnh hưởng đến nông nghiệp, dịch vụ cho PTNN ở thành phố, đồng thời căn cứ vào việc phân tích, đánh giá về thực trạng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, luận án đề xuất quan điểm, xây dựng và phân tích các giải pháp thúc đẩy các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đến năm 2030.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

*

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

2.1.1. Khái niệm và phân loại dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

2.1.1.1. Dịch vụ

Trong khoa học Kinh tế chính trị, dịch vụ được xem là một loại hàng hóa vô hình, cũng có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị. Giá trị của hàng hóa dịch vụ chính là lao động xã hội để tạo ra dịch vụ. Giá trị sử dụng của hàng hóa dịch vụ là sự thỏa mãn nhu cầu của người sử dụng dịch vụ. Tuy nhiên, khác với các hàng hóa thông thường (hàng hóa vật thể, hữu hình), hàng hóa dịch vụ không thể cất trữ được, quá trình sản xuất và quá trình lưu thông diễn ra đồng thời. Mặc dù các nhà kinh tế trọng nông không coi trọng ngành dịch vụ, vì họ cho rằng chỉ có nông nghiệp mới làm tăng thêm của cải quốc dân, còn các ngành chế tạo công nghiệp, thương mại và dịch vụ là không sinh lợi [75, tr.11]. Tuy nhiên, Adam Smith hay Các Mác và các nhà kinh tế sau này đều khẳng định vai trò quan trọng của các ngành thương mại và dịch vụ. Trong tác phẩm Tư bản, khi phân tích về vai trò của tư bản thương nhân hay thương nghiệp, Mác cho rằng, mặc dù chúng không trực tiếp tạo ra giá trị và giá trị thặng dư, nhưng lại góp phần: tiết kiệm tư bản xã hội, tăng tư bản đầu tư cho sản xuất; mở rộng quy mô thị trường dẫn đến mở rộng quy mô kinh doanh; rút ngắn thời gian lưu thông, làm tăng giá trị thặng dư và tỷ suất lợi nhuận cho nhà tư bản công nghiệp [55, tr.425-426].

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay, ngành dịch vụ có sự phát triển rất mạnh mẽ, không chỉ thương mại mà xuất hiện rất nhiều các lĩnh vực dịch vụ khác, giúp cho các hoạt động sản xuất cả đối với công nghiệp, nông nghiệp và các hoạt động đời sống xã hội diễn ra thuận lợi, hiệu quả hơn, giúp kết nối tốt hơn giữa sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng và trong mỗi hoạt động.

Theo nghiên cứu của hai tác giả Zeithaml & Bitner: dịch vụ là những hành động, tiến trình, cách thức thực hiện một công việc nhằm tạo ra giá trị cho người sử dụng thông qua việc làm thỏa mãn một nhu cầu và mong đợi nào đó từ họ [145].

Trong Điều 4 Luật Giá năm 2012 của Việt Nam quy định: “Dịch vụ là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không tách rời nhau, bao gồm các loại dịch vụ trong hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam theo quy định của pháp luật” [70].

Theo Tiêu chuẩn Việt Nam ISO 8402:1999 giải thích thuật ngữ “dịch vụ là kết quả tạo ra do các hoạt động khi giao tiếp giữa người cung ứng với khách hàng, và do các hoạt động nội bộ của người cung ứng để đáp ứng nhu cầu của khách hàng” [13].

Như vậy, dịch vụ được xác định là một lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế quốc dân cùng với nông nghiệp và công nghiệp - xây dựng, bao hàm tất cả các hoạt động phục vụ sản xuất - kinh doanh và sinh hoạt của xã hội. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, phân công lao động xã hội ngày càng sâu sắc cũng làm xuất hiện hàng trăm, hàng ngàn loại hình dịch vụ khác nhau. Không chỉ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp mà còn có nhiều dịch vụ trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, KHCN, hành chính công, ...

2.1.1.2. Dịch vụ nông nghiệp

Nông nghiệp là ngành kinh tế cơ bản trong cơ cấu ngành kinh tế quốc dân. Mặc dù theo xu hướng phát triển của thời đại, giá trị kinh tế mà ngành nông nghiệp đóng góp vào GDP các quốc gia ngày càng giảm, tuy nhiên nông nghiệp chắc chắn là ngành kinh tế không thể mất đi trong lịch sử phát triển của xã hội loài người.

Theo Đinh Phi Hổ: “Nông nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Hoạt động nông nghiệp không những gắn liền với các yếu tố kinh tế - xã hội mà còn gắn với các yếu tố tự nhiên. Nông nghiệp theo nghĩa rộng gồm có trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản”. [42, tr.5]

Với sự phát triển của nền sản xuất xã hội, chuyên môn hóa và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu sắc. Sự phân công lao động diễn ra ở cả phạm vi toàn xã hội và diễn ra trong từng nhóm ngành, lĩnh vực. Trong nông nghiệp, sự phân công

lao động không chỉ diễn ra theo chiều ngang (với các lĩnh vực như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản) mà còn theo cả chiều dọc, đó là sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị với các hoạt động dịch vụ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nông nghiệp ngày càng xuất hiện nhiều và phát triển mạnh mẽ. Đây là sự phân chia các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thành các khâu, các bộ phận với sự chuyên môn hóa cao. Như vậy, DVNN là hoạt động không thể thiếu trong quá trình phát triển ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại ngày nay trên toàn thế giới.

Tác giả Herve S. Colman và cộng sự trong nghiên cứu “Agricultural services on the demand and supply for improving agricultural productivity in Benin” cho rằng: DVNN đề cập đến các hoạt động thị trường (cung cấp đầu vào và thiết bị, tín dụng, chăm sóc thú y, chứng nhận sản phẩm) và các hoạt động phi thị trường (mở rộng, tư vấn và đào tạo) cần thiết để cải thiện hiệu quả hoạt động của các trang trại/doanh nghiệp nông nghiệp, tiếp cận thị trường và khả năng cạnh tranh của họ [127].

Theo tác giả Lawrence D. Smith: DVNN được hiểu là “nhóm các dịch vụ gồm cung cấp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, cung cấp tín dụng, tư vấn/cung cấp thông tin kiến thức nông nghiệp, đào tạo kỹ thuật nông nghiệp, cung cấp cơ sở hạ tầng, marketing sản phẩm nông nghiệp” [dẫn theo 81].

Trong nghiên cứu Phát triển DVNN ở ngoại thành Hà Nội, tác giả Nguyễn Văn Lâm đã xác định: “Dịch vụ nông nghiệp là loại hình hoạt động dịch vụ trong nông nghiệp chuyên cung ứng dịch vụ đầu vào, đầu ra cho quá trình sản xuất hàng hóa nông nghiệp, nhằm mục đích nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của hộ gia đình và xã hội” [51].

Như vậy, DVNN được hiểu là toàn bộ các hoạt động phục vụ cho phát triển kinh tế nông nghiệp, thúc đẩy quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm nông nghiệp, mang lại lợi ích cho người cung cấp và sử dụng dịch vụ, cho người tiêu dùng và xã hội.

2.1.1.3. Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Sản xuất nông nghiệp ngay tại thành phố, hay còn gọi là nông nghiệp đô thị

đang ngày càng được các quốc gia trên thế giới chú trọng. Trong nghiên cứu về nông nghiệp đô thị, an ninh lương thực và hệ thống lương thực đô thị bền vững ở Trung Quốc, tác giả Sriram Natrajan cho rằng: nông nghiệp đô thị là sản xuất, chế biến, tiếp thị thực phẩm và các sản phẩm liên quan ở khu vực đô thị và ven đô, thường thông qua chuyên sâu về trồng trọt và tiêu dùng trong cùng một khu vực đô thị hoặc ven đô [dẫn theo 132].

Theo tác giả Vũ Thị Mai Hương: Nông nghiệp đô thị là ngành kinh tế trong đô thị và ven đô thị; vừa cung cấp lương thực, thực phẩm tươi sống tại chỗ, hoa tươi, sinh vật cảnh; vừa tạo thêm không gian xanh và cơ hội thư giãn cho người dân đô thị; nông nghiệp đô thị sử dụng và tái sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, chất thải đô thị; ứng dụng kỹ thuật thâm canh cao, thường mang lại hiệu quả kinh tế cao [45]. Tác giả Hồ Cao Việt cho rằng: “Nông nghiệp đô thị diễn ra ở vùng thành thị hoặc ven đô được tích hợp rất nhiều hoạt động chủ yếu là sản xuất nông nghiệp với hoạt động kinh tế, tiếp thị, kinh doanh nhằm mang lại nguồn thu nhập và phúc lợi, tạo cảnh quan đẹp và bảo vệ môi trường; cải thiện sức khỏe và môi trường sống cho cộng đồng cư dân nội thị và ngoại thị” [112, tr.108].

Như vậy, nông nghiệp ở thành phố là các hoạt động kinh tế nông nghiệp diễn ra ở nội thành và ngoại thành, vừa sản xuất và cung cấp nông sản, vừa tạo việc làm, mang lại thu nhập và cải thiện môi trường sống, mỹ quan đô thị. Trên cơ sở khái quát các nghiên cứu về DVNN, nông nghiệp đô thị hay nông nghiệp ở thành phố, đề tài đưa ra quan niệm về dịch vụ cho PTNN ở thành phố:

Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố là tổng thể các hoạt động phục vụ cho sản xuất và lưu thông trong nông nghiệp, đa dạng các chủ thể cung cấp và sử dụng, nhằm tăng năng suất, chất lượng, kết quả sản xuất - kinh doanh, hướng tới phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững ở khu vực thành phố.

Dịch vụ phục vụ PTNN đô thị bao gồm các hoạt động hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp trong phạm vi thành phố. Các hoạt động này được thể hiện qua việc cung cấp và sử dụng các loại hình dịch vụ trong nông nghiệp, đồng thời phản ánh mối quan hệ giữa các tổ chức và cá nhân tham gia vào quá trình cung ứng và tiếp nhận các dịch vụ đó, với mục tiêu đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông

nghiệp cũng như nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của cư dân đô thị. Do đó, dịch vụ cho PTNN ở thành phố bao hàm những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, dịch vụ cho PTNN gồm các hoạt động tạo ra và sử dụng DVNN. Đó là các hoạt động cung ứng vốn, giống, quy trình, công nghệ, tư vấn, thiết bị, vật tư nông nghiệp cho đến các dịch vụ hỗ trợ khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm như phân loại, đóng gói, vận tải, kho bãi, phân phối, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường, ...

Thứ hai, dịch vụ cho PTNN ở các thành phố phản ánh quan hệ kinh tế giữa ba chủ thể: chủ thể quản lý, chủ thể cung cấp và chủ thể sử dụng các dịch vụ nông nghiệp, cụ thể là:

Chủ thể quản lý dịch vụ là các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội từ Trung ương tới chính quyền thành phố. Chủ thể quản lý nhà nước thực hiện điều hòa lợi ích hợp pháp của các bên cung cấp và sử dụng dịch vụ, tạo điều kiện cho các chủ thể này thực hiện hoạt động tìm kiếm lợi ích kinh tế, đồng thời kiểm soát quan hệ lợi ích và giải quyết các mâu thuẫn.

Chủ thể cung cấp dịch vụ bao gồm cả khu vực nhà nước và ngoài nhà nước. Nhà nước cung cấp các dịch vụ cơ bản như: dịch vụ khuyến nông, dịch vụ hành chính, dịch vụ hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, ... Các doanh nghiệp, HTX, cá nhân có thể cung cấp nhiều loại hình dịch vụ, đa dạng, linh hoạt, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp phát triển ở khu vực thành phố.

Chủ thể sử dụng dịch vụ cũng chính là các nhà nông, chủ trang trại, HTX hay doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp. Ngành kinh tế nông nghiệp càng phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh, quy mô lớn và ứng dụng công nghệ cao thì nhu cầu sử dụng dịch vụ càng lớn. Nhà nước cần tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi để hình thành và phát triển các chủ thể sử dụng cũng như chủ thể cung cấp DVNN.

Thứ ba, mục đích dịch vụ cho PTNN ở thành phố hướng tới là thúc đẩy nông nghiệp đô thị phát triển theo hướng hiện đại, bền vững. Vừa tác động tới các hoạt động kinh tế theo hướng đẩy mạnh CNH, HĐH, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ liên quan nông nghiệp; vừa hướng tới các mục tiêu xã hội, như giải quyết

các vấn đề về việc làm, thu nhập, an ninh lương thực; đồng thời góp phần bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái nơi thành thị.

2.1.1.4. Phân loại dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Dịch vụ cho PTNN ở thành phố hướng tới hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại, bền vững, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, chú trọng chất lượng và thương hiệu sản phẩm. Có nhiều chủ thể cung ứng, đa dạng các loại hình dịch vụ và đáp ứng các khâu của quá trình sản xuất và lưu thông, bao gồm cả sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp. Từ đó có thể phân loại dịch vụ cho PTNN ở thành phố theo nhiều tiêu thức khác nhau:

** Theo chủ thể cung ứng bao gồm: dịch vụ công, dịch vụ tư và dịch vụ xã hội, theo đó:*

- *Dịch vụ công cho PTNN* là các loại dịch vụ do Nhà nước thực hiện, bao gồm dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích.

Dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực nông nghiệp là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cấp cho các tổ chức, cá nhân dưới hình thức giấy tờ có giá trị pháp lý liên quan tới phát triển kinh tế nông nghiệp. Đó là các giấy phép liên quan đến bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm, bảo hộ giống cây trồng, vật nuôi, kiểm dịch,...

Dịch vụ sự nghiệp công cho PTNN do Nhà nước cung ứng như quy hoạch, điều tra thống kê, tuyên truyền, đào tạo, kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa, thủy lợi, nghiên cứu chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại,...

Dịch vụ công ích cho PTNN là hoạt động phi lợi nhuận, Nhà nước có trách nhiệm đảm bảo cung ứng cho xã hội như phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi; chăm sóc cây xanh, chiếu sáng đô thị; cứu hộ, cứu nạn; lưu trữ giống gốc,... Nguồn tài chính cấp cho hoạt động dịch vụ công ích chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước, một phần từ nguồn khác hoặc do người dân đóng góp.

- *Dịch vụ tư cho PTNN* do các cá nhân, hộ gia đình, HTX hay doanh nghiệp cung cấp như: dịch vụ hỗ trợ các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, dịch vụ vận tải, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường, dịch vụ bảo quản, chế biến

nông sản, ...

- *Dịch vụ xã hội cho PTNN* do các tổ chức xã hội đứng ra cung cấp, như các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, nâng cao dân trí, khuyến nông, các hoạt động thiện nguyện [116, tr.44].

Đây là sự phân loại dịch vụ cho PTNN dựa trên chủ thể kinh doanh dịch vụ, còn về nội dung có thể một loại dịch vụ được cung ứng bởi nhiều chủ thể hay được chuyển từ chủ thể này sang chủ thể khác.

* *Theo công dụng mà dịch vụ cho PTNN đáp ứng: hiện nay ở Việt Nam có các loại dịch vụ phổ biến như* [86]:

- *Dịch vụ trồng trọt* là các hoạt động hỗ trợ cho nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt, như: xử lý cây trồng; phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh; cắt, xén, tỉa cây lâu năm; làm đất, gieo, cấy, sạ, thu hoạch; kiểm tra hạt giống, cây giống; cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển; hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt,...

- *Dịch vụ chăn nuôi* bao gồm các hoạt động hỗ trợ cho việc chăn nuôi như: các hoạt động về nhân giống, thụ tinh nhân tạo; chăn dắt, cho ăn, cho thuê đồng cỏ; thiến hoạn gia súc, gia cầm, rửa chuồng trại, lấy phân; cắt xén lông cừu, đóng móng ngựa; nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú,...

- *Dịch vụ sau thu hoạch* là các hoạt động chuẩn bị trước khi bán hàng như: làm sạch, phân loại, sơ chế, phơi sấy,...

- *Dịch vụ xử lý hạt giống* gồm các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn lựa một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, sau đó phơi khô, làm sạch, và bảo quản cho đến khi chúng được tiêu thụ trên thị trường.

- *Dịch vụ lâm nghiệp* là các hoạt động được chuyên môn hóa trên cơ sở thuê mướn hoặc hợp đồng các công việc phục vụ lâm nghiệp. Các dịch vụ lâm nghiệp như: hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp; hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh; quản lý lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng; hoạt động đánh giá gỗ, ước lượng số cây trồng; hoạt động vận chuyển gỗ và lâm sản khai thác đến cửa rừng...;

- *Dịch vụ nuôi trồng và khai thác thủy sản* bao gồm các loại dịch vụ hỗ trợ nuôi trồng và khai thác thủy sản như: cho thuê máy móc, thiết bị; tư vấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ chuyển giao công nghệ; cung cấp con giống, thức ăn và thuốc thú y, ...;

** Theo quy trình sản xuất: có thể chia thành 02 nhóm DVNN, đó là các dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra:*

- Dịch vụ cung ứng các yếu tố đầu vào cho PTNN ở thành phố là những dịch vụ hỗ trợ các khâu với tư cách là đầu vào cho hoạt động sản xuất nông nghiệp như: dịch vụ khuyến nông; dịch vụ tài chính, viễn thông, thủy lợi, vận tải; cung ứng giống cây, con; cung ứng thiết bị, vật tư; cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; dịch vụ thú ý; KHCN, ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp, ...;

- Dịch vụ cung ứng các yếu tố đầu ra cho PTNN ở thành phố như: dịch vụ phân loại, đóng gói, chế biến, bảo quản nông sản; dịch vụ bán hàng và xây dựng thương hiệu nông phẩm; dịch vụ phát triển và mở rộng thị trường; du lịch nông nghiệp,...

2.1.2. Đặc điểm của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

2.1.2.1. Thuận lợi trong việc tiếp cận với các nguồn lực để phát triển

Quá trình đô thị hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, với sự xuất hiện của ngày càng nhiều các thành phố, diện tích đô thị, khu công nghiệp không ngừng được mở rộng, kéo theo đó là diện tích nông thôn, diện tích đất nông nghiệp giảm xuống. Vấn đề lương thực, thực phẩm trở nên rất quan trọng với các quốc gia trong điều kiện thế giới nhiều diễn biến phức tạp. Nhu cầu tự chủ, hay tự chủ một phần về lương thực, thực phẩm cũng được đặt ra ở các thành phố, đặc biệt là các thành phố lớn - siêu đô thị. Làm nông nghiệp trong lòng thành phố, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ven đô hay ngoại ô được đề cập ngày càng nhiều hơn. Với sự phát triển về phương thức sản xuất của xã hội loài người, tính chuyên môn hóa trong sản xuất ngày càng cao, để thúc đẩy nông nghiệp ở thành phố phát triển, các DVNN cũng ra đời và không ngừng phát triển. Dịch vụ cho PTNN ở thành phố có nhiều thuận lợi về tiếp cận các yếu tố đầu vào như vốn, nhân lực chất lượng cao, kỹ thuật, công nghệ hiện đại.

Khu vực đô thị là những nơi mà các hoạt động kinh tế diễn ra sôi động nhất trong một nền kinh tế hay một quốc gia, ở đó các ngành dịch vụ phát triển rất mạnh,

đặc biệt là dịch vụ về tài chính, tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm... Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc tiếp cận vốn - yếu tố đầu vào quan trọng đối với sản xuất, kinh doanh. Do vậy, các loại hình dịch vụ cho PTNN ở khu vực các thành phố sẽ dễ dàng hơn trong việc thu hút, huy động vốn đầu tư từ nhiều kênh để khởi nghiệp hay phát triển mô hình kinh doanh. Với sự phát triển của xã hội nói chung và ở đất nước Việt Nam hiện nay nói riêng, nhu cầu sử dụng sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng ngày càng tăng lên. Kinh tế nông nghiệp phát triển theo hướng chuyên môn hóa ngày càng sâu. Để đáp ứng được những nhu cầu sử dụng dịch vụ cho PTNN, cả đầu vào và đầu ra, phải đầu tư những máy móc, công nghệ hiện đại, chi phí về vốn lớn. Đây cũng chính là lý do mà người sản xuất nông nghiệp thay vì tự đầu tư, đảm nhận tất cả các khâu trong sản xuất và lưu thông, đã chuyển sang sử dụng dịch vụ cho một số công đoạn nào đó để tăng tính hiệu quả về kinh tế và nâng cao chất lượng nông sản. Cho nên, dịch vụ cho PTNN ở khu vực đô thị có những thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nguồn lực vốn để phát triển.

Bên cạnh đó, nhân lực cũng là yếu tố đầu vào không thể thiếu của quá trình sản xuất, kinh doanh. Đô thị luôn là nơi tập trung đông dân nhất, ví dụ như với hơn 20 triệu dân sinh sống ở Bắc Kinh, Thượng Hải của Trung Quốc, hay hơn 10 triệu dân sinh sống như ở Tokyo của Nhật Bản, Mumbai của Ấn Độ. Ở Việt Nam, TPHCM và Hà Nội đều có hơn 8 triệu dân sinh sống. Mặt khác, các thành phố lớn cũng thường là nơi tập trung các cơ sở đào tạo nhân lực từ học nghề, đại học và sau đại học. Do đó, hàng năm luôn có một lượng lớn người lao động qua đào tạo tốt nghiệp, có nhu cầu tìm kiếm việc làm ở khu vực đô thị. Đây là thuận lợi cho nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh trong mọi lĩnh vực tuyển dụng nhân sự. Khác với các doanh nghiệp kinh doanh DVNN ở khu vực nông thôn, có thể khó khăn trong việc tìm kiếm lao động, đặc biệt là những vị trí đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn cao, tuyển dụng lao động cho phát triển các DVNN ở đô thị sẽ dễ dàng hơn nhiều.

Về mặt kỹ thuật, công nghệ, các đơn vị kinh doanh DVNN ở thành phố sẽ dễ dàng trong việc đầu tư những kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp để cung ứng những dịch vụ tốt nhất tới khách hàng. Các thành phố lớn cũng thường là những trung tâm nghiên cứu, trung tâm về khoa học, công nghệ, do đó,

thị trường khoa học, công nghệ ở khu vực đô thị cũng được phát triển đầy đủ hơn. Đó là những thuận lợi trong việc tiếp cận các yếu tố đầu vào cho hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực DVNN ở các thành phố, cả về vốn, nhân lực và đặc biệt là công nghệ, kỹ thuật hiện đại.

2.1.2.2. Gắn với kỹ thuật, công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp đô thị hiện đại

Nông nghiệp ở thành phố ngày càng được nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là các thành phố lớn, quan tâm đầu tư phát triển. Vai trò của nông nghiệp đô thị đã được nhiều nghiên cứu chỉ rõ, không chỉ cung cấp số lượng lớn thực phẩm tươi sống tại chỗ cho nhu cầu hàng ngày của cư dân thành thị, nông nghiệp đô thị cũng tạo công ăn việc làm, thu nhập đáng kể cho người lao động, tạo cảnh quan, góp phần cân bằng lại môi trường sinh thái nơi đô thị đông đúc, ... Một trong những đặc điểm nổi bật của nông nghiệp đô thị là thường canh tác trên diện tích chật hẹp. Do quá trình đô thị hóa và CNH ở các thành phố diễn ra mạnh mẽ, nên nhiều diện tích đất, mặt nước được chuyển từ mục đích sử dụng cho nông nghiệp sang các mục đích khác như khu công nghiệp, khu dân cư, hạ tầng giao thông đô thị và các công trình xã hội khác. Chính vì vậy, nông nghiệp đô thị thường chú trọng vào thâm canh tăng năng suất với việc ứng dụng công nghệ cao. Thậm chí, để khắc phục hạn chế về diện tích và tiết kiệm tài nguyên ở khu vực nội đô, tại nhiều thành phố lớn trên thế giới xuất hiện những mô hình canh tác trên mái nhà, ban công hay nông trại thẳng đứng (*vertical farming*). Tiêu biểu như nông trại thẳng đứng Aero Farm ở bang New Jersey - Mỹ (cung cấp 900 tấn rau mỗi năm), hay nông trại Spread ở Tokyo là nông trại thẳng đứng lớn nhất Nhật Bản (thu hoạch 21.000 cây xà lách mỗi ngày), những nông trại có khả năng cung cấp một lượng thực phẩm không nhỏ cho cư dân đô thị mỗi ngày [15]. Còn ở vùng ngoại ô, ven đô là sự phát triển của các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng những công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Những công nghệ tiêu biểu được ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp hiện nay như: công nghệ thông tin (góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý quá trình sản xuất từ đầu vào, quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng vật nuôi, nguồn gốc xuất xứ cho đến đầu ra thành các sản phẩm chuyên

dùng); công nghệ vật liệu mới (thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm chi phí, tăng tính hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp, như vật liệu nhựa siêu bền để thay cho thép, mica thay cho kính, sử dụng đèn led thay cho ánh sáng tự nhiên,...); công nghệ robot, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa (giảm thiểu được nhân công, tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả quản lý trong sản xuất nông nghiệp thông minh); công nghệ sinh học (tạo ra những giống cây, con có khả năng thích ứng tốt hơn, cho chất lượng tốt và hình thức đẹp hơn). Chính đặc điểm của nền nông nghiệp ở thành phố là chú trọng vào thâm canh tăng năng suất và ứng dụng công nghệ cao, cho nên các dịch vụ cho PTNN ở thành phố cũng phải hướng tới cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về mặt kỹ thuật, công nghệ. Đó là việc nghiên cứu để tìm kiếm những giải pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp sản xuất nông nghiệp ở đô thị, là cung ứng, chuyển giao công nghệ, thiết kế, thi công, lắp đặt, vận hành và bảo trì, bảo dưỡng những công nghệ sản xuất nông nghiệp hiện đại. Như vậy, dịch vụ cho PTNN ở thành phố luôn hướng tới cung cấp giải pháp kỹ thuật, công nghệ hiện đại cho sản xuất nông nghiệp trong điều kiện chật hẹp và đáp ứng nhu cầu nông phẩm chất lượng tốt ở khu vực đô thị.

2.1.2.3. Đáp ứng nhu cầu của đa dạng các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp khu vực đô thị và các vùng xung quanh

Các hoạt động kinh tế nông nghiệp ở các thành phố được xây dựng và diễn ra cả ở khu vực nội thành và các vùng ngoại thành, do đó khá đa dạng, phong phú. Nhiều đô thị lớn trên thế giới hiện nay, bên cạnh các trang trại, khu vực sản xuất nông nghiệp rộng lớn ở ngoại thành, vẫn có những mô hình sản xuất nông nghiệp ngay trong khu vực trung tâm thành phố. Về hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp ở khu vực nội thành và ngoại thành cũng có những khác biệt. Khu vực ngoại thành vẫn tồn tại những hình thức canh tác theo kiểu truyền thống của bà con nông dân và cả những khu vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sự đầu tư bài bản của những doanh nghiệp. Khu vực nội thành, với diện tích hạn chế, nơi đây chủ yếu là các mô hình nông nghiệp công nghệ cao hay các loại hình sản xuất nông nghiệp chỉ cần diện tích hẹp (như nuôi cá kiếng, trồng nấm, trồng rau thủy canh, ...). Bên cạnh đó, ở khu vực nội thành hiện nay ngày càng xuất hiện nhiều mô hình vườn rau quả ngay trên mái nhà của các hộ dân, hay quy mô lớn hơn

trên các tòa nhà công sở. Do đặc điểm của nông nghiệp khu vực đô thị, cho nên nhu cầu sử dụng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở đây là rất lớn. Không chỉ là các dịch vụ cung cấp giống, vật tư, thức ăn chăn nuôi hay dịch vụ làm đất, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch mà cả những dịch vụ về nghiên cứu chuyển giao công nghệ, dịch vụ về thiết kế, thi công, lắp đặt hệ thống sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Mặt khác, các thành phố luôn là nơi đông dân, thị trường quan trọng trong tiêu thụ nông sản, cho nên các dịch vụ về xây dựng thương hiệu, quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cũng phát triển mạnh. Thêm vào đó, ở các thành phố lớn cũng là nơi tập trung các cảng hàng hóa, vì vậy, các loại dịch vụ liên quan đến vận chuyển, kho bãi, chiếu xạ, đóng gói, kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm, ... cũng phát triển mạnh. Các loại dịch vụ này không chỉ phục vụ cho PTNN ở các thành phố, mà còn phục vụ cho phát triển ngành nông nghiệp của cả khu vực và quốc gia.

Như vậy, do đặc điểm của nông nghiệp ở thành phố và vị trí, vai trò của các thành phố - trung tâm kinh tế, xã hội, nên dịch vụ cho PTNN ở đây cũng rất đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu của nhiều loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Cả truyền thống và hiện đại, cả quy mô nhỏ và quy mô lớn, cả nội thành, ngoại thành và nền nông nghiệp quốc gia nói chung.

2.1.3. Vai trò của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

2.1.3.1. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ở thành phố phát triển theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, gia tăng năng suất, chất lượng nông sản

Sản xuất nông nghiệp ngay tại thành phố, kể cả ở khu vực trung tâm, đang ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới. Mặc dù sản xuất nông nghiệp ở thành phố có những bất lợi nhất định về diện tích canh tác hay chi phí mặt bằng, song nông nghiệp nơi đây lại có những lợi thế về tiếp cận các nguồn lực đầu vào như vốn, lao động có trình độ, KHCN và gần với thị trường tiêu thụ. Thành thị cũng là nơi các loại hình dịch vụ rất phát triển, góp phần cung ứng đầy đủ hơn các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp ở thành phố phát triển theo hướng hiện đại. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với những thành tựu đột phá về công nghệ, đang thúc đẩy mạnh mẽ sự ra đời của những mô hình nông nghiệp số, với độ chính xác cao (precision agriculture) và ngày càng thông minh (smart farming). Những trang trại ở

các thành phố cả khu vực nội thành và vùng ngoại ô sẽ có những thuận lợi nhất định để chuyển đổi sang mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại. Các trung tâm nghiên cứu, chuyên gia khoa học, công nghệ của các nước trên thế giới thường đặt tại các thành phố lớn, do đó, đây là điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu và cung cấp cho nền nông nghiệp đô thị những loại giống vật nuôi, cây trồng năng suất, chất lượng, phù hợp với điều kiện canh tác ở khu vực đô thị. Để chuyển đổi sản xuất nông nghiệp truyền thống sang sản xuất nông nghiệp hiện đại, phù hợp điều kiện đô thị, rất cần sự hỗ trợ của các dịch vụ KHCN. Tiêu biểu như dịch vụ hỗ trợ việc khảo sát thực tế, thiết kế mô hình xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lắp đặt thiết bị, vận hành và chuyên giao. Sự phát triển của cuộc Cách mạng số, cho phép hình thành và phát triển các loại dịch vụ cung cấp dữ liệu lớn về tài nguyên đất, dữ liệu về các loại cây trồng, gia súc, gia cầm, thủy sản...; cung cấp thông tin về thời tiết, môi trường, ... để người làm nông nghiệp có thể đưa ra biện pháp tác động phù hợp, nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh doanh. Nhiều dịch vụ về công nghệ số có thể giúp người sản xuất nông nghiệp tự động hóa qui trình sản xuất; dễ dàng quản lý, giám sát chuỗi sản xuất, kinh doanh; minh bạch thông tin, thuận lợi cho việc truy suất nguồn gốc; đảm bảo sản phẩm an toàn, chất lượng.

Như vậy, rõ ràng vai trò của hệ thống dịch vụ trong việc thúc đẩy kinh tế nông nghiệp tại các đô thị phát triển theo hướng hiện đại, bền vững là rất quan trọng. Với sự hình thành đầy đủ, đồng bộ của các loại hình dịch vụ, giúp người sản xuất nông nghiệp dễ dàng tiếp cận các yếu tố đầu vào cho nền nông nghiệp đô thị hiện đại; có thể tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi; thuận lợi trong việc tiêu thụ sản phẩm. Qua đó, tạo điều kiện ra đời các trang trại nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố, cả ở khu vực ngoại thành hay ngay trong khu vực trung tâm. Trên thế giới hiện nay, nhiều thành phố lớn, giàu có cũng đã xây dựng và phát triển các trang trại hiện đại, năng suất cao ngay trong khu vực nội thành, có thể cung cấp số lượng lớn thực phẩm tươi sống, chất lượng cho nhu cầu người dân đô thị. Trang trại ECO1 tại thành phố Dubai (Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất) - được coi là trang trại thẳng đứng (Vertical Farm) lớn nhất thế giới hiện nay; trang trại thẳng đứng tại Thủ đô Copenhagen (Đan Mạch) - trang trại thẳng đứng lớn

nhất châu Âu, không sử dụng thuốc trừ sâu trong canh tác, tái chế nước, dinh dưỡng, sử dụng năng lượng từ điện gió, rất thân thiện với môi trường. Nhiều thành phố khác trên thế giới xây dựng các nông trại hiện đại ở khu vực ngoại thành, cách trung tâm thành phố không xa, như nông trại ở vùng Waigang, thành phố Thượng Hải (Trung Quốc), với mô hình sản xuất nông nghiệp tự động hóa gần như hoàn toàn; nông trại ở Detroit bang Michigan (Hoa Kỳ); nông trại Nature Urbaine tại Paris (Pháp). Ở TPHCM cũng đã xây dựng và phát triển Khu Nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Củ Chi, có nhiều đóng góp lớn cho định hướng PTNN đô thị hiện đại, an toàn, bền vững của Thành phố.

2.1.3.2. Gắn kết chặt chẽ quá trình sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng với thị trường tiêu thụ sản phẩm ở thành phố và xuất khẩu

Nông sản chủ yếu là mặt hàng tươi sống, do vậy từ khi thu hoạch tới lúc tiêu dùng, thời gian càng ngắn giá trị dinh dưỡng càng cao. Việc sản xuất và cung cấp thực phẩm tươi sống ngay tại khu vực thành phố (khoảng cách gần, thời gian lưu thông ngắn) là lợi thế lớn của nông nghiệp đô thị. Thành phố cũng là nơi dân số đông, mật độ lớn, các siêu đô thị thường có hàng chục triệu người sinh sống với mật độ dân số trên 2.000 người/km², đây là thị trường tiêu thụ chủ yếu các sản phẩm của ngành nông nghiệp, đặc biệt là những sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, an toàn. Mặc dù vậy, để kết nối từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, đến người tiêu dùng cần có sự hỗ trợ của nhiều loại hình dịch vụ. Để người tiêu dùng biết đến nông phẩm của mình, người sản xuất nông nghiệp cần xây dựng và quảng bá thương hiệu. Để có sự tin tưởng đối với sản phẩm cần thực hiện kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông sản. Để đưa sản phẩm tới tay người tiêu dùng nhanh nhất, an toàn nhất cần có dịch vụ về vận chuyển, sơ chế, phân loại, đóng gói, bảo quản. Để tiêu thụ sản phẩm cần có các dịch vụ như xúc tiến thương mại, bán hàng, làm thủ tục xuất khẩu,... Như vậy, sự hình thành đầy đủ, đồng bộ các loại hình dịch vụ hỗ trợ đầu ra cho sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng, tác động mạnh tới việc PTNN đô thị tại các thành phố trên thế giới.

Nhiều bà con nông dân, trang trại hay các HTX có thể sản xuất ra nhiều sản phẩm nông nghiệp có chất lượng tốt, giá cả hợp lý, tuy nhiên, do chưa chú trọng

xây dựng và phát triển thương hiệu, sản phẩm vẫn khó tiêu thụ. Nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp còn thiếu kỹ năng trong giới thiệu và quảng bá sản phẩm, đây cũng là nguyên nhân làm cho việc tiêu thụ trở nên khó khăn và không ổn định. Nếu có hệ thống các đơn vị cung cấp dịch vụ đầu ra cho nông nghiệp, chuyên nghiệp trong thực hiện các khâu từ xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng, mức độ an toàn của sản phẩm, vận chuyển, bảo quản, bán sản phẩm,... chắc chắn sẽ thúc đẩy việc tiêu thụ nông sản cho nền nông nghiệp hiện đại ở thành phố. Các dịch vụ công do Nhà nước và chính quyền địa phương hỗ trợ nhằm đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, trưng bày, bán sản phẩm thông qua các hoạt động như tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thi, phiên chợ nông sản, ... cũng có vai trò lớn trong việc kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ở Thành phố và cho cả nhiều địa phương khác. Với thu nhập ngày càng tăng, người dân thành thị cũng có nhu cầu lớn đối với các sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng và được chứng nhận bởi các tổ chức uy tín, như tiêu chuẩn chất lượng ISO, HACCP, GAP, hay Organic (nông nghiệp hữu cơ). Chính các đơn vị cung cấp dịch vụ sẽ hỗ trợ người sản xuất nông nghiệp xây dựng qui trình sản xuất, đảm bảo các tiêu chuẩn theo qui định và làm hồ sơ chứng nhận chất lượng sản phẩm của mình, qua đó giúp việc tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn hơn, ổn định hơn, giá trị kinh tế cao hơn. Để nâng cao chất lượng, khẳng định thương hiệu, và mở rộng thị trường, hiện nay ở Việt Nam các địa phương đang đẩy mạnh xây dựng Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Ngoài ra các dịch vụ đầu ra hỗ trợ các khâu như sơ chế, chế biến, chế biến sâu cũng có đóng góp lớn trong việc tiêu thụ nông sản, qua đó thúc đẩy sản xuất mở rộng và phát triển. Phần lớn người dân ở thành phố làm việc trong các cơ quan, đơn vị công sở, trong các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, do đó họ thường có nhu cầu sử dụng sản phẩm nông nghiệp qua sơ chế hoặc chế biến sẵn. Mặt khác, nông sản nếu chỉ phục vụ nhu cầu sử dụng tươi ngay sau thu hoạch sẽ tiêu thụ được với số lượng không nhiều, thậm chí có thể rơi vào tình huống “được mùa rớt giá”. Tuy nhiên, nếu thực hiện các hoạt động chế biến sâu, công nghệ bảo quản hiện đại, có thể tạo ra nhiều dòng sản phẩm đa dạng hơn, kéo dài thời gian sử dụng và mở

rộng được thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Như việc chế biến giúp tôm, cá Việt Nam thâm nhập được nhiều thị trường lớn trên thế giới, với công nghệ chiếu xạ giúp trái vải, trái xoài, trái thanh long,... của nước ta có thể vào được những thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, châu Âu. Thành phố cũng là nơi có hệ thống các đơn vị kinh doanh dịch vụ bán hàng phong phú, từ chợ nông sản, chợ đầu mối tới cửa hàng tiện lợi, siêu thị..., từ thương mại truyền thống tới thương mại điện tử. Dịch vụ thương mại cũng góp phần quan trọng trong việc tiêu thụ nông phẩm cho người sản xuất nông nghiệp. Ở Latvia, mạng lưới phân phối các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thông qua Hiệp hội HTX DVNN “Zalais grozs” hoạt động rất hiệu quả, cung cấp hơn 100 sản phẩm hữu cơ với đa dạng các kênh bán hàng [125]. Hay ở Việt Nam, Liên hiệp HTX Thương mại TPHCM (Saigon Co.op) là một trong những đơn vị kinh doanh dịch vụ bán hàng nông sản khá hiệu quả, không chỉ ở TPHCM mà hiện còn mở rộng ra nhiều tỉnh, thành khác. Với những cơ sở bán hàng như siêu thị CO.OPMART, Co.opXtra, hay cửa hàng tiện lợi CO.OP FOOD, góp phần tiêu thụ lượng lớn nông sản hàng ngày. Ngoài ra, Saigon Co.op cũng có những công ty thành viên như Công ty Xuân Hồng chuyên phân phối hàng nông sản đã qua sơ chế.

2.1.3.3. Góp phần phát triển bền vững ngành kinh tế nông nghiệp ở thành phố, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu

Với sự hình thành và phát triển của các loại hình dịch vụ cho PTNN, cả cung cấp các dịch vụ đầu vào, hỗ trợ sản xuất và các dịch vụ phục vụ cho đầu ra của sản phẩm, sẽ làm gia tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của nền nông nghiệp đô thị, đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế của thành phố. Tuy nhiên, những hiệu quả về mặt xã hội, an ninh lương thực và môi trường mà nông nghiệp đô thị mang lại có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều.

Do có thể được tiếp cận với nhiều loại dịch vụ đầu vào và đầu ra một cách thuận lợi, hiệu quả sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở thành phố được nâng lên. Qua đó, góp phần tạo công việc cho lực lượng đáng kể lao động ở khu vực thành thị, thậm chí làm giàu từ nông nghiệp công nghệ cao. Sự phát triển của đa dạng các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm nông nghiệp, cũng tạo công việc cho nhiều lao động trong lĩnh vực DVNN. Dịch vụ nông nghiệp ở thành phố có thể còn phát triển mạnh hơn ở khu vực nông thôn, do có nhiều điều kiện thuận lợi về tài chính, KHCN, nhân lực. Các loại hình dịch vụ cho PTNN này không chỉ phục vụ cho nông nghiệp đô thị, mà còn cung cấp dịch vụ cho nhiều địa phương khác, đặc biệt các dịch vụ về giống, KHCN, chế biến, bảo quản sau thu hoạch, xúc tiến thương mại. Xã hội càng phát triển, các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, trong lĩnh vực nông nghiệp tỷ trọng giá trị DVNN cũng không ngừng gia tăng. Đây cũng là xu hướng phát triển của kinh tế nông nghiệp, ngày càng hiện đại, an toàn và bền vững. Tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt là cuộc Cách mạng lần thứ tư, đã thúc đẩy việc ứng dụng ngày càng rộng rãi máy móc, thiết bị, công nghệ vào quá trình sản xuất vật chất, chính điều này cũng khiến lao động tập trung trong lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày một lớn hơn. Năm 2001, lao động dịch vụ của nước Mỹ là 79%, lao động dịch vụ cũng chiếm 70% trong tổng số lao động của các nước Tây Âu [121]. Trong cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của Việt Nam, lao động trong lĩnh vực dịch vụ cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất với 36,1% và ngày càng tăng [88, tr.22]. Như vậy, sự phát triển của dịch vụ hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đang góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp cũng như cơ cấu ngành kinh tế của quốc gia theo hướng hiện đại, bền vững.

Nông nghiệp ở thành phố cũng mang lại nhiều kết quả về mặt xã hội, đó là đáp ứng nhu cầu đáng kể về nông sản cho cư dân đô thị, đặc biệt là nông sản tươi và xuất bán đi nhiều nơi khác. Nhiều nông sản được chế biến sâu, bảo quản bằng công nghệ tiên tiến, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng đối với các sản phẩm nông nghiệp chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Tình hình thế giới hiện nay luôn có những biến đổi nhanh chóng, khó lường, với những tác động lớn từ chiến tranh, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và khủng hoảng kinh tế. Sự hình thành đầy đủ, đồng bộ của các loại hình dịch vụ cho PTNN đô thị có ý nghĩa quan trọng, qua đó an ninh lương thực của các thành phố trên thế giới có thể được đảm bảo một phần. Tại Singapore, do những tác động to lớn trong đại dịch Covid-19, Chính phủ nước này đã đặt mục tiêu đảm bảo tự chủ một phần lương thực, đáp

ứng được 30% nhu cầu nội địa vào năm 2030 [140].

Các loại hình dịch vụ tạo điều kiện để nền nông nghiệp đô thị phát triển theo hướng ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ cao, phương pháp canh tác mới, tiết kiệm tối đa các nguồn tài nguyên đang ngày càng cạn kiệt và bị tác động bởi thay đổi khí hậu. Những kiểu canh tác như: nông nghiệp thẳng đứng, nông nghiệp xếp tầng, thủy canh, nhà màng, tưới nhỏ giọt, ... đang cho thấy được hiệu quả của nền nông nghiệp hiện đại có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, chống chịu với những thay đổi bất thường về thời tiết, đảm bảo an ninh lương thực cho con người trong thời đại ngày nay. Ngoài ra, chính những dịch vụ nghiên cứu và cung cấp các loại giống cây trồng, vật nuôi mới cũng góp phần tăng khả năng thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu. Tại TPHCM, HTX Tuấn Ngọc đã triển khai thành công công nghệ trồng rau xà lách thủy tinh ở xứ nóng (rau xà lách thủy tinh thường được trồng ở Đà Lạt hay vào mùa đông ở miền Bắc, nơi có khí hậu hơi lạnh). Với việc ứng dụng công nghệ lai tạo giống hiện đại và IoT (internet vạn vật), công nghệ thủy canh, canh tác trong nhà màng tại các nông trại trồng rau xanh ở TPHCM, năng suất rau của HTX Tuấn Ngọc tăng gấp 2 - 3 lần so với trung bình, đạt khoảng 3,6 tấn rau/tháng/1000m² với chỉ 1 người chăm sóc [79]. Mặt khác, sự phát triển của nông nghiệp đô thị hiện đại cũng góp phần tạo cảnh quan xanh mát, qua đó giảm phát thải khí nhà kính cho các thành phố dịch vụ, công nghiệp và dân cư đông đúc. Đặc biệt hiện nay, mô hình nông nghiệp thẳng đứng hay nông nghiệp trên mái nhà ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường, vừa cung cấp rau xanh cho thành phố, vừa tạo thêm công việc, gia tăng nguồn thu cho người lao động, đồng thời cũng góp phần tạo cảnh đẹp, tăng mảng xanh và giảm ô nhiễm không khí cho các thành phố. Như vậy, chính việc phát triển các dịch vụ thúc đẩy nông nghiệp đô thị phát triển ngày càng hiện đại cũng là góp phần phát triển bền vững nền nông nghiệp ở thành phố, đảm bảo được các mục tiêu về kinh tế, xã hội và cả môi trường.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

2.2.1. Nội dung dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Trên cơ sở phạm vi nghiên cứu về nội dung của luận án đã xác định, các loại hình dịch vụ được phân loại theo hai nhóm: nhóm các dịch vụ đầu vào cho PTNN và nhóm các dịch vụ đầu ra cho PTNN.

2.2.1.1. Dịch vụ đầu vào cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Dịch vụ đầu vào cho PTNN ở thành phố là những dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố, cả trước và trong quá trình sản xuất, nhằm tạo ra các nông phẩm an toàn, chất lượng.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, các dịch vụ đầu vào cho PTNN ở thành phố gồm: dịch vụ khuyến nông; dịch vụ giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao; dịch vụ KHCN; và dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao.

- *Dịch vụ khuyến nông* là loại hình cung cấp dịch vụ tư vấn về các phương pháp cải tiến nông nghiệp. Đây là dịch vụ có vai trò quan trọng đối với PTNN và nông thôn ở Việt Nam.

Chủ thể cung cấp dịch vụ khuyến nông tại Việt Nam chủ yếu là Nhà nước, với các trung tâm khuyến nông (hoặc trung tâm DVNN, trong đó có khuyến nông) được xây dựng rộng rãi từ Trung ương tới cơ sở.

Hình thức cung cấp dịch vụ khuyến nông được thực hiện qua các hoạt động cơ bản như: tuyên truyền, phổ biến, tư vấn, bồi dưỡng, đào tạo cả về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến phát triển sản xuất nông nghiệp ở thành phố; cả về kiến thức, kinh nghiệm, phương pháp, kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đô thị.

Kết quả dịch vụ khuyến nông ở khu vực thành phố hướng tới, để phát huy được vai trò quan trọng của nông nghiệp đô thị, không chỉ ở góc độ kinh tế mà còn cả góc độ môi trường và xã hội. Khuyến nông định hướng và hỗ trợ chuyển đổi nền sản xuất nông nghiệp ở thành phố theo hướng hiện đại, bền vững, vừa góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, vừa góp phần giải quyết các vấn đề về việc làm, thu nhập, lương thực - thực phẩm và môi trường đô thị.

- *Dịch vụ KHCN cho PTNN* là các hoạt động phục vụ, tư vấn, hỗ trợ về khoa học, kỹ thuật, công nghệ cho phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp đô thị.

Chủ thể cung cấp dịch vụ KHCN cho PTNN ở thành phố bao gồm cả các cơ quan, đơn vị của Nhà nước (viện nghiên cứu; trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ; trung tâm DVNN; ...), các doanh nghiệp, HTX cung cấp dịch vụ.

Hình thức cung cấp dịch vụ KHCN cho PTNN ở thành phố thông qua các hoạt động phân tích, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, thử nghiệm, giám định và tư vấn khoa học, kỹ thuật, công nghệ về sản xuất nông nghiệp; dịch vụ tư vấn, thiết kế, lắp đặt và chuyển giao công nghệ, mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Kết quả dịch vụ KHCN cho PTNN ở thành phố hướng tới xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cho năng suất, hiệu quả và chất lượng nông phẩm cao. Người sản xuất nông nghiệp sử dụng dịch vụ sẽ được tư vấn và đề xuất mô hình tối ưu diện tích cây trồng, vật nuôi, tiết kiệm nguyên liệu và chi phí vận hành nhất. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ tiếp tục khảo sát thực tế, đo đạc địa hình, tính toán chi phí và phác thảo bản vẽ. Sau khi thống nhất về mô hình, đơn vị cung ứng dịch vụ sẽ tiến hành lắp đặt theo bản vẽ, và cuối cùng là đào tạo và chuyển giao toàn bộ phương pháp vận hành hệ thống, quản trị nuôi trồng.

- *Dịch vụ giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao* là các hoạt động sản xuất, cung cấp giống và tư vấn, hỗ trợ việc tạo ra giống vật nuôi, cây trồng có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp ở các thành phố.

Chủ thể cung cấp dịch vụ giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao bao gồm các trung tâm nghiên cứu, lai tạo giống; trại trình diễn và thực nghiệm nông nghiệp; doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân tham gia sản xuất và cung cấp giống, ...

Hình thức cung cấp dịch vụ giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao ở thành phố thông qua các hoạt động nghiên cứu, lai tạo, nhân tách, nuôi cấy mô, ... để sản xuất ra con giống, cây giống năng suất cao, cung cấp tới người sản xuất nông nghiệp; cũng có thể thông qua hoạt động tư vấn, hợp tác, liên kết với cơ sở sản xuất nông nghiệp để trực tiếp lai tạo, nuôi cấy, sản xuất giống tại cơ sở.

Kết quả dịch vụ giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao hướng tới là cung

cấp các loại giống cây, con cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp ở thành phố, theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao* là hoạt động khuyến khích, tư vấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân hình thành và phát triển doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở thành phố.

Chủ thể dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao là các cơ sở ươm tạo thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao.

Hình thức cung cấp dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao thông qua các hoạt động tuyển chọn và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có ý tưởng, có kết quả nghiên cứu KH-CN trong nông nghiệp, có dự án kinh doanh khả thi, để hình thành và phát triển doanh nghiệp.

Kết quả dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao hướng tới tạo ra ngày càng nhiều doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, góp phần chuyển đổi nền nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại, bền vững.

2.2.1.2. Dịch vụ đầu ra cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Đầu ra luôn là bài toán khó trong suốt quá trình PTNN hàng hóa ở Việt Nam thời gian qua, điệp khúc “được mùa rớt giá” hay “giải cứu nông sản” vẫn diễn ra thường xuyên. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, dịch vụ đầu ra cho PTNN ở thành phố tập trung vào các dịch vụ cơ bản như: chế biến, bảo quản sau thu hoạch; quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm; xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền; du lịch nông nghiệp:

- *Dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch* là các hoạt động hỗ trợ cho quá trình tiếp tục sản xuất trong lưu thông đối với các sản phẩm nông nghiệp, góp làm gia tăng đáng kể chất lượng, thời gian sử dụng và giá trị kinh tế của nông sản đô thị.

Chủ thể cung cấp dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch khá đa dạng, bao gồm cả các doanh nghiệp (Nhà nước, tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài, hay các

hình thức góp vốn kinh doanh); các HTX và cả các hộ sản xuất - kinh doanh ở thành phố (cả khu vực nội thành và ngoại thành).

Hình thức cung cấp dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch được thực hiện thông qua các dịch vụ hỗ trợ việc sơ chế, chiếu xạ, đóng gói, bảo quản (xay xát lúa; bỏ vỏ, sấu khô các loại hạt; rửa, xử lý hóa chất, phân loại rau quả; giết mổ gia súc, gia cầm; chế biến thủy sản; bảo quản kho lạnh, kho mát, ...) hay phát triển thành các nhà máy chế biến nông sản.

Kết quả dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch hướng tới gia tăng đáng kể chất lượng, thời gian sử dụng và giá trị kinh tế của nông sản đô thị. Qua đó, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp đô thị phát triển (cả sản xuất nông nghiệp của các khu vực lân cận), đồng thời cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu những sản phẩm nông nghiệp chất lượng, an toàn và tiện lợi. Đặc biệt là người dân tại các thành phố lớn, hiện đại, có nhu cầu cao đối với các sản phẩm nông nghiệp đã sơ chế hoặc chế biến sẵn, đảm bảo an toàn và chất lượng.

- *Dịch vụ xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền* các sản phẩm nông nghiệp ở thành phố là các hoạt động tư vấn, hỗ trợ đơn vị sản xuất - kinh doanh xây dựng và phát triển thương hiệu, làm các thủ tục đăng ký bản quyền cho sản phẩm nông nghiệp của mình.

Chủ thể cung cấp dịch vụ xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền bao gồm cả các đơn vị của Nhà nước (có thể thuộc Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Khoa học - Công nghệ, ...); các doanh nghiệp và HTX DVNN.

Hình thức cung cấp dịch vụ là các hoạt động tư vấn, hỗ trợ tạo mẫu, thiết kế và tư vấn đăng ký nhãn hiệu; nhận diện thương hiệu sản phẩm nông nghiệp; tư vấn đăng ký chỉ dẫn địa lý, bảo hộ pháp lý hay mã truy nguồn; phát triển thương hiệu nông sản đặc trưng [116, tr.59].

Kết quả dịch vụ xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền nông sản hướng tới, đó là chứng minh được chất lượng, nguồn gốc của nông phẩm khi đưa ra thị trường, từ đó khẳng định vị thế, xây dựng niềm tin của người tiêu dùng, gia tăng số lượng sản phẩm được tiêu thụ tại thành phố cũng như xuất khẩu đi nhiều thị trường

khó tính khác.

- *Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm nông nghiệp* là các hoạt động tạo điều kiện, thúc đẩy, gia tăng khả năng trao đổi, mua bán nông sản, góp phần đẩy mạnh các khâu sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp diễn ra hài hòa, thông suốt.

Chủ thể cung cấp dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán nông phẩm ở thành phố bao gồm cả các cơ quan, đơn vị của Nhà nước và các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh. Trong đó, các cơ quan, đơn vị Nhà nước chủ yếu tập trung vào các dịch vụ hỗ trợ quả bá, giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường cho nông sản.

Hình thức cung cấp dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán nông phẩm ở thành phố thông qua nhiều hoạt động kết hợp như: nghiên cứu, khảo sát thị trường; quảng cáo trên phương tiện truyền thông đại chúng, pano, bảng hiệu; tổ chức hội chợ, triển lãm, lễ hội, hội thảo; cùng nhiều kênh giới thiệu, bán nông sản khác (sàn thương mại điện tử, truyền hình, websites, mạng xã hội, siêu thị, cửa hàng, chợ đầu mối, chợ truyền thống, ...), ...

Kết quả dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán nông sản ở thành phố hướng đến giới thiệu cho người tiêu dùng thành phố biết đến và tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp (với những công dụng, quy trình sản xuất, chất lượng, độ an toàn, nguồn gốc xuất xứ, câu chuyện về sản phẩm, ...). Qua đó, thúc đẩy quá trình sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp diễn ra liên tục và ngày càng phát triển.

- *Dịch vụ du lịch nông nghiệp* ở thành phố là quá trình tìm hiểu, tham quan, trải nghiệm được xây dựng và tổ chức dựa trên các hoạt động gắn với sản xuất nông nghiệp, người nông dân và cảnh quan nông thôn (khu vực ngoại ô của thành phố), qua đó thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng.

Chủ thể cung cấp dịch vụ du lịch nông nghiệp là sự liên kết, phối hợp giữa các đơn vị tổ chức, kinh doanh sản phẩm du lịch với các cơ sở sản xuất nông nghiệp (doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ nông dân) và cộng đồng dân cư địa phương.

Hình thức cung cấp dịch vụ du lịch nông nghiệp thông qua các hoạt động như du lịch sinh thái, du lịch miệt vườn, du lịch sông nước, du lịch cộng đồng, để du khách được trải nghiệm các hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, trồng

rau, thu hoạch trái cây, nuôi gà, nuôi dê, bắt cá, cào muối, ...); tham quan làng nghề; tham quan và trải nghiệm hoạt động sản xuất sản phẩm OCOP; tham quan, trải nghiệm các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao,...

Kết quả dịch vụ du lịch nông nghiệp ở thành phố hướng tới vừa phát triển ngành du lịch, đồng thời trực tiếp góp phần tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (cả tiêu thụ tại chỗ và mua về làm quà), thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ở thành phố (đặc biệt là khu vực ngoại thành) phát triển theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp an toàn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao.

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

2.2.2.1. Tiêu chí phản ánh sự tăng trưởng các loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Sự tăng trưởng các loại hình dịch vụ cho PTNN chính là sự gia tăng về số lượng đơn vị cung cấp, hình thức và kết quả hoạt động, có thể đo lường bằng các tiêu chí như:

- Số lượng chủ thể (doanh nghiệp, HTX, đơn vị ...) cung cấp các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN ở thành phố; quan hệ tỷ lệ trong nhóm các dịch vụ đầu vào, đầu ra và so sánh số lượng chủ thể cung cấp dịch vụ đầu vào với dịch vụ đầu ra cho PTNN ở thành phố.

- Hình thức cung cấp các loại dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN ở thành phố. Mỗi loại hình dịch vụ lại có những hình thức cung cấp hay sản phẩm dịch vụ khác nhau. Nó được thể hiện ở cả sự thay đổi về sản phẩm dịch vụ hay sự gia tăng số lượng/số lượt thực hiện một loại sản phẩm nào đó. Ví dụ như: số lượng các hoạt động khuyến nông; số lượng giống vật nuôi, cây trồng được cung cấp; số lượng mô hình nông nghiệp công nghệ cao được chuyển giao; số lượng doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao được ươm tạo; số lượng hội chợ, triển lãm được tổ chức; số lượng nông sản được chứng nhận các tiêu chuẩn chất lượng, các sản phẩm du lịch nông nghiệp được tổ chức.

- Kết quả các hoạt động cung cấp dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Kết quả này được thể hiện cả sự gia tăng về giá trị sản xuất, giá trị gia tăng, năng suất cây trồng, vật nuôi, năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.2.2.2. Tiêu chí phản ánh chất lượng của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Đánh giá về chất lượng một loại dịch vụ nào đó là rất quan trọng, nó là cơ sở để xây dựng và phát triển loại hình dịch vụ đó theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và xã hội. Kể từ những năm 80 của thế kỷ XX, nhiều nhà khoa học trên thế giới đã nghiên cứu cơ sở lý thuyết và đề xuất các mô hình thực chứng để đánh giá chất lượng dịch vụ, tiêu biểu như Gronroos, Parasuraman, Corin, Taylor, Sweeney [1]. Mặc dù vậy, mỗi mô hình đề xuất chủ yếu được áp dụng trong một vài loại hình dịch vụ cụ thể, khó có thể lấy một mô hình nào mang áp dụng rộng rãi để đánh giá chất lượng mọi loại dịch vụ.

Có nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng dịch vụ, nhưng cơ bản thống nhất về mức độ chất lượng dịch vụ cung ứng chính là mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Nói cách khác, chất lượng dịch vụ chính là do khách hàng cảm nhận và khách hàng đánh giá. Chính vì vậy, để đánh giá chất lượng các loại dịch vụ cho PTNN ở thành phố, luận án tham khảo mô hình RATER (được các học giả người Mỹ là Zeithaml V.A., Parasuraman A và Leonard L.B. đưa ra năm 1988 và được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu về chất lượng dịch vụ trong nhiều lĩnh vực), với 5 nhóm tiêu chí gồm:

- Độ tin cậy (**Reliability**): Các đơn vị cung ứng dịch vụ cho PTNN ở thành phố có giới thiệu rõ ràng, đầy đủ về các loại dịch vụ của mình và thực hiện dịch vụ đã hứa một cách đáng tin cậy và chính xác. Dịch vụ có được phục vụ một cách nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng đúng nhu cầu của người sử dụng.

- Sự đảm bảo (**Assurance**): Đánh giá chất lượng dịch vụ ở khía cạnh niềm tin và trách nhiệm. Nhà cung ứng dịch vụ, nhân viên tư vấn có hiểu biết sâu về đặc điểm của nông nghiệp ở thành phố, có được sự tin tưởng của người sản xuất nông nghiệp và sẵn sàng sử dụng dịch vụ hay không. Đó chính là chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng chăm sóc khách hàng.

- Tính hữu hình (**Tangibles**): Đề cập đến điều kiện vật chất hữu hình và các đơn vị cung ứng dịch vụ cho PTNN ở thành phố sở hữu, nhằm đáp ứng những nhu cầu dịch vụ mà khách hàng có nhu cầu. Đó có thể là trụ sở, máy móc, thiết bị,

phương tiện, công cụ hỗ trợ và cả hình thức bên ngoài của nhân viên phục vụ. Điều này cho thấy sự chuyên nghiệp của đơn vị cung ứng dịch vụ.

- Sự thấu cảm (Empathy): Khả năng hiểu biết tâm lý khách hàng, mức độ chăm sóc và quan tâm đến từng khách hàng của đơn vị cung ứng dịch vụ hay trực tiếp là nhân viên tư vấn. Sự thấu cảm này quyết định hành vi ứng xử của nhà cung ứng tới người sử dụng dịch vụ, tạo nên chất lượng dịch vụ cao, mối quan hệ bền chặt từ hai phía.

- Trách nhiệm (Responsiveness): Thể hiện tinh thần sẵn lòng giúp đỡ khách hàng và cung cấp dịch vụ kịp thời. Đó là sự đánh giá của khách hàng về tinh thần trách nhiệm của đội ngũ nhân viên; mọi khó khăn của khách hàng có được quan tâm giải quyết hay không; khách hàng có được đảm bảo lợi ích nhiều mặt khi sử dụng dịch vụ của đơn vị cung ứng không.

2.2.2.3. Sự hài hòa, thông suốt về dịch vụ trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Sự phát triển nói chung của toàn ngành nông nghiệp hay của bất cứ lĩnh vực sản xuất vật chất nào trong nền kinh tế thị trường, luôn là sự gắn kết hài hòa, thông suốt của cả bốn khâu trong quá trình tái sản xuất. Trong đó, sản xuất là cơ sở, là tiền đề đóng vai trò quyết định, tiêu dùng vừa là mục đích vừa là động lực của quá trình sản xuất; phân phối và trao đổi chính là những khâu trung gian, có tác động lớn đến quá trình sản xuất và tiêu dùng. Việt Nam là nước có truyền thống sản xuất nông nghiệp, với nhiều điều kiện tự nhiên, xã hội thuận lợi. Tuy nhiên, nền nông nghiệp của Việt Nam mang tính nhỏ lẻ, tự phát là chủ yếu. Chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước hiện nay là chuyển từ “tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy làm kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường”, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng tạo ra nhiều “thương phẩm nông nghiệp” thay vì chỉ là sản phẩm nông nghiệp. Vì vậy, để phát triển kinh tế nông nghiệp cần chú ý tới cả bốn khâu của quá trình tái sản xuất. Người nông dân hay các đơn vị sản xuất nông nghiệp phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường/người tiêu dùng để xác định loại thương phẩm/hàng nông sản cần sản xuất, xác định kỹ thuật, quy trình, công nghệ, mẫu mã, chủng loại,

chất lượng thương phẩm. Để làm được điều này, cần có sự hỗ trợ từ phía nhà quản lý, nhà khoa học và cả nhà doanh nghiệp. Nhà nước xây dựng những chương trình, chính sách tạo điều kiện thuận lợi về việc phân bổ các nguồn lực đầu vào cũng như phân phối sản phẩm đầu ra cho sản xuất nông nghiệp. Nhà nước cần khuyến khích sự tham gia của các nhà khoa học, nhà doanh nghiệp chung tay cùng với các đơn vị, cơ sở sản xuất nông nghiệp để thực hiện thông suốt cả bốn khâu của quá trình tái sản xuất.

Như vậy, một trong những tiêu chí để đánh giá sự đồng bộ của dịch vụ cho PTNN ở thành phố là sự hài hòa, thông suốt về dịch vụ trong cả bốn khâu của quá trình tái sản xuất. Đó là sự hình thành của đầy đủ các loại dịch vụ từ sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng hay từ đầu vào cho tới đầu ra sản xuất nông nghiệp, như: dịch vụ về vốn, giống, vật tư, kỹ thuật - công nghệ, vận chuyển, đóng gói, bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ,...

Trên thực tế, tiêu chí này phản ánh thông qua các chu kỳ sản xuất nông nghiệp cụ thể trong từng lĩnh vực, theo từng thời gian, hay chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

2.2.3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực thành phố

Quá trình phát triển đô thị hay đô thị hóa là xu thế tất yếu của mọi quốc gia trên thế giới, trong đó có nước ta. Quá trình đó làm hình thành ngày càng nhiều các thành phố, các đô thị ở các quốc gia. Ở Việt Nam, theo thống kê từ danh sách đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê tính đến năm 2023, có 87 thành phố, trong đó có 5 thành phố trực thuộc trung ương, 81 thành phố trực thuộc tỉnh và 1 thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương (thành phố Thủ Đức thuộc TPHCM). Đô thị hóa có các tác động lớn đến sinh thái và đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực. Đô thị hóa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, thay đổi sự phân bố dân cư đồng thời thay đổi cả tâm lý, lối sống của người dân. Các đô thị là nơi có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội rất phát triển, có

tính liên thông, đồng bộ. Do đó, đây cũng là nơi các hoạt động kinh tế luôn sôi động hơn hẳn so với khu vực nông thôn, đặc biệt là các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Đô thị là nơi tập trung đông dân cư, thường với mật độ rất cao, do đó đây luôn là thị trường tiêu thụ rộng lớn các hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, nơi đây có nếp sống văn hóa của thị dân, có nhu cầu tiêu dùng nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trung, cao cấp.

Chính từ quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, đặc biệt ở những nước đang phát triển như Việt Nam, mà việc sản xuất nông nghiệp ngay tại các thành phố được đang nhiều nơi chú trọng. Nông nghiệp đô thị không những góp phần quan trọng trong việc cung ứng tại chỗ nguồn thực phẩm tươi sống cho người dân thành thị, mà còn tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, tạo cảnh quan đô thị và góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, bảo vệ môi trường. Sản xuất nông nghiệp diễn ra tại các thành phố, nơi kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, nơi mà tính chuyên môn hóa trong lao động, sản xuất rất cao, đây là cơ sở thúc đẩy các loại dịch vụ cung ứng cả các yếu tố đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp phát triển. Đối với các yếu tố đầu vào, ở thành phố có nhiều thuận lợi để hình thành các đơn vị cung cấp dịch vụ về vốn, thiết bị, vật tư, công nghệ,... cho sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, với đặc điểm của nông nghiệp đô thị thường gắn với ứng dụng công nghệ cao, do đó, thúc đẩy phát triển các loại dịch vụ về tư vấn, thiết kế, lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Mặt khác, khu vực thành thị là nơi tập trung đông dân cư, thị trường tiêu thụ lượng lớn các mặt hàng nông sản, cho nên các dịch vụ về giới thiệu, trưng bày, bán hàng nông sản phát triển mạnh, cùng với đó là các dịch vụ về hội chợ, triển lãm, nghiên cứu, phát triển thị trường. Nông nghiệp đô thị cũng chủ yếu diễn ra ở khu vực ngoại thành, mà khu vực tiêu thụ chính là nội thành, do vậy, thúc đẩy các dịch vụ vận chuyển, kho bãi hình thành. Khu vực thành phố còn là nơi diễn ra các hoạt động xuất nhập khẩu nông sản, nhu cầu về việc đóng gói, bảo quản, chiếu xạ, hay làm các thủ tục hải quan cũng đặt ra yêu cầu phát triển các loại dịch vụ này.

2.2.3.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã bắt đầu được thế giới đề cập tới hơn 10

năm nay, nó được cho sẽ làm thay đổi căn bản cách chúng ta sống, làm việc, và liên hệ với nhau. Giáo sư Klaus Schwab - Chủ tịch, người sáng lập Diễn đàn kinh tế thế giới, cho là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư này sẽ không giống với bất cứ điều gì nhân loại đã từng trải qua cả về quy mô, phạm vi và độ phức tạp của nó [73, tr.1]. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đang thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, với những tác động mạnh mẽ tới cả đầu vào và đầu ra của ngành nông nghiệp. Sự phát triển của công nghệ sinh học cho phép tạo ra những giống cây trồng, vật nuôi phù hợp điều kiện sinh trưởng trong nhiều điều kiện, cho năng suất và chất lượng cao. Với công nghệ IoT góp phần hình thành mô hình nông nghiệp chính xác, các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh có khả năng kết nối và điều khiển tự động trong quá trình sản xuất nông nghiệp, thực hiện thu thập và phân tích dữ liệu, từ đó đưa ra quyết định kịp thời, phản ứng nhanh chóng trước các biến đổi không ngừng của môi trường tự nhiên. Công nghệ đèn LED được sử dụng đồng bộ trong canh tác kỹ thuật cao để tối ưu hóa quá trình sinh trưởng, rất phù hợp với nông nghiệp ở thành phố hay các quốc gia có quỹ đất nông nghiệp hạn chế.

Với công nghệ nhà kính, nhà lưới, công nghệ thủy canh, khí canh nhằm cách ly môi trường tự nhiên, giúp ứng phó với những điều kiện thời tiết không thuận lợi, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Tế bào quang điện (Solar cells) được ứng dụng để tạo ra điện mặt trời, giảm chi phí năng lượng trong trang trại nông nghiệp. Sử dụng Robot thay cho việc chăm sóc cây trồng, vật nuôi ngày càng trở nên phổ biến, rất phù hợp với nông nghiệp đô thị hiện đại. Các thiết bị bay không người lái (Drones) và các vệ tinh (Satellites) được ứng dụng trong việc gieo hạt, rải phân bón, phun thuốc bảo vệ thực vật hay phức tạp hơn là để khảo sát thực trạng thu thập dữ liệu của các trang trại, từ đó phân tích rồi đưa ra khuyến nghị trên cơ sở dữ liệu cập nhật được, để quản lý trang trại chính xác. Với những thành tựu của công nghệ thông tin và truyền thông, không những giúp quản lý qui trình sản xuất nông nghiệp tốt hơn mà còn thuận lợi trong việc kết nối người sản xuất với người tiêu dùng, với thị trường.

Từ sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh ở các thành phố đang đặt ra những nhu cầu lớn về các loại dịch vụ cho PTNN đô thị hiện

đại. Đó là nhu cầu về các dịch vụ tài chính để có thể đầu tư thiết bị, công nghệ cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; nhu cầu về huấn luyện, đào tạo, về tư vấn, thiết kế, lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp; nhu cầu về các dịch vụ số, dịch vụ thông tin và truyền thông,... Mặt khác, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng tác động trực tiếp tới chính các hoạt động cung ứng dịch vụ cho PTNN, làm thay đổi về cách thức và nâng cao hiệu quả của các dịch vụ này. Như các dịch vụ tài chính số, làm thủ tục hành chính trực tuyến, công tác khuyến nông hay giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, bán hàng cũng được thực hiện dựa trên nền tảng công nghệ kỹ thuật số.

2.2.3.3. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Từ những năm 90 của thế kỷ XX, Việt Nam bắt đầu đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Sau khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, rồi Mỹ, Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức khu vực và thế giới quan trọng, như ASEAN, ASEM, APEC, WTO, ... Trong tiến trình hội nhập quốc tế toàn diện, từ kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội... thì hội nhập kinh tế quốc tế được xác định là nội dung trọng tâm, quan trọng trong tiến trình đổi mới ở nước ta. Đến nay, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước thu được nhiều kết quả quan trọng, cả về đầu tư, ngoại thương hay hợp tác và chuyển giao công nghệ. Với việc tham gia rất nhiều các hiệp định thương mại tự do, hiệp định thương mại thế hệ mới, tiêu biểu như CPTPP, EVFTA, RCEP, đã mở ra nhiều cơ hội cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu nhiều hơn vào thị trường thế giới, kể cả những thị trường khó tính. Như vậy, đây cũng là cơ hội để mở rộng thị trường tiêu thụ cho nông sản Việt Nam, từ đó thúc đẩy nền sản xuất nông nghiệp trong nước theo hướng vừa tăng về số lượng, vừa nâng cao về chất lượng. Để đáp ứng yêu cầu khắt khe của những thị trường lớn, đặc biệt là về điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm, chất lượng, sự ổn định và qui trình, công nghệ, đặt ra nhu cầu sử dụng nhiều loại dịch vụ cho PTNN hiện đại, hướng tới xuất khẩu. Đó có thể là những dịch vụ cung cấp máy móc, thiết bị, vật tư cho sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, hay là những dịch vụ tư vấn, hỗ trợ, thực hiện các hoạt động như kiểm nghiệm, cấp giấy chứng nhận, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và cả những dịch vụ liên

quan tới vận chuyển, đóng gói, bảo quản, chiếu xạ, kho bãi, thủ tục hải quan... Mặt khác, hội nhập kinh tế quốc tế cũng tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của các đơn vị cung ứng DVNN ở thành phố. Các đơn vị này phải nghiên cứu, nắm chắc các qui định của pháp luật trong nước và quốc tế, nắm vững những điều khoản và qui định của các hiệp định kinh tế Việt Nam tham gia, để cung cấp những dịch vụ thực sự thiết thực và chất lượng cho PTNN. Điều đó không những góp phần làm cho nền nông nghiệp Việt Nam phát triển mà cũng làm cho chính bản thân các đơn vị cung cấp dịch vụ cũng ngày càng lớn mạnh.

Ngoài ra, với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, cùng nhiều hiệp định thương mại tự do được Việt Nam ký kết, cũng sẽ làm cho các nông sản chất lượng của thế giới được nhập về bán trên thị trường với giá cả rẻ hơn. Đặc biệt, thành phố là nơi mà người dân thường có thu nhập cao hơn, có nhu cầu sử dụng sản phẩm nông nghiệp chất lượng tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ... Đây sẽ là sự cạnh tranh mạnh mẽ cho nền nông nghiệp trong nước nói chung và nông nghiệp ở khu vực thành phố nói riêng. Để tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm, qui trình sản xuất hiện đại, thân thiện môi trường cần phát triển nền nông nghiệp đô thị với sự chuyên môn hóa cao. Do vậy, hội nhập kinh tế quốc tế cũng thúc đẩy phát triển các đơn vị cung cấp dịch vụ cho nông nghiệp. Đó chính là sự chuyên môn hóa trong sản xuất nông nghiệp, người sản xuất sẽ tập trung vào những hoạt động cốt lõi, thế mạnh của mình, còn các khâu khác sẽ sử dụng dịch vụ để tăng tính hiệu quả và giảm chi phí.

2.2.3.4. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay, nhà nước luôn giữ vai trò quan trọng trong định hướng, điều tiết và khắc phục những hạn chế của nền kinh tế. Chính những cơ chế, chính sách, công cụ nhà nước ban hành và triển khai thực hiện sẽ thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của ngành, lĩnh vực này hay ngành, lĩnh vực khác. Ở Việt Nam, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, do đó, chủ trương, đường lối của Đảng sẽ được Nhà nước cụ thể hóa thành chính sách, pháp luật, có tác động lớn tới sự phát triển của các ngành, lĩnh vực và của toàn xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn

coi trọng PTNN, trong Nghị quyết số 19, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Đảng ta khẳng định “Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế” [30]. Đồng thời, Đảng xác định: “Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích PTNN xanh, hữu cơ, tuần hoàn” [30]. Với quan điểm chuyển mạnh tư duy từ “sản xuất nông nghiệp” sang “phát triển kinh tế nông nghiệp” gắn với nhu cầu thị trường, đã cho thấy cần phải đẩy mạnh chuyên môn hóa sâu trong nông nghiệp. Đảng cũng chủ trương nâng tầm thương hiệu nông sản Việt Nam, hay đưa Việt Nam trở thành trung tâm chế biến và xuất khẩu nông sản của thế giới. Đây chính là cơ sở để từ đó Nhà nước ban hành những qui định pháp luật, những chính sách, kế hoạch, chương trình thúc đẩy PTNN hiện đại, nông nghiệp xanh gắn kết với chế biến và tiêu thụ. Điều này sẽ tác động mạnh mẽ tới việc hình thành và phát triển các loại hình dịch vụ cho PTNN nói chung và dịch vụ cho PTNN ở các thành phố nói riêng.

Nông nghiệp đô thị được các địa phương phát triển theo hướng hiện đại, do đó đòi hỏi Nhà nước Trung ương và địa phương cần có các chính sách hỗ trợ về tài chính, tín dụng để người sản xuất thực hiện chuyển đổi; hỗ trợ về việc tư vấn, giới thiệu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp. Các chính sách khuyến khích liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, khuyến khích sản xuất theo chuỗi giá trị, cùng nhiều chính sách khuyến nông khác cũng sẽ tác động lớn tới sự phát triển các loại hình dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp. Cùng với đó là những chính sách đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và cả vào các lĩnh vực hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho nông nghiệp). Mặt khác, hiện nay chính sách của Nhà nước về sử dụng đất nông nghiệp cũng gây những khó khăn cho việc triển khai sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là khâu lắp đặt máy móc, thiết bị hay xây dựng cơ sở vật chất (như nhà màng, nhà kính, ...) phục vụ sản xuất theo hướng hiện đại. Bên cạnh đó là các chính sách PTNN nội và ngoại thành của mỗi thành phố theo những

mục tiêu được địa phương đặt ra, cũng ảnh hưởng mạnh mẽ tới phát triển các loại hình dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp.

2.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ

2.3.1. Kinh nghiệm của thành phố Thượng Hải - Trung Quốc

Với trên 123.000 km² đất nông nghiệp của đất nước Trung Quốc đã bị mất bởi quá trình đô thị hóa trong 20 năm [121]. Các siêu đô thị như Thượng Hải, với hơn 24 triệu người sinh sống, đang chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích sử dụng khác để phát triển nhà ở và các công trình hạ tầng mới. Là một trong những siêu đô thị năng động nhất trên thế giới, thành phố Thượng Hải tích cực khuyến khích các giải pháp đổi mới để nuôi sống số dân ngày càng tăng và giải quyết xung đột trong việc sử dụng đất. Lãnh đạo thành phố Thượng Hải xác định nông nghiệp đô thị, ứng dụng công nghệ cao là giải pháp đầy triển vọng để sản xuất lương thực, thực phẩm phục vụ cư dân đô thị.

Sự phát triển kinh tế đã giúp các thành phố lớn dễ dàng hơn trong việc tiếp cận các nguồn tài chính dồi dào, nhân lực chất lượng và công nghệ tiên tiến. Thượng Hải là một nơi rất phù hợp để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. “Như ở nhiều khu vực đô thị khác, giá đất có xu hướng tăng cao, điều này làm cho việc PTNN chuyển sang chiều thẳng, thay vì chiều ngang, là một lựa chọn khả thi về mặt tài chính và tài nguyên” [135]. Để nông nghiệp đô thị phát triển nhanh hơn, chính quyền thành phố đã xây dựng những chính sách và luôn quan tâm tới việc hoàn thiện các dịch vụ cho PTNN, đặc biệt là dịch vụ về tài chính - tín dụng, KHCN và kết hợp hoạt động sản xuất nông nghiệp với các hoạt động du lịch, giải trí.

Chính quyền tạo điều kiện, thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ về KHCN, tài chính cho nông nghiệp đô thị phát triển

Chính quyền địa phương thành phố Thượng Hải đã phối hợp với Viện Khoa học Nông nghiệp Trung ương và các doanh nghiệp quốc doanh, triển khai xây dựng và phát triển “Sunqiao” – khu nông nghiệp hiện đại ở khu vực ven đô của thành phố. Phát triển khu nông nghiệp “Sunqiao” chính là chiến lược nhằm thực hiện Kế

hoạch quốc gia 5 năm lần thứ 12 (2011-2015) và lần thứ 13 (2016-2020) của chính quyền Thượng Hải, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ phía nhà nước. Mục tiêu quan trọng của dự án này là đưa Thượng Hải trở thành nơi dẫn đầu Trung Quốc về sản xuất nông nghiệp đô thị, và dẫn đầu cả thế giới. “Sunqiao” không những tạo ra các nông trại trong nhà và nhà máy sản xuất nông nghiệp; nơi đây còn cung cấp các dịch vụ công cộng về sự trải nghiệm kết hợp sản xuất nông nghiệp trong nhà và ngoài trời. Trong Kế hoạch PTNN quốc gia bền vững (2015-2030), đặc điểm thiết yếu của ngành nông nghiệp Trung Quốc trong tương lai chính là khả năng tự chủ về lương thực, thực phẩm trên cơ sở đổi mới nông nghiệp và phát triển công nghệ. Đây cũng được coi là trách nhiệm quan trọng của Bộ Nông nghiệp và các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là Viện Khoa học Nông nghiệp. Khu PTNN hiện đại, nhà máy thực vật và sản xuất bằng phương pháp thủy canh trong nhà kính là những điểm mới về công nghệ ở khu nông nghiệp đô thị công nghệ cao đã được hình thành. Chúng được Viện Khoa học Nông nghiệp Trung Quốc và các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hàng đầu tài trợ và tạo điều kiện cho phát triển. Thượng Hải hướng tới mục tiêu lớn là: HĐH nông nghiệp và các khu sản xuất thực phẩm công nghệ cao tập trung thông qua sử dụng đất với nhiều chức năng; phát triển đồng bộ, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa nông thôn với thành thị và tăng cường năng lực sản xuất nông nghiệp; phát triển tổng hợp các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và KHCN, nhằm củng cố vai trò hỗ trợ của ngành nông nghiệp trong quá trình CNH và đô thị hóa đất nước.

Ngoài ra còn phải kể đến sự hỗ trợ về mặt tài chính, thông qua các quỹ được chính phủ phân bổ tới các dự án thích hợp và các hoạt động đô thị nhằm HĐH nền nông nghiệp. “Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Chính phủ Trung Quốc sẵn sàng đầu tư 3.000 tỷ Nhân dân tệ (tương đương khoảng 450 tỷ USD) để đưa nền nông nghiệp đất nước này phát triển theo hướng hiện đại, bền vững” [9]. Đơn vị chịu trách nhiệm quản lý các dịch vụ về tài chính là Ngân hàng PTNN Trung Quốc. Ngân hàng đưa ra mức lãi suất hấp dẫn và những sản phẩm tín dụng ưu đãi, qua đó phân bổ các khoản vay để hỗ trợ cho các dự án trọng điểm được Bộ PTNN Trung Quốc thúc đẩy. Hỗ trợ tín dụng này hướng tới thúc đẩy các dự án thích hợp cố gắng

nâng cao hiệu quả kinh doanh, gia tăng năng suất, chất lượng, tăng tính nhất quán trong HDH nông nghiệp.

Gắn kết các hoạt động sản xuất nông nghiệp với dịch vụ du lịch, giải trí

Nông nghiệp giải trí (Leisure Agriculture) là một phần không thể thiếu của nông nghiệp đô thị đang diễn ra ở thành phố Thượng Hải. Hình thức kết hợp nông nghiệp với các hoạt động du lịch và giải trí, hay còn gọi là du lịch nông nghiệp, lưu trú trang trại, du lịch sinh thái, hay trải nghiệm sản xuất nông nghiệp. Đến đây du khách được tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp, như trồng cây, thu hoạch rau quả, cho vật nuôi ăn và tham gia vào đời sống nông thôn; là một hình thức sản xuất nông nghiệp hiện đại, có kết hợp giữa du lịch giải trí với giáo dục, trải nghiệm thực tế trong các hoạt động sản xuất của người nông dân đô thị.

Nông nghiệp giải trí Thượng Hải đã được đầu tư phát triển từ những năm 1990. Kết quả điều tra về nông nghiệp Thượng Hải lần thứ 03 cho thấy Thượng Hải có 323 nông trại phục vụ nhu cầu du lịch, giải trí vào cuối năm 2015. Để thuận lợi cho việc đi lại, có thể đi trong ngày, các nông trại giải trí thường nằm trong bán kính từ 40 - 60 km tính từ Quảng trường Nhân dân - trung tâm thành phố (chiếm tới 40% tổng số nông trại giải trí tại Thượng Hải). Nông nghiệp giải trí đô thị của Thượng Hải có sự gia tăng về doanh thu khá mạnh, từ 702 triệu Nhân dân tệ năm 2010 (khoảng hơn 100 triệu đô la Mỹ) lên 1,899 tỷ Nhân dân tệ vào năm 2015 (khoảng hơn 280 triệu đô la Mỹ), chiếm 6,6% tổng giá trị sản lượng nông nghiệp trong cùng kỳ của Thượng Hải (28,784 tỷ Nhân dân tệ năm 2015). Mức độ phát triển và mức sống ngày càng cao ở đô thị này đã dẫn đến sự gia tăng tần suất các chuyến du lịch giải trí và theo đuổi mục tiêu trở về với thiên nhiên, tốt cho sức khỏe và thân thiện với môi trường. Sự nhiệt tình trong chi tiêu của cư dân Thượng Hải cho sức khỏe và sản phẩm thân thiện môi trường, cũng tạo cơ sở để ngành nông nghiệp giải trí đô thị của thành phố này phát triển theo hướng bền vững, đảm bảo đa mục tiêu. [129]

Để thúc đẩy các nông trại giải trí ở đô thị phát triển theo hướng bền vững, chính quyền thành phố Thượng Hải đã thực hiện các chính sách hỗ trợ và cung cấp những khoản trợ cấp nhất định phụ thuộc vào đặc điểm độc đáo của mô hình, lợi ích

xã hội và môi trường mang lại cho thành phố. Cùng với đó là chính sách khuyến khích các chủ trang trại trang trại giải trí ở Thượng Hải triển khai sản xuất nông nghiệp hữu cơ, và thực hiện đa dạng sinh học. Để làm cơ sở trợ cấp cho nông nghiệp giải trí đô thị và thúc đẩy PTNN hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, bảo vệ môi trường sinh thái, chính quyền thành phố Thượng Hải đã nỗ lực tìm cách để đo lường các yếu tố ngoại tác môi trường từ các trang trại giải trí đô thị.

Bên cạnh đó, cần có sự chung tay, phối hợp giữa cộng đồng dân cư địa phương với các cơ sở giáo dục và các nông trại giải trí đô thị ở Thượng Hải, để các nông trại này có thể được khai thác tối đa để truyền bá tri thức nông nghiệp và xây dựng giá trị cộng đồng, đưa giáo dục nông nghiệp và trải nghiệm làm nông nghiệp trở thành một phần thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày của người dân Thượng Hải.

2.3.2. Kinh nghiệm của thành phố Băng-cốc - Thái Lan

Để đáp ứng yêu cầu của quá trình đô thị hóa và nhu cầu lương thực, thực phẩm của cư dân đô thị, nông nghiệp ở Băng-cốc buộc phải phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, không thể chỉ tập trung vào cây lương thực như trước đây. Đặc biệt cần tập trung vào sản xuất các sản phẩm tươi ngon, an toàn, chất lượng cao như rau, quả, thịt, cá, trứng, sữa, ... phục vụ nhu cầu hàng ngày của người dân thủ đô. Nhiều mô hình trang trại có sự kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi, ứng dụng những tiến bộ của kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất để cho ra sản phẩm có chất lượng tốt và an toàn bắt đầu hình thành ở khu vực ngoại thành. Mô hình trồng rau, trái cây trong nhà kính, nhà màng cũng xuất hiện ngày càng nhiều, với việc ứng dụng công nghệ cao trong canh tác, giảm thiểu tác động xấu từ tự nhiên (mưa, gió, nắng, nhiệt độ, ...) năng suất và hiệu quả kinh tế được nâng lên rõ rệt.

Chính việc cung ứng các loại dịch vụ công và tư, đáp ứng cả đầu vào và đầu ra cho PTNN đô thị nơi đây đã mang lại những kết quả to lớn nền nông nghiệp tại thủ đô Băng-cốc. Đặc biệt Chính phủ Thái Lan cũng như chính quyền Băng-cốc đã xây dựng và thực thi nhiều chính sách phù hợp, hỗ trợ nông nghiệp thủ đô phát triển. Đó chính là:

Chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất nông nghiệp tiếp cận được các yếu tố đầu vào cho PTNN đô thị hiện đại

Chính quyền thủ đô Băng-cốc đã giải quyết tốt quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng, giá trị nông phẩm. Cùng với đó là đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, tạo điều kiện cho hộ sản xuất nông nghiệp thuận lợi trong tiếp cận tín dụng ưu đãi. Các dịch vụ khuyến nông được chính quyền thực hiện cũng cho phép nông dân được hỗ trợ về ứng dụng, chuyển đổi kỹ thuật, công nghệ sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại. Với sự hỗ trợ của Chính phủ, các nông dân tham gia HTX được huấn luyện về kỹ thuật trồng trọt, hiểu biết về lợi ích, cách sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu có hiệu quả. Ngoài ra, bà con xã viên mua máy móc nông nghiệp, như máy cày, máy kéo, máy gặt, máy bơm nước, ... còn được trợ giá.

Ngoài ra, Chính phủ Thái Lan cũng rất quan tâm tới việc quy hoạch đất phục vụ sản xuất nông nghiệp; giải quyết các vấn đề về môi trường, xây dựng khung khổ pháp lý thúc đẩy nông nghiệp thành phố phát triển. Công tác đào tạo nhân lực làm nông nghiệp cũng được chú trọng, cần xây dựng đội ngũ nhân lực có khả năng phát triển kinh tế nông nghiệp, biết ứng dụng kỹ thuật - công nghệ hiện đại, biết quản lý sản xuất - kinh doanh, hiểu biết và có khả năng phân tích thị trường. Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các cơ sở đào tạo nghề về kỹ thuật nông nghiệp, chuyển giao công nghệ cao được thành lập với nhiều ưu đãi để thu hút nhân lực trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. [94, tr.56-57]

Tạo điều kiện phát triển các dịch vụ đầu ra cho nông nghiệp đô thị

Chính sách thu hút FDI cho PTNN và DVNN, đặc biệt là đầu tư vào công nghiệp chế biến thực phẩm được Chính phủ Thái Lan rất quan tâm. Chính phủ có chính sách trợ cấp ban đầu cho các nhà máy chế biến nông sản, đầu tư trực tiếp vào hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và đầu tư vào nghiên cứu và phát triển. Nhà nước cũng tạo điều kiện nhằm phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực chế biến nông sản. Các nhà máy chế biến của các hộ gia đình được hỗ trợ trong việc đầu tư công nghệ hiện đại, tạo ra khối lượng lớn nông phẩm đã qua chế biến đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt. Việc xuất khẩu thịt gà qua Nhật Bản và châu Âu cũng được chuyển từ xuất khẩu dạng nguyên liệu thô sang xuất khẩu thịt gà đã qua chế biến. [11]

Chính sách phát triển các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa doanh

ngiệp và nông dân, thông qua hợp đồng được ký kết giữa các bên, đã thúc đẩy các dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch phát triển, ổn định đầu ra nông sản cho bà con nông dân. Sự hỗ trợ của nhà nước đối với ngành nông nghiệp ở Băng-cốc còn được thể hiện ở việc đưa các chuyên gia kinh tế, kỹ thuật giám sát từ việc sản xuất - phân phối và chế biến nông sản; theo dõi sự biến động của giá cả và hỗ trợ người sản xuất nông nghiệp phát triển thị trường trong và ngoài nước.

Nhiều HTX nông nghiệp được hình thành và đi vào hoạt động để phổ biến kinh nghiệm, kỹ thuật, hỗ trợ dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, giúp xã viên tiết kiệm chi phí sản xuất, tiếp cận gần thị trường, nhờ vậy, họ có thể bán với giá cao hơn, duy trì sự bảo đảm về khối lượng và chất lượng sản phẩm. [94, tr.56-57]. Các mô hình trang trại nhà kính ở Băng-cốc sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông để kết nối trực tiếp với người tiêu dùng, qua đó giúp họ bán hàng online với giá tốt hơn, giảm chi phí trung gian [122].

Ngoài ra, Thái Lan còn phát triển dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp, quỹ bảo hiểm sản phẩm nông nghiệp được triển khai tới tất cả bà con nông dân, với mức bồi thường chiếm từ 60% - 90% của sản lượng trung bình. Phạm vi bảo hiểm áp dụng trong cả lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi, với nhiều sản phẩm đa dạng. Chính phủ Thái Lan có sự hỗ trợ nguồn kinh phí đáng kể cho phát triển các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp rộng khắp. Để khuyến khích người dân mua bảo hiểm, Ngân hàng Nông nghiệp và HTX nông nghiệp (BAAC) đã tạo điều kiện cho nông dân vay vốn để sản xuất, trên cơ sở số lượng các khoản vay và khả năng chi trả để xác định gói bảo hiểm và phí bảo hiểm [128; 33].

2.3.3. Kinh nghiệm của Thành phố Hà Nội

Hà Nội là trung tâm chính trị - văn hóa và kinh tế lớn của Việt Nam. Hà Nội chiếm 1% về diện tích và 8,5% về dân số so với cả nước, nhưng Thủ đô Hà Nội góp trên 16% GDP, 18,5% thu ngân sách quốc gia, 20% thu nội địa và 8,6% tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa của cả nước, ngày càng xứng đáng với vai trò trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế, động lực phát triển của khu vực Đồng bằng sông Hồng và Việt Nam [31]. Dịch vụ và công nghiệp được coi là động lực tăng trưởng kinh tế của Thủ đô, tuy nhiên với xu hướng phát triển của nông nghiệp

đô thị, những năm gần đây Hà Nội đã tập trung nguồn lực, phát triển sản xuất nông nghiệp, hướng tới hình thành nền nông nghiệp thông minh, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tính đến hết năm 2022, giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Hà Nội chiếm khoảng 40% tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp. Hà Nội hiện có 285 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, với 185 mô hình thuộc lĩnh vực trồng trọt (chiếm 65%), 45 mô hình thuộc lĩnh vực chăn nuôi (15,7%), 54 mô hình thuộc lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (19%) và 1 mô hình kết hợp trồng trọt với chăn nuôi. Các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tập trung ở các huyện như: Gia Lâm, Đông Anh, Mê Linh, Đan Phượng, Thường Tín, ... [63].

Từ năm 2012, trong Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch PTNN Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng 2030 đã nêu rõ: PTNN theo hướng nông nghiệp đô thị sinh thái, góp phần tạo cảnh quan môi trường, thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, hài hòa và bền vững với môi trường, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu. Để thực hiện mục tiêu trên, Hà Nội đã quan tâm, tạo điều kiện để hình thành hệ thống dịch vụ cho PTNN đô thị.

Trước hết, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách thúc đẩy hình thành các loại hình dịch vụ cho PTNN đô thị

Trong khoảng hơn 10 năm qua, Hà Nội đã xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện nhiều cơ chế, chính sách tạo điều kiện hình thành, phát triển các loại dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Đó là những cơ chế liên quan tới đất đai - tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành nông nghiệp, như vấn đề chuyển đổi ô, thừa đáp ứng nhu cầu sản xuất lớn và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Thành phố cũng đã triển khai một số chính sách nhằm khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng đồng bộ hạ tầng nông thôn; khuyến khích phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung; khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; thực hiện “Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”. Ngoài ra Thành phố cũng triển khai Kế hoạch số 193/KH-UBND, ngày 30/8/2019 của UBND Thành phố về “cơ

cấu lại lĩnh vực chế biến nông sản gắn với phát triển thị trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội”; Phê duyệt dự án “Chuỗi sản xuất và cung cấp sản phẩm chăn nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020”.

Xác định nông nghiệp công nghệ cao là giải pháp đột phá cho nông nghiệp đô thị, Hà Nội đã quy hoạch và triển khai nhiều khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố. Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được quy hoạch phát triển tại quận Hà Đông và các huyện ngoại thành như: Đông Anh, Mê Linh, Hoài Đức, Đan Phượng, Phúc Thọ, Sơn Tây.

Ngoài ra Thành phố Hà Nội còn có những chính sách hỗ trợ về tài chính, tín dụng cho phát triển các loại hình DVNN. Như, hỗ trợ 100% lãi suất (theo mức lãi suất của Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Thành phố Hà Nội) cho các đơn vị cung cấp dịch vụ giống vật nuôi, cây trồng, thủy sản và hỗ trợ cho các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản, mức vay được hỗ trợ tối đa 70% giá trị đầu tư của dự án, thời hạn được hỗ trợ tối đa 3 năm. Hỗ trợ về chi phí tư vấn, đánh giá và chứng nhận đạt chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hay nông nghiệp hữu cơ cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp tại Thành phố.

Để thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt tại các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Hà Nội cũng hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết, hạ tầng phục vụ liên kết, xây dựng mô hình khuyến nông; hỗ trợ 50% chi phí về giống và vật tư thiết yếu phát triển liên kết. Thành phố còn hỗ trợ 100% chi phí in ấn bao bì, nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp; 40% chi phí trong việc ứng dụng công nghệ cao và chuyển giao KHCN [97].

Thứ hai, phát triển các dịch vụ chế biến, tiêu thụ và xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông nghiệp

Đến hết tháng 6 năm 2019, tổng số cơ sở chế biến nông sản tại Thủ đô Hà Nội là 13.441 cơ sở. Trong đó 1.032 cơ sở thuộc cấp thành phố quản lý (chiếm 7,7%); 12.409 cơ sở thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý (chiếm 92,3%). Dịch vụ chế biến nông sản ngày càng phát triển theo hướng hiện đại, an toàn và được quản lý theo tiêu chuẩn VietGap, HACCP, ISO 22000. Có trên hai ngàn doanh nghiệp chế

biển nông sản tại Hà Nội đã xây dựng và áp dụng tốt các chương trình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm tiên tiến; gần một ngàn doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất hiện đại, tự động hóa, khép kín. Các doanh nghiệp này là nhân tố quan trọng cùng với những chủ trương, chính sách của Thành phố Hà Nội trong phát triển mô hình liên kết chuỗi trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. [116, tr.77]

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, thành phố hiện có 2 chợ đầu mối thực trung chuyển nông sản là Chợ đầu mối Phía Nam thuộc quận Hoàng Mai và chợ đầu mối Minh Khai thuộc quận Bắc Từ Liêm. Đây là các đầu mối tập trung nông sản từ nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp của Thành phố Hà Nội, và cả nhiều địa phương khác trong cả nước, để phân phối tới các điểm tiêu thụ trong khu vực nội thành. Việc quản lý về an toàn vệ sinh thực phẩm tại các chợ đầu mối và chợ truyền thống, cũng như thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh trong chợ luôn được Thành phố đặc biệt quan tâm. Các hộ kinh doanh thực phẩm cố định tại các chợ đều phải ký cam kết về an toàn thực phẩm và thường xuyên lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm đối với nông sản tươi sống, thực phẩm chế biến [17].

Thực hiện truy xuất nguồn gốc nông sản ngày càng được Thành phố Hà Nội triển khai chặt chẽ, hiện đại. Để làm cơ sở thực hiện thí điểm thiết lập module quản lý truy xuất nguồn gốc nông sản trên “Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm sản thủy sản thực phẩm thành phố Hà Nội”, Thành phố đã triển khai điều tra, khảo sát nguồn gốc sản phẩm nông, lâm, thủy sản của 500 hộ kinh doanh tại hai chợ đầu mối, Phía Nam và Minh Khai. Ngoài ra, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Hà Nội cũng thí điểm ghi chép về truy xuất nguồn gốc của nông sản kinh doanh tại các chợ [17].

Giai đoạn 2015 - 2020 Hà Nội đã triển khai thực hiện “Chương trình phối hợp phát triển chuỗi cung cấp rau, thịt an toàn” với 727 chuỗi cung ứng, đáp ứng nhu cầu thực phẩm an toàn, chất lượng cho các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, nhà hàng, bếp ăn tập thể trong toàn Thành phố. Bên cạnh đó, Sở NN&PTNT Hà Nội cũng hỗ trợ giới thiệu, kết nối hệ thống phân phối sản phẩm nông nghiệp tại Hà Nội với các

cơ sở sản xuất tại nhiều địa phương, tạo điều kiện đẩy mạnh tiêu thụ nông sản cho nông dân khắp cả nước. Thành phố thường xuyên tổ chức nhiều chương trình xúc tiến đầu tư, quảng bá, giới thiệu và bán nông sản thông qua các triển lãm, hội chợ. Công tác giám sát, kiểm định cũng như các dịch vụ về chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp cũng luôn được chú trọng. Nhiều chính sách được ban hành nhằm hỗ trợ việc xây dựng hệ thống các điểm bán hàng nông sản an toàn tại các chợ đầu mối, siêu thị, chợ truyền thống. Hỗ trợ, hướng dẫn Các doanh nghiệp trong nước và nhà đầu tư nước ngoài được hướng dẫn cụ thể, hỗ trợ nhiều mặt để liên kết với nông dân PTNN ứng dụng công nghệ cao.

2.3.4. Kinh nghiệm của thành phố Cần Thơ

Thành phố Cần Thơ nằm bên bờ sông Hậu với tổng diện tích tự nhiên hơn 1.401 km², dân số chưa tới 1,3 triệu người [19]. Trong cơ cấu kinh tế của thành phố Cần Thơ, ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 52,47%, ngành công nghiệp-xây dựng chiếm 31,03% và thấp nhất là ngành nông-lâm nghiệp-thủy sản chỉ 9,65% [85]. Trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, thành phố Cần Thơ tiếp tục phát triển các mô hình vườn cây ăn trái theo hướng quy hoạch vùng chuyên canh, chất lượng cao, tập trung quy mô phù hợp, nhằm tăng tính cạnh tranh, từng bước khai thác lợi thế phát triển du lịch sinh thái, tiêu thụ nội địa và chế biến xuất khẩu. Những năm qua, sản xuất nông nghiệp thành phố Cần Thơ tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng khá cao. Tốc độ tăng tổng sản phẩm khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của thành phố ước đạt mức tăng 2,49% trong năm 2022. Các chỉ tiêu quan trọng của ngành nông nghiệp thành phố Cần Thơ đều đạt và vượt so với kế hoạch. Tổng diện tích gieo trồng và sản lượng lúa, cây trồng hằng năm, cây ăn trái đều thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch, tổng đàn gia súc, gia cầm và nuôi thủy sản cũng tăng. Năm 2022 diện tích liên kết theo chuỗi giá trị nông sản đã mở rộng, trong đó diện tích lúa tăng thêm 3.000 ha và cây ăn trái tăng 205 ha; trên 17.800 hộ sản xuất nông nghiệp đăng ký giới thiệu sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, vượt 5,9 lần so với kế hoạch. Tổng số sản phẩm OCOP của thành phố Cần Thơ hết năm 2022 là 92 sản phẩm, gồm 58 sản phẩm 4 sao và 34 sản phẩm 3 sao, riêng năm 2022 có 51 sản phẩm được công nhận OCOP [24]. Để thúc đẩy việc sản

xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, thành phố Cần Thơ đã tập trung vào các nội dung như:

Thứ nhất, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thúc đẩy ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Thời gian qua, thành phố Cần Thơ đã rất quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn nông dân trong ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và phát triển các mô hình hiệu quả trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, ngành nông nghiệp thành phố cũng đã tích cực thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số, hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ mới cho người nông dân, nhất là công nghệ cao để PTNN thông minh, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp tuần hoàn giúp mang lại giá trị cao và bền vững.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ đã phối hợp các sở ngành thành phố và đơn vị có liên quan để đẩy mạnh các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ nông dân và các HTX đưa sản phẩm nông nghiệp lên quảng bá, tiêu thụ trên nhiều sàn thương mại điện tử. Thường xuyên tổ chức các hoạt động tập huấn, các hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số trong nông nghiệp nói chung và từng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nói riêng bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Đồng thời, tăng cường tập huấn cho đội ngũ cán bộ nông nghiệp, lực lượng khuyến nông địa phương và người dân về các kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số. Hỗ trợ và hướng dẫn nông dân sử dụng các thiết bị công nghệ mới trong nông nghiệp như máy bay không người lái, ứng dụng hệ thống phun tưới nước tự động cho cây trồng, ứng dụng công nghệ thông tin trong khai báo thông tin và định vị vùng trồng nhằm xây dựng mã số vùng trồng...

Để thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, ngành Nông nghiệp thành phố Cần Thơ đang đẩy mạnh công tác đào tạo và tập huấn về chuyển đổi cho cả nông dân và đội ngũ những người làm công tác quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là các cán bộ nông nghiệp ở cơ sở. Đồng thời, quán triệt, triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch và văn bản chỉ đạo của Trung ương, thành phố về chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Quan tâm

thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội phục vụ chuyển đổi số và chú trọng xây dựng và phát triển các cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, cũng như tạo điều kiện để người dân tiếp cận và ứng dụng.

Cần Thơ đã cho ra đời sàn thương mại điện tử “chonongsancantho.vn” để tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp quảng bá và tiêu thụ nông sản bằng hình thức trực tuyến. Bên cạnh đó, thành phố cũng đã đưa vào hoạt động Hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa thành phố Cần Thơ được xây dựng dựa trên nền tảng công nghệ số. Cổng thông tin của Hệ thống có địa chỉ tại trang <https://check.cantho.gov.vn/> . Đây là những bước khởi đầu quan trọng để vận động nông dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp qua nền tảng công nghệ số. [93]

Thứ hai, phát triển du lịch nông nghiệp để thúc đẩy nông nghiệp đô thị phát triển.

Cần Thơ có nhiều tiềm năng và lợi thế phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp hơn so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước do điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thủy văn thuận lợi. Đặc biệt, do định hướng phát triển thành phố Cần Thơ là trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022. Cùng với lợi thế cạnh tranh này, các sản phẩm nông nghiệp nổi trội của thành phố như lúa, trái cây, thủy sản, ... sẽ tạo chuỗi giá trị sản phẩm du lịch nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu trải nghiệm cho du khách trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, thực hiện theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 5/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thành ủy Cần Thơ ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/12/2021 về đẩy mạnh phát triển du lịch trong tình hình mới, trong đó định hướng phát triển du lịch thành phố trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân thành phố Cần Thơ phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Từ những điều kiện thuận lợi cả về tự nhiên và xã hội, triển khai các chủ trương, chính sách của thành phố, các sở, ban, ngành phối hợp với các ủy ban nhân dân quận, huyện đã xây dựng kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, kế

hoạch phát triển thương hiệu du lịch nông nghiệp thành phố Cần Thơ, tạo đà cho du lịch nông nghiệp “cát cánh”. Ngoài ra, phải kể đến sự quan tâm, hỗ trợ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cần Thơ trong việc nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của du lịch nông nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng các hộ nông dân tham gia làm du lịch ở các quận, huyện. Luôn đổi mới, sáng tạo để tạo ra những sản phẩm phong phú và đặc trưng của Cần Thơ mà không trùng lặp với địa phương khác. Đồng thời luôn lưu giữ những nét đẹp dân dã, bình dị của vùng sông nước miệt vườn Nam Bộ, cùng các giá trị văn hóa, nếp sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng bản địa [62].

2.3.5. Một số bài học kinh nghiệm trong thúc đẩy dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Dịch vụ cho PTNN đang được nhiều thành phố trên thế giới và cả ở Việt Nam quan tâm, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển. Thượng Hải và Băng-cốc có những điểm tương đồng với TPHCM, như đều là những đô thị lớn nhất của quốc gia, và ở đây chính quyền đều chú trọng PTNN công nghệ cao. Ngoài ra, Thượng Hải và TPHCM đều là những nơi có kinh tế thị trường phát triển năng động nhất tại quốc gia theo con đường xã hội chủ nghĩa; còn Băng-cốc và TPHCM lại có sự tương đồng nhất định về điều kiện tự nhiên và lợi thế trong phát triển DVNN. Trong nước, Hà Nội và Cần Thơ giống như TPHCM, đều là những thành phố trực thuộc Trung ương, đang có quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, định hướng về một nền nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững cũng được chính quyền các địa phương đặt ra. Chính những điểm tương đồng trên cho thấy, kinh nghiệm về dịch vụ cho PTNN của các thành phố này có giá trị tham khảo to lớn đối với TPHCM.

2.3.5.1. Chính sách hỗ trợ của chính quyền các cấp để xây dựng và thúc đẩy hệ thống cung cấp dịch vụ cho phát triển nông nghiệp đô thị

Kinh nghiệm PTNN của các thành phố trong nước và trên thế giới cho thấy, sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro và ít hấp dẫn. Tuy nhiên, với quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới diễn biến phức tạp, các thành phố, đặc biệt là thành phố lớn, buộc phải có sự chủ động nhất định về nguồn cung lương thực, thực phẩm. Ngoài ra, PTNN ở thành phố không chỉ mang lại lợi ích về mặt kinh tế, mà còn lợi ích về

mặt xã hội, môi trường và cảnh quan đô thị. Vì vậy, để tạo điều kiện cho đô thị PTNN theo hướng hiện đại, bền vững, đòi hỏi chính quyền các thành phố phải xây dựng và thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và các dịch vụ cho nông nghiệp đô thị phát triển. Đó là sự hỗ trợ về tín dụng, bảo hiểm nông sản; hỗ trợ về kỹ thuật, qui trình sản xuất mới, chuyển giao mô hình, công nghệ hiện đại; hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp và các dịch vụ liên quan; hỗ trợ về xây dựng và quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại và đầu tư, tiêu thụ nông phẩm;... Chắc chắn, để hình thành hệ thống các loại hình dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN ở TPHCM, chính quyền Thành phố cần nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện và bổ sung nhiều chính sách phù hợp, từ đó góp phần hỗ trợ tốt nhất cho nông nghiệp đô thị phát triển theo hướng hiện đại, an toàn, bền vững.

2.3.5.2. Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ khoa học công nghệ, qua đó xây dựng và phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, ứng dụng công nghệ cao

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo điều kiện cho lĩnh vực nông nghiệp đang ngày càng được ứng dụng nhiều hơn các qui trình, kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Đặc biệt với điều kiện hạn chế về quỹ đất ở khu vực đô thị và nhu cầu lớn về thực phẩm tươi sống, chất lượng, việc chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang được rất nhiều thành phố lớn trên thế giới quan tâm. Đó là những nông trại thông minh, với sự tham gia của robot tự động và máy bay nông nghiệp (drone), cùng hệ thống thu thập, phân tích và xử lý thông tin bởi công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big data), Internet kết nối vạn vật (IoT); hay những trang trại có thể mở rộng sản xuất theo chiều hướng lên trên (Vertical farming), xếp tầng, giải quyết rất tốt vấn đề quỹ đất ở đô thị và tiết kiệm nhân lực; nông nghiệp hữu cơ hay sản xuất trong nhà (nhà màng, nhà kính) cho năng suất, chất lượng cao, an toàn, ... Nông nghiệp công nghệ cao thật sự phù hợp với khu vực đô thị, cả nội thành và ngoại thành. Từ kinh nghiệm của nhiều thành phố lớn trên thế giới (đặc biệt là Thượng Hải, Băng-cốc) và trong nước, TPHCM cần quan tâm, tạo điều kiện hoàn thiện các dịch vụ KHCN, qua đó hỗ trợ PTNN đô thị theo hướng hiện đại, bền vững, ứng dụng mạnh mẽ các kỹ thuật, công nghệ đột phá của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2.3.5.3. Phát huy vai trò của kinh tế tập thể trong cung cấp dịch vụ cho phát triển nông nghiệp

Để chuyển đổi nền nông nghiệp nhỏ, lạc hậu của Việt Nam sang sản xuất lớn, hiện đại gắn với thị trường tiêu thụ, cần phát huy vai trò quan trọng của kinh tế tập thể với các hình thức như tổ hợp tác, HTX và liên hiệp HTX, trong đó HTX là nòng cốt. Kinh nghiệm của cả Thượng Hải, Băng-cốc và các thành phố khác ở trong nước đều cho thấy, để nông nghiệp phát triển cần xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, qua đó cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ, cả đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp. Mô hình HTX trong sản xuất nông nghiệp ở thủ đô Băng-cốc của Thái Lan là ví dụ tiêu biểu, rất cần nghiên cứu và có thể vận dụng phù hợp vào sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam nói chung hay tại TPHCM nói riêng. Các HTX ở Thái Lan được vay vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và HTX nông nghiệp với lãi suất qui định thấp hơn so với lãi suất thương mại (4,5%/năm so với 10%/năm). Nhờ chính sách này, các HTX ở Thái Lan phát triển rất mạnh các dịch vụ, nhưng hiệu quả nhất là 2 dịch vụ: tín dụng nội bộ và bán vật tư nông nghiệp, bán giống vật nuôi, cây trồng cho thành viên HTX. Ngoài ra, nhà nước cũng không đánh thuế VAT đối với các sản phẩm do HTX nông nghiệp kinh doanh ở Thái Lan, đây là điều kiện thuận lợi để nông dân tham gia HTX và để HTX có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp. Với nông nghiệp đô thị ở TPHCM cần tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò của kinh tế tập thể, mà nòng cốt là HTX trong cung ứng các DVNN, cả hỗ trợ đầu vào cho việc sản xuất, vận chuyển, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản.

2.3.5.4. Phát triển mô hình du lịch nông nghiệp

Du lịch nông nghiệp hay du lịch sinh thái/trải nghiệm cũng là một trong những loại dịch vụ có tác động tới sự phát triển của nông nghiệp thành phố. Kinh nghiệm của thành phố Thượng Hải cho thấy các nông trại giải trí (phục vụ du lịch nông nghiệp) thường tập trung ở những nơi gần trung tâm thành phố, với khoảng cách từ 40km - 60km. Những trang trại này không chỉ phục vụ nhu cầu thư giãn, giải trí cuối tuần của người dân thành thị, đồng thời còn có những đóng góp không nhỏ đối với phát triển kinh tế, xã hội và cải thiện môi trường sinh thái tại địa phương. Hiện nay, ở Việt Nam đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp gần

các thành phố lớn, vừa cung cấp thực phẩm và một phần lương thực, vừa phục vụ nhu cầu du lịch/giải trí, trải nghiệm của người dân (đặc biệt là cư dân và học sinh ở khu vực thành thị). Với điều kiện của TPHCM, những huyện ngoại thành như Cần Giờ, Nhà Bè, Bình Chánh, Hoóc Môn, Củ Chi, hoàn toàn có thể xây dựng những mô hình trang trại vừa sản xuất nông nghiệp, vừa kết hợp với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng. Với đặc điểm đa dạng về địa hình và điều kiện sản xuất nông nghiệp ở các huyện ngoại thành, TPHCM có thể hình thành các loại trang trại độc đáo, trong lĩnh vực trồng trọt như: trồng lúa, trồng rau, trồng cây ăn trái, trồng hoa, ... ; trong lĩnh vực chăn nuôi như: nuôi gia súc, gia cầm, cá sấu, cá kiểng, ... hoặc có thể kết hợp cả trồng trọt và chăn nuôi; hay thậm chí là trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, cào muối, đánh bắt thủy sản ở Cần Giờ. Các cơ sở sản xuất nông nghiệp ở ngoại thành cũng có thể trở thành những điểm du lịch trải nghiệm thú vị và ý nghĩa đối với học sinh, sinh viên các cấp. Thông qua các hoạt động du lịch, trải nghiệm để giới thiệu, quảng bá và bán các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của mỗi địa phương, đặc biệt là các sản phẩm OCOP của Thành phố. Nếu có sự kết nối, phối hợp hiệu quả giữa các cơ sở sản xuất nông nghiệp, đơn vị kinh doanh du lịch và các cơ sở giáo dục, chắc chắn sẽ thúc đẩy nông nghiệp Thành phố phát triển bền vững.

Chương 3

THỰC TRẠNG DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2018 – 2023

3.1.1. Cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp và dịch vụ cho phát triển nông nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 - 2023

Xét về thế mạnh, TPHCM có nhiều lợi thế trong phát triển các ngành dịch vụ và công nghiệp, tuy nhiên việc xây dựng một nền nông nghiệp đô thị, hiện đại cũng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Thành phố. Phát triển nông nghiệp tại một đô thị lớn, không chỉ có giá trị về mặt kinh tế mà còn đóng góp nhiều giá trị về mặt xã hội và môi trường. Điều này được thể hiện rất rõ trong chủ trương, chính sách của Đảng bộ và Chính quyền TPHCM nhiều năm nay.

Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng bộ TPHCM đã chủ trương: PTNN đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học; Đại hội cũng xác định đưa Thành phố trở thành trung tâm sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao, an toàn của khu vực và bảo vệ môi trường; nền nông nghiệp đô thị của Thành phố cũng hướng tới việc đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường về rau sạch, hoa tươi, cá kiểng, sữa và gắn với phát triển du lịch mang đặc trưng Thành phố [32, tr.126]. Ngoài ra Đảng bộ Thành phố cũng xác định cần phải bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển dịch vụ bảo hiểm trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, xây dựng các chuỗi liên kết và chuỗi cung ứng trong nông nghiệp; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế biển [32, tr.127].

Tiếp tục chủ trương của Đại hội X, Đại hội XI của Đảng bộ TPHCM xác định: tập trung vào PTNN ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp đô thị; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây, giống con chất lượng và năng suất cao,

trở thành trung tâm giống cây, giống con của khu vực [33, tr172].

Như vậy, theo tinh thần chủ trương của Đảng bộ TPHCM, Thành phố hướng tới xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp đô thị, hiện đại và bền vững. Sản phẩm nông nghiệp thế mạnh Thành phố tập trung phát triển là những nông sản đáp ứng nhu cầu thực phẩm tươi sống hàng ngày cho người dân đô thị, như: rau, quả, nấm, hoa tươi, thịt, cá, trứng, sữa; cùng với đó là nuôi yến, cá kiểng và giống cây, giống con. Thành phố cũng xác định tập trung vào một số dịch vụ cho PTNN như: cung ứng giống cây, giống con; dịch vụ về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp; dịch vụ cung ứng đầu vào và đầu ra hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp; dịch vụ du lịch gắn với PTNN.

Từ chủ trương, chính sách phát triển chung về PTNN của quốc gia, và đặc biệt là chủ trương của Đảng bộ Thành phố, trong những năm qua TPHCM đã xây dựng và triển khai nhiều chính sách hỗ trợ, thúc đẩy PTNN và dịch vụ cho PTNN. Các chương trình, đề án, kế hoạch trọng tâm đang triển khai thực hiện nhằm thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển như: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố; Đề án PTNN hữu cơ; Kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chiến lược phát triển chăn nuôi; Đề án phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn Thành phố; Chương trình quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Thành phố; và đặc biệt là Chương trình PTNN đô thị trên địa bàn TPHCM giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Bên cạnh đó, Thành phố cũng triển khai nhiều các chương trình, đề án, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy các loại dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN đô thị. Các chính sách tạo điều kiện thúc đẩy các dịch vụ đầu vào cho phát triển nông nghiệp Thành phố như: Chương trình phát triển giống bò thịt trên địa bàn TPHCM giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2020 - 2030; Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp - HTX trong tháo gỡ khó khăn về vốn cho các HTX, hỗ trợ các HTX tiếp cận các khoản vay ưu đãi; Đề án nông dân khởi nghiệp gắn với chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; Đề án hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp.

Các chính sách tạo điều kiện thúc đẩy các dịch vụ đầu ra cho phát triển nông nghiệp Thành phố như: Chương trình xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp và sản phẩm OCCOP trên địa bàn TPHCM; Đề án tổ chức đưa nông dân đi học tập, trao đổi kinh nghiệm sản xuất và quảng bá hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm nông sản ở nước ngoài; Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn TPHCM; Kế hoạch hoạch bố trí nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố; Đề án xây dựng Thương hiệu Vàng nông nghiệp TPHCM; Đề án Nâng cao đời sống kinh tế của nông dân gắn với hoạt động du lịch nông nghiệp, phát triển nông thôn mới,...

Với hệ thống các chính sách rất bao quát nhằm thúc đẩy phát triển một nền nông nghiệp đô thị hiện đại tại TPHCM, trong đó có nhiều chính sách tạo điều kiện để hình thành và thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ cả đầu vào, đầu ra cho sản xuất nông nghiệp. Chính điều này đã đưa nền nông nghiệp Thành phố ngày càng đi theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, và có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tại TPHCM.

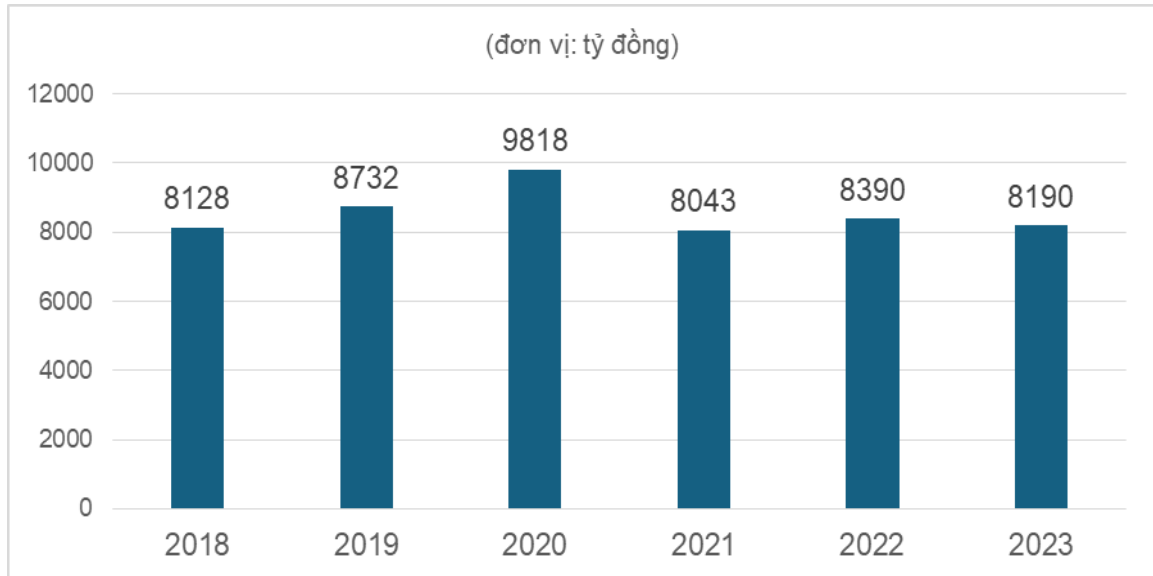
3.1.2. Một số kết quả trong phát triển nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 - 2023

3.1.2.1. Về giá trị sản xuất và năng suất lao động

Trong những năm qua, mặc dù diện tích sản xuất ngày càng thu hẹp, song nông nghiệp TPHCM tiếp tục có sự gia tăng về giá trị sản xuất cũng như năng suất lao động. Văn kiện Đại hội Đảng bộ TPHCM lần thứ XI đánh giá: “Ngành nông nghiệp phát triển đúng định hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, năng suất lao động gấp hơn 3 lần cả nước, tập trung vào các ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học” [33, tr.97]. Năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 23%/năm; giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp năm 2019 đạt 550 triệu đồng (gấp 1,5 lần so với năm 2015); tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4,72%/năm [33, tr.97].

Thành phố cũng rất quan tâm đến việc phát triển khu vực nông thôn. Đến năm 2020, tất cả 56/56 xã tại 5 huyện ngoại thành của Thành phố đều đã được công

nhận cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, chất lượng cuộc sống người dân khu vực nông thôn được nâng lên. Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp của TPHCM nhìn chung tăng đều qua các năm trước dịch bệnh Covid-19, từ năm 2021 do tác động bởi dịch bệnh, ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn [xem Hình 3.1].



Nguồn: [22, tr.139; 78].

Hình 3.1. Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

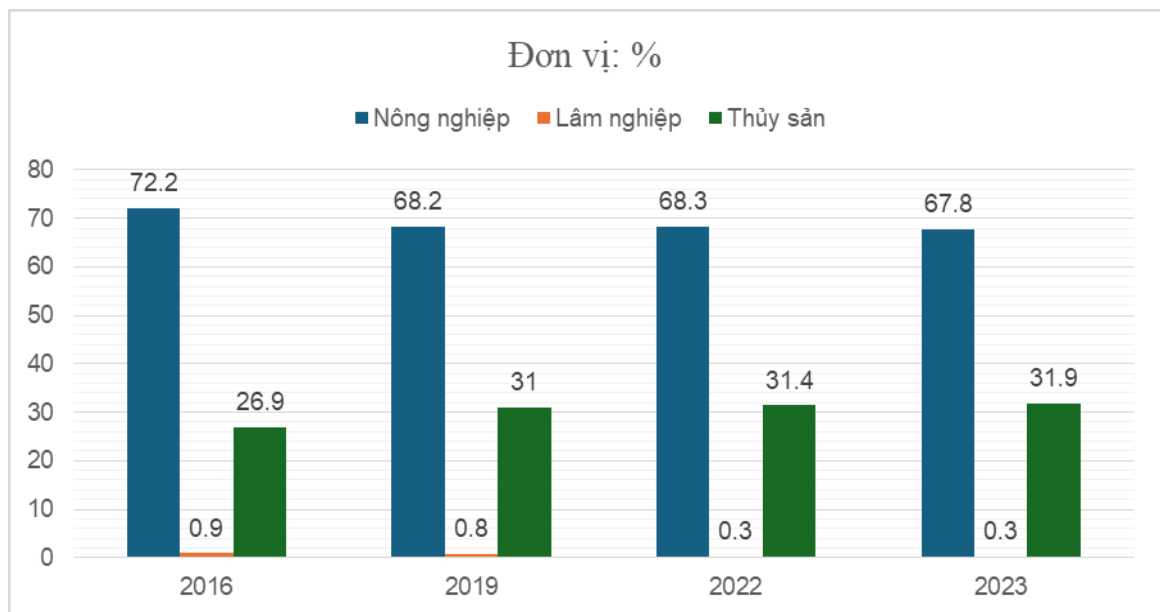
Do tác động bởi nhiều yếu tố không những làm cho giá trị sản xuất ngành nông nghiệp TPHCM năm 2021, 2022 có sự suy giảm, tuy nhiên, đến năm 2023, 2024 đã dần phục hồi. Giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp TPHCM năm 2024 đạt 19.974,8 tỷ đồng [80]. Về giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh và tình hình kinh tế thế giới. Năm 2015 đạt 367 triệu đồng/ha, năm 2020 tăng lên 583 triệu đồng/ha, thì đến năm 2022 chỉ đạt 570 triệu đồng/ha [105, tr.16]. Với những nỗ lực và quyết tâm của Thành phố trong PTNN, năm 2023 giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đã đạt 579 triệu đồng, năm 2024 đạt 619 triệu đồng [80]. Cùng với đó, năng suất lao động bình quân trong lĩnh vực nông nghiệp cũng tăng mạnh giai đoạn 2015 - 2020 từ 93 triệu đồng/người/năm lên 185 triệu đồng/người/năm và đến năm 2022 giảm xuống còn 166 triệu đồng/người/năm [105, tr.16].

3.1.2.2. Về cơ cấu nội ngành và hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp

Trong những năm qua, TPHCM đã ban hành nhiều chính sách thúc đẩy

chuyển dịch và tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững. Những chính sách này đã thu hút đáng kể các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Qua đó, người dân từng bước chuyển đổi các loại hình sử dụng đất kém hiệu quả sang các loại hình sử dụng đạt hiệu quả cao hơn, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, kỹ thuật, công nghệ cao để gia tăng giá trị sản phẩm. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học; giảm diện tích trồng lúa, trồng mía, sản xuất muối hiệu quả kinh tế thấp sang các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị cao hơn, phù hợp với điều kiện của TPHCM như rau quả an toàn, hoa lan, cây cảnh, cá kiểng, chim yến, bò thịt lai, ...

Về cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của TPHCM những năm qua không có sự chuyển dịch mạnh, tỷ trọng lĩnh vực nông nghiệp luôn cao nhất và có xu hướng giảm nhẹ, từ 72,2% năm 2016 xuống còn 67,8% năm 2023; tỷ trọng lĩnh vực thủy sản tăng nhẹ từ 26,9% năm 2016 lên 31,9% năm 2023; tỷ trọng lĩnh vực lâm nghiệp rất nhỏ, luôn dưới 1% [xem Hình 3.2].



Nguồn: [77; 78; 79].

Hình 3.2. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của TPHCM đang được quan tâm phát triển, sau những khó khăn của năm 2020, 2021 đang dần phục hồi và đi theo định

hướng nông nghiệp đô thị, hiện đại, bền vững. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng rau tươi, ngon, an toàn cho thành phố luôn có hơn 10 triệu người sinh sống và lưu trú, các mô hình trồng rau an toàn ngày càng tăng. Năm 2023 tổng diện tích gieo trồng các loại rau đạt 21.500 ha, sản lượng 608,5 nghìn tấn - 100% đạt tiêu chuẩn an toàn; trong đó, diện tích gieo trồng rau ứng dụng công nghệ cao đạt 2.720 ha (chiếm 12,65%), diện tích gieo trồng rau theo tiêu chuẩn hữu cơ đạt 06 ha (chiếm 0,3%). Cùng với đó là sản xuất hạt giống các loại rau, hàng năm cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu khoảng 20.000 tấn hạt giống (tương đương khoảng 01 triệu ha diện tích gieo trồng) [105, tr10]. Trong lĩnh vực trồng trọt, bên cạnh rau quả, thì hoa và cây kiểng cũng là sản phẩm nông nghiệp được Thành phố quan tâm phát triển. Năm 2023 diện tích gieo trồng hoa và cây kiểng đạt 2.335 ha, trong đó: hoa lan 305 ha, hoa nền 620 ha, kiểng - bonsai 600 ha, hoa mai 810 ha [78].

Lĩnh vực chăn nuôi phát triển theo phương thức nuôi công nghiệp, số hộ nuôi quy mô lớn tăng, chất lượng đang được cải thiện. Tuy nhiên, do tác động của quá trình đô thị hóa và thay đổi chuỗi cung ứng sau dịch bệnh Covid-19, quy mô các đàn vật nuôi đều giảm sút đáng kể. Trong lĩnh vực thủy sản, sản phẩm chủ lực của TPHCM là tôm nước lợ. Năm 2023 diện tích nuôi tôm nước lợ 5.076 ha (giảm 4% so cùng kỳ), sản lượng thu hoạch tôm đạt 10.350 tấn (tăng 8,8% so cùng kỳ), trong đó, diện tích nuôi tôm nước lợ thâm canh, bán thâm canh là 1.854,05 ha (trong đó diện tích thả nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao 75 ha), sản lượng đạt 8.555,25 tấn (trong đó sản lượng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao 2.450,00 tấn); quảng canh, quảng canh cải tiến 3.225,53 ha, sản lượng đạt 1.767,6 tấn [78].

Ngoài những sản phẩm thế mạnh trên, nuôi chim yến và cá cảnh là những sản phẩm nông nghiệp đang có tăng trưởng. Năm 2023, các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố đã xuất khẩu 12 triệu con cá cảnh các loại. Hiện Thành phố có 19 quận/huyện ghi nhận có nhà yến với tổng số 727 nhà, nhưng tập trung chủ yếu ở huyện Cần Giờ với 496 nhà (chiếm 70%) [64]. Với địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu ôn hòa, nền nhiệt cao và ổn định, ít chịu ảnh hưởng của bão là những điều kiện thuận lợi để Thành phố phát triển nghề nuôi yến trong nhà. Năm 2023, sản lượng tổ yến đạt 16,57 tấn, tăng 15,6% so với

năm 2022 [78]. Hiện Thành phố còn 688 hộ sản xuất muối tại huyện Cần Giờ, với diện tích là 1.547 ha, tổng sản lượng muối thu hoạch năm 2023 đạt 87.527 tấn [78].

3.1.2.3. Về thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Thực hiện Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án Chương trình OCOP trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025; Sở NN&PTNT đã ban hành Kế hoạch số 869/KH-SNN ngày 11 tháng 4 năm 2023 thực hiện Đề án Chương trình OCOP năm 2023 trên địa bàn Thành phố. Tính đến hết năm 2023, TPHCM có 99 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, trong đó 36 sản phẩm đạt chuẩn 04 sao và 63 sản phẩm đạt chuẩn 03 sao [78]; đến tháng 11 năm 2024, Thành phố đã công nhận được 225 sản phẩm OCOP của 87 chủ thể, trong đó có 79 sản phẩm đạt chuẩn 04 sao và 176 sản phẩm đạt chuẩn 03 sao [80]. Ngoài những sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của Thành phố đã được công nhận đạt chuẩn OCOP 4 sao như mật dừa nước, khô cá dứa Cần Giờ; bột rau má, bơ đậu phộng Củ Chi, ... hiện TPHCM đang làm hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đánh giá, phân hạng, công nhận là sản phẩm OCOP 5 sao cấp quốc gia cho sản phẩm bột rau má có đường Orama.

3.2. THỰC TRẠNG DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

3.2.1. Thực trạng dịch vụ đầu vào cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1.1. Dịch vụ khuyến nông

Dịch vụ khuyến nông ở Thành phố được hình thành từ năm 1993 với sự ra đời của Trung tâm Nghiên cứu khoa học kỹ thuật và Khuyến nông Thành phố. Ngay từ khi hình thành, Trung tâm khuyến nông Thành phố đã định hướng bà con nông dân chuyển đổi dần sang sản xuất nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại, bền vững. Đặc biệt từ năm 2016 tới nay, Khuyến nông Thành phố tập trung hỗ trợ nông dân sản xuất, nâng cao thu nhập thông qua nhiều hoạt động cụ thể. Tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp từ những đơn vị

nghiên cứu, doanh nghiệp rồi chuyển giao cho nông dân, nhằm tạo ra nhiều giống mới chất lượng và chủ động nguồn giống đáp ứng nhu cầu sản xuất. Đồng thời xây dựng các mô hình chuyển đổi từ đất trồng lúa, trồng mía hiệu quả kinh tế thấp sang các cây trồng vật nuôi khác hiệu quả cao hơn, theo hướng ưu tiên sản phẩm chủ lực của ngành. Cùng với đó là trình diễn ứng dụng công nghệ tiên tiến; chuyển giao giống an toàn dịch bệnh, chất lượng; chuyển giao quy trình kỹ thuật, phương pháp tổ chức quản lý phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và nhân rộng cho bà con nông dân, trong đó ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

Các mô hình được chú trọng triển khai như: mô hình sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, rau theo tiêu chuẩn VietGap; mô hình gieo, ươm cây con trong khay, áp dụng vật tư, phân bón, giống theo quy trình VietGAP; mô hình chuyển giao giống mới phù hợp với điều kiện tự nhiên và đáp ứng nhu cầu thị trường Thành phố (như trồng củ cải đỏ mini, dâu tây NewZealand và dâu tây Mỹ); mô hình trồng hoa - cây kiểng chủ lực, đặc biệt là hoa lan, giúp nông dân mạnh dạn sản xuất, hình thành những vùng sản xuất hoa lớn tại Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn; mô hình trồng và chăm sóc hoa mai, hoa nền nhằm đa dạng chủng loại đáp ứng nhu cầu của thị trường Thành phố; mô hình chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại theo Chương trình phát triển giống bò thịt trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 ở huyện Củ Chi, Bình Chánh; mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng, nuôi cua từ con giống sinh sản nhân tạo; phát triển chương trình nuôi cá cảnh với những mô hình nuôi cá chép Koi, cá dĩa sinh sản,...

Để nâng cao kết quả của dịch vụ, Khuyến nông Thành phố thực hiện đa dạng hóa công tác thông tin tuyên truyền, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào hoạt động chuyên môn, nhằm tăng khả năng tiếp cận thông tin, đáp ứng kịp thời nhu cầu của nông dân trong thời đại công nghiệp 4.0. Những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong việc sản xuất nông nghiệp được phổ biến tới người sản xuất, kinh doanh nông nghiệp qua nhiều kênh như: trang Thông tin Điện tử khuyến nông (*khuyennongtp HCM.vn*), tờ Thông tin Khuyến nông và Thị trường, Tập san Khuyến nông, phối hợp với Đài Tiếng nói Nhân dân TPHCM thực hiện Chương trình Phát thanh Khuyến nông, Báo

Khoa học phổ thông, ...

Để tạo diễn đàn trao đổi giữa nhà quản lý, nhà khoa học, nhà nông và các doanh nghiệp nhằm chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn và định hướng cho PTNN, Khuyến nông Thành phố chủ trương tổ chức nhiều cuộc hội thảo ở nhiều cấp độ. Để tuyên truyền, giới thiệu chia sẻ kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản tại Thành phố và các tỉnh, định hướng về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thông tin và hướng dẫn việc ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp, Khuyến nông Thành phố đã phối hợp với Đài tiếng nói Nhân dân TPHCM thực hiện các chương trình phát thanh vào thứ Năm và thứ Bảy hàng tuần (104 chương trình/năm). Ngoài ra, TPHCM còn triển khai các lớp tập huấn và các chuyến tham quan học tập nhằm giúp người nông dân cập nhật các chính sách mới về nông nghiệp và khuyến nông, nâng cao kiến thức và kỹ năng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất nông nghiệp; tạo điều kiện cho nông dân các quận, huyện và đội ngũ cán bộ có cơ hội trao đổi, học tập các mô hình ứng dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến đạt hiệu quả; từ đó ứng dụng chuyển giao và nhân rộng các mô hình phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp tại Thành phố trong thời gian tới.

3.2.1.2. Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao

Để phát triển nền nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững, có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu thì giống là yếu tố đầu vào rất quan trọng. Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, và đặc biệt là điều kiện kinh tế - xã hội, TPHCM đã định hướng trở thành trung tâm nghiên cứu, sản xuất, cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản của khu vực và cả nước. Trên cơ sở đó, ngay từ năm 2010, UBND Thành phố đã ban hành Đề án PTNN đô thị trên địa bàn TPHCM đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, trong đó xác định một trong những mục tiêu chính là đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất và dịch vụ về giống. Ngày 6 tháng 9 năm 2016, UBND Thành phố ban hành Chương trình Mục tiêu phát triển giống cây, giống con chất lượng cao trên địa bàn TPHCM giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2021 UBND Thành phố tiếp tục ban hành Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn TPHCM giai đoạn 2020 - 2030.

Từ định hướng trên, những năm qua Thành phố tập trung vào nghiên cứu, sản xuất và cung ứng các loại giống cây trồng chủ yếu như rau, hoa, cây kiểng, nấm, cây dược liệu, cây lâm nghiệp; hay những giống vật nuôi chủ yếu như bò sữa, bò thịt, heo; và giống thủy sản chủ yếu là thủy sản nước ngọt, nước mặn lợ, giống cá kiểng. Theo số liệu thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2023 Thành phố có 28 đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng; 28 đơn vị sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; 30 đơn vị sản xuất và cung ứng giống thủy sản nước mặn lợ (trong đó có 18 cơ sở thuần dưỡng giống tôm, 12 cơ sở sản xuất giống nhuyễn thể); 90 cơ sở và hộ cá thể sản xuất và thuần dưỡng giống thủy sản nước ngọt (31 cơ sở sản xuất và 59 hộ cá thể); và khoảng 300 hộ, cơ sở sản xuất - kinh doanh giống cá kiểng (một số loài có giá trị kinh tế cao như: cá Chép Nhật, Hòa Lan, Dĩa, Xiêm, Ông Tiên, Tứ Vân, Hồng Kim, Hắc Kim, Moly, Phượng Hoàng...) [78].

Bảng 3.1. Số lượng các cơ sở cung ứng giống chất lượng cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Lĩnh vực cung ứng giống	Số lượng		
		2016	2020	2023
1	Giống cây trồng	38	25	28
2	Giống vật nuôi	28	28	28
3	Giống thủy sản nước mặn lợ	25	33	30
4	Giống thủy sản nước ngọt	25	31	90
5	Giống cá kiểng	350	350	300
Tổng số		466	467	476

Nguồn: [101; 77; 78; 79].

Với số lượng lớn các cơ sở nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống trên địa bàn Thành phố, những năm qua nhiều tiến bộ kỹ thuật mới trong ngành giống được ứng dụng vào sản xuất, giúp cho ra đời nhiều giống mới, đa dạng chủng loại, có giá trị kinh tế cao như dưa lưới, hoa lan, cây kiểng, cá cảnh, Nhiều dòng tinh bò sữa, bò thịt và heo nhập nội, không chỉ giúp cải thiện năng suất, chất lượng đàn vật

nuôi tại TPHCM mà còn tạo ra con giống có chất lượng tốt cung cấp cho các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Hệ thống gen cây trồng, vật nuôi tiếp tục được lưu giữ, đánh giá và khai thác; công tác chuyển giao các giống cây trồng có năng suất, chất lượng, kết hợp với ứng dụng công nghệ cao cho các hộ nông dân và doanh nghiệp, giúp tăng năng suất bình quân từ 5 - 10% [105, tr.14]. Sản xuất và cung cấp giống cá kiểng cũng là thế mạnh của TPHCM, các đơn vị cung cấp giống cá kiểng của Thành phố không những đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa mà còn xuất khẩu thu giá trị kinh tế cao. [xem Bảng 3.2.]

Bảng 3.2. Số lượng sản xuất, xuất khẩu và giá trị xuất khẩu cá kiểng của Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm

Năm	Số lượng cá kiểng sản xuất (triệu con)	Số lượng cá kiểng xuất khẩu (triệu con)	Giá trị xuất khẩu (triệu USD)
2016	135	16,0	16,5
2017	155	18,2	20,1
2018	182	22,39	23,4
2019	205	23,22	23,2
2020	152	16,41	17,26
2022	94	11,9	12,5
2023	100	12,0	12,5

Nguồn: [76; 77; 78; 100].

3.2.1.3. Dịch vụ khoa học - công nghệ

TPHCM đã định hướng từ khá sớm việc phát triển nền nông nghiệp đô thị, hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao. Do đó, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ nhất là nông nghiệp công nghệ cao luôn được Thành phố tạo điều kiện, đầu tư phát triển. Các cơ sở nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ được tập trung đầu tư như: Khu Nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Công nghệ sinh học, Trại Trình diễn và Thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao và đang triển khai xây dựng Khu Nông nghiệp công nghệ cao ngành thủy sản tại huyện Cần Giờ, Khu chăn nuôi công nghệ cao tại huyện Bình Chánh. Bên cạnh đó, để thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa hoạt động

đổi mới, chuyển giao công nghệ trên địa bàn TPHCM, kể từ năm 2016, được sự chỉ đạo của Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Thông tin thực hiện đầu tư, nâng cấp *Hệ thống Chợ Công nghệ và Thiết bị* thành *Cổng thông tin Đổi mới sáng tạo và Chuyển giao công nghệ - Techport.vn* với nhiều chức năng hơn. Cổng thông tin Techport.vn chính là môi trường giao dịch, tìm kiếm đối tác thuận lợi trên mạng Internet, với sự tham gia của các bên cung - cầu công nghệ và các tổ chức dịch vụ trung gian. Các công nghệ, thiết bị liên quan lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ chuyển giao trên Cổng thông tin Techport.vn như: công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm, chăn nuôi, thủy sản, thú y, trồng trọt, lâm nghiệp. Ngoài ra, trên địa bàn Thành phố cũng có nhiều viện, trường, cơ sở nghiên cứu khác đang có những đóng góp vào chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng giống mới và qui trình sản xuất công nghệ cao, an toàn, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng.

Tổng diện tích canh tác rau, quả, củ ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố đến năm 2023 là 460,4 ha, trong đó tập trung chủ yếu ở huyện Củ Chi 435,4 ha, huyện Hóc Môn 5,3 ha, huyện Bình Chánh 8,59 ha, huyện Nhà Bè 4,684 ha [78]. Đối với chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, trên địa bàn Thành phố có 31 cơ sở chăn nuôi heo với tổng đàn 85.491 con (chiếm 63,7% tổng đàn heo); 39 cơ sở chăn nuôi bò (chủ yếu chăn nuôi bò sữa) với tổng đàn 4.201 con (chiếm 11,3% tổng đàn bò sữa và chiếm 5,54% tổng đàn bò) và 10 cơ sở chăn nuôi gia cầm với tổng đàn 296.034 con (chiếm 95,8 tổng đàn gia cầm) [78]. Lũy tiến đến năm 2022, TPHCM đã chứng nhận cho 1.753 tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, với tổng diện tích canh tác là 2.362 ha, tương đương 16.133 ha diện tích gieo trồng (chiếm 76% diện tích gieo trồng rau) [105, tr.11].

3.2.1.4. Dịch vụ wơ m tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao

Với đặc điểm của nông nghiệp đô thị, TPHCM đã luôn quan tâm tới việc thu hút doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp lớn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó là đẩy mạnh hoạt động wơ m tạo doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, từ đó thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp thành phố theo hướng hiện đại,

hiệu quả.

TPHCM có lực lượng lớn các nhà khoa học, chuyên gia và cả lao động có trình độ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao. Từ năm 2014 tới nay, số cơ sở ươm tạo/tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao tại Thành phố đã tăng từ 2 lên 11 cơ sở, cùng với đó là 9 trường đại học có hoạt động hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo [105, tr.12]. Nông nghiệp công nghệ cao ngày càng được các Startup quan tâm, thậm chí chỉ sau công nghệ thông tin. Thống kê trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, TPHCM đã hỗ trợ hơn 90 dự án được ươm tạo, tổ chức 20 cuộc thi khởi nghiệp, thu hút trên 800 dự án tham gia; ngoài ra còn tổ chức được 150 sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, với 10 quỹ đầu tư mạo hiểm quan tâm thực hiện [105, tr.12]. Các hoạt động hỗ trợ ươm tạo và tăng tốc (Speedup) cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao luôn được Thành phố chú trọng đẩy mạnh, với gần 400/2.000 doanh nghiệp, chiếm 20% tổng số Startup tại đây. Chương trình Speedup được Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố chủ trương thực hiện, nhằm tiếp tục mục tiêu hỗ trợ phát triển và tăng tốc cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp cận thị trường để hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh có khả năng nhân rộng, đã thu hút được 47/204 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao đăng ký tham gia, chiếm tỷ lệ 23% tổng số dự án nộp vào cho Chương trình. Bên cạnh đó, Thành phố đã triển khai hệ thống Cổng thông tin Đổi mới sáng tạo và Chuyển giao công nghệ (Techport.vn) với ba chức năng chính: thứ nhất là giao dịch công nghệ; thứ hai là dịch vụ tư vấn và thứ ba là tìm kiếm đối tác, được thiết kế theo hướng đáp ứng tối đa nhu cầu của người sử dụng, với khoảng 13.044 công nghệ và thiết bị của 1.875 nhà cung ứng. Trong đó, các công nghệ, thiết bị thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thú y, thủy sản, lâm nghiệp, công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học chiếm 35,8% tổng số công nghệ, thiết bị trên cổng thông tin này [105, tr.12].

Khu Nông nghiệp công nghệ cao được Ủy ban Nhân dân TPHCM thành lập

với mục tiêu PTNN Thành phố theo hướng đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững, tập trung vào các ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học. Bên các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, xây dựng mô hình để trình diễn và chuyển giao công nghệ, hoạt động ươm tạo doanh nghiệp cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Khu Nông nghiệp công nghệ cao. Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trở thành doanh nghiệp đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao đã tích cực thực hiện các công tác tuyển chọn ứng viên, xây dựng các chương trình hỗ trợ sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo như: marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ; đầu tư, thương mại hóa sản phẩm; đầu tư tài chính và đánh giá, định giá sản phẩm...; tham gia hội chợ và xúc tiến thương mại, thực hiện các hoạt động đào tạo, truyền thông nhằm nâng cao năng lực và mở rộng kết nối cho doanh nghiệp ươm tạo.

Bảng 3.3. Doanh nghiệp tham gia ươm tạo tại Khu Nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm

Doanh nghiệp tham gia ươm tạo	2016	2020	2023
Doanh nghiệp tiền ươm tạo	4	3	7
Doanh nghiệp ươm tạo chính thức	18	10	24
Doanh nghiệp hậu ươm tạo	13	9	10
Tổng số	35	22	41

Nguồn: [6; 7; 76].

Nếu như năm 2016 có 22 tổ chức, doanh nghiệp tham gia các chương trình ươm tạo (trong đó: 03 doanh nghiệp tiền ươm tạo, 10 doanh nghiệp ươm tạo chính thức và 09 doanh nghiệp hậu ươm tạo) [6], thì đến năm 2023 Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao đang thực hiện ươm tạo cho 41 doanh nghiệp, hoạt động trong lĩnh vực chế biến sau thu hoạch, nuôi trồng nấm ăn và nấm dược liệu, chế phẩm sinh học, nuôi trồng thủy sản,... (trong đó: 07 doanh nghiệp giai đoạn tiền ươm tạo; 24 doanh nghiệp giai đoạn ươm tạo chính thức; 10 doanh nghiệp giai đoạn

hậu ươm tạo) [7].

Giai đoạn năm 2021 đến 6 tháng đầu năm 2023, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao ghi nhận 269 doanh nghiệp và cá nhân đăng ký tìm hiểu để tham gia ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, các ứng viên gồm có cá nhân và công ty hiện hữu hoạt động và có công nghệ về trồng nấm ăn và nấm dược liệu, nhân giống và sản xuất tinh dầu cây dược liệu, chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp, công nghệ sau thu hoạch,... Cùng với đó, Khu Nông nghiệp công nghệ cao còn hỗ trợ, tư vấn cho 31 doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã tạo; hỗ trợ cho 10 doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn; hỗ trợ cho 10 doanh nghiệp tiếp cận nhà phân phối; hỗ trợ 5 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia thuyết trình trước nhà đầu tư để kêu gọi vốn. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao cũng triển khai chương trình hỗ trợ cho các dự án tham gia chương trình Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - SpeedUp của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố, như: dự án Kit trồng nấm tại nhà; dự án Hoàn thiện công nghệ và sản xuất hệ thống pha phân tự động điều khiển từ xa phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự án Agribis - Giải pháp công nghệ sinh học chuyển đổi canh tác nông nghiệp sang hướng hữu cơ bền vững; dự án Phát triển sản phẩm tôm thẻ chân trắng chất lượng cho thị trường nội địa và xuất khẩu và dự án Hoàn thiện công nghệ nano hóa hỗn hợp tinh gừng và một số dược liệu được chiết xuất bằng công nghệ CO₂ lỏng siêu tới hạn làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm bảo vệ sức khỏe [7].

3.2.2. Thực trạng dịch vụ đầu ra cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.2.1. Dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch

Sản phẩm nông nghiệp thường gắn liền với cây, con do đó khâu chế biến, bảo quản sau thu hoạch có vai trò to lớn trong việc tiêu thụ sản phẩm. Nếu các hoạt động chế biến, bảo quản sau thu hoạch được quan tâm phát triển sẽ góp phần lớn vào việc nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và mở rộng thị trường cho nông sản. TPHCM là thị trường tiêu thụ số lượng lớn lương thực, thực phẩm hàng ngày, chính vì vậy, nơi đây tập trung nhiều cơ sở sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, đồ

uống không những phục vụ cho tiêu thụ tại chỗ mà còn xuất khẩu đi nhiều thị trường trên thế giới. Trong nhiều năm qua, lĩnh vực sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất đồ uống được Thành phố xác định là một trong bốn nhóm những ngành công nghiệp trọng điểm, do đó luôn có sự quan tâm đầu tư phát triển. Tổng số doanh nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống và thuốc lá tăng từ 1.798 doanh nghiệp năm 2015 lên 3.439 doanh nghiệp vào năm 2019, năm 2020 do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, số doanh nghiệp trong lĩnh vực này giảm xuống còn 2.758 [xem bảng 3.4].

Bảng 3.4. Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến lương thực; sản xuất đồ uống và sản phẩm thuốc lá tại Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm	1.369	1.506	1.898	2.192	2.846	2.283
Sản xuất đồ uống	422	470	524	526	588	471
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	7	6	6	6	5	4
Tổng số	1.798	1.982	2.428	2.724	3.439	2.758

Nguồn: [20, tr.150; 21, tr.150]

Các doanh nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp tại TPHCM tham gia sản xuất, chế biến đa dạng các mặt hàng nông sản, cả lương thực, thực phẩm, thủy sản, thực phẩm chức năng, đồ uống, thuốc lá, ... Sản phẩm đầu vào của công nghiệp chế biến nông sản ở TPHCM chủ yếu do các tỉnh thuộc khu vực miền Tây và miền Đông Nam bộ cung cấp. Chính điều này tạo ra lợi thế cho nông nghiệp Thành phố, theo đó nông sản được chế biến theo guồng máy chung của các nhà máy chế biến nông sản. Những doanh nghiệp sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm và sản xuất đồ uống hàng đầu tại TPHCM (và của cả nước) như: Vinamilk, Vissan, Massan, Acecook, Vifon, Sabeco, ...

Để phục vụ nhu cầu tiêu dùng thực phẩm tươi sống từ thịt gia súc, gia cầm, TPHCM chủ trương xây dựng và phát triển các nhà máy giết mổ công nghiệp, hiện đại. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng Thành phố. Tính đến năm 2020, TPHCM có 14 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung (13 gia súc và 01 gia cầm), đặt tại 07 quận huyện; trong

đó có 04 nhà máy giết mổ công nghiệp, gồm: Vissan, Xuân Thới Thượng, Xí nghiệp thực phẩm Sargi và Lộc An, cung cấp khoảng 30% sản lượng thịt heo giết mổ so với tổng sản lượng của 13 cơ sở giết mổ gia súc [76]. Đến năm 2023, TPHCM đã cho đóng cửa 8 cơ sở giết mổ gia súc thủ công đặt tại quận Bình Tân, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn, chỉ còn lại 01 cơ sở giết mổ gia súc thủ công tại huyện Cần Giờ. Bên cạnh đó, Thành phố cũng đưa vào hoạt động nhà máy giết mổ gia súc lớn hàng đầu cả nước đặt tại Củ Chi. Đó là Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm An Hạ, với 6 dây chuyền công nghiệp hiện đại, công suất giết mổ của mỗi dây chuyền 120 con heo/giờ và công suất pha lóc 900 con heo/ngày, trên khu đất có tổng diện tích 48.432,04 m² [43]. Như vậy, hiện nay TPHCM có 05 nhà máy giết mổ gia súc đang hoạt động theo dây chuyền giết mổ công nghiệp hiện đại, với số lượng gia súc giết mổ khoảng 5.500 - 5.700 con/ngày (đáp ứng trên 50% nhu cầu tiêu thụ thịt heo của Thành phố); 01 cơ sở giết mổ gia cầm tập trung với công suất khoảng 72.000 - 75.000 con/ngày (đáp ứng gần 60% nhu cầu tiêu thụ thịt gia cầm của người dân Thành phố) [105, tr.14].

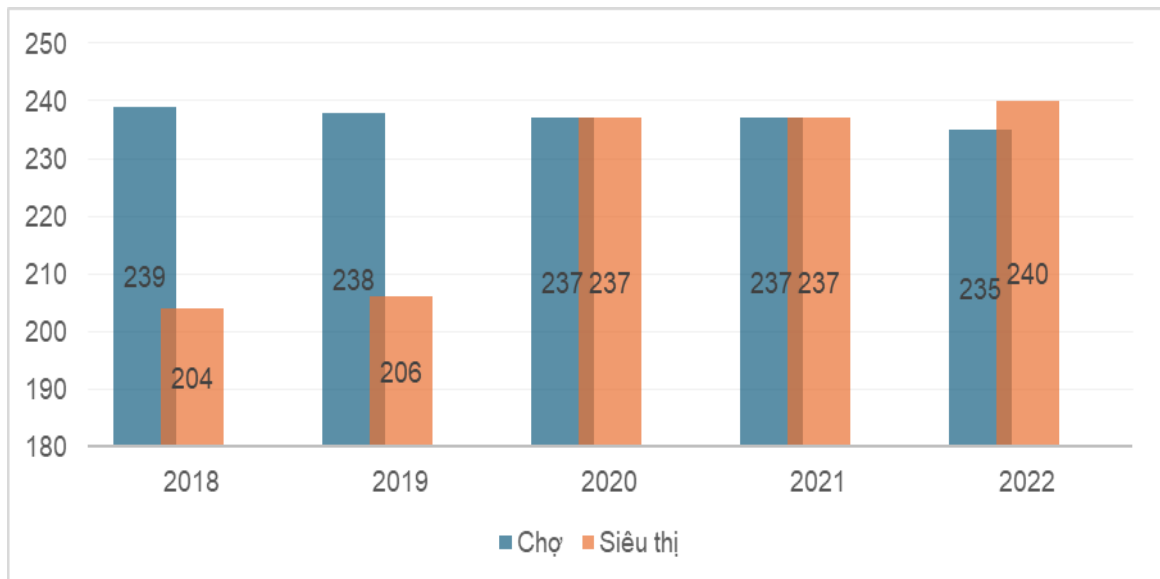
3.2.2.2. Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm

Tiêu thụ sản phẩm là hoạt động đặc biệt quan trọng đối với lĩnh vực nông nghiệp. Ở Việt Nam nói chung và TPHCM nói riêng, rất nhiều người sản xuất nông nghiệp mới chỉ tập trung vào khâu sản xuất mà chưa chú ý tới đầu ra, hay nói cách khác là việc bán sản phẩm như thế nào. Chính các dịch vụ về quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm sẽ góp phần thông suốt các khâu của quá trình tái sản xuất, từ đó thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển. TPHCM là thành phố có số dân sinh sống đông nhất Việt Nam, sức tiêu thụ nông sản hàng ngày ở đây là rất lớn. Hệ thống phân phối sản phẩm nông, lâm, thủy sản tại TPHCM ngày càng tăng về số lượng, chất lượng và phương thức phục vụ. Hiện Thành phố có 235 chợ các loại (trong đó có 3 chợ đầu mối, 232 chợ truyền thống), 240 siêu thị và hơn 3.000 cửa hàng tiện lợi có bày bán hàng nông sản [22, tr.342; 104, tr.14].

Theo số liệu của Cục Thống kê TPHCM, từ năm 2018 tới nay, số chợ truyền thống tại Thành phố có giảm nhẹ, từ 239 chợ năm 2018 xuống còn 235 chợ vào năm 2022 (trong đó số chợ đầu mối nông sản vẫn giữ nguyên là 3 chợ: Chợ đầu mối

Thủ Đức, Hóc Môn và Bình Điền). Tuy nhiên, số siêu thị lại tăng đáng kể, từ 204 siêu thị năm 2018 lên 340 siêu thị vào năm 2022 (tăng thêm 36 siêu thị) [xem Hình 3.3].

Như vậy, tổng số chợ và siêu thị buôn bán hàng nông, lâm, thủy sản của TPHCM tăng từ 443 cơ sở năm 2018 lên 475 cơ sở, cho thấy số cơ sở thực hiện phân phối sản phẩm nông nghiệp tăng đáng kể về số lượng. Và trong đó, số chợ giảm 4 cơ sở còn số siêu thị tăng thêm 36 cơ sở, thể hiện dịch vụ phân phối sản phẩm nông nghiệp ngày càng phát triển theo hướng hiện đại, tiện lợi và đảm bảo an toàn hơn. Ngoài ra, Sàn giao dịch điện tử “chonongnghiep.com” cũng là nơi để bà con nông dân, chủ trang trại và doanh nghiệp chào mua, chào bán miễn phí các sản phẩm.



Nguồn: [22, tr.342].

Hình 3.3. Số lượng chợ, siêu thị tại Thành phố Hồ Chí Minh

Để hỗ trợ việc quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp được thuận lợi hơn, ngành nông nghiệp Thành phố đã xây dựng và tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, phong phú. Các hoạt động như: Phiên chợ nông sản; Hội chợ - Triển lãm; Hội hoa Xuân; Hội thi; Tuần lễ sinh vật cảnh, ...

Hàng năm Thành phố đều tổ chức nhiều phiên chợ nông sản, diễn ra ở nhiều nơi, để thúc đẩy giao lưu kết nối giữa các đơn vị sản xuất và các đơn vị tiêu thụ sản phẩm rau, củ, quả đạt tiêu chuẩn VietGAP. Qua đó giúp các đơn vị sản xuất, phân phối rau VietGAP, giới thiệu, quảng bá thương hiệu của đơn vị đến người tiêu dùng. Bên cạnh đó, TPHCM từng bước phát triển mô hình liên kết trong sản xuất và

tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo điều kiện để các đơn vị sản xuất thực phẩm đảm bảo an toàn, chất lượng ký kết hợp đồng với các đơn vị tiêu thụ như trường học, bếp ăn công nghiệp, khách sạn, nhà hàng. Giai đoạn 2016 - 2020 đã tổ chức trên 717 phiên chợ (trung bình 143 phiên chợ/năm), với tổng số 13.294 lượt doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, trang trại sản xuất, kinh doanh nông sản trên địa bàn Thành phố và các tỉnh thành lân cận tham gia 14.492 gian hàng (trung bình 150 gian hàng/tuần), doanh thu đạt 140 triệu đồng/phiên. Qua các kỳ chợ phiên có 200 hợp đồng được thỏa thuận, ký kết, với tổng trị giá đạt trên 22 tỷ đồng/năm. [76]

Bảng 3.5. Một số hội chợ, triển lãm tiêu biểu về nông nghiệp được Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức

TT	Hội chợ, triển lãm	Năm tổ chức	Tổng số gian hàng	Giá trị sản phẩm trưng bày (triệu đồng)	Doanh thu bán hàng (triệu đồng)
01	Công nghệ nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản Thành phố	2020	200	10.000	2.300
02	Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu Thành phố	2022	160	850	250
03	Giống và nông nghiệp công nghệ cao Thành phố	2023	302	61.000	35.000

Nguồn: [76; 77; 78].

TPHCM cũng thường xuyên tổ chức các Hội chợ - triển lãm để trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp. Như Hội chợ - Triển lãm công nghệ nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản Thành phố; Hội chợ - Triển lãm Giống và Nông nghiệp công nghệ cao Thành phố; Hội chợ - Triển lãm sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu. Qua các hội chợ, triển lãm nhiều sản phẩm nông nghiệp được giới thiệu tới người tiêu dùng, nhiều bản hợp đồng, bản ghi nhớ được ký kết giữa các bên tham gia, nhiều nông sản cũng được tiêu thụ ngay tại hội chợ, triển lãm.

Để hỗ trợ và tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất hoa, cây kiểng giới thiệu sản phẩm và bán hàng, hàng năm TPHCM vẫn thường xuyên tổ chức các Hội hoa Xuân và Chợ hoa Tết tại nhiều địa điểm, cả cấp thành phố và cấp quận/huyện. Cùng

với đó là tổ chức Tuần lễ sinh vật cảnh hàng năm. Trong nhiều năm qua, TPHCM thường xuyên tổ chức Hội thi Trái ngon - An toàn Nam bộ tại Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên. Năm 2023, Hội thi Trái ngon - An toàn Nam bộ được tổ chức lần thứ 12, thu hút 275 nhà vườn, với 370 mẫu dự thi (trong đó, có 366 mẫu dự thi Trái ngon - An toàn, 04 mẫu dự thi củ - quả lạ, hiếm) đến từ 08 tỉnh, thành Nam Bộ [78].

**Bảng 3.6. Một số mặt hàng nông sản xuất khẩu qua các cảng tại
Thành phố Hồ Chí Minh**

(đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Gạo	1.320,0	694,0	960,0	698,0	784,0
Cà phê	293,4	780,4	409,1	450,2	374,5
Cao su	402,9	355,3	317,6	264,0	279,8
Tiêu	57,6	73,3	87,4	91,1	100,5

Nguồn: [20, tr.276].

Ngoài các dịch vụ hỗ trợ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm nông nghiệp tại thị trường TPHCM, như hội chợ, triển lãm, hội thi, hay thông qua các chợ đầu mối, chợ truyền thống, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, Thành phố còn có các dịch vụ phục vụ xuất khẩu nông sản ra thị trường quốc tế. TPHCM là trung tâm logistic phục vụ xuất khẩu của các tỉnh phía Nam. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Thành phố đạt trên 40 tỷ USD (liên tục dẫn đầu cả nước trong nhiều năm qua), trong đó, nông sản và thực phẩm đạt khoảng 6 -7 tỷ USD, chiếm 15 -16% tổng kim ngạch xuất khẩu thông qua các cảng tại đây [105, tr.8]. Nhiều loại nông sản xuất khẩu qua các cảng tại TPHCM với số lượng lớn như: gạo, cà phê, cao su, tiêu [xem Bảng 3.6].

3.2.2.3. Dịch vụ xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền

Trong nhiều năm qua, quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Sức sản xuất của nền nông nghiệp Việt Nam đã tăng mạnh, đảm bảo được nhu cầu cho thị trường trong nước và nhiều mặt hàng xuất khẩu với sản lượng lớn. Tuy nhiên, nhiều sản phẩm nông nghiệp của nước ta chưa quan tâm đến việc xây dựng và quảng bá thương hiệu, khiến cho giá trị nông sản chưa cao, quy mô thị trường chưa được mở rộng. Để thúc đẩy ngành nông nghiệp đô thị phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, TPHCM rất quan tâm

tới việc xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền và chứng nhận chất lượng/tiêu chuẩn cho các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của Thành phố. Các hoạt động tiêu biểu liên quan dịch vụ xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền được thực hiện tại TPHCM như xây dựng website, thiết kế logo, nhãn hiệu; chứng nhận sản phẩm VietGAP, VietGAHP, OCOP.

Hàng năm Thành phố luôn tổ chức các lớp đào tạo với các chuyên đề xây dựng thương hiệu, chiến lược quảng bá sản phẩm cho các thành viên các HTX, tổ hợp tác, cơ sở nông hộ, doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn Thành phố tham dự. Từ năm 2008, TPHCM đã triển khai chương trình “Mỗi nhà nông một website”, nhằm cung cấp dịch vụ xây dựng website miễn phí cho “nhà nông” với đầy đủ các công cụ cần thiết như: quản trị nội dung, quản trị giao diện nhằm giới thiệu các thông tin liên lạc, sản phẩm chủ lực và các kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp thực tế. Bên cạnh đó, việc xây dựng website cho nhà nông còn góp phần hình thành nguồn thông tin về các nhà sản xuất và tiêu thụ nhằm phục vụ cho thị trường nội địa và đặc biệt là xuất khẩu. Tính đến năm 2023 Thành phố đã hỗ trợ xây dựng website cho 276 đơn vị, hỗ trợ thiết kế logo, nhãn hiệu cho 393 đơn vị, hỗ trợ in tem, bảng hiệu cho 404 đơn vị [78].

Bảng 3.7. Tổng số đơn vị được hỗ trợ xây dựng thương hiệu đến năm 2023

Tổng số đơn vị được hỗ trợ lũy tiến đến năm	2020	2022	2023
Xây dựng website	246	266	276
Thiết kế logo, nhãn hiệu	327	373	393
In tem, bảng hiệu	327	379	404

Nguồn: [76; 77; 78].

Để tiếp tục hỗ trợ góp phần hình thành những thương hiệu nông sản mạnh của TPHCM, năm 2022 UBND Thành phố đã triển khai thực hiện *Đề án xây dựng thương hiệu vàng nông nghiệp TPHCM giai đoạn 2022 - 2030*. Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã thành lập Hội đồng xét chọn Giải thưởng Thương hiệu Vàng nông nghiệp TPHCM theo Quyết định số 396/QĐ-SNN ngày 11 tháng 9 năm 2023. Hiện nay đã có 32 đơn vị tiềm năng được thành phố Thủ Đức và các quận huyện gửi về, dự kiến tổng kết và trao giải lần thứ nhất vào năm 2025 [78].

Để khẳng định thương hiệu, chất lượng và đảm bảo an toàn đối với hàng nông sản, TPHCM luôn chú trọng triển khai mô hình truy xuất nguồn gốc rau quả. Sản lượng rau quả dán tem truy xuất nguồn gốc tăng từ 04 tấn/ngày năm 2016 (chiếm 25,6% tổng sản lượng/ngày) lên khoảng 21 tấn/ngày năm 2020 (chiếm 62% tổng sản lượng/ngày) và được bày bán trên 50 điểm bán tại các hệ thống siêu thị Saigon Co.op, Vinmart, siêu thị Big C, siêu thị Lotte và siêu thị AEON... Bên cạnh đó, Thành phố cũng hỗ trợ người sản xuất nông nghiệp xây dựng và chứng nhận các mô hình sản xuất an toàn như VietGAP hay VietGAHP. Theo số liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, năm 2016 Thành phố có 885 tổ chức, cá nhân sản xuất rau được chứng nhận VietGAP, với diện tích 571ha, sản lượng khoảng 66 ngàn tấn/năm; chứng nhận VietGAHP cho 784 hộ chăn nuôi lợn, với hơn 68 ngàn con [83]. Đến năm 2020, đã chứng nhận VietGAP cho 1.640 tổ chức, cá nhân, với tổng diện tích canh tác là 2.135 ha, tương đương 15.270 ha diện tích gieo trồng, sản lượng ước đạt 262.000 tấn/năm [76]. Lũy tiến đến cuối năm 2022, tổng số cơ sở sản xuất rau, quả trên địa bàn Thành phố đã được chứng nhận VietGAP là 1.770 tổ chức, cá nhân, với tổng diện tích canh tác là 2.330 ha, tương đương 16.530 ha diện tích gieo trồng (chiếm tỷ lệ 76% diện tích gieo trồng rau trên Thành phố); sản lượng ước đạt 280.347 tấn [77]. Trong lĩnh vực chăn nuôi, lũy tiến đến cuối năm 2022, tổng đàn heo được chứng nhận VietGAHP là 157.850 con (chiếm tỷ lệ 65% tổng đàn heo Thành phố); trong đó còn hạn là 55.319 con (Trại heo Gia Phát, Thống nhất, Xí nghiệp Chăn nuôi Heo Phước Long và Đồng Hiệp); tổng đàn bò sữa đạt chứng nhận VietGAHP trên địa bàn Thành phố là 1.314 con (chiếm tỷ lệ 2,7% trên tổng đàn bò sữa trên địa bàn Thành phố); tổng đàn gà đạt chứng nhận VietGAHP là 135.000 con, sản lượng 600.000 tấn [77]. Tính đến năm 2022, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đã được chứng nhận VietGAP trên địa bàn Thành phố là 34,17 ha (09 cơ sở), với sản lượng khoảng 1.080 tấn/năm [77].

Bên cạnh việc khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng đảm bảo chất lượng, an toàn với những chứng nhận VietGAP hay VietGAHP, TPHCM cũng xây dựng Chương trình OCOP trên địa bàn nông thôn của Thành phố từ năm 2019. Theo chương trình OCOP của Thành phố, những sản

phẩm nông nghiệp được quan tâm phát triển thuộc 06 nhóm: rau, hoa - cây cảnh, bò sữa, heo, tôm nước lợ, cá kiểng. Cùng với đó là tập trung phát triển 6 sản phẩm thuộc 6 làng nghề truyền thống, đó là: làng nghề đan đất Thái Mỹ, làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông và làng nghề mảnh trúc Tân Thông Hội (huyện Củ Chi); làng nghề đan giỏ trạc Xuân Thới Sơn (huyện Hóc Môn); làng nghề se nhang Lê Minh Xuân (huyện Bình Chánh); làng nghề muối Lý Nhơn (huyện Cần Giờ). Ngoài ra TPHCM cũng định hướng phát triển một số sản phẩm ngành nghề nông thôn đặc trưng như: khô cá dứa một nắng, khô cá đù một nắng, tổ yến, xoài cát (thuộc huyện Cần Giờ). Tổng kết Chương trình năm 2022, TPHCM đã công nhận 27 sản phẩm của 11 đơn vị đạt chuẩn từ 3 sao trở lên (trong đó, 21 sản phẩm đạt 4 sao, 6 sản phẩm đạt 3 sao) và đề xuất Trung ương công nhận sản phẩm bột rau má có đường của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thiên Nhiên Việt đạt chuẩn 5 sao [77]. Sau tổng kết năm 2022, Thành phố quyết định mở rộng Chương trình OCOP ra phạm vi thành phố Thủ Đức và tất cả các quận, huyện khác (chứ không chỉ tập trung ở các huyện ngoại thành như trước). Đến năm 2023, TPHCM có 99 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, trong đó 36 sản phẩm đạt chuẩn 04 sao và 63 sản phẩm đạt chuẩn 03 sao [78].

3.2.2.4. Dịch vụ du lịch nông nghiệp

Du lịch nông nghiệp là loại hình dịch vụ đang có những tác động mạnh mẽ tới PTNN hiện nay, đặc biệt là nông nghiệp thành phố. Dịch vụ du lịch mang khách hàng tới tận nơi sản xuất nông nghiệp để thụ hưởng dịch vụ hệ sinh thái, để trải nghiệm các hoạt động nông nghiệp và tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp qua việc thưởng thức văn hóa, ẩm thực tại nơi du lịch. TPHCM có thể phát triển du lịch gắn với làng nghề, cả làng nghề truyền thống như làng muối xã Lý Nhơn - Cần Giờ, làng nghề bánh tráng xã Phú Hòa Đông - Củ Chi, hay làng nghề mới như làng nghề mai vàng xã Bình Lợi - Bình Chánh, làng nghề nuôi chim yến xã Tam Thôn Hiệp - Cần Giờ. Bên cạnh các làng nghề, hiện nay Thành phố đang thực hiện Chương trình OCOP, với những sản phẩm được chứng nhận OCOP 4 sao, 5 sao sẽ là nơi thu hút khách du lịch tới tham quan, trải nghiệm quá trình sản xuất ra sản phẩm, cũng như tạo điều kiện để tiêu thụ sản phẩm. Những sản phẩm độc đáo như mật dừa nước, tổ

yến tại Cần Giờ; bột rau má tại Củ Chi; cà phê hương đậu xanh, khoai môn, matcha tại Hóc Môn. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng là nơi nhiều du khách tại TPHCM muốn thăm quan, trải nghiệm. Tại Thành phố có nhiều cơ sở, đơn vị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao có thể đón khách du lịch như Khu Nông nghiệp công nghệ cao ở Củ Chi, mô hình trồng trồng rau thủy canh tại thành phố Thủ Đức, mô hình nuôi tôm theo công nghệ Biotech tại huyện Cần Giờ, Trại Trình diễn và Thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao ở huyện Bình Chánh. Rừng ngập mặn Cần Giờ cũng là nơi du lịch sinh thái lý tưởng của người dân TPHCM cũng như du khách trong nước và quốc tế. Đây là Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới đầu tiên ở Việt Nam được tổ chức UNESCO công nhận vào năm 2000. Với hệ động thực vật độc đáo, đa dạng và phong phú, điển hình cho rừng ngập mặn, Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ thu hút nhiều nhà khoa học, học sinh, sinh viên tới nghiên cứu, tìm hiểu, là nơi lý tưởng để người dân đô thị đi dã ngoại cuối tuần. Ngoài ra rừng ngập mặn Cần Giờ cũng là Di tích lịch sử quốc gia, ghi dấu những cuộc chiến anh dũng, kiên cường của quân và dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, đặc biệt là Trung đoàn 10 Đặc công Rừng Sác - đã được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.

Bảng 3.8. Số lượt khách và tổng thu từ du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Khách quốc tế (triệu lượt)	5,2	6,4	7,5	8,619	1,303	0	3,466	5
Khách nội địa (triệu lượt)	21,8	24,9	29	32,77	15,87	9,35	31,236	35
Tổng thu du lịch (ngàn tỷ)	103	116	127,1	140,02	84,51	44,25	131,14	160

Nguồn: [75]

Như vậy, với khoảng hơn 10 triệu người sinh sống, học tập và công tác thường xuyên tại TPHCM, cùng với đó là hàng năm đón số lượng lớn khách quốc tế và cả nội địa là điều kiện lý tưởng để phát triển các loại hình du lịch nông nghiệp [xem bảng 3.8].

Bên cạnh đó, các hoạt động du lịch tham quan, trải nghiệm gắn với sản xuất

nông nghiệp đang được các trường học ở TPHCM triển khai hàng năm, đặc biệt là ở bậc tiểu học và trung học cơ sở. Với hơn 1,7 triệu học sinh các cấp, đang góp phần phát triển mạnh mẽ dịch vụ du lịch nông nghiệp tại TPHCM. Chính du lịch nông nghiệp là loại hình dịch vụ góp phần giải quyết đầu ra cho nông nghiệp thành phố, thúc đẩy nông nghiệp đô thị phát triển theo hướng hiện đại, bền vững.

3.2.3. Thực trạng chất lượng dịch vụ và sự hài hòa, thông suốt về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.3.1. Thực trạng chất lượng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3.9. Mức độ hài lòng về các loại hình dịch vụ cho PTNN ở Thành phố Hồ Chí Minh

Nội dung nhận định		Mức độ (đơn vị: %)				
		Rất không tốt	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Dịch vụ khuyến nông	1,5	1,0	41,0	47,3	9,2
2	Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng	1,2	0,5	32,3	54,7	11,2
3	Dịch vụ khoa học, công nghệ	0,7	3,5	54,2	29,4	12,2
4	Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp	0,2	4,5	51,5	33,6	10,2
5	Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp	0,2	5,2	49,5	34,8	10,2
6	Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm	0,2	5,0	49,0	33,6	12,2
7	Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản	0,2	5,0	51,0	35,3	8,5
8	Dịch vụ du lịch nông nghiệp	0,5	5,0	51,7	31,1	11,7

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, thực hiện năm 2024.

Để có thêm cơ sở đánh giá chất lượng, hiệu quả của các loại hình dịch vụ cho PTNN tại TPHCM, luận án đã tiến hành khảo sát đối với những cơ sở/cá nhân (doanh nghiệp nông nghiệp, HTX nông nghiệp, trang trại, hộ nông dân) thụ hưởng các loại hình dịch vụ này. Qua khảo sát cho thấy, loại hình dịch vụ có tỷ lệ người

đánh giá mức *rất tốt* nhiều nhất là dịch vụ KHCN và dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm, chiếm tỷ lệ 12,2% [xem Bảng 3.9]. Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng có tỷ lệ đánh giá ở mức *tốt* cao nhất trong 8 nhóm dịch vụ, với 54,7%, thứ hai là dịch vụ khuyến nông với tỷ lệ 47,3%. Tính chung đánh giá sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ ở mức *tốt* và *rất tốt* thì dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng cũng có tỷ lệ cao nhất, với 65,9%, thứ hai vẫn là dịch vụ khuyến nông với tỷ lệ 56,5%.

Bảng 3.10. Mức độ đồng ý các nhận định về các loại hình dịch vụ cho PTNN ở Thành phố Hồ Chí Minh

Nội dung nhận định		Mức độ				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Dịch vụ được giới thiệu rõ ràng và đầy đủ thông tin	2,5	1,5	32,8	49,0	14,2
2	Khi có vấn đề liên quan đến dịch vụ thì hỗ trợ nhanh chóng, kịp thời	3,0	1,5	34,1	48,5	12,9
3	Dịch vụ cung cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng của đơn vị	1,5	1,7	39,8	43,0	13,9
4	Dịch vụ cung cấp đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định	1,7	2,2	42,8	40,5	12,7
5	Dịch vụ cung cấp đa dạng, phong phú về chủng loại	1,7	1,7	42,8	41,3	12,4

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, thực hiện năm 2024

Khảo sát mức độ đồng ý các nhận định về dịch vụ cho PTNN tại TPHCM, trong đó các nội dung nhận định như: 1) *Dịch vụ được giới thiệu rõ ràng và đầy đủ thông tin*; 2) *Khi có vấn đề liên quan đến dịch vụ thì hỗ trợ nhanh chóng, kịp thời*; 3) *Dịch vụ cung cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng của đơn vị*, người sử dụng dịch vụ chọn mức *đồng ý* chiếm tỷ lệ cao nhất (lần lượt là: 49%; 48,5%; 43%). Còn các nội dung nhận định như: 4) *Dịch vụ cung cấp đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định*; 5) *Dịch vụ cung cấp đa dạng, phong phú về chủng loại*, thì người sử dụng dịch vụ chọn mức *bình thường* chiếm tỷ lệ cao nhất [xem Bảng 3.10]. Tuy nhiên, nếu cộng

gộp cả mức *đồng ý* và *hoàn toàn đồng ý* thì cả 05 nhận định về dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đều có tỷ lệ đánh giá chiếm trên 50%.

Khảo sát về chất lượng các loại hình dịch vụ cho PTNN tại TPHCM theo mô hình RATER (với 05 nhóm tiêu chí: độ tin cậy; sự bảo đảm; tính hữu hình; sự thấu cảm; và trách nhiệm), về cơ bản người sử dụng dịch vụ đều đánh giá ở mức 3 - *bình thường* và mức 4 - *hài lòng*.

Bảng 3.11. Mức độ hiệu quả sau khi sử dụng các loại dịch vụ cho PTNN ở Thành phố Hồ Chí Minh

Nội dung nhận định		Mức độ				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Bình thường	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1	Dịch vụ khuyến nông	0,2	2,7	42,5	44,0	10,4
2	Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng	0,2	1,5	35,1	52,7	10,4
3	Dịch vụ khoa học, công nghệ	0,5	5,2	54,0	28,9	11,4
4	Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp	0,5	5,7	52,2	30,6	10,9
5	Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp	0,5	5,2	50,7	33,3	10,2
6	Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm	0,2	5,5	49,3	35,8	9,2
7	Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản	0,2	5,0	48,8	36,8	9,2
8	Dịch vụ du lịch nông nghiệp	0,5	5,7	47,8	35,3	10,7

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, thực hiện năm 2024

Về mức độ hiệu quả sau khi sử dụng dịch vụ cho PTNN, dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng có tỷ lệ cao nhất đánh giá ở mức *hiệu quả* với 52,7%, dịch vụ KHCN có tỷ lệ cao nhất người đánh giá ở mức *rất hiệu quả* với 11,4% [xem Bảng 3.11]. Nếu cộng gộp tỷ lệ đánh giá ở mức hiệu quả và rất hiệu quả thì dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng chiếm tỷ lệ cao nhất (63,1%), dịch vụ khuyến

nông chiếm tỷ lệ cao thứ hai (54,4%), và chỉ hai nhóm dịch vụ này có tỷ lệ cộng gộp chiếm tỷ lệ trên 50%.

3.2.3.2. Thực trạng sự hài hòa, thông suốt về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất

Quá trình sản xuất diễn ra bình thường khi bốn khâu từ sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng được diễn ra bình thường. Các loại hình dịch vụ cho PTNN TPHCM những năm qua, góp phần tích cực để đảm bảo cho các khâu của quá trình tái sản xuất diễn ra bình thường, ổn định và thông suốt. Cụ thể là:

Khâu sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp là khâu trực tiếp tạo ra nông sản cho xã hội, đặc biệt quan trọng đó là lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, hàng ngày của con người. Đời sống xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về sản phẩm nông nghiệp ngày một tăng cả về số lượng, chất lượng và mẫu mã. Chính điều này đặt ra yêu cầu đối với khâu sản xuất, phải không ngừng cải thiện về năng suất, chất lượng, hiệu quả. Bên cạnh đó, nông nghiệp thành phố với điều kiện sản xuất cơ bản trên diện tích hẹp, đáp ứng nhu cầu nông phẩm của dân cư đô thị, càng cần phải đẩy mạnh thâm canh, chú trọng tới chất lượng, sự an toàn của sản phẩm. Trong những năm qua, dịch vụ khuyến nông, với rất nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hiện đại, đã góp phần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách PTNN của Đảng và Nhà nước, cũng như kiến thức, kinh nghiệm trong việc xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững. Các dịch vụ cung ứng giống cây, giống con cho năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng cao, có khả năng sản xuất ra số lượng lớn nông phẩm trên diện tích hẹp và đảm bảo chất lượng, an toàn. Điển hình tại TPHCM là các cơ sở trồng rau, quả, nuôi tôm, chăn nuôi bò sữa, bò thịt, ... Dịch vụ về KHCN, cũng góp phần hỗ trợ người sản xuất nông nghiệp chuyển đổi sang làm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mang lại hiệu quả kinh tế lớn hơn. Để phát triển nền nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững, TPHCM cũng rất quan tâm đến việc ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao. Sự ra đời của ngày càng nhiều các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao góp phần chuyển đổi cách thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, từ mang tính cá thể, manh mún, nhỏ lẻ sang sản xuất lớn, nông nghiệp

hàng hóa gắn với thị trường. Điều này cho thấy sự kết nối ngày càng chặt chẽ hơn, giữa khâu sản xuất với khâu phân phối, trao đổi và tiêu dùng trong tái sản xuất lĩnh vực nông nghiệp TPHCM.

Để quá trình sản xuất và tái sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp diễn ra thuận lợi, khâu phân phối cũng được TPHCM rất quan tâm, chú trọng. Theo nguyên tắc của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, phân phối các nguồn lực và của cải của xã hội chịu sự tác động của cả các quy luật kinh tế thị trường và cơ chế, chính sách của Nhà nước. Với những vai trò quan trọng của nông nghiệp thành phố, và cả những khó khăn của ngành nông nghiệp trong điều kiện CNH, đô thị hóa mạnh mẽ, chắc chắn cần có những cơ chế, chính sách điều tiết nguồn lực và phân phối của cải, thu nhập hợp lý, mới có thể thúc đẩy nông nghiệp đô thị phát triển. Trong những năm qua, TPHCM đã có những hỗ trợ trong thực hiện phân phối các yếu tố đầu vào và đầu ra, như về tài chính, mặt bằng sản xuất, KHCN, giảm thuế, đầu tư xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, ... để thúc đẩy nền nông nghiệp Thành phố phát triển. Sự tham gia của các lĩnh vực dịch vụ cho PTNN đã góp phần thực hiện tốt hơn việc phân phối nguồn lực và của cải trong quá trình tái sản xuất, qua đó cũng cho thấy sự phân phối công bằng về cơ hội phát triển cho người dân Thành phố, đặc biệt là người dân sản xuất nông nghiệp và sinh sống ở nông thôn.

Khâu trao đổi - mua bán các yếu tố đầu vào và đầu ra trong sản xuất nông nghiệp tại TPHCM diễn ra rất sôi động. Là thành phố đông dân nhất cả nước, ngoài nông sản được cung cấp bởi nền nông nghiệp Thành phố (khoảng hơn 20%), TPHCM còn tiêu thụ lượng lớn nông sản từ các địa phương khác trong cả nước và nông sản nhập ngoại. Với vị thế là trung tâm thương mại, dịch vụ, KHCN, TPHCM cũng là đầu mối thực hiện việc trao đổi - mua bán các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, như vốn, kỹ thuật - công nghệ, giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, vật tư - thiết bị, máy móc, ... Trong nhiều năm qua, TPHCM luôn quan tâm tới việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường và bán hàng. Chính các dịch vụ như tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thi, ... được Thành phố triển khai hàng năm, đã giúp kết nối người sản xuất và người tiêu dùng trong lĩnh vực nông nghiệp. Cùng

với đó là sự phát triển của dịch vụ thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp, với nhiều loại hình, từ chợ truyền thống, chợ đầu mối đến cửa hàng tiện lợi, siêu thị hay sàn giao dịch, thương mại điện tử, ... đã thúc đẩy việc trao đổi - mua bán các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp được diễn ra thuận lợi, qua đó tạo điều kiện cho các khâu của quá trình tái sản xuất được thông suốt.

Khâu tiêu dùng nông sản là khâu cuối cùng của một quá trình sản xuất nông nghiệp, quyết định đến khối lượng, chất lượng, mẫu mã/hình thức sản phẩm. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng nông sản chất lượng, an toàn, mẫu mã đẹp, hấp dẫn của cư dân Thành phố và đồng thời góp phần tiêu thụ với số lượng lớn, ổn định và có giá trị kinh tế cao, TPHCM đã chú trọng phát triển các dịch vụ về chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Nông sản qua chế biến, đặc biệt là chế biến sâu sẽ gia tăng giá trị đáng kể và có khả năng bảo quản lâu hơn, vươn tới nhiều thị trường rộng lớn hơn, cả trong nước và quốc tế. Để có thông tin từ người tiêu dùng, dịch vụ khuyến nông Thành phố hàng năm đã tiến hành các cuộc khảo sát nhu cầu của khách hàng, từ đó có những định hướng đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp Thành phố. Bên cạnh đó, các dịch vụ về xây dựng thương hiệu, chứng nhận tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm nông nghiệp ở TPHCM cũng rất được quan tâm. Qua đó, vừa góp phần bảo vệ người tiêu dùng, tạo sự tin tưởng với cơ sở sản xuất và cả đơn vị phân phối sản phẩm. Việc chú trọng khâu tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp sẽ tác động trở lại đối với các khâu sản xuất, phân phối và trao đổi, làm cho quá trình tái sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp được diễn ra thông suốt và không ngừng phát triển.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.3.1. Những kết quả đạt được

3.3.1.1. Về sự tăng trưởng các loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, về số lượng chủ thể cung cấp các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM có sự gia tăng cả ở nhóm các dịch vụ đầu vào và nhóm các dịch vụ đầu ra. Trong đó, tăng mạnh ở nhóm dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch (doanh nghiệp chế

biến lương thực, thực phẩm và sản xuất đồ uống) và dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm (hệ thống siêu thị và cửa hàng tiện lợi).

Thứ hai, về hình thức cung cấp các loại dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN ở TPHCM ngày càng đa dạng, phong phú theo hướng chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu phát triển nền nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững. Đặc biệt là sự đa dạng của các dịch vụ khoa học – công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao hay dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp.

Thứ ba, về kết quả hoạt động, các dịch vụ cho PTNN có đóng góp không nhỏ vào việc gia tăng giá trị sản xuất, năng suất cây trồng, vật nuôi và năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ở TPHCM.

Rõ ràng trong những năm qua, với sự phát triển của các loại hình dịch vụ hỗ trợ đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp tại TPHCM đã có những tác động không nhỏ tới sự phát triển của nền nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại, bền vững. Đó là sự hình thành ngày càng nhiều những mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững, phù hợp với xu hướng PTNN đô thị trên thế giới hiện nay. Do có sự hỗ trợ của các dịch vụ về khuyến nông, về giống, KHCN nên hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp tại Thành phố được nâng lên đáng kể. Dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi của TPHCM không những đáp ứng nhu cầu đầu vào quan trọng của nền nông nghiệp Thành phố, mà còn cung cấp giống cho cả các tỉnh miền Tây và miền Đông Nam bộ. Qua đó góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp cho toàn vùng cũng như cả nước.

Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp được quan tâm, số lượng các doanh nghiệp nông nghiệp có sự gia tăng, góp phần chuyển đổi sản xuất nông nghiệp tại TPHCM theo hướng làm kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó, các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại TPHCM cũng đã góp phần ươm tạo nhiều doanh nghiệp, đóng góp cho sự PTNN các tỉnh Nam bộ theo hướng hiện đại, bền vững.

Các dịch vụ hỗ trợ đầu ra cho sản xuất nông nghiệp cũng góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và tiêu thụ sản phẩm nông

ng nghiệp tại thị trường TPHCM cũng như xuất khẩu. Kết quả này thể hiện vai trò tiên phong, đầu tàu dẫn dắt của các doanh nghiệp dịch vụ xuất khẩu Thành phố, lôi cuốn được lượng hàng dồi dào từ khu vực Tây và Đông Nam bộ, vốn là nơi có nguồn nông sản đa dạng, phong phú, chất lượng tốt.

Bên cạnh đó, các dịch vụ đầu ra cho PTNN tại TPHCM cũng đang phát triển theo hướng ngày càng hiện đại. Dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch với sự hình thành ngày càng nhiều doanh nghiệp, đầu tư công nghệ hiện đại, có khả năng chế biến, sơ chế, đóng gói nông sản phục vụ thị trường nội địa và cả xuất khẩu vào các thị trường khó tính trên thế giới. Các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm phục vụ thị trường Thành phố cũng chuyển đổi theo hướng tập trung, công nghiệp, hiện đại, an toàn. Dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm cũng được phát triển theo hướng hiện đại, an toàn. Số lượng chợ truyền thống giảm, số lượng siêu thị, cửa hàng tiện lợi tăng mạnh, cùng với đó là bán hàng qua thương mại điện tử, qua hội chợ - triển lãm, ... Các dịch vụ về xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền cũng góp phần gia tăng số sản phẩm, diện tích canh tác được công nhận theo các tiêu chuẩn chất lượng VietGAP, VietGAHP, nông nghiệp hữu cơ, và được chứng nhận sản phẩm OCOP. Dịch vụ du lịch nông nghiệp đang được quan tâm đầu tư phát triển, kết nối phát triển du lịch với PTNN, nông thôn tại TPHCM.

3.3.1.2. Về chất lượng các loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Chất lượng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM ngày càng được nâng cao, góp phần thúc đẩy nông nghiệp Thành phố phát triển theo hướng bền vững. Qua đánh giá về mức độ hài lòng nói chung đối với các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM cho thấy, cả 8 nhóm dịch vụ đầu vào và đầu ra luận án nghiên cứu đều được đánh giá ở mức *tốt* và *rất tốt* chiếm 40 - 50% trong tổng số người sử dụng dịch vụ được hỏi. Về mức độ hiệu quả sau khi sử dụng dịch vụ cho PTNN, hầu như các loại dịch vụ đầu vào và đầu ra đều được người trả lời đánh giá chiếm tỷ lệ cao ở mức độ *bình thường* và *hiệu quả*.

Tóm lại, đánh giá một cách tổng quát về kết quả và chất lượng dịch vụ cho PTNN Thành phố đạt được thời gian qua đạt được ở mức độ 4 (trong 5 mức độ của thang đo Likert), là tương đối hiệu quả và phù hợp xu hướng PTNN đô thị hiện nay.

3.3.1.3. Sự hài hòa, thông suốt về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh

Sự hình thành khá đầy đủ của các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, cả các dịch vụ hỗ trợ đầu vào và đầu ra, đã góp phần tạo điều kiện để ngành kinh tế nông nghiệp Thành phố đang phát triển theo đúng định hướng.

Chính sự hài hòa, thông suốt của các loại dịch vụ nói trên, mặc dù có những khó khăn trong PTNN ở khu vực thành phố, nhưng giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp TPHCM vẫn tăng hàng năm. Cùng với đó là sự xuất hiện ngày càng nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp an toàn, giá trị sản xuất trung bình 01ha/năm cũng ngày một cải thiện. Điều này góp phần phát triển bền vững TPHCM trên cả bốn trụ cột, kinh tế, xã hội, môi trường và an ninh, quốc phòng.

3.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Một số hạn chế của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Mặc dù về cơ bản dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đã được quan tâm từ khá sớm, và ngày càng đầy đủ, hoàn thiện hơn, có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của nền nông nghiệp đô thị. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định cần được khắc phục để tạo ra sự phát triển đột phá hơn nữa cho ngành nông nghiệp TPHCM, cũng như đóng góp vào sự phát triển bền vững của Thành phố trong những năm tới. Những hạn chế lớn cần khắc phục đó là:

Thứ nhất, tăng trưởng dịch vụ cho PTNN tại TPHCM trong những năm qua mặc dù có tăng, nhưng tăng chậm, một số lĩnh vực, loại hình dịch vụ còn giảm, đặc biệt sau tác động của dịch bệnh Covid-19.

Qua số liệu đã trình bày ở phần thực trạng về số đơn vị cung ứng giống cây trồng, vật nuôi có thể chỉ ra: Trong giai đoạn 2016 - 2020 thì số cơ sở sản xuất và cung ứng giống thủy sản tăng, nhưng tăng chậm; còn số cơ sở sản xuất, cung ứng giống vật nuôi và cá kiểng vẫn giữ nguyên; số cơ sở cung ứng giống cây trồng giảm

từ 38 cơ sở năm 2016 xuống 25 cơ sở năm 2020.

Nếu tính từ 2016 tới 2023 thì cả số cơ sở cung ứng giống cây trồng và giống cá kiểng đều giảm (lần lượt là 38 xuống 28 và 350 xuống 300). Với tác động của dịch bệnh Covid-19, số lượng sản xuất và xuất khẩu cá kiểng của TPHCM cũng giảm mạnh, từ sản xuất 205 triệu con, xuất khẩu 23,22 triệu con vào năm 2019, đến năm 2023 mới phục hồi lên sản xuất được 100 triệu con, xuất khẩu 12 triệu con (chỉ bằng hơn 50% của năm 2019).

Dịch vụ ương tạo doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao mặc dù thu hút được sự quan tâm của nhiều tổ chức, cá nhân, song chưa đẩy mạnh khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Số doanh nghiệp nông nghiệp tại TPHCM vẫn tăng chậm, và giảm xuống sau dịch bệnh Covid-19

Trong lĩnh vực chế biến nông sản, số doanh nghiệp tăng mạnh trong giai đoạn 2015 - 2019, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, tăng từ 1.369 lên 2.846 doanh nghiệp. Tuy nhiên, do tác động của dịch bệnh Covid-19, năm 2020 đã giảm xuống còn 2.283 doanh nghiệp [21, tr.150]. Lĩnh vực giết mổ gia súc, gia cầm Thành phố chủ trương đóng cửa các cơ sở giết mổ thủ công, hình thành và phát triển các cơ sở giết mổ công nghiệp, hiện đại, đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, hiện các cơ sở công nghiệp chưa vận hành hết công suất, và có tình trạng chuyển thực phẩm đã giết mổ từ các tỉnh lân cận vào TPHCM tiêu thụ.

Về dịch vụ du lịch nông nghiệp đang được TPHCM xây dựng chương trình phát triển, số lượng đơn vị lữ hành tham gia cũng như số lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch miệt vườn, ...) còn hạn chế.

Thứ hai, chất lượng dịch vụ chưa đồng đều, chất lượng cao mới đạt được ở một số mô hình, chưa mang tính phổ biến; hiệu quả dịch vụ mang lại chưa tạo chuyển biến mạnh về giá trị gia tăng cũng như năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Theo kết quả khảo sát của tác giả về chất lượng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, khi được hỏi về mức độ hài lòng đối với các loại dịch vụ, thì ở tất cả các loại hình dịch vụ đều có phiếu đánh giá ở mức độ *rất không tốt* và *chưa tốt*. Nếu cộng gộp số phiếu ở cả hai mức *rất không tốt* và *chưa tốt* thì các dịch vụ có tỷ lệ

phần trăm cao là: dịch vụ du lịch nông nghiệp 5,5%; dịch vụ chế biến 5,4%; dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm và dịch vụ xây dựng thương hiệu đều có tỷ lệ là 5,2% [xem Bảng 3.8]. Điều này cho thấy, trong các loại hình dịch vụ cho PTNN tại TPHCM, vẫn có tỷ lệ nhất định người đang sử dụng dịch vụ cảm thấy rất không hài lòng về chất lượng dịch vụ. Về mức độ hiệu quả của các loại hình dịch vụ cho PTNN, tỷ lệ người được hỏi chọn mức *bình thường* - tức là hiệu quả chưa cao, vẫn còn nhiều (dịch vụ KHCN là 54%; dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp là 52,2%; dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp là 50,7%) [xem Bảng 3.11]. Trong đó, dịch vụ KHCN vừa có tỷ lệ đánh giá hiệu quả ở mức *bình thường* chiếm tỷ lệ cao nhất trong các loại hình dịch vụ cho PTNN (54%), đồng thời cũng có tỷ lệ đánh giá hiệu quả ở mức *rất hiệu quả* chiếm tỷ lệ cao nhất (11,4%), điều này cho thấy chất lượng, hiệu quả của dịch vụ này là chưa đồng đều. Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp cũng vậy, vừa có tỷ lệ người đánh giá hiệu quả ở mức bình thường cao thứ hai (52,2%), nhưng cũng có tỷ lệ người đánh giá ở mức rất hiệu quả cũng cao thứ hai (10,9%).

Bên cạnh đó, qua nghiên cứu số liệu thống kê của TPHCM cho thấy, giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp Thành phố có xu hướng tăng chậm lại. Trong giai đoạn 2015 - 2018 tăng trưởng ngành nông nghiệp luôn trên 5%, tuy nhiên đến năm 2018 tốc độ tăng trưởng đã giảm 0,53 điểm phần trăm so với năm 2017, năm 2019 tiếp tục giảm 0,98 điểm phần trăm so với năm 2018. Năm 2020 với tác động của dịch bệnh Covid-19, trong khi kinh tế TPHCM vẫn tăng trưởng dương, thì ngành nông nghiệp Thành phố đã tăng trưởng âm (-1,44%). Năm 2022, kinh tế Thành phố có sự phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng GRDP là 9,03%, tuy nhiên ngành nông nghiệp chỉ đạt tăng trưởng 3,73% [xem Bảng 3.12].

Bảng 3.12. Tăng trưởng ngành nông nghiệp và kinh tế

Thành phố Hồ Chí Minh (Đơn vị: %)

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
GRDP	7,31	7,89	7,86	8,95	1,16	-5,36	9,03
Nông nghiệp	5,22	5,94	5,39	4,37	-1,44	-13,66	3,73

Nguồn: [20, tr.85; 22, tr.103]

Năng suất bình quân năm của 01 lao động trong lĩnh vực nông nghiệp cũng tăng từ 93 triệu đồng năm 2015 lên 185 triệu đồng năm 2020, tuy nhiên lại giảm xuống 166 triệu đồng vào năm 2022 [105, tr.16]. Như vậy, có thể cho rằng các loại hình dịch vụ cho PTNN cũng như những chính sách thúc đẩy PTNN đô thị ở TPHCM chưa tạo ra những tác động mạnh mẽ để nông nghiệp Thành phố phát triển mạnh theo hướng hiện đại, bền vững.

Thứ ba, so sánh các loại hình dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra cho thấy tình trạng không đồng đều về chất lượng, và trong nội bộ hai nhóm dịch vụ cũng không có sự đồng đều về chất lượng giữa các loại hình dịch vụ.

Bảng 3.13. Giá trị trung bình về mức độ hài lòng và hiệu quả của các loại hình dịch vụ cho PTNN ở Thành phố Hồ Chí Minh

Mức độ đánh giá: ① Rất không hài lòng/Rất không hiệu quả; ② Không hài lòng/Chưa hiệu quả; ③ Bình thường; ④ Hài lòng/Hiệu quả; ⑤ Rất hài lòng/Rất hiệu quả

TT	Loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp	Giá trị trung bình	
		Mức độ hài lòng	Mức độ hiệu quả
1	Dịch vụ khuyến nông	3,62	3,62
2	Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng	3,74	3,72
3	Dịch vụ KHCHN	3,49	3,46
4	Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp	3,49	3,46
5	Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp	3,50	3,48
6	Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm	3,52	3,48
7	Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản	3,47	3,50
8	Dịch vụ du lịch nông nghiệp	3,49	3,50

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, thực hiện năm 2024.

Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung các dịch vụ đầu vào có được sự hài lòng và đánh giá đạt hiệu quả cao hơn so với các dịch vụ đầu ra cho PTNN ở TPHCM. Trong nhóm các dịch vụ đầu vào, dịch vụ giống cây, giống con cho PTNN ở TPHCM luôn được đánh giá cao hơn các loại hình dịch vụ khác, ở cả mức độ hài lòng, mức độ hiệu quả, sau đó là dịch vụ khuyến nông [xem Bảng 3.13].

Thứ tư, dịch vụ trong các khâu từ sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng của quá trình tái sản xuất trong PTNN Thành phố còn có những khó khăn, vướng mắc.

Dịch vụ KHCHN và dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp có mức độ hài lòng và hiệu quả thấp hơn, giá trị trung bình đạt 3,49 và 3,46. Trong nhóm các dịch vụ đầu

ra cho PTNN TPHCM, dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm có mức độ hài lòng cao nhất (giá trị trung bình đạt 3,52), song mức độ hiệu quả lại không cao (giá trị trung bình 3,48); dịch vụ xây dựng thương hiệu có mức độ hài lòng thấp nhất (giá trị trung bình 3,47), nhưng mức độ hiệu quả (giá trị trung bình 3,50) lại được đánh giá cao hơn dịch vụ chế biến, dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm (giá trị trung bình 3,48). Những dịch vụ có nhiều lợi thế, có khả năng đem lại giá trị gia tăng lớn cho TPHCM nhưng lại chưa có được sự hài lòng cao của người dùng, như: dịch vụ KHCN; dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch; dịch vụ du lịch nông nghiệp.

Trong khâu sản xuất, để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, người sản xuất nông nghiệp được tiếp cận khá dễ dàng với các dịch vụ về giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, tuy nhiên dịch vụ KHCN còn có những khó khăn cả ở mức độ phổ biến của dịch vụ và nhu cầu sử dụng của người sản xuất nông nghiệp. Trong khâu phân phối, TPHCM đã chú trọng cả phân phối các nguồn lực và của cải, thu nhập, tuy nhiên, vẫn còn có những khó khăn nhất định trong tiếp cận tín dụng hay sử dụng đất nông nghiệp, đất nông nghiệp khác trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khó khăn trong xác định đối tượng được giảm thuế trong sản xuất - kinh doanh. Đối với khâu trao đổi, về cơ bản các dịch vụ quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm tại TPHCM đã thúc đẩy việc trao đổi, mua bán thuận lợi các yếu tố đầu vào và đầu ra cho PTNN. Mặc dù vậy, các hình thức trao đổi hiện đại, giảm các khâu trung gian, sử dụng sàn thương mại điện tử còn ít. Khâu tiêu dùng cũng được Thành phố chú trọng, nhưng các dịch vụ góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, hay bán hàng nông sản an toàn còn hạn chế.

Như vậy, rõ ràng để tạo ra sự hài hòa, thông suốt của cả bốn khâu trong quá trình tái sản xuất, cần quan tâm đầu tư hơn nữa vào thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN thành phố, đặc biệt là các dịch vụ đầu ra.

Nhiều chính sách hỗ trợ, cũng như một số loại hình dịch vụ cho PTNN, người dân/cơ sở sản xuất còn chưa thực sự thuận lợi trong tiếp cận và sử dụng. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có dịch vụ khuyến nông và dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng là không khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ.

3.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

* Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, theo định hướng phát triển và quy hoạch sử dụng đất tại TPHCM hiện nay ưu tiên cho phát triển đô thị và các ngành kinh tế phi nông nghiệp nhiều hơn. Chính điều này khiến cho diện tích đất nông nghiệp giảm sút, địa bàn và điều kiện sản xuất nông nghiệp thay đổi, khó khăn trong thu hút đầu tư vào nông nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, các chính sách chưa tạo được sức đột phá để thúc đẩy việc hoàn thiện các dịch vụ cho PTNN, những vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách chậm tháo gỡ. Trong nhiều năm qua, TPHCM đã quyết liệt triển khai nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời cũng xây dựng, ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, đề án phát triển các loại hình DVNN. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng các chủ trương, chính sách này chưa tạo ra sự đột phá trong việc thúc đẩy hoàn thiện các dịch vụ cho PTNN Thành phố. Các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai chính sách chậm được tháo gỡ, ảnh hưởng đến việc thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp. Một trong những vướng mắc lớn trong PTNN công nghệ cao và dịch vụ KHCN cho PTNN, đó là pháp lý xây dựng các công trình phụ trợ trên đất nông nghiệp, hay việc chuyển đổi đất nông nghiệp (trồng lúa, trồng mía, ...) sang đất nông nghiệp khác hiệu quả hơn (trồng rau, trái cây, trồng hoa, ...). Nhiều đề án liên quan việc mở rộng và phát triển các trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm và chuyển giao mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Củ Chi, Bình Chánh, Cần Giờ vẫn đang chậm tiến độ do gặp vướng mắc từ việc bố trí kinh phí cũng như việc giải ngân.

Thứ ba, chính sách thúc đẩy PTNN và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ, còn tập trung hỗ trợ các dịch vụ đầu vào là chủ yếu, các dịch vụ đầu ra chưa được quan tâm thỏa đáng. Dịch vụ cung ứng giống cây, giống con chất lượng cao, dịch vụ chuyển giao KHCN cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chủ yếu tập trung cho một số mô hình trọng điểm, mức độ lan tỏa còn chậm.

Thứ tư, đơn vị cung ứng các loại hình dịch vụ chủ yếu là Nhà nước, doanh nghiệp dân doanh tham gia kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ cho PTNN còn chưa nhiều, đa số là doanh nghiệp nhỏ, quy mô vốn ít, năng lực ứng dụng công nghệ hiện

đại còn hạn chế. Theo số liệu của Cục Thống kê TPHCM, tính đến 31/12/2022 Thành phố có 593 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, trong đó có tới 479 doanh nghiệp có số lao động dưới 5 người (chiếm 80,8%), 574 doanh nghiệp có số lao động dưới 50 người (chiếm 97%), và chỉ có 3 doanh nghiệp có số lao động trên 500 người [22, tr.240]. Sự tham gia của doanh nghiệp cũng chủ yếu tập trung vào lĩnh vực chế biến lương thực, thực phẩm, các lĩnh vực khác rất ít doanh nghiệp đầu tư. Hiệu quả của HTX, tổ hợp tác trong việc đảm bảo các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho bà con xã viên chưa cao, số lượng HTX nông nghiệp có xu hướng giảm.

Thứ năm, sản xuất nông nghiệp tại TPHCM vẫn phần lớn là các hộ sản xuất nhỏ lẻ, lạc hậu, nhu cầu sử dụng dịch vụ cho PTNN chưa nhiều. Tính đến hết năm 2022, TPHCM có hơn 50 ngàn hộ sản xuất nông nghiệp, số trang trại chỉ là 60 và đang giảm mạnh những năm qua (năm 2018 là 171 trang trại) [22, tr.294]. Chính vì sản xuất còn nhỏ lẻ, số lượng sản phẩm tạo ra ít, giá trị sản xuất không cao, do đó cũng ít có nhu cầu sử dụng các dịch vụ như dịch vụ KHCN, dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp, dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, ... mà chủ yếu sử dụng dịch vụ khuyến nông và dịch vụ về giống hay phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Chưa thực sự phát huy được vai trò dẫn dắt của đầu tàu kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp để thu hút nguồn lực phát triển của hai vùng Đông và Tây Nam bộ.

** Nguyên nhân khách quan*

Thứ nhất, lĩnh vực kinh doanh liên quan đến nông nghiệp vẫn ẩn chứa nhiều rủi ro hơn so với các lĩnh vực khác, do vậy không hấp dẫn các nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư. Ngoài dịch vụ khuyến nông, cơ bản do các đơn vị của Nhà nước thực hiện, còn các loại hình dịch vụ khác như giống, KHCN, ươm tạo doanh nghiệp, chế biến, bán hàng, xây dựng thương hiệu, du lịch nông nghiệp, ... đều có sự tham gia của các đơn vị ngoài Nhà nước, tuy nhiên không nhiều. Những rủi ro khi kinh doanh trong những lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp xuất phát từ chính đặc trưng của lĩnh vực này, đó là gắn với sinh vật sống, chịu ảnh hưởng lớn bởi thời tiết, khí hậu và thị trường thường không ổn định, khó dự báo. Đây cũng là một trong những lý do khiến doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và DVNN thường có tỷ suất lợi nhuận không cao, hoặc không ổn định.

Thứ hai, do đặc điểm và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại TPHCM. TPHCM là trung tâm kinh tế, đô thị năng động và phát triển hàng đầu của Việt Nam, cho nên cơ hội đầu tư kinh doanh là rất rộng mở. Nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh hấp dẫn, cơ hội thu tỷ suất lợi nhuận cao như kinh doanh tài chính, bất động sản, thương mại, du lịch, y tế, giáo dục, điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông, ... do đó, dễ thu hút doanh nghiệp, người dân đầu tư vào sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và các dịch vụ liên quan đến sản xuất nông nghiệp cần phải có chính sách đủ mạnh, thực sự tạo điều kiện thuận lợi.

Thứ ba, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Trong những năm qua, các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đã phát triển chậm lại, thậm chí một số lĩnh vực còn suy giảm. Cùng với đó là giá trị gia tăng, năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp của Thành phố cũng giảm sút. Đây chính là tác động to lớn bởi dịch bệnh Covid-19, đặc biệt vào năm 2021 với đợt dịch lần thứ 4 của Việt Nam diễn ra tập trung ở TPHCM. Mặc dù năm 2022, kinh tế TPHCM có những phục hồi đáng kể, song do tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khiến cho kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam và TPHCM nói riêng còn đối mặt nhiều khó khăn. Do vậy, để tiếp tục thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, cần có những giải pháp mạnh mẽ hơn nữa, cả sự hỗ trợ phục hồi từ phía Nhà nước, chính quyền địa phương và sự điều chỉnh, đổi mới từ phía chủ thể sản xuất, kinh doanh.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*

4.1. BỐI CẢNH ẢNH HƯỞNG VÀ QUAN ĐIỂM THÚC ĐẨY DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030

4.1.1. Bối cảnh ảnh hưởng tới nông nghiệp đô thị và dự báo xu hướng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

4.1.1.1. *Bối cảnh ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp đô thị*

Quá trình đô thị hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt ở các nước đang phát triển, có ảnh hưởng lớn tới nông nghiệp đô thị

Quá trình đô thị hóa trên thế giới tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, diện tích và dân cư đô thị ngày càng tăng cao. Điều này đang ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất nông nghiệp toàn cầu, diện tích sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, người nông dân mất đất canh tác, thiếu việc làm. Cùng với đó, quá trình đô thị hóa khiến dân cư tập trung ngày càng đông vào các thành phố, đặc biệt là khu vực nội thành, làm cho nhu cầu tiêu thụ lương thực, thực phẩm tại đây tăng lên nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, phát triển nền nông nghiệp đô thị thông minh, có khả năng cung cấp lượng lớn thực phẩm tươi sống, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ, đang được nhiều thành phố trên thế giới quan tâm thực hiện.

Mặt khác, những thành phố luôn là trung tâm kinh tế của địa phương, của khu vực hay của cả quốc gia, do đó ở đây người lao động thường có thu nhập cao hơn những nơi khác. Chính vì vậy, nhu cầu sử dụng thực phẩm chất lượng cao, an toàn, đảm bảo theo những tiêu chuẩn quốc gia hay quốc tế ngày càng tăng lên. Đặc biệt, những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ ngày càng được cư dân đô thị, cũng như thị trường thế giới tiêu dùng nhiều, mặc dù có giá khá cao. Việc canh tác hữu cơ không những đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng trực tiếp sản phẩm, mà còn giảm thiểu những tác động xấu của sản xuất nông nghiệp tới hệ sinh thái. Do đó, sản xuất và tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ cũng góp phần to lớn vào việc bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của

các thành phố trên thế giới hiện nay. Với những thành tựu của KHCN được áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, cho phép việc canh tác hữu cơ đạt năng suất cao hơn, chi phí ngày càng thấp hơn, chính là cơ sở để nông nghiệp đô thị hướng tới việc sản xuất ra những sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn, chất lượng. Bên cạnh đó, các loại thực phẩm an toàn thường không sử dụng chất bảo quản, do đó để đảm bảo chất lượng thì thời gian tính từ khi thu hoạch đến lúc sử dụng càng ngắn càng tốt. Vì vậy, sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ ngay tại khu vực đô thị, thậm chí ngay trên sân thượng các tòa nhà lớn, đang được ngày càng nhiều thành phố quan tâm, phát triển.

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố năng động và là đầu tàu kinh tế của Việt Nam. Mặc dù tỷ lệ đô thị hóa hiện nay của Thành phố là khá cao, thuộc tốp đầu của cả nước, song quá trình phát triển đô thị tại TPHCM sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Với những cơ chế, chính sách thuận lợi được Trung ương tạo điều kiện, nhưng năm tới TPHCM sẽ phát triển mở rộng cả về phía Nam (hướng xuống huyện Nhà Bè, Cần Giờ) và phía Bắc (huyện Hóc Môn, Củ Chi), cùng với đó là phát triển khu vực thành phố Thủ Đức và huyện Bình Chánh. Sự phát triển mở rộng đô thị tại TPHCM sẽ tác động lớn tới lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là quỹ đất cho sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp. Điều này đang đặt ra yêu cầu nhanh chóng chuyển đổi sản xuất nông nghiệp ở TPHCM theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, tập trung vào nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra các nông phẩm chất lượng, giá trị kinh tế lớn, đáp ứng được nhu cầu của người dân thành thị.

Sự phát triển của KHCN góp phần gia tăng khả năng sản xuất nông nghiệp tại khu vực thành phố

Xét về lợi thế so sánh, tất nhiên sản xuất nông nghiệp ở khu vực nông thôn có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với khu vực thành thị. Tuy nhiên, với sự phát triển của KHCN, và khả năng ứng dụng KHCN vào sản xuất nông nghiệp ngày càng phổ biến, khiến việc sản xuất nông nghiệp có thể diễn ra ở cả những nơi có điều kiện khó khăn và khan hiếm tài nguyên hơn. Trước đây, nông nghiệp đô thị thường tập trung ở các khu vực ngoại thành, ven đô. Khu vực này có lợi thế về diện tích rộng hơn, chi phí thuê mặt bằng thấp hơn, giá nhân công rẻ hơn ở nội thành, và

thuận tiện cho việc vận chuyển, bảo quản, dễ tiếp cận thị trường thành phố hơn các khu vực nông thôn xa xôi khác. Tuy nhiên, hiện nay với sự phát triển của KHCN, cùng một số lý do đã phân tích ở trên, tạo điều kiện cũng như thúc đẩy việc sản xuất nông nghiệp diễn ra ngay tại khu vực nội thành, hay trung tâm thành phố. Với những ban công, sân thượng của những căn nhà cao tầng hoàn toàn có thể được sử dụng để tạo ra những vườn rau, vườn cây ăn trái, thậm chí những hồ nuôi thủy sản cho sản lượng đáng kể.

Để phù hợp với điều kiện chật hẹp, hay chi phí mặt bằng rất cao, nông nghiệp ở thành phố có xu hướng phát triển theo chiều sâu, ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ canh tác hiện đại. Những công nghệ tiêu biểu được ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp hiện nay như: công nghệ thông tin (góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý quá trình sản xuất từ đầu vào, quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng vật nuôi, nguồn gốc xuất xứ cho đến đầu ra thành các sản phẩm chuyên dùng); công nghệ vật liệu mới (thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm chi phí, tăng tính hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp, như vật liệu nhựa siêu bền để thay cho thép, mica thay cho kính, sử dụng đèn led thay cho ánh sáng tự nhiên,...); công nghệ robot, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa (giảm thiểu được nhân công, tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả quản lý trong sản xuất nông nghiệp thông minh); công nghệ sinh học (tạo ra những giống cây, con có khả năng thích ứng tốt hơn, cho chất lượng tốt và hình thức đẹp hơn). Đây chính là cơ sở để nhiều thành phố lớn trên thế giới đang triển khai xây dựng cho mình những mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt với công nghệ canh tác thẳng đứng, hay nhiều lớp, công nghệ thủy canh, ... cho phép canh tác trên diện tích hẹp, tiết kiệm tài nguyên, song vẫn cho sản lượng cao, chất lượng tốt. Nhiều thành phố lớn trên thế giới đang hình thành những mô hình trang trại trồng rau thẳng đứng (Vertical Farming) vô cùng hiện đại và mang lại hiệu quả trên nhiều phương diện, cả về kinh tế, xã hội và môi trường, như ở Los Angeles - Mỹ, Berlin - Đức, Tokyo - Nhật Bản, hay cả ở Thượng Hải - Trung Quốc, Băng-cốc - Thái Lan.

Thành phố Hồ Chí Minh cũng là địa phương đi đầu ở Việt Nam trong PTNN công nghệ cao. Chính việc ứng dụng các kỹ thuật, qui trình, công nghệ hiện đại

đang góp phần gia tăng đáng kể giá trị và năng suất lao động ngành nông nghiệp Thành phố. Với sự phát triển của khoa học – công nghệ, đặc biệt là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đang nâng cao khả năng phát triển ngành nông nghiệp và dịch vụ cho PTNN tại TPHCM. Hiện nay, các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Thành phố không chỉ được phát triển ở các huyện ngoại thành, mà có thể phát triển tại thành phố Thủ Đức và các quận nội thành.

Tình hình thế giới diễn biến phức tạp đang đặt ra yêu cầu tự chủ về lương thực, thực phẩm đối với các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn

Bên cạnh đó, tình hình thế giới hiện nay luôn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp. Với những tác động bởi thiên tai, dịch bệnh, xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại, ... làm đứt gãy chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, khiến người dân thành thị khó tiếp cận được nguồn cung lương thực, thực phẩm hoặc phải mua với giá cao. Sau những tác động vô cùng to lớn của dịch bệnh Covid-19, nhiều thành phố trên thế giới đã chú trọng nhiều hơn tới vấn đề tự chủ lương thực, thực phẩm. Tình hình kinh tế cũng luôn diễn biến phức tạp, luôn tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, suy thoái, khiến nhiều người lao động ở thành phố phải đối mặt với nguy cơ thất nghiệp, nguy cơ giảm thu nhập, ... Đây chính là cơ sở để nông nghiệp đô thị trở thành xu hướng phát triển hiện nay tại các thành phố trên thế giới. Nông nghiệp đô thị sẽ giúp các thành phố tự chủ phần nào lương thực, thực phẩm cho mình, đặc biệt là bổ sung nguồn cung thực phẩm tươi sống mỗi ngày, như rau, trái cây, trứng, sữa, thịt, cá... Nông nghiệp đô thị còn giúp tạo việc làm cho lao động ở thành phố, hay tiết kiệm một phần chi tiêu cho người dân đô thị. Ngoài ra nông nghiệp đô thị cũng giúp tạo mảng xanh và giảm phát thải khí CO₂, góp phần bảo vệ môi trường cho các thành phố. Do đó, xu hướng sản xuất nông nghiệp ngay tại các thành phố trên thế giới, kể cả các thành phố văn minh, hiện đại, đang ngày càng tăng. Một số thành phố xây dựng những khu vực sản xuất nông nghiệp giống như công viên, hay là nơi để người dân thành thị vui chơi, giải trí, trải nghiệm sau những giờ lao động, học tập căng thẳng.

Thành phố Hồ Chí Minh hiện là đô thị có số dân sinh sống, công tác và học tập lớn nhất Việt Nam. Hàng ngày, Thành phố này tiêu thụ một lượng lớn lương

thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu cho hơn 10 triệu người. Với tình hình thế giới và trong nước tiềm ẩn nhiều biến động, việc tự chủ một phần lương thực, thực phẩm là vấn đề Thành phố cần quan tâm. Bên cạnh đó, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, TPHCM cũng cần tiếp tục đầu tư phát triển một nền nông nghiệp đô thị hiện đại, không chỉ bảo đảm một phần an ninh lương thực mà còn mang lại cả lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường.

Biến đổi khí hậu với nhiều tác động mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp truyền thống, đặt ra yêu cầu PTNN đô thị hiện đại

Biến đổi khí hậu gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, như mưa bão, mưa đá, lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng, ... ảnh hưởng nặng nề tới sản xuất nông nghiệp trên toàn thế giới. Diện tích sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, năng suất và sản lượng suy giảm, đe dọa tới an ninh lương thực toàn cầu. Chính vì vậy, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh canh tác cả ở khu vực đô thị, đang là giải pháp quan trọng để thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh lương thực của các quốc gia hiện nay. Việt Nam là quốc gia bị ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu, hàng năm luôn phải đón chịu nhiều trận bão từ biển Đông, gây ra sóng to, gió lớn, mưa nhiều, lũ lụt, ảnh hưởng nặng nề tới sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân, đặc biệt ở khu vực phía Bắc và miền Trung. Tây Nguyên thường xuyên hứng chịu những đợt hạn hán kéo dài do tác động của La Nina, khu vực Nam bộ, đặc biệt là Đồng bằng sông Cửu Long thì chịu tác động của xâm nhập mặn và tình trạng nước biển dâng, đang ngày càng thu hẹp diện tích sản xuất nông nghiệp. Với những tác động to lớn của biến đổi khí hậu tới sản xuất nông nghiệp, nhiều thành phố trên thế giới cũng như ở Việt Nam, ngày càng quan tâm PTNN đô thị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để hạn chế ảnh hưởng bởi thời tiết, khí hậu, gia tăng năng suất, sản lượng và chất lượng nông phẩm.

Tóm lại, nông nghiệp thành phố ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển đô thị bền vững tại các quốc gia trên thế giới hiện nay. Xu hướng tự chủ một phần lương thực, thực phẩm, PTNN ứng dụng công nghệ cao và sản xuất, tiêu dùng những sản phẩm nông nghiệp chất lượng tốt, đảm bảo an toàn đang tác động

mạnh mẽ đến định hướng PTNN đô thị hiện đại, bền vững tại TPHCM. Hơn mười năm qua, TPHCM đã hình thành những mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và hiện đang tiếp tục nhân rộng và hướng tới sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ. Qua đó đáp ứng ngày càng nhiều hơn, tốt hơn nhu cầu về lương thực, đặc biệt là thực phẩm tươi sống, chất lượng cho người dân Thành phố.

4.1.1.2. Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố - Dự báo xu hướng phát triển

Cùng với xu hướng PTNN đô thị trên thế giới và ở Việt Nam, dịch vụ cho PTNN ở thành phố cũng có xu hướng được hình thành và phát triển ngày càng đầy đủ, đồng bộ. Có thể dự báo về những xu hướng sau:

Thứ nhất, xu hướng phát triển các loại hình dịch vụ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh và chuyên môn hóa sâu trong lĩnh vực nông nghiệp ở thành phố.

Với tác động vô cùng mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, và xu hướng phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị hiện đại, xu hướng sản xuất nông nghiệp ngay tại trung tâm các thành phố, có thể là trang trại thẳng đứng, nhà kính, hay canh tác trên ban công, sân thượng, ... làm cho các loại hình dịch vụ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ở thành phố ngày càng phát triển. Đó là những dịch vụ về tư vấn, thiết kế mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dịch vụ cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị, thi công và chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; dịch vụ canh tác với những máy móc nông nghiệp hiện đại; dịch vụ xúc tiến thương mại, bán hàng sử dụng công nghệ số, ...

Sản xuất nông nghiệp ở thành phố có những điều kiện khác biệt so với ở nơi khác, đặc biệt là sự khó khăn về mặt bằng sản xuất. Chính vì vậy, nông nghiệp nơi đây có xu hướng chuyên môn hóa sâu trong từng khâu, từng bộ phận của quá trình sản xuất. Những chủ thể sản xuất nông nghiệp có thể chỉ tập trung vào một hoặc một vài khâu nhất định của quá trình sản xuất, còn lại là sử dụng các dịch vụ cho cả đầu vào và đầu ra của sản phẩm. Đây là cơ sở hình thành và phát triển các loại hình dịch vụ cho PTNN đi vào những công việc rất cụ thể. Có thể là cung cấp

giải pháp tài chính, công nghệ; cung cấp giống, phân bón, vật tư; dịch vụ thu hoạch, phân loại, bảo quản; dịch vụ vận chuyển, kho bãi; xây dựng, chứng nhận thương hiệu; xúc tiến thương mại, bán hàng, du lịch nông nghiệp, chăm sóc thú cưng...

Thứ hai, xu hướng phát triển dịch vụ xây dựng và chứng nhận thương hiệu nông sản.

Xu hướng sử dụng sản phẩm nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ ngày càng tăng trên thế giới, đặc biệt ở khu vực thành thị hay ở các nước phát triển. Để đảm bảo về mặt quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm, những nông sản này cần được các đơn vị quốc tế có uy tín (như USDA của Mỹ, JAS của Nhật Bản,...), các cấp có thẩm quyền chứng nhận về tiêu chuẩn (GAP, GAHP, Organic,...) hay thương hiệu. Với những chứng nhận về tiêu chuẩn, thương hiệu, giúp sản phẩm chiếm được niềm tin của người tiêu dùng hơn, có giá trị kinh tế cao hơn và có khả năng tiêu thụ ở nhiều thị trường hơn, cả trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, những người sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các hộ nông dân thường chưa chú trọng nhiều tới việc xây dựng thương hiệu, hoặc chưa hiểu biết nhiều về quy trình, thủ tục hay cách thức thực hiện. Chính điều đó làm cho các dịch vụ về xây dựng quy trình sản xuất và thực hiện các thủ tục đăng ký, chứng nhận tiêu chuẩn, thương hiệu cho nông sản ngày càng phát triển ở các thành phố. Với sự phát triển của các dịch vụ này, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất an toàn, hiện đại, gắn kết với thị trường tiêu thụ.

Thứ ba, xu hướng kết hợp PTNN với du lịch/giải trí tại các thành phố.

Nhu cầu du lịch nông nghiệp ngày càng phát triển mạnh trên thế giới, đặc biệt là ở các đô thị lớn, những thành phố đông dân. Chính môi trường làm việc căng thẳng nơi nhà máy, xí nghiệp, hay trong những văn phòng chật chội, khiến người dân đô thị có nhu cầu thư giãn, giải trí tại những trang trại, nơi có thể hòa mình vào thiên nhiên, thực hiện những công việc gieo trồng, gặt hái hay chăm sóc gia súc, gia cầm, thủy sản,... Bên cạnh đó, những trang trại nông nghiệp nơi thành phố là những điểm tham quan, học tập ngoại khóa lý tưởng cho các em học sinh đô thị. Các trường học trên thế giới cũng như ở các thành phố lớn của Việt Nam, ngày càng thiết kế nhiều hơn các buổi học ngoại khóa cho học sinh tại các khu nông nghiệp kết

hợp với du lịch, giải trí. Đây cũng là nơi nhiều gia đình ở thành phố lựa chọn cho những chuyến đi cuối tuần, vừa tiện lợi (không phải đi xa, được cung cấp nhiều dịch vụ thú vị), vừa ý nghĩa.

4.1.2. Quan điểm thúc đẩy dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Qua gần 40 năm đổi mới, trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam cho thấy, nông nghiệp vẫn là trụ đỡ của nền kinh tế. Để tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam theo hướng hiện đại, bền vững, Đảng ta xác định phải chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang làm kinh tế nông nghiệp. Chúng ta không thể cứ tập trung mãi vào khâu sản xuất, mà cần chú trọng các khâu khác của quá trình tái sản xuất, như phân phối, trao đổi, tiêu dùng. Để các khâu này được vận hành một cách hài hòa, thông suốt, cần có các loại dịch vụ hỗ trợ, cả đầu vào và đầu ra. Tại TPHCM, nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững là hướng phát triển cho ngành nông nghiệp Thành phố. Với những đặc điểm tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội, TPHCM xác định mục tiêu trở thành “trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, trung tâm công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp hiện đại; bảo đảm kết nối cung cầu hàng hóa, dịch vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản chất lượng cao, an toàn theo chuỗi giá trị; tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp các vùng, các khu vực và cả nước phát triển” [106, tr.26].

Trên cơ sở phân tích xu hướng PTNN đô thị và dịch vụ cho PTNN ở các thành phố trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay, để phù hợp với chủ trương, chính sách cũng như điều kiện cụ thể của TPHCM, luận án đề xuất một số quan điểm nhằm thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đến năm 2030.

Thứ nhất, dịch vụ cho PTNN phải thúc đẩy mạnh mẽ việc hình thành nền nông nghiệp đô thị hiện đại của Thành phố, đồng thời thúc đẩy nông nghiệp vùng và cả nước phát triển.

Nông nghiệp đô thị hiện đại là định hướng phát triển từ nhiều năm nay của Đảng bộ và chính quyền TPHCM. Tuy nhiên, cho đến nay nông nghiệp Thành phố vẫn chưa phát triển như kỳ vọng, tăng trưởng GRDP của ngành nông nghiệp giảm, năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp tăng chậm, các mô hình sản xuất

nông nghiệp công nghệ cao chưa được nhân rộng, các dịch vụ cho PTNN thiếu đa dạng, quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao. Chính vì vậy, trong thời gian tới cần tập trung tạo điều kiện, thúc đẩy dịch vụ cho PTNN hình thành đồng bộ và ngày càng phát triển, qua đó hỗ trợ mạnh mẽ hơn cho các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp thế mạnh của Thành phố, đặc biệt hướng tới nền nông nghiệp đô thị hiện đại, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng. Bên cạnh đó, phát huy lợi thế về vị trí và điều kiện kinh tế - xã hội, xây dựng TPHCM trở thành trung tâm về dịch vụ cho PTNN của cả vùng Đông và Tây Nam bộ, hay mở rộng ra phạm vi cả nước và khu vực. Trong đó, chú trọng phát triển các dịch vụ về giống, khoa học – công nghệ và chế biến, xuất khẩu.

Thứ hai, xây dựng và triển khai có hiệu quả những chính sách hỗ trợ các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM.

Sản xuất nông nghiệp tại các thành phố đang là xu hướng phổ biến trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Vai trò của nông nghiệp đô thị không chỉ mang lại lợi ích kinh tế, mà còn cả về lợi ích xã hội, môi trường và cảnh quan đô thị. Tuy nhiên, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, tỷ suất lợi nhuận thấp. Kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt tại thành phố Thượng Hải và Băng-cốc cho thấy, nếu chính quyền các thành phố thực sự quan tâm và tạo điều kiện, có những chính sách đúng, được triển khai quyết liệt, sẽ thúc đẩy các loại hình dịch vụ thúc đẩy nông nghiệp đô thị phát triển.

Những năm qua TPHCM đã xây dựng và triển khai nhiều chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ, thúc đẩy nông nghiệp và các dịch vụ liên quan phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả của các chính sách chưa thật sự cao, chưa tạo ra tác động mạnh mẽ để phục hồi kinh tế nông nghiệp. Một số chính sách đã ban hành nhưng chậm triển khai, nội dung triển khai các chính sách hỗ trợ đến người nông dân còn hạn chế, chưa sâu sát và thu hút sự đồng thuận tham gia của người dân. Công tác tuyên truyền, vận động, quán triệt các chính sách của Trung ương, của địa phương ở cơ sở còn chưa thường xuyên liên tục. Một bộ phận nhân dân vẫn còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước nên chưa mạnh dạn đầu tư các mô hình sản xuất đảm bảo các điều kiện để được hưởng chính sách hỗ trợ.

Chính vì vậy, để hình thành các loại dịch vụ cho PTNN ở TPHCM những năm tới, chắc chắn chính quyền Thành phố cần xây dựng những chính sách hỗ trợ tốt hơn nữa, đối với đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, triển khai các chính sách hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố; chính sách hỗ trợ thực hiện mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chính sách hỗ trợ chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn; chính sách hỗ trợ chứng nhận an toàn theo tiêu chuẩn VietGap, HACCP, ISO, Organic.

Thứ ba, tập trung ưu tiên, tạo điều kiện hỗ trợ về nhiều mặt nhằm đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ cho PTNN Thành phố.

Một trong những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, đó là nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, và đa dạng các chủ thể sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh vai trò định hướng, dẫn dắt của kinh tế nhà nước, mà nòng cốt là doanh nghiệp nhà nước, cần phát huy vai trò động lực quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân, tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đối với lĩnh vực nông nghiệp và địa bàn nông thôn, cần chú trọng phát huy vai trò quan trọng của kinh tế tập thể, đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong sản xuất nông nghiệp và kinh doanh các lĩnh vực DVNN.

Thành phố Hồ Chí Minh những năm qua đã phát huy khá tốt vai trò dẫn dắt, định hướng của kinh tế nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và DVNN. Ngoài các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp tham gia quản lý và hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nhiều doanh nghiệp nhà nước của Thành phố cũng có những đóng góp tích cực vào PTNN theo hướng hiện đại, bền vững. Tuy nhiên, để thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa sự phát triển của nông nghiệp đô thị Thành phố, phát huy hết vai trò to lớn của nông nghiệp đối với sự phát triển bền vững, TPHCM cần tạo điều kiện để nhiều chủ thể thuộc các thành phần kinh tế tham gia cung ứng các dịch vụ cho PTNN. Bên cạnh việc củng cố và nâng cao hiệu quả của khu vực kinh

tế nhà nước, kinh tế tập thể trong cung cấp dịch vụ cho PTNN, Thành phố cần tạo điều kiện, hỗ trợ và thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia kinh doanh trong lĩnh vực DVNN. Đặc biệt, khuyến khích sự tham gia đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư lớn khu vực ngoài nhà nước vào các lĩnh vực dịch vụ thế mạnh của Thành phố như: giống năng suất cao; KHCN; chế biến, bảo quản sau thu hoạch; thương mại, logistics; du lịch nông nghiệp.

Để thúc đẩy nông nghiệp ở TPHCM phát triển mạnh hơn, có những đóng góp quan trọng hơn nữa cho sự phát triển của Thành phố, cần xây dựng và phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ hỗ trợ cả đầu vào và đầu ra của quá trình sản xuất nông nghiệp. Các dịch vụ cho PTNN sẽ góp phần giảm chi phí, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh tiếp thị và tiêu thụ trong và ngoài TPHCM.

Thứ tư, chú trọng cung cấp các loại hình dịch vụ hỗ trợ ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Rõ ràng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra những thay đổi to lớn cho toàn nhân loại, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Những công nghệ mang tính đột phá của cuộc cách mạng này trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ vật lý - vật liệu, công nghệ sinh học đều đang làm thay đổi cách thức sản xuất, quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. TPHCM là trung tâm về khoa học, kỹ thuật, công nghệ của khu vực và cả nước, nơi đây có nhiều đơn vị có khả năng tiếp nhận, nghiên cứu, phát triển, vận hành, trình diễn, chuyển giao các kỹ thuật, qui trình, công nghệ của sản xuất và lưu thông trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp. Trong những năm qua, Thành phố cũng chủ trương PTNN ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp đô thị; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây, giống con chất lượng và năng suất cao, trở thành trung tâm giống cây trồng, giống con của khu vực [33, tr.172]. Do đó, cần tập trung phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ việc ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là những thành tựu KHCN của Cách

mạng công nghiệp lần thứ tư. Việc quan tâm, tạo điều kiện thúc đẩy các dịch vụ KHCN phục vụ PTNN, không chỉ góp phần xây dựng nền nông nghiệp Thành phố hiện đại, bền vững, mà còn cung cấp các giải pháp công nghệ, qui trình, kỹ thuật và cả mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao cho các tỉnh khu vực Nam bộ và cả nước. Qua đó đưa TPHCM trở thành trung tâm về DVNN của vùng cũng như của cả nước.

Thứ năm, phát huy thế mạnh của TPHCM, thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ cho quá trình lưu thông sản phẩm nông nghiệp cho Thành phố và cả khu vực Nam bộ.

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị có kinh tế thị trường phát triển năng động nhất Việt Nam. Với số lượng doanh nghiệp hoạt động hiện nay nhiều nhất cả nước (tính đến ngày 31/12/2022 Thành phố có 213.726 doanh nghiệp đang hoạt động [22, tr.238], chiếm 23,85% số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm của cả nước), Thành phố hiện có tới 240 siêu thị và hơn 3.000 cửa hàng tiện lợi có bày bán hàng nông sản [105, tr.14], hàng năm nơi đây cũng xuất khẩu hàng chục tỷ đô la Mỹ giá trị hàng hóa ra thị trường thế giới (trong đó hàng nông sản và thực phẩm chiếm khoảng 15% [105, tr.8]). Ngoài ra TPHCM còn là trung tâm tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm, hội chợ, hội thi... nhằm quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm hàng hóa, dịch vụ các loại. Với điều kiện về hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển, cả về hạ tầng sân bay, cảng biển, hạ tầng đô thị, hạ tầng năng lượng, hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông. Với những thế mạnh trên, TPHCM hoàn toàn có thể trở thành trung tâm của khu vực và cả nước về dịch vụ logistics, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp. Việc phát triển mạnh các loại hình dịch vụ phục vụ cho hoạt động lưu thông trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, không chỉ góp phần thúc đẩy nông nghiệp đô thị TPHCM phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, mà còn góp phần PTNN ở cả khu vực Đông Nam bộ và Tây Nam bộ, những nơi có điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Không những vậy, đưa TPHCM trở thành trung tâm DVNN của khu vực và cả nước, đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, sẽ đóng góp không nhỏ vào phát triển kinh tế Thành phố theo hướng hiện đại, với tỷ trọng ngành dịch vụ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao.

Thứ sáu, phát triển kinh tế nông nghiệp đô thị gắn với các dịch vụ du lịch, giải trí.

Phát triển nông nghiệp đô thị gắn với dịch vụ du lịch, giải trí cũng đang diễn ra khá phổ biến trên thế giới và ở một số thành phố lớn của Việt Nam. TPHCM là địa phương có nhiều lợi thế để phát triển dịch vụ du lịch nông nghiệp. Với đa dạng các loại hình sản xuất nông nghiệp như: làm muối; nuôi trồng, đánh bắt thủy sản; trồng và bảo vệ rừng; sản xuất rau, quả, hoa, cây cảnh; chăn nuôi gia súc, gia cầm, cá kiểng, cá sấu,... Bên cạnh đó là hơn 10 triệu dân sinh sống tại TPHCM, trong đó có hơn 1,7 triệu học sinh có nhu cầu lớn về tìm hiểu thực tế, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp. Việc phát triển các trang trại, điểm sản xuất nông nghiệp gắn với dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm và các hoạt động giải trí kèm theo, không chỉ mang lại doanh thu cho đơn vị kinh doanh dịch vụ, loại hình kinh tế này còn góp phần tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, xây dựng nông thôn mới, tạo mảng xanh cho Thành phố, hướng tới phát triển bền vững. Khu vực các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh hay Nhà Bè, Cần Giờ hoàn toàn có thể xây dựng và phát triển mô hình này. Tại mỗi địa phương, nên phát huy thế mạnh để xây dựng những mô hình du lịch nông nghiệp mang tính đặc trưng, giống như triển khai chương trình OCOP trong lĩnh vực du lịch. Các huyện như Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh có thể xây dựng các trang trại trồng rau, trồng hóa, trái cây, trồng nấm hay các trang trại chăn nuôi kết hợp với du lịch trải nghiệm; Nhà Bè và Cần Giờ có thể triển khai các mô hình gắn với nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, hoạt động trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, trải nghiệm cào muối tại Ấp Thiềng Liềng,... Du lịch nông nghiệp vừa thúc đẩy ngành dịch vụ du lịch, giải trí phát triển, đồng thời cũng là một hướng đi hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp đô thị bền vững.

4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030

Thúc đẩy dịch vụ cho PTNN là việc khuyến khích, tạo điều kiện, tạo động lực, hỗ trợ để các loại hình dịch vụ này hoạt động hiệu quả và ngày càng phát triển mạnh hơn theo định hướng phù hợp với nền nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững tại TPHCM. Giải pháp thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đến năm 2030 cần

tập trung vào 03 nhóm: *thứ nhất*, nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách; *thứ hai*, nhóm giải pháp tác động tới chủ thể, hình thức cung cấp dịch vụ cho PTNN; *thứ ba*, nhóm giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cho PTNN.

4.2.1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách của Nhà nước để thúc đẩy dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Nông nghiệp đô thị có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển bền vững tại các thành phố trên thế giới hiện nay. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia, nhiều đô thị trên thế giới cho thấy, để PTNN ở thành phố, cần có sự định hướng và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của nhà nước, của chính quyền địa phương. Tại thành phố Thượng Hải của Trung Quốc, chính quyền rất quan tâm hỗ trợ và dịch vụ về khoa học – công nghệ để thúc đẩy nông nghiệp đô thị phát triển theo hướng hiện đại; bên cạnh đó là tạo điều kiện để gắn kết PTNN với du lịch, giải trí. Còn ở Băng-cốc (Thái Lan), chính quyền luôn tạo điều kiện thuận lợi để người sản xuất nông nghiệp tiếp cận được các yếu tố đầu vào đáp ứng yêu cầu PTNN hiện đại, cùng với đó là sự hỗ trợ về đầu ra cho sản xuất nông nghiệp với các dịch vụ về chế biến và xuất khẩu.

Thực tế ở TPHCM những năm qua, chính quyền Thành phố đã quan tâm và triển khai nhiều dịch vụ hỗ trợ PTNN, qua đó góp phần thúc đẩy nông nghiệp đô thị bước đầu phát triển theo hướng hiện đại, bền vững. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp đang chậm lại, một số loại hình dịch vụ cho PTNN bị thu hẹp, đặc biệt là sau dịch bệnh Covid-19. Qua khảo sát các đối tượng sử dụng dịch vụ cho PTNN (doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ nông dân) cũng cho thấy đều mong muốn có được sự hỗ trợ của Nhà nước nhiều hơn nữa. Do đó, trong những năm tới, để thúc đẩy dịch vụ cho PTNN, TPHCM cần hỗ trợ tập trung vào các cơ chế, chính sách như: chính sách hỗ trợ về tài chính, mặt bằng sản xuất - kinh doanh; chính sách hỗ trợ về KHCN; phát triển nhân lực; xúc tiến thương mại.

4.2.1.1. Chính sách hỗ trợ về tín dụng, mặt bằng sản xuất - kinh doanh

Để có thêm cơ sở xây dựng giải pháp, luận án đã tiến hành khảo sát các đối tượng sử dụng dịch vụ cho PTNN (hộ nông dân, chủ trang trại, HTX, doanh nghiệp nông nghiệp) về các loại hình dịch vụ mong muốn được Nhà nước hỗ trợ. Kết quả

khảo sát cho thấy, về dịch vụ khuyến nông có 207 lựa chọn trên 402 phiếu khảo sát thu về, chiếm tỷ lệ 51,5%, là nội dung có tỷ lệ lựa chọn cao nhất trong tất cả các nội dung mong muốn được hỗ trợ. Chắc chắn, muốn thúc đẩy dịch vụ cho PTNN đô thị, TPHCM cần phát huy hơn nữa vai trò của dịch vụ khuyến nông, đồng thời qua đó, đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ về tín dụng, về mặt bằng sản xuất - kinh doanh.

Nông nghiệp đô thị tại TPHCM phát triển theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, tập trung vào các loại cây, con có giá trị kinh tế cao như trồng hoa lan; trồng rau, trái cây an toàn trong nhà màng, nhà lưới; trồng nấm, cây dược liệu; nuôi bò sữa, bò thịt, heo, gà; nuôi tôm và các loại thủy sản; nuôi cá kiểng; nuôi chim yến. Chính vì vậy, đòi hỏi vốn đầu tư lớn hơn so với canh tác theo kiểu truyền thống. Nếu Thành phố xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp tín dụng cho nông nghiệp, nó không những tạo điều kiện để nông nghiệp đô thị phát triển, mà còn góp phần thúc đẩy các loại hình dịch vụ cho PTNN.

Trong những năm tới, Thành phố tiếp tục tăng cường các hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, đặc biệt chú ý tới đối tượng khách hàng là doanh nghiệp, HTX, chủ trang trại, hộ kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và các dịch vụ liên quan. Qua đó, tháo gỡ các vướng mắc, mở rộng đối tượng, triển khai có hiệu quả các gói tín dụng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và DVNN. Đẩy mạnh triển khai các gói tín dụng cho vay lâm sản, thủy sản; cho vay đầu tư phát triển sản phẩm OCOP của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Phổ biến và triển khai đến các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn Thành phố về chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các dự án được Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố cho vay thuộc các lĩnh vực ưu tiên, như: đầu tư nhà máy giết mổ công nghiệp; đầu tư cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; xây dựng kho lạnh, kho bảo quản dự trữ mặt hàng nông thủy sản, thực phẩm chế biến; nghiên cứu, sản xuất giống; đầu tư cải tạo chợ đầu mối nông sản, thực phẩm; phát triển sản xuất và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong nông nghiệp; phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; hoạt động cho vay của Quỹ trợ vốn xã viên HTX trực thuộc Liên minh HTX Thành phố, Quỹ hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân

Thành phố. Với những tác động nặng nề do dịch bệnh Covid-19 và tình hình kinh tế thế giới vài năm qua, để phục hồi và tiếp tục phát triển, các đơn vị cung ứng DVNN và cả những cơ sở sản xuất nông nghiệp đang rất cần được sự hỗ trợ về tín dụng của Nhà nước.

Thực tế hiện nay ở TPHCM, nhiều người sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các hộ nông dân còn thụ động, ỷ lại vào sự hỗ trợ của chính quyền. Do đó, bên cạnh sự hỗ trợ rất tích cực từ phía Nhà nước, đối với gần như mọi loại hình sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, từ trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng đến cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp, rất cần sự nỗ lực vươn lên của người sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, tích cực tìm hiểu, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm về tổ chức các hoạt động kinh tế nông nghiệp bài bản, chuyên nghiệp, hiện đại hơn. Trên cơ sở đó, việc tiếp cận và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ tín dụng cho nông nghiệp và các dịch vụ liên quan dễ dàng hơn, đầy đủ hơn, khả thi hơn.

Thứ hai, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất - kinh doanh.

Bên cạnh sự hỗ trợ về tín dụng, cơ chế, chính sách hỗ trợ về mặt bằng sản xuất - kinh doanh cũng cần được quan tâm. Đặc biệt cần tháo gỡ những khó khăn trong chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác và pháp lý trong việc xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp trên đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp. Triển khai mạnh mẽ hơn những cơ chế, chính sách mà Nghị quyết số 98/2023/QH15 tạo điều kiện cho Thành phố trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, môi trường. Trong đó, tập trung thực hiện cơ chế về giao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có diện tích dưới 500ha. Hiện TPHCM còn khá nhiều diện tích đất trồng lúa, trồng mía hiệu quả kinh tế không cao so với các sản phẩm nông nghiệp khác trên địa bàn. Nếu cơ chế, chính sách tạo điều kiện để chuyển đổi mục đích sử dụng đối với đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác, chắc chắn sẽ thu hút mạnh mẽ hơn doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao và các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM.

Cùng với đó là hỗ trợ pháp lý trong việc xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp trên đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp khác, qua đó sẽ thu hút

đầu tư mạnh vào lĩnh vực cung ứng các dịch vụ cho PTNN. Nếu người sản xuất nông nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai xây dựng, lắp đặt các công trình phục vụ nông nghiệp, chắc chắn các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cùng các dịch vụ đi kèm sẽ phát triển mạnh. Các công trình như chòi canh, nhà kính, cầu kiện để phủ màng, lưới tạo môi trường thích hợp cho cây trồng vật nuôi, cầu kiện để lắp đặt hệ thống trồng rau sạch thủy canh, chuồng trại, nhà kho, hay cả các công trình phục vụ cho việc sơ chế, đóng gói, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp trước khi đưa đến nơi tiêu thụ, là rất cần thiết với nông nghiệp tại TPHCM. Trước đó, Thành phố đã thực hiện thí điểm xây dựng công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp khác và phi nông nghiệp khác tại các huyện Củ Chi, Cần Giờ, Nhà Bè theo Công văn số 3680 ngày 25/9/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau gần ba năm thực hiện đã dừng thí điểm để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Hiện nhiều doanh nghiệp, HTX sản xuất nông nghiệp và cung ứng dịch vụ cho PTNN đang gặp khó khăn do không được phép xây dựng các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp. Công ty TNHH Một thành viên Bò sữa TPHCM (huyện Củ Chi) rất cần xây dựng nhà tiền chế để chứa phân bón, để thực hiện sơ chế nông sản, để đặt máy bơm nước nhưng chưa được. HTX Nông nghiệp Tuấn Ngọc (thành phố Thủ Đức) cũng gặp khó khăn trong việc mở rộng sản xuất rau an toàn do vướng quy định không được xây dựng nhà màng, nhà lưới. HTX Nông nghiệp sản xuất - thương mại - dịch vụ Phước An (huyện Bình Chánh) cũng không xây dựng được nhà màng, nhà lưới do vướng quy định xây dựng trên đất nông nghiệp, nhiều xã viên đã phải chuyển đổi sang nghề khác hoặc bán đất.

Để thúc đẩy PTNN đô thị và thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN đô thị theo hướng hiện đại, bền vững ở TPHCM, chắc chắn Thành phố cần nghiên cứu để sớm có giải pháp hỗ trợ pháp lý cho việc xây dựng, lắp đặt các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp.

4.2.1.2. Chính sách hỗ trợ về kỹ thuật, công nghệ

Với định hướng PTNN TPHCM theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao. Đây cũng là xu hướng chung của nông

ngành đô thị trên thế giới. Sản xuất nông nghiệp tại thành phố có những thuận lợi về tiếp cận vốn, nhân lực, kỹ thuật - công nghệ, thị trường, tuy nhiên lại hạn chế về điều kiện tự nhiên, đặc biệt là mặt bằng sản xuất. Do vậy, hướng đi của nông nghiệp thành phố phải là nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp an toàn, tạo ra nông sản có chất lượng và giá trị kinh tế cao. TPHCM đã xây dựng định hướng PTNN công nghệ cao từ nhiều năm trước, đặc biệt là sự ra đời của Khu Nông nghiệp Công nghệ cao của Thành phố đặt tại huyện Củ Chi cách đây 20 năm. Tuy nhiên, cho đến nay sản xuất nông nghiệp tại Thành phố vẫn còn nhỏ lẻ, các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều, chủ yếu tập trung ở Củ Chi, bên trong hoặc gần với Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. Để đẩy mạnh PTNN theo hướng hiện đại, bền vững, Thành phố cần thúc đẩy các dịch vụ về KHCN cho sản xuất nông nghiệp phát triển. Trong đó, đặc biệt chú trọng tới vai trò của Nhà nước thông qua các chính sách hỗ trợ, thông qua các dịch vụ do Nhà nước cung cấp, để định hướng, dẫn dắt nền nông nghiệp TPHCM ngày càng hiện đại, bền vững.

Ngoài việc thực hiện các chính sách hỗ trợ về mặt tín dụng, mặt bằng sản xuất - kinh doanh cho các đơn vị sản xuất nông nghiệp và cung ứng dịch vụ cho PTNN đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Thành phố cần nâng cao hiệu quả và mở rộng sự ảnh hưởng hơn nữa từ các trung tâm, đơn vị nghiên cứu, trình diễn, chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch dự án Khu Nông nghiệp công nghệ cao tại xã Phạm Văn Cội, và mở rộng dự án Khu Nông nghiệp công nghệ cao tại xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi. Sớm xây dựng và triển khai các dự án đầu tư Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực trồng trọt (giống và sản phẩm rau, hoa, quả), thủy sản (cá kiểng) tại huyện Củ Chi; dự án đầu tư Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực giống gia súc (heo, bò, dê), chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi tại huyện Bình Chánh; dự án Khu Nông nghiệp công nghệ cao ngành thủy sản tại huyện Cần Giờ.

Việc mở rộng và đầu tư thêm các dự án kể trên sẽ góp phần mạnh mẽ vào việc phát triển các dịch vụ khuyến nông, dịch vụ giống, dịch vụ KHCN, dịch vụ

uơng tạo doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tại TPHCM. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố, đặc biệt ở tất cả các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ có cơ hội được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ cho PTNN đô thị.

Đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ, thúc đẩy hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực dịch vụ KHCV phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt chú ý hỗ trợ về thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp. Xây dựng hướng dẫn cụ thể, xác định chính xác đâu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hay đâu là thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của doanh nghiệp để có chính sách thuế phù hợp.

4.2.1.3. Chính sách hỗ trợ về phát triển nhân lực

Xây dựng, hoàn thiện chính sách, chế độ thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao về làm việc cho TPHCM. Chú trọng phát triển nhân lực tại các đơn vị nghiên cứu, trình diễn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Hình thành những nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực công nghệ sinh học, lai tạo giống, có khả năng tạo ra những mô hình, chế phẩm, giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản cho năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

Hỗ trợ đào tạo nhà quản lý, nhà kinh doanh thông qua các dịch vụ uơng tạo doanh nghiệp, đặc biệt chú trọng lĩnh vực chế biến sau thu hoạch, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Qua đó góp phần chuyển đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành tư duy làm kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường. Việc hình thành ngày càng nhiều các doanh nghiệp tham gia vào các dịch vụ cho PTNN, đặc biệt trong lĩnh vực giống, KHCV, chế biến, phát triển thị trường và bán sản phẩm, không những hỗ trợ, thúc đẩy nông nghiệp TPHCM phát triển, mà còn phát huy được vai trò dẫn dắt, thúc đẩy nông nghiệp toàn vùng Đông và Tây Nam bộ phát triển.

Hỗ trợ kết nối giữa cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp, HTX nhằm cung cấp đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của đơn vị sử dụng lao động. TPHCM là trung tâm về giáo dục, đào tạo của cả

nước, đây là thuận lợi lớn trong việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đô thị. Với hệ thống từ các trường trung cấp, cao đẳng nghề có khả năng đào tạo ra đội ngũ lao động có chuyên môn, tay nghề trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đến các trường đại học, đại học có thể cung cấp đội ngũ kỹ sư, chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà kinh doanh trong các lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ cho PTNN. Điều cần làm là có sự liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với các đơn vị sử dụng lao động, hay sự định hướng, đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước, để qua đó xây dựng và phát triển đội ngũ lao động có chất lượng phục vụ cho phát triển ngành nông nghiệp đô thị và các dịch vụ liên quan.

Thường xuyên mở các lớp tập huấn, phổ biến, bồi dưỡng, đào tạo ngắn ngày cho các doanh nghiệp, HTX và hộ sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và DVNN. Qua đó góp phần nâng cao trình độ nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi sang nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững. Tổ chức, hỗ trợ, tạo điều kiện để đưa các chủ doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ nông dân tiêu biểu đi tham quan, nghiên cứu kinh nghiệm của các mô hình sản xuất - kinh doanh nông nghiệp hiệu quả tại các thành phố trong khu vực, như Bang-kok, Thượng Hải.

4.2.1.4. Chính sách hỗ trợ về xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu nông sản

Tăng cường thực hiện các chính sách về xúc tiến thương mại, đảm bảo các cơ sở sản xuất nông nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN đô thị. Bên cạnh việc thường xuyên tổ chức các hội trợ, triển lãm, hội thi nhằm giới thiệu, quảng bá và bán nông sản, đảm bảo đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, Thành phố cần tăng cường hỗ trợ tổ chức cả các hội chợ, triển lãm giới thiệu, bày bán các máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại phục vụ sản xuất nông nghiệp đô thị. Cùng với đó là các hoạt động kết nối cung - cầu, giới thiệu, quảng bá tới doanh nghiệp, HTX và bà con nông dân về các loại hình DVNN. Thực tế, trong quá trình khảo sát chất lượng các dịch vụ cho PTNN, nhiều bà con nông dân tại TPHCM còn chưa biết và có những khó khăn trong tiếp cận được những dịch vụ cho PTNN. Đặc biệt đối với các dịch vụ đầu ra như dịch vụ quảng bá, giới

thiệt, bán sản phẩm, dịch vụ xây dựng thương hiệu, dịch vụ du lịch nông nghiệp đều có tỷ lệ từ 2% trở lên người được khảo sát lựa chọn mức rất khó khăn trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ. Các dịch vụ đầu vào như dịch vụ KHCN (9,5%) và dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp (8,2%) cũng có tỷ lệ cao người được khảo sát lựa chọn mức độ khó khăn.

Chính vì vậy, chính sách hỗ trợ của Nhà nước không chỉ tập trung xúc tiến thương mại đối với đầu ra, đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, mà cần cả quảng bá, giới thiệu các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp tới người dân và doanh nghiệp. Họ mong muốn có sự hỗ trợ từ phía Nhà nước để được tiếp cận và sử dụng nhiều hơn các dịch vụ góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thúc đẩy liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với bảo đảm chất lượng, an toàn. Vận hành hiệu quả Chuỗi cung ứng Nông sản an toàn TPHCM. Tuyên truyền, tạo điều kiện để doanh nghiệp, HTX và người dân sản xuất nông nghiệp tham gia vào chuỗi. Qua đó, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn trong sản xuất, và được hỗ trợ giới thiệu, trưng bày, bán sản phẩm tại các điểm, cửa hàng cung ứng trong chuỗi. Phát triển TPHCM trở thành đầu mối tiêu thụ nông sản cho các vùng miền trong cả nước, trung tâm chế biến, xuất khẩu nâng cao chất lượng, giá trị cho nông sản Việt Nam. Định hướng, dẫn dắt sản xuất nông nghiệp của TPHCM cũng như các địa phương trong cả nước theo những tiêu chuẩn, chất lượng phù hợp với thị trường Thành phố và các thị trường nước ngoài.

Thành phố tiếp tục hỗ trợ để tạo dựng những doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất và cung ứng DVNN có uy tín, qua đó hình thành những Thương hiệu Vàng về DVNN của TPHCM. Đặc biệt là những lĩnh vực DVNN Thành phố có thể mạnh như dịch vụ KHCN; dịch vụ giống cây, con chất lượng cao; dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch; dịch vụ xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường. Qua đó, không những cung ứng đầy đủ các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN đô thị trên địa bàn, mà còn cung ứng các dịch vụ cho các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Xây dựng TPHCM trở thành trung tâm DVNN cho khu vực Nam bộ và cả nước. Phát triển các đơn vị nghiên cứu, sản xuất và cung cấp giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao phù hợp với điều kiện canh tác và đặc điểm tự nhiên của mỗi vùng,

mỗi địa phương. Là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Hiện nay, HTX nông nghiệp Tuấn Ngọc đã phát triển mô hình trồng rau thủy canh không cần đất, rất phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp tại thành phố. Mô hình trồng rau thủy canh trong nhà màng, nhà kính không chỉ phù hợp điều kiện nông nghiệp đô thị, mà còn phù hợp với những nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hay thích nghi được với điều kiện biến đổi khí hậu. Do đó, mô hình này hoàn toàn có thể quảng bá, giới thiệu và chuyển giao tới nhiều địa phương trong cả nước. Ngoài các trang trại tại TPHCM, hiện HTX nông nghiệp Tuấn Ngọc đã phát triển mô hình tại các tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh và mong muốn chuyển giao mô hình tới nhiều địa phương khác.

4.2.2. Nhóm giải pháp về đa dạng hóa các chủ thể, loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Một trong những đặc điểm của kinh tế thị trường đó là sự đa dạng các chủ thể, và vì vậy, cạnh tranh vừa là môi trường vừa là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Trong giai đoạn vừa qua, dịch vụ cho PTNN ở TPHCM chủ yếu được cung cấp bởi các đơn vị, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước. Số lượng các doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia cung cấp dịch vụ cho PTNN còn chưa nhiều và với quy mô nhỏ. Để thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM hình thành đầy đủ, đồng bộ và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhà sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, chắc chắn cần có cơ chế, chính sách tạo điều kiện để nhiều chủ thể tham gia phát triển dịch vụ. Nhà nước cần thực hiện tốt vai trò định hướng, dẫn dắt, tạo lập khung khổ pháp lý cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh diễn ra hiệu quả; quản lý, khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường; cung cấp các hàng hóa, dịch vụ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của nền kinh tế. Bên cạnh đó, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác rất cần được tạo điều kiện phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp hay ở khu vực nông thôn, góp phần gắn kết và nâng cao hiệu quả hoạt động các chủ thể sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ. Ngoài ra, để hướng tới sản xuất, kinh doanh quy mô lớn, hiện đại, chuyên nghiệp cần thu hút nhiều hơn sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Chính sự đa

dạng về chủ thể cung cấp và các loại hình, sẽ thúc đẩy hình thành ngày càng đầy đủ, đồng bộ dịch vụ cho PTNN ở TPHCM.

4.2.2.1. Phát huy vai trò dẫn dắt của khu vực nhà nước

Như đã phân tích ở phần nguyên nhân của những hạn chế, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và các dịch vụ liên quan nông nghiệp tiềm ẩn nhiều rủi ro, tỷ suất lợi nhuận trung bình thấp, ít hấp dẫn nhà đầu tư tư nhân hay nước ngoài. Kinh nghiệm từ thành phố Thượng Hải – Trung Quốc và thủ đô Băng-cốc của Thái Lan cũng cho thấy, cần có những doanh nghiệp, đơn vị nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thuộc khu vực nhà nước tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, phát triển bền vững. Chính vì vậy, muốn thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, chắc chắn vẫn cần có sự tham gia mạnh mẽ từ phía khu vực nhà nước.

Trước hết là phát huy vai trò của các cơ quan, đơn vị nhà nước trong việc cung ứng hoặc kết nối cung - cầu đối với các loại hình dịch vụ cho PTNN đô thị, theo hướng hiện đại, bền vững tại TPHCM. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là đơn vị có vai trò đặc biệt quan trọng trong hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các loại hình DVNN. Các đơn vị trực tiếp tham gia như Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản. Tại TPHCM, Khu Nông nghiệp công nghệ cao cũng là đơn vị có đóng góp lớn trong việc hỗ trợ các dịch vụ cho PTNN công nghệ cao như nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; cung ứng giống cây trồng (đặc biệt là rau, quả và hoa) hiệu quả kinh tế cao; ươm tạo doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra cần phát huy vai trò của Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch, Liên minh HTX, Hội Nông dân Thành phố trong việc tạo điều kiện cung ứng hoặc thúc đẩy cung ứng các dịch vụ cho PTNN đô thị, như xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền, phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp, liên kết sản xuất - tiêu thụ, sơ chế, bán hàng, ...

Phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước TPHCM hoạt động trong

lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và dịch vụ liên quan. Chính những doanh nghiệp này sẽ góp phần định hướng PTNN Thành phố theo hướng nông nghiệp đô thị, hiện đại, bền vững, cung ứng các loại hình dịch vụ cho PTNN đô thị. Trong những năm tới, cần phát huy hơn nữa vai trò của các doanh nghiệp tiêu biểu như: Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn (SAGRI), trong cung ứng dịch vụ về giống, kỹ thuật nông nghiệp, chế biến sau thu hoạch, xuất khẩu nông sản ủy thác; Tổng công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA), trong cung ứng dịch vụ kho lạnh, chế biến bảo quản sau thu hoạch, bán hàng; Tổng công ty Du lịch Sài Gòn (Saigon Tourist), trong lĩnh vực du lịch nông nghiệp, thương mại và chế biến thực phẩm.

Sự hoàn thiện các dịch vụ đầu vào và đầu ra, không những thúc đẩy nông nghiệp TPHCM phát triển mà còn phát huy được vai trò đầu tàu, dẫn dắt của Thành phố đối với sự PTNN vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Qua đó đưa TPHCM trở thành trung tâm giống vật nuôi, cây trồng chất lượng cao và trung tâm nghiên cứu, chuyển giao KHCN trong sản xuất nông nghiệp cho toàn vùng. Ngoài ra, nền nông nghiệp hiện tại của TPHCM chỉ đảm bảo cung cấp hơn 20% nhu cầu lương thực, thực phẩm cho Thành phố. Do đó sự phát triển của các dịch vụ về chế biến, bảo quản, bán hàng tại TPHCM còn góp phần tiêu thụ số lượng lớn nông sản cho cả vùng Đông Nam bộ và Tây Nam bộ. Vì vậy, TPHCM cũng là trung tâm về chế biến, bảo quản, tiêu thụ và xuất khẩu hàng nông sản cho cả khu vực. Để hoàn thành nhiệm vụ đặc biệt này, trước hết cần phát huy vai trò của khu vực Nhà nước, mà nòng cốt là các doanh nghiệp nhà nước đang sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tại TPHCM.

4.2.2.2. Thúc đẩy kinh tế tập thể tham gia cung ứng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp

Kinh tế tập thể với những hình thức như tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Tại TPHCM, nhiều HTX ở các huyện ngoại thành như Củ Chi, Cần Giờ, Bình Chánh, Hóc Môn, Nhà Bè và ở cả thành phố Thủ Đức đang hoạt động khá hiệu quả trong việc cung cấp hoặc là cầu nối để cung cấp các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, do tác động bởi tình

hình kinh tế khó khăn, nhiều HTX trong lĩnh vực nông nghiệp và DVNN ngưng hoạt động. Các HTX trong lĩnh vực thương mại cũng chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các doanh nghiệp lớn như Massan với Winmart, Satra với SatraFood, Thế giới di động với Bách hóa xanh. Để phát huy được vai trò của HTX đối với PTNN, nông thôn, đặc biệt cung cấp các dịch vụ cho PTNN đô thị, ứng dụng công nghệ cao, rất cần sự hỗ trợ hơn nữa từ phía Nhà nước. Cả về tiếp cận tín dụng, mặt bằng sản xuất, pháp lý xây dựng công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, KHCN và các hoạt động xúc tiến thương mại.

Phát huy hơn nữa vai trò của các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX tham gia vào các khâu đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp. Như kinh nghiệm của Bang-kok - Thái Lan, các HTX là đầu mối đứng ra vay vốn cho xã viên và được ưu đãi về tiếp cận tín dụng và hỗ trợ lãi suất. TPHCM hoàn toàn có thể phân bổ tín dụng cho các HTX nông nghiệp, từ đó bà con xã viên vay vốn thông qua HXT để được hỗ trợ về lãi suất. HTX và các tổ hợp tác cũng có thể trở thành vệ tinh cho doanh nghiệp lớn, phân phối các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, thu mua, sơ chế, bảo quản các mặt hàng nông sản để cung cấp cho doanh nghiệp. Chính sự phát triển của kinh tế tập thể, mà nòng cốt là HTX, góp phần hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn, với sự tham gia của nhiều hộ nông dân. Qua đó cũng tạo điều kiện thúc đẩy các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nông sản phát triển. HTX Tân Thông Hội ở huyện Củ Chi ban đầu chỉ là đầu mối thu mua sữa bò từ các hộ nông dân, sau đó giao cho doanh nghiệp (Vinamilk). Tuy nhiên, được sự hỗ trợ về vốn vay của Thành phố, say này HTX Tân Thông Hội đã đầu tư nhà máy chế biến sữa bò và phát triển thành thương hiệu sữa bò Củ Chi, có thể bán hàng ra thị trường. HTX Thuận Yến tại Cần Giờ cũng là mô hình tiêu biểu trong tập hợp bà con nông dân cùng nuôi chim yến, có sự hỗ trợ vốn vay, đầu tư máy móc, công nghệ sơ chế, chế biến yến sào, phát triển thành thương hiệu Yến sào Cần Giờ. Rõ ràng kinh tế tập thể có vai trò lớn trong PTNN tại TPHCM, tuy nhiên cần xây dựng và phát triển nhiều mô hình HTX hoạt động có hiệu quả hơn nữa, từ đó PTNN Thành phố theo hướng hiện đại, bền vững.

4.2.2.3. Tạo điều kiện để kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia cung cấp và mở rộng các loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp

Bên cạnh vai trò dẫn dắt, định hướng của khu vực kinh tế nhà nước, TPHCM cũng cần tạo điều kiện để thu hút và phát triển doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ cho PTNN ở Thành phố. Để thu hút không những doanh nghiệp trong nước mà cả doanh nghiệp nước ngoài tham gia đầu tư sản xuất và cung ứng dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao tại TPHCM, cần triển khai nhanh việc mở rộng Khu Nông nghiệp công nghệ cao tại Củ Chi, hoàn thiện các khu nông nghiệp công nghệ cao mới tại Bình Chánh, Cần Giò. Qua đó, có sự chuẩn bị tốt nhất về mặt bằng, hạ tầng kinh tế - kỹ thuật mời gọi nhà đầu tư trong nước và quốc tế đầu tư vào PTNN và các DVNN. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy sự hình thành ngày càng nhiều hơn các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và DVNN.

Do dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN với nhiều hình thức, lĩnh vực. Đầu tư vào dịch vụ cho PTNN nhiều rủi ro, trong khi đó kinh tế tư nhân tự chủ tính toán lợi ích, chi phí, linh hoạt chuyển đổi hình thức, lĩnh vực hoạt động, chắc chắn có những lợi thế rõ ràng khi đầu tư kinh doanh. Tuy nhiên, vẫn phải có nhiều chính sách hấp dẫn mới thu hút tư nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Để được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước và của Thành phố, quá trình ươm tạo doanh nghiệp trong lĩnh vực DVNN cần định hướng để trở thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Với đặc điểm của nông nghiệp đô thị, hiện đại tại TPHCM, lĩnh vực DVNN hoàn toàn có thể phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh sáng tạo, có hiệu quả kinh tế cao. Với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực DVNN, sẽ được hưởng nhiều hơn những cơ chế, chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước, đặc biệt là tiếp cận tín dụng, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, hoàn thiện sản phẩm, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao là chủ trương chung của cả nước. Mặc dù vậy, hiện nay FDI đầu tư vào Việt

Nam trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao chưa nhiều, chủ yếu đến từ Nhật Bản và Hàn Quốc, tập trung vào các lĩnh vực chế biến (cá ngừ), trồng rau, trồng hoa. TPHCM là địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi về hạ tầng kinh tế, KHCN, nhân lực để thu hút FDI vào các lĩnh vực DVNN. Ngoài các dịch vụ về chế biến nông sản, trồng rau quả, trồng hoa, TPHCM cần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để thu hút FDI vào các dịch vụ về giống vật nuôi, cây trồng, dịch vụ KHCN, qua đó có thể đưa TPHCM trở thành trung tâm giống và KHCN trong lĩnh vực nông nghiệp của cả nước và khu vực. Theo đó, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao cần rà soát những khó khăn, vướng mắc, đề xuất UBND tháo gỡ, nhanh chóng mở rộng và xây dựng các dự án mới, chuẩn bị quỹ đất sạch để đón làn sóng đầu tư nước ngoài. Việc xây dựng và phát triển Khu Nông nghiệp công nghệ cao ngành thủy sản tại huyện Cần Giờ và Khu Nông nghiệp công nghệ cao ngành chăn nuôi tại huyện Bình Chánh cần đẩy mạnh nâng cấp hạ tầng đồng bộ cả về điện, nước, giao thông, viễn thông, logistic, ... để các doanh nghiệp đầu tư có thể triển khai sản xuất - kinh doanh ngay sau khi thành lập.

Đẩy mạnh việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất, trang trại, hợp tác xã, đặc biệt thông qua ký kết các hợp đồng. Với lợi thế của các hộ sản xuất tại TPHCM là họ có quyền sử dụng đất, có kinh nghiệm trong việc trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng, đánh bắt thủy sản tại địa phương; còn phía doanh nghiệp với tư duy làm kinh tế nông nghiệp, họ hiểu biết về thị trường, về các yếu tố đầu vào và đầu ra của quá trình sản xuất, vì vậy, liên kết này sẽ phát huy được lợi thế của mỗi bên và thúc đẩy nông nghiệp Thành phố phát triển. Doanh nghiệp có thể hợp tác với các hộ sản xuất, trang trại, hợp tác xã để cung cấp giống, vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi, qui trình kỹ thuật - công nghệ, ... và bao tiêu đầu ra, qua đó sản xuất ra những sản phẩm nông nghiệp đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp cũng như thị trường. Việc liên kết giúp người nông dân sản xuất ra những sản phẩm nông nghiệp chất lượng, an toàn và ổn định đầu ra; nó cũng giúp doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định, đảm bảo về tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ

cho việc chế biến, xuất khẩu. Như vậy, thúc đẩy các mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp sẽ góp phần làm cho sản xuất nông nghiệp và các DVNN được gắn kết chặt chẽ hơn, phát triển kinh tế nông nghiệp TPHCM theo hướng hiện đại, bền vững.

Phát huy những lợi thế về kinh tế - xã hội, TPHCM có thể quan tâm phát triển các loại dịch vụ như dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp, dịch vụ chăm sóc thú cưng. Khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp. Xây dựng, triển khai các chương trình hành động nâng cao nhận thức của người sản xuất nông nghiệp về lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp trong việc bù đắp thiệt hại do các rủi ro xảy ra bởi thiên tai, dịch bệnh. Khuyến khích các hộ nông dân tham gia vào HTX, tổ hợp tác để cùng tham gia bảo hiểm nông nghiệp theo nhóm. Sự phát triển về kinh tế - xã hội, kéo theo nhu cầu nuôi thú cưng của người dân TPHCM ngày một tăng cao. Đây chính là cơ sở để phát triển các loại hình dịch vụ liên quan đến nuôi dưỡng, chăm sóc thú cưng, đặc biệt là các loại hình dịch vụ chất lượng cao. Từ cung cấp giống vật nuôi làm thú cưng, cung cấp thức ăn, vật dụng, thiết bị liên quan, đến các dịch vụ chăm sóc, khám chữa bệnh,... Phát triển các dịch vụ phục vụ chăn nuôi thú cưng chắc chắn sẽ có những đóng góp đáng kể vào giá trị gia tăng trong lĩnh vực DVNN đô thị.

4.2.3. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Chất lượng dịch vụ cho PTNN được thể hiện ở sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ, cùng với đó là kết quả đạt được trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Các loại hình dịch vụ cho PTNN có chất lượng (giá trị sử dụng tốt), sẽ có được sự tin dùng của người sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, qua đó ngày càng phát triển. Chính sự phát triển của các đơn vị cung cấp DVNN, góp phần tích cực thúc đẩy nền nông nghiệp đô thị TPHCM phát triển theo hướng hiện đại, bền vững. Do vậy, để thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, các cơ sở, đơn vị cung cấp dịch vụ phải nỗ lực, không ngừng cải tiến, đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp an toàn, hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công

nghệ cao tại khu vực đô thị.

Qua khảo sát về chất lượng các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM từ sự đánh giá của người sử dụng dịch vụ, theo mô hình RATER, về cơ bản người sử dụng hài lòng với các dịch vụ đang được cung cấp với điểm trung bình chung đạt 3,626 (trên 5 điểm). Trong đó, khía cạnh về trách nhiệm của dịch vụ, điểm trung bình có giá trị cao nhất (3,66), và khía cạnh về điều kiện cơ sở vật chất của dịch vụ, điểm trung bình có giá trị thấp nhất (3,60).

Như vậy, không có khía cạnh nào về chất lượng dịch vụ mà điểm trung bình có giá trị từ 4 trở lên (chỉ từ 3,60 đến 3,63), có nghĩa rằng chất lượng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM chưa thực sự cao. Mặt khác, trong các khía cạnh đánh giá về chất lượng dịch vụ cho PTNN, vẫn có những phiếu đánh giá ở mức rất không hài lòng. Điều đó cho thấy, trong quá trình triển khai và cung cấp các dịch vụ cho PTNN ở Thành phố, vẫn có những hạn chế, bất cập nhất định, khiến cho còn một số người dùng không hài lòng hoặc rất không hài lòng về chất lượng dịch vụ. Do đó, để nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM trong những năm tới, cần có những giải pháp cụ thể, tác động tới các khía cạnh của chất lượng dịch vụ.

Thứ nhất, cần chú trọng công tác bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng của nhân viên trong các đơn vị cung ứng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM. Cả nhân viên trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, và nhân viên trong các doanh nghiệp, HTX, cơ sở cung ứng DVNN. Trình độ chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống và cả thái độ phục vụ của người làm dịch vụ ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng dịch vụ đó. Trong kết quả khảo sát, ở khía cạnh về tính chuyên nghiệp của dịch vụ, kỹ năng tiếp nhận và xử lý vấn đề liên quan đến dịch vụ cung cấp đảm bảo tốt, điểm số trung bình có giá trị thấp nhất (3,55); đối với khía cạnh về cơ sở vật chất kỹ thuật của dịch vụ, người sử dụng dịch vụ không đánh giá cao khả năng vận hành và thao tác thiết bị của nhân viên (3,55); về chăm sóc khách hàng, nhân viên định kỳ quan tâm, thu thập thông tin khách hàng cũng có điểm số trung bình thấp nhất (3,57). Như vậy, rõ ràng để nâng cao chất lượng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, trước hết cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ, kỹ năng cho nhân viên trong lĩnh vực này, đặc biệt là các nhân viên tham gia tư vấn và thực hiện dịch vụ.

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng KHCN, chuyển đổi số, cải thiện điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị cung ứng dịch vụ cho PTNN. Trong các khía cạnh đánh giá về chất lượng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, điểm số trung bình về điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật của dịch vụ có giá trị trung bình thấp nhất (3,60). Chắc chắn, để nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ, hạ thấp giá thành, các đơn vị cung ứng cần phải đẩy mạnh ứng dụng KHCN, chuyển đổi số. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, hình thành hệ thống dữ liệu lớn về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại TPHCM, chắc chắn mang đến hiệu quả cao hơn cho dịch vụ khuyến nông, ương tạo doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, giới thiệu và bán sản phẩm, du lịch nông nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu KHCN, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm sẽ mang đến chất lượng, hiệu quả cao hơn cho các dịch vụ như: cung ứng giống; chế biến và bảo quản sau thu hoạch. Bên cạnh đó, việc đầu tư máy móc, trang thiết bị, công nghệ hiện đại, góp phần phát triển dịch vụ KHCN. Qua đó, đẩy mạnh chuyển giao, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với chi phí hợp lý, chất lượng tốt, hiệu quả cao.

Thứ ba, huy động thêm vốn, mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ cho PTNN. Với quy mô vốn ít, phạm vi hoạt động hẹp, không cho phép các đơn vị cung ứng dịch vụ phát triển nhân lực hay đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, chắc chắn cần hình thành những doanh nghiệp lớn, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ về giống, về KHCN, về xúc tiến thương mại và bán hàng, cả về chế biến, bảo quản sau thu hoạch (kho lạnh, logistic). Tuy nhiên, khi đẩy mạnh huy động vốn, mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ cho PTNN, sẽ không chỉ đáp ứng yêu cầu PTNN đô thị tại TPHCM, mà mở rộng thị trường cung ứng tới các tỉnh, thành phố trong cả nước và xuất khẩu. Đưa TPHCM trở thành trung tâm về DVNN, đặc biệt là các lĩnh vực có thế mạnh. Phát huy vai trò đầu tàu, dẫn dắt trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp đối với khu vực miền Đông và Tây Nam bộ. Vừa là nơi cung cấp giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao cho các tỉnh, vừa cung cấp các giải pháp về kỹ thuật, công nghệ, các mô

hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần hiện đại hóa nền nông nghiệp khu vực, đồng thời cũng là nơi tập trung các đơn vị chế biến sâu, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản tới nhiều nơi trên thế giới thông qua hệ thống đa dạng các loại cảng, đường bộ, đường thủy, đường không.

Thứ tư, phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN đô thị theo hướng hiện đại, bền vững. Trong những năm tới, Thành phố cần Tập dụng những cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 đã được ban hành, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, triển khai các dự án phục vụ cho PTNN, nông thôn. Phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, đầu tư hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy lợi, công trình bảo vệ, kiểm soát nguồn nước, cấp, trữ nước, chuyển nước trên địa bàn Thành phố. Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, cả đường bộ và đường thủy, thuận lợi cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa. Phát triển hệ thống hạ tầng logistics đáp ứng yêu cầu của việc chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ/xuất khẩu nông sản. Đặc biệt cần quan tâm và đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống hạ tầng kết nối giữa các khu vực sản xuất và chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản; kết nối giữa các khu nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Củ Chi, Bình Chánh và Cần Giờ.

KẾT LUẬN

Nông nghiệp đô thị là xu hướng đang diễn ra trên toàn thế giới hiện nay, đặc biệt tại các đô thị lớn, đông dân. Phát triển kinh tế nông nghiệp tại thành phố không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế, mà còn lợi ích về xã hội, về môi trường và góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho các đô thị. Thúc đẩy hình thành đầy đủ và đồng bộ các loại hình dịch vụ, hỗ trợ từ việc khởi nghiệp, sản xuất - kinh doanh, xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và bán hàng, là điều kiện quan trọng ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của nông nghiệp đô thị. Để nghiên cứu, đánh giá thực trạng và xây dựng giải pháp thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, luận án đã tổng quan nhiều nghiên cứu trong nước và quốc tế, qua đó xây dựng khung lý luận nghiên cứu. Trên cơ sở khái niệm, phân loại, đặc điểm và vai trò của dịch vụ cho PTNN, luận án xác định nội dung của dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, tập trung vào 08 loại hình dịch vụ, chia làm 02 nhóm - đầu vào và đầu ra. Qua đó xây dựng tiêu chí đánh giá và phân tích nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

Qua phân tích, đánh giá thực trạng, dịch vụ cho PTNN ở TPHCM trong những năm qua đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện hơn. Với đa dạng các loại hình dịch vụ đầu vào và đầu ra đã thúc đẩy nền nông nghiệp TPHCM bước đầu phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững. Nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ra đời, năng suất, chất lượng và cả hiệu quả sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp có những cải thiện. Sự hình thành của các loại hình dịch vụ cũng góp phần làm cho quá trình tái sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp tại TPHCM cơ bản được diễn ra hài hòa, thông suốt. Qua đó góp phần tạo việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân Thành phố, tạo mảng xanh, giảm phát thải carbon, bảo vệ môi trường, đồng thời cũng tạo điều kiện để người tiêu dùng có thể tiếp cận và sử dụng đa dạng các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, an toàn và tươi ngon.

Tuy nhiên, các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa hỗ trợ mạnh mẽ cho nông nghiệp Thành phố phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, chưa phát huy rõ nét vai trò dẫn dắt của đầu tàu kinh tế TPHCM

trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ cho PTNN. Trong mấy năm gần đây, số lượng đơn vị cung cấp dịch vụ cho PTNN tại Thành phố có xu hướng giảm trong một số lĩnh vực; chất lượng nhiều loại hình dịch vụ chưa cao và không đồng đều; tác động của các loại hình dịch vụ tới kết quả sản xuất nông nghiệp chưa lớn; nhiều cơ sở sản xuất, hộ nông dân vẫn còn khó khăn trong tiếp cận các loại hình dịch vụ; trong mỗi khâu của quá trình tái sản xuất cần được hỗ trợ về dịch vụ nhiều hơn để được thông suốt và không ngừng phát triển.

Từ bối cảnh tác động và xu hướng phát triển DVNN tại khu vực đô thị trên thế giới hiện nay, trên cơ sở thực trạng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, luận án đã xây dựng sáu quan điểm mang tính định hướng: *thứ nhất*, dịch vụ cho PTNN phải thúc đẩy mạnh mẽ việc hình thành nền nông nghiệp đô thị hiện đại của Thành phố, đồng thời thúc đẩy nông nghiệp vùng và cả nước phát triển; *thứ hai*, xây dựng và triển khai có hiệu quả những chính sách hỗ trợ các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM; *thứ ba*, tập trung ưu tiên, tạo điều kiện hỗ trợ về nhiều mặt nhằm đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ cho PTNN Thành phố; *thứ tư*, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; *thứ năm*, phát huy thế mạnh của TPHCM, thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ cho quá trình lưu thông sản phẩm nông nghiệp cho Thành phố và cả khu vực Nam bộ; *thứ sáu*, gắn kết PTNN đô thị với dịch vụ du lịch, giải trí. Luận án đề xuất và phân tích ba nhóm giải pháp nhằm tiếp tục thúc đẩy đồng bộ các loại hình dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN Thành phố, đó là: một là, nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách của Nhà nước để thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM; hai là, nhóm giải pháp về đa dạng hóa các chủ thể, loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM; ba là, nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Kiều Anh Vũ (2023), “Cung ứng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp: kinh nghiệm của một số quốc gia và bài học cho Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, kỳ 1, tháng 8, số 245, tr.92-96.
2. Kiều Anh Vũ (2023), “Vai trò của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, kỳ 2, tháng 12, số 254, tr.81-84.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

*

A. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Phan Chí Anh, Nguyễn Thu Hà và Nguyễn Huệ Minh (2013), “Nghiên cứu các mô hình đánh giá chất lượng dịch vụ”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh*, 29 (1), tr.11-22.
2. Phan Tuấn Anh (2018), “Vai trò và một số mô hình phát triển nông nghiệp đô thị trên thế giới”, *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, (7), tr.1-15.
3. Bùi Tuấn Anh (2017), *Ảnh hưởng của tín dụng ngân hàng và tín dụng thương mại đến tăng trưởng và hiệu quả của các doanh nghiệp nông nghiệp ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế nông nghiệp, Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
4. Hoàng Thị Ngọc Ánh (2016), “Bàn về hiệu quả kinh tế phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng bền vững”, tại trang <https://tapchitaichinh.vn/ngghien-cuu-trao-doi/trao-doi-binh-luan/ban-ve-hieu-qua-kinh-te-phat-trien-nong-nghiep-do-thi-theo-huong-ben-vung-106936.html> , [truy cập ngày 20/7/2022].
5. Phan Hoàng Ân và Diệp Tân Toàn (2023), “Chăn nuôi bò sữa công nghệ cao tại Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản”, tại trang <https://trungtamgctvnts.com.vn/chan-nuoi-bo-sua-cong-nghe-cao-tai-trung-tam-giong-cay-trong-va-thuy-san> , [truy cập ngày 10/6/2023].
6. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao (2016), *Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016*, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện giữa kỳ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Vũ Thị Bắc (2019), “Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Sư phạm Hà Nội*, (8), tr.142-152.

9. Thái Bình (2016), “Trung Quốc đầu tư 450 tỷ USD hiện đại hóa nông nghiệp”, Thời báo VTV, tại trang <https://vtv.vn/the-gioi/trung-quoc-dau-tu-450-ty-usd-hien-dai-hoa-nong-nghiep-20160922163741365.htm> , [truy cập ngày 31/1/2024].
10. Phạm Thị Thanh Bình (2013), “Phát triển nông nghiệp Đài Loan: tiến trình phát triển và nhân tố tác động”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, (2), tr.197-208.
11. Phạm Thị Thanh Bình (2022), “Chính sách phát triển nông nghiệp Thái Lan và một số gợi ý tham chiếu cho Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản online*, tại trang <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/825406/chinh-sach-phat-trien-nong-nghiep-thai-lan-va-mot-so-goi-y-tham-chieu-cho-viet-nam.aspx> , [truy cập ngày 20/5/2023].
12. Nguyễn Thế Bình (2014), “Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp đô thị ở Đài Loan”, Thông tin cập nhật của Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, tại trang <http://iasvn.org/homepage/Kinh-nghiem-phat-trien-nong-nghiep-do-thi-o-Dai-Loan-5231.html>, [truy cập ngày 28/7/2022].
13. Bộ Khoa học và Công nghệ (1999), *Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 8402 Quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng - Thuật ngữ và định nghĩa*, Hà Nội.
14. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2022), *Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ khuyến nông cộng đồng*, Hà Nội.
15. “Các trang trại thẳng đứng đáng chú ý trên thế giới” , tại trang <https://tienphong.vn/cac-trang-trai-thang-dung-dang-chu-y-tren-the-gioi-post999228.tpo> [truy cập ngày 10/6/2023].
16. Nguyễn Minh Châu (2021), “Ước tính doanh thu, chi phí, lợi nhuận tại cơ sở chế biến nước ép xoài, Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang”, *Tạp chí Công thương*, (9), tr. 326-331.
17. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Hà Nội (2019), *Báo cáo Kết quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm*

nông lâm thủy sản năm 2018, Hà Nội.

18. Chính phủ (2018), *Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về Khuyến nông*.
19. “Công thông tin điện tử thành phố Cần Thơ”, tại trang <https://www.cantho.gov.vn> , [truy cập ngày 1/6/2023].
20. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019*, Nhà xuất bản Thống kê, Tp. Hồ Chí Minh.
21. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021*, Nhà xuất bản Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
22. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022*, Nhà xuất bản Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
23. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023*, Tp. Hồ Chí Minh.
24. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2022), “Tình hình kinh tế -xã hội quý IV và năm 2022”, tại trang <http://www.thongkecantho.gov.vn/newsdetail.aspx?id=12768&tid=2> , [truy cập ngày 10/6/2023].
25. Cục Thống kê Thượng Hải (2019), *Bản tin thống kê về phát triển kinh tế - xã hội Thượng Hải*, tại trang <https://web.archive.org/web/20190502183918/http://www.stats-sh.gov.cn/html/sjfb/201903/1003219.html> , [truy cập ngày 02/6/2023].
26. Nam Dương (2023), “*Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục dẫn đầu xếp hạng chỉ số thương mại điện tử Việt Nam*”, tại trang <https://doanhnghieptiepthi.vn/tp-ho-chi-minh-tiep-tuc-dan-dau-xep-hang-chi-so-thuong-mai-dien-tu-viet-nam-161230418201720132.htm> , [truy cập ngày 18/6/2023].
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, tập 1+2.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Nghị quyết số 19 - Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
31. Đảng bộ Thành phố Hà Nội (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII*, tại trang <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Chinh-tri/980767/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-lan-thu-xvii-dang-bo-thanh-pho-ha-noi> , [truy cập ngày 5/6/2023].
32. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ X*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
33. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XI*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
34. Minh Đức và Tuấn Anh (2019), “Bangkok tiếp tục là điểm du lịch hút khách nhất thế giới”, *Báo Nhân dân*, tại trang <https://nhandan.vn/bangkok-tiep-tuc-la-diem-du-lich-hut-khach-nhat-the-gioi-post370708.html> , [truy cập ngày 20/5/2023].
35. Đỗ Thị Thu Hà và Lê Thị Tuyết Nhung (2023), “Nghiên cứu, hoàn thiện nguồn thông tin và phương pháp tính giá trị sản xuất hoạt động dịch vụ nông nghiệp”, *Tạp chí Con số sự kiện*, (kỳ II-tháng 4), tr.38-40.
36. Nguyễn Thị Hà (2019), “Phát triển du lịch nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Châu Á - Thái Bình Dương*, (tháng 5), tr.42-44.
37. Trần Minh Hải (2022), “Tham khảo một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp tại Thái Lan”, *Báo Nông nghiệp Việt Nam*, tại trang <https://nongnghiep.vn/6-chinh-sach-phat-trien-htx-nong-nghiep-o-thai-lan-rat-dang-hoc-tap-d325750.html> , [truy cập ngày 20/5/2023].
38. Tăng Thị Hằng và Vũ Tam Hòa (2020), “Hiệu quả từ chính sách hỗ trợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số vùng chuyên canh của tỉnh Hải Dương”, *Tạp chí Châu Á - Thái Bình Dương*, (568), tr. 88-90.
39. Hồ Quế Hậu (2012), *Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

40. HĐND Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.
41. Hoàng Triều Hoa (2022), “Phát triển nông nghiệp đô thị ở một số quốc gia trên thế giới và gợi ý cho Việt Nam”, <https://kinhtevadubao.vn/phat-trien-nong-nghiep-do-thi-o-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-va-goi-y-cho-viet-nam-21233.html> , truy cập ngày 20/7/2022.
42. Nguyễn Công Hoàn và Hà Thị Vân Khanh (2019), “Nghiên cứu mô hình chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch nông nghiệp tại làng bưởi Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai” , *Tạp chí Công thương*, (11), tr. 204-209.
43. Đinh Phi Hổ (2003), *Kinh tế nông nghiệp - lý thuyết và thực tiễn*, NXB. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
44. Cao Huân (2023), “Đưa vào vận hành nhà máy giết mổ gia súc quy mô lớn hàng đầu cả nước”, tại trang <https://laodong.vn/xa-hoi/dua-vao-van-hanh-nha-may-giet-mo-gia-suc-quy-mo-lon-hang-dau-ca-nuoc-1172702.ldo> , [truy cập ngày 20/3/2024].
45. Đoàn Thị Thu Hương (2020), “Một số chính sách và giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Công Thương*, (29+30), tr.110-115.
46. Vũ Thị Mai Hương (2014), *Nghiên cứu sự phát triển nông nghiệp đô thị ở Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Lịch sử địa lý, Đại học Sư phạm Hà Nội.
47. Lê Thu Hường (2018), “Hoàn thiện hệ thống chính sách nhằm thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An”, *Tạp chí Châu Á - Thái Bình Dương*, (12).
48. Lê Tất Khương và Trần Anh Tuấn (2012), “Vai trò của doanh nghiệp trong ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp”, *Tạp chí Hoạt động Khoa học*, (tháng 2), tr.25-27.
49. Phí Văn Kỳ (2015), “Một số vấn đề về hoàn thiện chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nông nghiệp”, *Tạp chí khoa học Phát triển nông thôn Việt Nam*, (18), tr.37-38.

50. Đặng Lãm (2015), “Quả ngọt từ nông nghiệp đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh”, tại trang <https://tphcm.chinhphu.vn/quangot-tu-nong-nghiep-do-thi-tai-tphcm>, [truy cập ngày 25/8/2021].
51. Phương Lan (2016), “Nông nghiệp trong đô thị”, *Tạp chí Thông tin Khoa học công nghệ*, (3), tr.43-46.
52. Nguyễn Văn Lân (2015), “Phát triển dịch vụ nông nghiệp ở ngoại thành Hà Nội”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (2), tr. 54-55.
53. Phạm Thị Minh Lý, Lê Đức Nhã và Phạm Tiến Thành (2018), “Chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: nghiên cứu trường hợp tỉnh Gia Lai”, *Tạp chí Phát triển bền vững Vùng*, quyển 8, (2), tr.109-120.
54. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 24, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 25 - phần I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 25 - Phần II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Nguyễn Duy Mậu (2016), “Tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Tây Nguyên - Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Phi*, (2), tr. 49-54.
59. Mai Văn Nam và Hoàng Phương Đài (2012), “Giải pháp phát triển dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nông nghiệp ở thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (22b), tr.242-254.
60. Nguyễn Thành Nam (2020), *Môn học về Thành phố Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
61. Ngô Tuấn Nghĩa (2017), “Tháo gỡ một số rào cản trong phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, (23), tr. 15-20.
62. Vũ Minh Nhật (2011), “Havana - Cảm hứng về một nền nông nghiệp đô thị đích thực”, *Tạp chí Quy hoạch đô thị*, (11).
63. Nguyễn Thị Kim Nhung (2023), “Giải pháp phát triển “du lịch nông nghiệp” trong bối cảnh chuyển đổi số tại thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí Công*

- thương*, tại trang <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-phat-trien-du-lich-nong-nghiep-trong-boi-can-h-chuyen-doi-so-tai-thanh-pho-can-tho-105033.htm> , [truy cập ngày 12/6/2023].
64. “Nông nghiệp Hà Nội năm 2022 tăng trưởng ấn tượng”, *Báo Kinh tế & Đô thị*, tại trang <https://kinhtedothi.vn/nong-nghiep-ha-noi-nam-2022-tang-truong-an-tuong.html> , [truy cập ngày 3/6/2023].
65. “Phát triển bền vững nghề nuôi yến tại Thành phố Hồ Chí Minh”, tại trang <https://dost.hochiminhcity.gov.vn/hoat-dong-so-khcn/phat-trien-ben-vung-nghe-nuoi-yen-tai-tphcm/> , [truy cập ngày 10/3/2024].
66. “Phát triển hệ thống y tế chuyên sâu tại Thành phố Hồ Chí Minh”, tại trang <https://tphcm.dangcongsan.vn/tin-tuc/phat-trien-he-thong-y-te-chuyen-sau-tai-tp-ho-chi-minh-602375.html> , [truy cập ngày 14/6/2023].
67. Hoàng Phê (2005), *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
68. Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu (2010), *Chính sách hỗ trợ của Nhà nước ta đối với nông dân trong điều kiện hội nhập WTO*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Lê Phương (2020), *Liên kết doanh nghiệp và nông dân ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ Kinh tế phát triển, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
70. Hoàng Vũ Quang và Vũ Trọng Bình (2017), “Chỉ số chất lượng dịch vụ công nông nghiệp nông thôn dựa trên phản hồi của người sử dụng dịch vụ”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (241), tr. 59-67.
71. Quốc Hội (2012), *Luật Giá năm 2012 số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012*, Hà Nội.
72. Lê Thị Tố Quyên (2018), “Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch tại thành phố Bangkok, Thái Lan”, *Tạp chí Khoa học Đại học Cửu Long*, số 9, tr.45-56.
73. Thái Quỳnh (2022), “So sánh GRDP Hà Nội và thủ đô các nước lớn ở Đông Nam Á”, *Tạp chí điện tử Nhịp sống thị trường*, tại trang <https://markettimes.vn/so-sanh-grdp-ha-noi-va-thu-do-cac-nuoc-lon-o-dong-nam-a-4769.html> , [truy cập ngày 20/5/2023].

74. Klaus Schwab (2018), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
75. Adam Smith (1997), *Của cải của các dân tộc* (dịch giả Đỗ Trọng Hợp), Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
76. Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh (2024), *Báo cáo số liệu cơ bản của ngành Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh 2016 - 2023*, Thành phố Hồ Chí Minh.
77. Sở NN&PTNT Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Báo cáo Tổng kết tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2020 đánh giá thực hiện giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021, giai đoạn 2021 - 2025*, Thành phố Hồ Chí Minh.
78. Sở NN&PTNT Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Báo cáo Ước kết quả thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành, sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2022 và kế hoạch năm 2023*, Thành phố Hồ Chí Minh.
79. Sở NN&PTNT Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Báo cáo Tổng kết ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024*, Thành phố Hồ Chí Minh.
80. Sở NN&PTNT Thành phố Hồ Chí Minh (2024), *Báo cáo Ước kết quả thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành tình hình sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2024 và kế hoạch năm 2025*, Thành phố Hồ Chí Minh.
81. Cao Tân (2023), “*Thành phố Hồ Chí Minh hướng đến nền nông nghiệp hiện đại*”, tại trang <https://nhandan.vn/thanh-pho-ho-chi-minh-huong-den-nen-nong-nghiep-hien-dai-post764927.html> , [truy cập ngày 20/6/2023].
82. Nguyễn Thị Thanh (2020), “*Chất lượng dịch vụ công phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng*”, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, (5), tr. 378-389.
83. Thành phố Hồ Chí Minh (2011), “*Điều kiện tự nhiên*”, tại trang <https://hochiminhcity.gov.vn/dieu-kien-tu-nhien> [truy cập ngày 15/6/2023].
84. Tiến Thành (2017), “*Tiếp sức cho nông sản sạch*”, tại trang <https://www.pvcfc.com.vn/dong-hanh-cung-nha-nong/thong-tin-thoi-vu-thi-truong/tiep-suc-cho-nong-san-sach> [truy cập ngày 10/3/2024]

85. Ngọc Thảo (2021), “Công nghiệp Cần Thơ: Động lực tăng trưởng vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, *Báo Công Thương*, tại trang <https://congthuong.vn/cong-nghiep-can-tho-dong-luc-tang-truong-vung-dong-bang-song-cuu-long-156077.html> , [truy cập ngày 4/6/2023].
86. Hồng Thắm (2023), “Năm 2022, Cần Thơ bứt phá, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất từ trước đến nay”, *Báo Kinh tế & Đô thị*, tại trang <https://kinhtedothi.vn/can-tho-but-pha-toc-do-tang-truong-kinh-te-cao-nhat-tu-truoc-den-nay.html> , [truy cập ngày 31/5/2023].
87. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*, Hà Nội.
88. Tổng cục Thống kê (2022), *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
89. Tổng cục Thống kê (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2022*, tại trang <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2022/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022/>, [truy cập ngày 19/5/2023].
90. Tổng cục Thống kê (2024), *Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp đang hoạt động*, tại trang <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0540&theme=Doanh%20nghi%E1%BB%87p> , [truy cập ngày 20/3/2024].
91. Đoàn Xuân Thủy (2011), *Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
92. Tô Thị Thùy Trang, Trần Văn Đức và Nguyễn Thành Công (2019), “Giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, (6), tr.26-36.
93. Trần Trọng Triết, (2014), “Cần chính sách đột phá về đất đai để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp”, *Tạp chí Nông thôn mới*, (tháng 7).
94. Khánh Trung (2023), “Cần Thơ thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp”, *Báo Cần Thơ online*, tại trang <https://baocantho.com.vn/can-tho-thuc-hien-chuyen-doi-so-trong-nong-nghiep-a155181.html> , [truy cập ngày 12/6/2023].

95. Bùi Thanh Tuấn (2018), *Phát triển nông nghiệp ở các huyện ngoại thành Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Kinh tế phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
96. Lê Thanh Tùng (2018), “Phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, (tháng 10), tr.89-95.
97. Tạ Văn Tường và Đỗ Kim Chung (2019), “Giải pháp cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, (17), tr. 256-269.
98. UBND thành phố Hà Nội (2012), *Quyết định số 5058/QĐ-UBND, ngày 05/11/2012 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
99. UBND thành phố Hà Nội (2018), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
100. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Chương trình Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025*, Thành phố Hồ Chí Minh.
101. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Chương trình Mục tiêu phát triển giống cây, giống con chất lượng cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.
102. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2021), *Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2020 - 2030*, Thành phố Hồ Chí Minh.
103. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Chương trình xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp và sản phẩm OCCOP trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025*, Thành phố Hồ Chí Minh.
104. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Đề án phát triển làng nghề mai vàng xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng*, Thành phố Hồ Chí Minh.
105. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Đề án bảo tồn và phát triển nghề*,

làng nghề truyền thống Muối tại huyện Cần Giờ gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng, Thành phố Hồ Chí Minh.

106. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Chương trình Phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Thành phố Hồ Chí Minh.
107. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp - hợp tác xã trong tháo gỡ khó khăn về vốn cho các hợp tác xã, hỗ trợ các hợp tác xã tiếp cận các khoản vay ưu đãi theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*, Thành phố Hồ Chí Minh.
108. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Đề án Nâng cao đời sống kinh tế của nông dân gắn với hoạt động du lịch nông nghiệp, phát triển nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025*, Thành phố Hồ Chí Minh.
109. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2024), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Thành phố Hồ Chí Minh.
110. Châu Phương Uyên (2018), “Phát triển du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế trường Đại học Tây đô*, (4), tr. 46-56.
111. Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh, tại trang <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/default.aspx> , [truy cập ngày 20/6/2023]
112. Hồ Cao Việt (2013), “Cơ sở khoa học của các hình thái phát triển nông nghiệp đô thị và vận dụng cho Đồng bằng sông Cửu Long”, *Khoa học - công nghệ trong phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.98-114.
113. Kiều Anh Vũ (2023), “Cung ứng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp: kinh nghiệm một số quốc gia và bài học cho Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí*

Nghiên cứu tài chính kế toán, (245), tr. 92-96.

114. Kiều Anh Vũ (2023), “Vai trò của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố”, *Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán*, (254), tr. 81-84.
115. Đào Anh Xuân (2021), “Sản xuất theo chuỗi giá trị: hướng phát triển mới cho hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên”, *Tạp chí Công thương*, (9), tr. 98-103.
116. Trần Thị Thanh Xuân (2020), “Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh ở tỉnh Bắc Ninh”, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
117. Đỗ Thị Thúy Yên, Trần Ngọc Hoa và Nguyễn Thị Minh Thư (2020), “Phát triển nông nghiệp đô thị thông minh tại thành phố Hồ Chí Minh”, *Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam - Kinh nghiệm các quốc gia châu Á*, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Kinh tế-Luật, TP. Hồ Chí Minh.

B. Tài liệu tham khảo tiếng Anh:

118. Bommarco, Riccardo (2018), Exploiting ecosystem services in agriculture for increased food security, *Global Food Security*, 17, pp. 57-63.
119. Brenda B. Lin, Stacy M. Philpott and Shalene Jha (2015), “The future of urban agriculture and biodiversity-ecosystem services: Challenges and next steps”, *Basic and Applied Ecology*, 16 (3), pp. 189-201.
120. Cao, Bingxue and Li, Jin (2024), “Effect of digitalization on the income of urban leisure agriculture: an empirical study based on the survey data of 8 cities in China”, *Chinese Journal of Eco-Agriculture*, vol 32 (6), pp. 957-969.
121. Dang Ding, Pingyang Liu and Neil Ravenscroft (2018), “The new urban agricultural geography of Shanghai”, *Geoforum*, Vol 90, pages 74-83.
122. D’Agostino, A., & Ward-Warmedinger, R. S. (2006, May), “Sectoral Explanations of Employment in Europe: The Role of Services”, *Working Paper Series No.625*.

123. Fa Likitswat (2021), “Urban Farming: Opportunities and Challenges of Developing Greenhouse Business in Bangkok Metropolitan Region”, *Future Cities and Environment*, 7 (8), DOI: 10.5334/fce.118.
124. Fred T. Davies and Banning Garrett (2018), “Technology for Sustainable Urban Food Ecosystems in the Developing World: Strengthening the Nexus of Food-Water-Energy-Nutrition”. *Frontier Sustainable Food Systems*, <https://www.frontiersin.org/articles/10.3389/fsufs.2018.00084/full> .
125. Ghany and Salam (2012), “Measuring service quality of agricultural extension centers in Assiut governorate using SERVPERF Scale”, *Journal of Agricultural Economics and Social Sciences*, vol 11(3), page: 1579-1569.
126. Gocs K. (2016), *Report about Innovative Distribution Network of Organic Products in Latvia: Agricultural Service Cooperative Society “Zaļais grozs”*, International Federation of Organic Agriculture Movements, Switzerland.
127. HKTDC Research (2022), *Shanghai: Market Profile*, tại trang <https://research.hktdc.com/en/data-and-profiles/mcpc/municipalities/shanghai> , [truy cập ngày 6/6/2023].
128. Herve, S. C. and partners (2021), “Agricultural services on the demand and supply for improving agricultural productivity in Benin”, *Journal of Development and Agricultural Economics*, Vol 13(3), pp. 227-237.
129. Hnin Ei Win (2016), “Crop insurance in Thailand”, *FFTC Agricultural Policy Platform*, tại trang <https://ap.ffc.org.tw/author/2059?page=0%2C1> , [truy cập ngày 24/5/2023].
130. Jianyun Nie, Akira Kiminami and Hironori Yagi (2022), “Exploring the Sustainability of Urban Leisure Agriculture in Shanghai”, *Sustainability*, tại trang <https://www.mdpi.com/2071-1050/14/8/4813> , [truy cập ngày 20/5/2023].
131. Kanang Kantamaturapoj and Alan Marshall (2020), “Providing organic food to urban consumers: case studies of supermarkets in Bangkok and metropolitan area”, *Heliyon*, tại trang

<https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2405844020308471>,
[truy cập ngày 06/8/2024].

132. Kazuaki Tsuchiya, Yuri Hara and Danai Thaitakoo (2015), “Linking food and land systems for sustainable peri-urban agriculture in Bangkok Metropolitan Region”, *Landscape and Urban Planning*, 143 (2), page 192-204.
133. Leonie J. Pearson, Linda Pearson and Craig J. Pearson (2010), “Sustainable urban agriculture: stocktake and opportunities”, *International Journal of Agricultural Sustainability*, (8:1-2), page. 7-19.
134. Mamun, Gao & Alam (2018), “Service quality of public and private agricultural extension service providers in Bangladesh”, *Journal of Agricultural Extension*, vol 22 (2), page. 147-160.
135. Miguel A. Antieri and partners (1999), “The greening of the “barrios”: Urban agriculture for food security in Cuba”, *Agriculture and Human Values: Journal of the Agriculture, Food, and Human Values Society*, Vol 16(2), page 131-140.
136. Mohsen, F and partners (2019), “Technology-Driven Transition in Urban Food Production Practices: A Case Study of Shanghai”, *Sustainability*, 11 (21), DOI: 10.3390/su11216070.
137. Natrajan, S. (2021), “*Urban Agriculture, Food Security and Sustainable Urban Food Systems in China*”, tại trang https://www.researchgate.net/publication/353040478_Urban_Agriculture_Food_Security_and_Sustainable_Urban_Food_Systems_in_China, [truy cập ngày 29/7/2022].
138. Nugent, R (2000), “The Impact of Urban Agriculture on the Household and Local Economies”, in N.Baker, M.Dubbeling, S.Grundel, U.Sabel-Koschella and H.de Zeeuw (eds) *Growing Cities, Growing Food*. DSA: Eurasburg, pp. 67-97.
139. Orsini, F. and partners (2013), “Urban agriculture in the developing world: a review”, *Agronomy for Sustainable Development: Official journal of the*

National Institute of Agronomic Research, Vol 33(4), page 695-720.

140. O’Sullivan, C. A and partners (2019), “Strategies to improve the productivity, product diversity and profitability of urban agriculture”, *Agriculture System*, Vol 174, page. 133-144.
141. Rodrigues, A. P. (2021, May 3), “Singapore show what serious urban farming looks like”, tại trang <https://nextcity.org/urbanist-news/singapore-shows-what-serious-urban-farming-looks-like> [truy cập ngày 20/6/2023].
142. Scott M. Swinton and partners (2007), “Ecosystem services and agriculture: Cultivating agricultural ecosystems for diverse benefits”, *Ecological Economics*, Volume 64, Issue 2, page 245-252.
143. Shi, K and partner (2016), “Urban expansion and agricultural land loss in China: A multiscale perspective”, *Sustainability*, tại trang https://www.researchgate.net/publication/306075970_Urban_Expansion_and_Agricultural_Land_Loss_in_China_A_Multiscale_Perspective , [truy cập ngày 31/5/2023].
144. Sossou Comlan Herve and partners (2021), “Agricultural services on the demand and supply for improving agricultural productivity in Benin”, *Journal of Development and Agricultural Economics*, Vol 13(3), pp. 227-237.
145. Yiming Shao and partners (2022), “The potential of urban family vertical farming: A pilot study of Shanghai”, *Sustainable Production and Consumption*, Vol 34 (2022), page 586-599.
146. Zeithaml, V.A. and Bitner, M.J. (2000), “Services Marketing”, *Integrating Customer Focus across the Firm*, 2nd Edition, McGraw-Hill, Boston.

PHỤ LỤC**Phụ Lục1****Danh sách các cơ sở nuôi cấy mô thực vật trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh**

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Năng lực sản xuất (cây/năm)	Chủng loại sản xuất
1	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Anh Đào	15.000.000	Hoa lan Dendrobium, Hồ điệp, hoa kiểng các loại
2	Viện Sinh học Nhiệt Đới	1.040.000	Hoa lan, chuối, các loại cây dược liệu, cây công nghiệp
3	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Giống Cây trồng Vina In-Vitro	761.000	Hoa lan Dendrobium, Hồ điệp, Ngọc điểm, Lan Kim Tuyến, các loại lan rừng, các loại cây dược liệu: bạc hà, sâm Ngọc Linh...
4	Trung tâm Công nghệ sinh học	2.000.000	Hoa lan Dendrobium, Phalaenopsis, Mokara, Hoa chuông, Dược liệu
5	Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao	1.000.000	Hoa lan, kiểng lá, các loại dược liệu
6	Công ty TNHH Nông Sinh	1.000.000	Chuối Cavendish, lan Hồ Điệp, Dendrobium
7	Cơ sở nuôi cấy mô Anh Phúc (ông Lại Phước Lợi)	1.000.000	Hoa lan Dendrobium, Hồ điệp, Ngọc điểm, các loại lan rừng
8	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao TPHCM	500.000	Hoa lan Dendrobium, Mokara, Hồ điệp, các loại lan rừng
9	Công ty TNHH Long Đình	1.500.000	Hoa lan Phalaenopsis chịu nhiệt
10	Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ	200.000	Keo lai

11	Công ty CP Giống lâm nghiệp vùng Nam bộ	140.000	Bạch đàn, keo lai
12	Cơ sở nuôi cấy mô Trần Văn Xê	200.000	Lan Mokara, Dendrobium, Ngọc điểm
13	Cơ sở nuôi cấy mô Thanh Hương	150.000	Hoa lan Dendrobium, Catleya, Oncidium
14	Bộ môn Công nghệ Sinh học, Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh	100.000	Hồ tiêu, chuối, các loại cây dược liệu: bạc hà, đinh lăng, tam thất
15	Trạm Huấn luyện và Thực nghiệm nông nghiệp Văn Thánh	50.000	Hoa lan Dendrobium
16	Công ty TNHH Nam An	5.000	Hoa lan Mokara, Dendrobium
17	Viện nghiên cứu Dầu và Cây có dầu	1.000	Dừa sáp

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn TPHCM

Phụ lục 2

Phương pháp chọn mẫu và xử lý số liệu khảo sát

1. Phương pháp chọn mẫu

Tác giả luận án sử dụng phương pháp “Mẫu ngẫu nhiên theo phân lớp/phân tầng” (stratified random sampling):

Quy mô mẫu của cuộc khảo sát được xác định dựa trên mẫu tổng thể 50.764 đơn vị (bao gồm: 50 ngàn hộ sản xuất nông nghiệp; 60 trang trại, 111 HTX, 593 doanh nghiệp nông nghiệp [22, tr.216, tr.294]), để xác định quy mô mẫu có rất nhiều công thức của nhiều tác giả khác nhau. Tuy nhiên, tác giả luận án sử dụng công thức của nhà nghiên cứu Slovin (1960). Cụ thể:

Công thức:
$$n = \frac{N}{1+N.e^2}$$

Trong đó: n = quy mô mẫu; N = quy mô mẫu tổng thể; E = mức sai lệch mong muốn (Ở đây tác giả luận án đã chọn mức sai lệch cho đề tài nghiên cứu là $0.05 \approx 5\%$).

Quy mô mẫu nghiên cứu là: $n = 50.764 / (1 + N.e^2) = 396$ mẫu.

Dựa trên cơ sở lý luận về việc chọn mẫu khảo sát nêu trên, tác giả luận án đã tiến hành phát 405 phiếu khảo sát.

Cụ thể:

STT	Khách thể	Quy mô mẫu tổng thể	Mẫu khảo sát định lượng
1	Hộ sản xuất nông nghiệp	50.000	300
2	Trang trại	60	11
3	HTX	111	25
4	Doanh nghiệp nông nghiệp	593	60
Tổng		50.764	396

2. Xây dựng phiếu khảo sát

Thực hiện mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả luận án đã nghiên cứu xây dựng phiếu khảo sát dành cho đối tượng (khách thể nghiên cứu) là hộ sản xuất nông nghiệp, trang trại, HTX, doanh nghiệp nông nghiệp nhằm thu thập thông tin và làm rõ đối tượng nghiên cứu của đề tài thông qua việc xây dựng các chỉ báo.

Phiếu khảo sát với các câu hỏi được xây dựng bằng thang đo khoảng cách với 5 mức độ. Ý nghĩa của từng khoảng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng

cách (Interval Scale) năm mức độ được xem xét như sau:

Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (5 - 1)/5 = 0,8

Bảng quy ước các khoảng điểm đánh giá thang 5 mức độ

Quy ước mã hoá	1	2	3	4	5
Điểm trung bình	1,00 - 1,80	1,81 - 2,60	2,61 - 3,40	3,41 - 4,20	4,21 - 5,0
Mức độ đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Mức độ hiệu quả	Hoàn toàn không hiệu quả	Chưa hiệu quả	Bình thường	Hiệu quả	Rất hiệu quả
Mức độ chất lượng	Rất không tốt	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
Mức độ khó khăn	Hoàn toàn không khó khăn	Không khó khăn	Bình thường	Khó khăn	Rất khó khăn
Mức độ cần thiết	Hoàn toàn không cần thiết	Không cần thiết	Ít cần thiết	Cần thiết	Rất cần thiết
Mức độ hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Khá hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng

3. Xử lý và phân tích thông tin

Cuộc nghiên cứu tiến hành điều tra dưới hình thức trực tiếp phỏng vấn bằng bảng hỏi 400 người nhằm mục đích đo đạc các khía cạnh định lượng về đối tượng nghiên cứu để thu được những thông tin đặc trưng nhất qua hệ thống những chỉ báo, các số liệu định lượng và các biểu tương quan, tần suất để nhìn nhận và đánh giá tổng thể vấn đề nghiên cứu. Số liệu thu được từ 400 bảng hỏi sẽ được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS (Statistical Package for the Social Sciences). Số liệu này sẽ làm căn cứ để kiểm chứng các giả thuyết nghiên cứu của đề tài.

Phụ lục 3

PHIẾU KHẢO SÁT

Kính thưa Quý Ông (Bà)!

Nhằm góp phần nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề về “**Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh**”, rất mong quý Ông (bà) vui lòng cho biết ý kiến về những nội dung dưới đây. Ý kiến của quý Ông (bà) sẽ là một trong những cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh tiến tới phát triển một nền nông nghiệp đô thị hiện đại trong thời gian sắp tới.

Những thông tin Ông (bà) cung cấp đảm bảo chỉ được phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và đảm bảo tính khuyết danh và bảo mật. Xin chân thành cảm ơn!

Ông (bà) vui lòng tô đen (hoặc dấu X) ô tròn được lựa chọn (VD:

①	②	③	④	⑤
---	---	---	---	---

)

I. Thông tin về cá nhân:

1. Giới tính (①=Nam, ②=Nữ):

2. Độ tuổi (①=Dưới 30, ②=Từ 31 - 45, ③=Trên 45):

3. Trình độ chuyên môn:

- ①= Chưa qua đào tạo (nếu chọn bỏ qua câu 4)
- ②= Đã qua đào tạo nhưng không có chứng chỉ
- ③= Sơ cấp nghề
- ④= Trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp
- ⑤= Cao đẳng
- ⑥= Đại học
- ⑦= Trên đại học

4. Lĩnh vực được đào tạo:

- | | |
|------------------------------|--------------------------------|
| ① Khoa học giáo dục | ⑧ Khoa học tự nhiên |
| ② Nghệ thuật | ⑨ Công nghệ thông tin |
| ③ Khoa học xã hội & Nhân văn | ⑩ Kỹ thuật |
| ④ Báo chí và thông tin | ⑪ Kiến trúc xây dựng |
| ⑤ Kinh doanh | ⑫ Nông, lâm nghiệp và thủy sản |
| ⑥ Pháp luật | ⑬ An ninh, quốc phòng |
| ⑦ Sức khỏe | ⑭ Khác:..... |

5. Đơn vị/cơ sở sản xuất của Ông (bà) đóng tại Quận/Huyện:.....

6. Đơn vị/cơ sở sản xuất của Ông (Bà) là:

- ① Doanh nghiệp tư nhân
- ② Doanh nghiệp nhà nước
- ③ Hợp tác xã
- ④ Trang trại
- ⑤ Hộ sản xuất/kinh doanh cá thể

7. Đơn vị/cơ sở sản xuất của Ông (Bà) thuộc lĩnh vực:

- ① Trồng trọt (lúa, rau, củ, quả, hoa, cây kiểng, cây thuốc, ...)
 ② Chăn nuôi (trâu, bò, lợn, gà, vịt, thỏ,...)
 ③ Trồng, chăm sóc, khai thác và bảo vệ rừng
 ④ Nuôi, trồng, đánh bắt thủy sản (tôm, cá, nghêu, sò, hàu,...)
 ⑤ Làm muối
 ⑥ Nuôi thú kiểng/cung (chim, cá, ...)
 ⑦ Khác:

8. Việc ứng dụng công nghệ số của đơn vị

1. Đơn vị có sử dụng máy vi tính phục vụ sản xuất, kinh doanh không?	① Có	② Không
2. Số máy vi tính hiện có		
3. Máy vi tính của đơn vị có kết nối Internet không?	① Có	② Không
4. Đơn vị có trang thông tin điện tử (Websites) không?	① Có	② Không
5. Địa chỉ trang Web:.....		
6. Đơn vị có tham gia giao dịch thương mại điện tử?	① Có	② Không

II. Nội dung

Câu 1. Đơn vị của Ông (Bà) hiện đang sử dụng loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp nào? (Đánh dấu X vào ô thích hợp)

TT	Loại hình dịch vụ	
1	Dịch vụ khuyến nông (thông tin, tư vấn về kỹ thuật, công nghệ; phổ biến kiến thức, chủ trương, chính sách, ... hỗ trợ phát triển nông nghiệp)	☐
2	Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng	☐
3	Dịch vụ cung ứng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thú y	☐
4	Dịch vụ cung ứng, cho thuê máy móc, thiết bị và thực hiện một số khâu của sản xuất nông nghiệp	☐
5	Dịch vụ khoa học, công nghệ	☐
6	Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp	☐
7	Dịch vụ thu hoạch	☐
8	Dịch vụ vận chuyển, phân loại, bảo quản sản phẩm nông nghiệp	☐
9	Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp	☐
10	Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm	☐
11	Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản	☐

12	Dịch vụ du lịch nông nghiệp	☐
13	Dịch vụ khác (Ghi rõ)	☐

Câu 2: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ đồng ý các nhân định về các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị đang sử dụng?

Mức độ đánh giá: ① Hoàn toàn không đồng ý; ② Không đồng ý; ③ Bình thường; ④ Đồng ý; ⑤ Hoàn toàn đồng ý

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				
2.1	Dịch vụ được giới thiệu rõ ràng và đầy đủ thông tin	①	②	③	④	⑤
2.2	Khi có vấn đề liên quan đến dịch vụ thì hỗ trợ nhanh chóng, kịp thời	①	②	③	④	⑤
2.3	Dịch vụ cung cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng của đơn vị	①	②	③	④	⑤
2.4	Dịch vụ cung cấp đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định	①	②	③	④	⑤
2.5	Dịch vụ cung cấp đa dạng, phong phú về chủng loại	①	②	③	④	⑤
2.6	Khác:	①	②	③	④	⑤

Câu 3: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ hài lòng về các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị đang sử dụng dưới đây?

Mức độ đánh giá: ① Rất không tốt; ② Chưa tốt; ③ Bình thường; ④ Tốt; ⑤ Rất tốt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				
3.1	Dịch vụ khuyến nông	①	②	③	④	⑤
3.2	Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng	①	②	③	④	⑤
3.3	Dịch vụ cung ứng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thú y	①	②	③	④	⑤
3.4	Dịch vụ cung ứng, cho thuê máy móc, thiết bị và thực hiện một số khâu của sản xuất nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
3.5	Dịch vụ khoa học, công nghệ	①	②	③	④	⑤
3.6	Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
3.7	Dịch vụ thu hoạch	①	②	③	④	⑤
3.8	Dịch vụ vận chuyển, phân loại, bảo quản sản phẩm nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
3.9	Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
3.10	Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm	①	②	③	④	⑤

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
3.11	Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản	①	②	③	④	⑤
3.12	Dịch vụ du lịch nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
3.13	Dịch vụ khác (Ghi rõ)	①	②	③	④	⑤

Câu 4: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ đánh giá về độ tin cậy và sự bảo đảm về tính chuyên nghiệp của dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị đang sử dụng ở các nội dung sau?

Mức độ đánh giá: ① Hoàn toàn không đồng ý; ② Không đồng ý; ③ Bình thường; ④ Đồng ý; ⑤ Hoàn toàn đồng ý

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
4.1	Nhà cung ứng dịch vụ, nhân viên tư vấn có hiểu biết sâu về đặc điểm của nông nghiệp ở thành phố	①	②	③	④	⑤
4.2	Dịch có được sự tin tưởng của người sản xuất nông nghiệp và sẵn sàng sử dụng dịch	①	②	③	④	⑤
4.3	Dịch vụ cung cấp đảm bảo tính chuyên môn đáp ứng nhu cầu	①	②	③	④	⑤
4.4	Dịch vụ cung cấp đảm bảo về kinh nghiệm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
4.5	Kỹ năng về tiếp nhận và xử lý vấn đề liên quan đến dịch vụ cung cấp đảm bảo tốt	①	②	③	④	⑤
4.6	Dịch vụ cung cấp thực hiện tốt chăm sóc khách hàng	①	②	③	④	⑤
4.7	Khác:	①	②	③	④	⑤

Câu 5: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ hài lòng về các điều kiện cơ sở vật chất của dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị đang sử dụng ở các nội dung sau:

Mức độ đánh giá: ① Rất không hài lòng; ② Không hài lòng; ③ Bình thường; ④ Hài lòng; ⑤ Rất hài lòng

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
5.1	Trụ sở nơi cung cấp dịch vụ	①	②	③	④	⑤
5.2	Máy móc, thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ	①	②	③	④	⑤
5.3	Hình thức và mẫu mã trang thiết bị	①	②	③	④	⑤
5.4	Kỹ năng vận hành và thao tác trang thiết bị	①	②	③	④	⑤
5.5	Nhân viên vận hành và thao tác thiết bị	①	②	③	④	⑤
5.6	Hiệu quả của Máy móc, thiết bị, phương tiện, công	①	②	③	④	⑤

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
	cụ hỗ trợ mang lại					
5.7	Khác:	①	②	③	④	⑤

Câu 6: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ hài lòng về chăm sóc khách hàng của dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị đang:

Mức độ đánh giá: ① Rất không hài lòng; ② Không hài lòng; ③ Bình thường; ④ Hài lòng; ⑤ Rất hài lòng

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
6.1	Khả năng nắm bắt và hiểu biết tâm lý khách hàng	①	②	③	④	⑤
6.2	Nhân viên chăm sóc và quan tâm đến từng khách hàng	①	②	③	④	⑤
6.3	Nhân viên hiểu biết và nắm chắc chuyên môn	①	②	③	④	⑤
6.4	Nhân viên định kỳ quan tâm, thu thập thông tin khách hàng	①	②	③	④	⑤
6.5	Sự tương tác giữa nhân viên chăm sóc dịch vụ và đơn vị có sự gắn kết chặt chẽ	①	②	③	④	⑤
6.6	Khác:	①	②	③	④	⑤

Câu 7: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ đánh giá về trách nhiệm của dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị đang sử dụng:

Mức độ đánh giá: ① Rất không hài lòng; ② Không hài lòng; ③ Bình thường; ④ Hài lòng; ⑤ Rất hài lòng

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
7.1	Tinh thần sẵn sàng giúp đỡ khách hàng	①	②	③	④	⑤
7.2	Cung cấp dịch vụ kịp thời, nhanh chóng	①	②	③	④	⑤
7.3	Thực hiện đầy đủ các cam kết (hợp đồng, thỏa thuận...)	①	②	③	④	⑤
7.4	Khách hàng được đảm bảo về các lợi ích liên quan đến dịch vụ được cung cấp	①	②	③	④	⑤
7.5	Khác:	①	②	③	④	⑤

Câu 8: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ hiệu quả sau khi sử dụng các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị đã sử dụng dưới đây?

Mức độ đánh giá: ① Rất không hiệu quả; ② Chưa hiệu quả; ③ Bình thường; ④ Hiệu quả; ⑤ Rất hiệu quả

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
8.1	Dịch vụ khuyến nông	①	②	③	④	⑤

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
8.2	Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng	①	②	③	④	⑤
8.3	Dịch vụ cung ứng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thú y	①	②	③	④	⑤
8.4	Dịch vụ cung ứng, cho thuê máy móc, thiết bị và thực hiện một số khâu của sản xuất nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
8.5	Dịch vụ khoa học, công nghệ	①	②	③	④	⑤
8.6	Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
8.7	Dịch vụ thu hoạch	①	②	③	④	⑤
8.8	Dịch vụ vận chuyển, phân loại, bảo quản sản phẩm nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
8.9	Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
8.10	Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm	①	②	③	④	⑤
8.11	Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản	①	②	③	④	⑤
8.12	Dịch vụ du lịch nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
8.13	Dịch vụ khác (Ghi rõ)	①	②	③	④	⑤

Câu 9: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ khó khăn trong tiếp cận và sử dụng các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị sử dụng dưới đây

Mức độ đánh giá: ① Rất khó khăn; ② Khó khăn; ③ Bình thường; ④ Không khó khăn; ⑤ Hoàn toàn khó khăn

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
9.1	Dịch vụ khuyến nông	①	②	③	④	⑤
9.2	Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng	①	②	③	④	⑤
9.3	Dịch vụ cung ứng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thú y	①	②	③	④	⑤
9.4	Dịch vụ cung ứng, cho thuê máy móc, thiết bị và thực hiện một số khâu của sản xuất nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
9.5	Dịch vụ khoa học, công nghệ	①	②	③	④	⑤
9.6	Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
9.7	Dịch vụ thu hoạch	①	②	③	④	⑤
9.8	Dịch vụ vận chuyển, phân loại, bảo quản sản phẩm nông nghiệp	①	②	③	④	⑤

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
9.9	Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
9.10	Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm	①	②	③	④	⑤
9.11	Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản	①	②	③	④	⑤
9.12	Dịch vụ du lịch nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
9.13	Dịch vụ khác (Ghi rõ)	①	②	③	④	⑤

Câu 10: Ông (Bà) hãy cho biết mức độ cần thiết các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp mà đơn vị mong muốn sử dụng dưới đây:

Mức độ đánh giá: ① Rất không cần thiết; ② Ít cần thiết; ③ Cần thiết; ④ Rất cần thiết; ⑤ Hoàn toàn cần thiết

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>				
10.1	Dịch vụ khuyến nông	①	②	③	④	⑤
10.2	Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng	①	②	③	④	⑤
10.3	Dịch vụ cung ứng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thú y	①	②	③	④	⑤
10.4	Dịch vụ cung ứng, cho thuê máy móc, thiết bị và thực hiện một số khâu của sản xuất nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
10.5	Dịch vụ khoa học, công nghệ	①	②	③	④	⑤
10.6	Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
10.7	Dịch vụ thu hoạch	①	②	③	④	⑤
10.8	Dịch vụ vận chuyển, phân loại, bảo quản sản phẩm nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
10.9	Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
10.10	Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm	①	②	③	④	⑤
10.11	Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản	①	②	③	④	⑤
10.12	Dịch vụ du lịch nông nghiệp	①	②	③	④	⑤
10.13	Dịch vụ khác (Ghi rõ)	①	②	③	④	⑤

Câu 11. Ông/Bà mong muốn Nhà nước hỗ trợ nhiều hơn đối với loại hình dịch vụ nào?

- ① Dịch vụ khuyến nông
- ② Dịch vụ khoa học, công nghệ
- ③ Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp

- ④ Dịch vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp
- ⑤ Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm
- ⑥ Dịch vụ xây dựng thương hiệu nông sản
- ⑦ Dịch vụ du lịch nông nghiệp
- ⑧ Dịch vụ khác (Ghi rõ)

Câu 12. Ông/ Bà vui lòng cho biết ý kiến đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của thành phố trong thời gian tới?

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến của Ông (bà)!
Chúc Ông/ Bà luôn mạnh khỏe và thành công.